

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THANH DŨNG

**NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC
THAM GIA RÈN LUYỆN THỂ CHẤT CỦA HỌC VIÊN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN II**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2025

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH**

NGUYỄN THANH DŨNG

**NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC
THAM GIA RÈN LUYỆN THỂ CHẤT CỦA HỌC VIÊN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN II**

Ngành: Giáo dục học

Mã số: 9140101

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1.PGS.TS Đặng Hà Việt

2.TS. Huỳnh Văn Em

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan công trình nghiên cứu này là của riêng tôi. Các số liệu, kết quả trình bày trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào.

Tác giả

Nguyễn Thanh Dũng

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục bảng

Danh mục biểu đồ, hình

Trang

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
Chương 1: TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU.....	5
1.1. Các khái niệm sử dụng trong nghiên cứu	5
1.1.1. Giáo dục thể chất	5
1.1.2. Thể chất.....	5
1.1.3. Rèn luyện thể chất.....	6
1.1.4. Tính tích cực	8
1.1.5. Giải pháp.....	11
1.1.6. Nhu cầu	13
1.1.7. Sự hài lòng	14
1.1.8. Hứng thú	15
1.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục thể chất.....	16
1.3. Khái quát về công tác giáo dục thể chất.....	23
1.3.1. Đặc điểm môn học giáo dục thể chất.....	23
1.3.2. Nội dung của công tác giáo dục thể chất trong trường học	24
1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác giáo dục thể chất.....	27
1.4. Khái quát về tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất.....	29
1.4.1. Khái quát về tính tích cực trong học tập.....	29
1.4.2. Tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất.....	36
1.5. Các công trình nghiên cứu liên quan	42
1.5.1. Các công trình nghiên cứu về tính tích cực	42

1.5.2. Các công trình nghiên cứu về tính tích cực trong GDTC	44
Chương 2: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU	49
2.1. Đối tượng nghiên cứu.....	49
2.1.1. Đối tượng nghiên cứu:	49
2.1.2. Khách thể nghiên cứu	49
2.1.3. Phạm vi nghiên cứu	49
2.2. Phương pháp nghiên cứu.....	50
2.2.1. Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu	50
2.2.2. Phương pháp điều tra xã hội học	51
2.2.3. Phương pháp kiểm tra sư phạm	52
2.2.4. Phương pháp thực nghiệm sư phạm	54
2.2.5. Phương pháp thực nghiệm xã hội học	55
2.3. Tổ chức nghiên cứu.....	55
Chương 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN	57
3.1. Đánh giá thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.	57
3.1.1. Công tác TDTT tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II	57
3.1.2. Đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.....	64
3.1.3. Đánh giá thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.	82
3.1.4. Bàn luận về tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.	105
3.2. Xây dựng giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.....	107
3.2.1. Căn cứ đề xuất giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn	

luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.	107
3.2.2. Nguyên tắc đề xuất các giải pháp	112
3.2.3. Xác định các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.....	114
3.2.4. Xây dựng nội dung các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.....	119
3.2.5. Hướng dẫn quy trình thực hiện các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.....	120
3.2.6. Bàn luận kết quả xây dựng giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II	130
3.3. Đánh giá hiệu quả giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.	133
3.3.1. Thực nghiệm các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.	133
3.3.2. Kết quả nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.	137
3.3.3. Bàn luận hiệu quả giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.	145
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	149
KẾT LUẬN.....	149
KIẾN NGHỊ.....	150
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

VIẾT TẮT	THUẬT NGỮ TIẾNG VIỆT
CAND	Công an nhân dân
CBQL	Cán bộ quản lý
ĐC	Đối chứng
ĐH	Đại học
ĐHSP	Đại học sư phạm
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDTC	Giáo dục thể chất
GP	Giải pháp
GV	Giảng viên
HS	Học sinh
Nxb	Nhà xuất bản
SV	Sinh viên
TDTT	Thể dục thể thao
TN	Thực nghiệm
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số bảng	Tên bảng	Trang
Bảng 3.1.	Kết quả tổng hợp các tiêu chí đánh giá công tác GDTC	64
Bảng 3.2.	Kết quả đề xuất các tiêu chí đánh giá công tác GDTC	66
Bảng 3.3.	Kết quả phân tích độ tin cậy của các tiêu chí đánh giá công tác GDTC	67
Bảng 3.4.	Thống kê kết quả lựa chọn các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II	67
Bảng 3.5.	Cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động TDDT ngoại khóa tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II	73
Bảng 3.6.	Thống kê đánh giá kinh phí dành cho hoạt động GDTC, TDDT ngoại khóa của học viên	74
Bảng 3.7.	Kết quả đánh giá sự đáp ứng của nội dung TDDT ngoại khóa đối với yêu cầu của Nhà trường	74
Bảng 3.8.	Môn TDDT ngoại khóa phù hợp với điều kiện của nhà trường	75
Bảng 3.9.	Thực trạng hình thức tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa	76
Bảng 3.10.	Kết quả đánh giá công tác hướng dẫn học viên tập luyện TDDT ngoại khóa của giảng viên GDTC	77
Bảng 3.11.	Thống kê thực trạng về tình hình tập luyện TDDT ngoại khóa của học viên	77
Bảng 3.12.	Thống kê nhu cầu tập luyện TDDT ngoại khóa	79

	của học viên	
Bảng 3.13.	Thống kê sự hứng thú tập luyện TDTT ngoại khóa của học viên	80
Bảng 3.14.	Thống kê mức độ hài lòng của học viên về chương trình TDTT ngoại khóa	81
Bảng 3.15.	Thống kê các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động TDTT ngoại khóa của học viên	82
Bảng 3.16.	Kết quả thảo luận nhóm xây dựng thang đo đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II	Sau trang 84
Bảng 3.17.	Kết quả khảo sát các cán bộ quản lý, GV đánh giá các nội dung thang đo đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II	Sau trang 84
Bảng 3.18.	Thang đo nghiên cứu đề xuất	86
Bảng 3.19.	Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo Biểu hiện xúc cảm	89
Bảng 3.20.	Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo Biểu hiện chú ý	89
Bảng 3.21.	Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo Biểu hiện nỗ lực ý chí	90
Bảng 3.22.	Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo Biểu hiện hành vi 90	91
Bảng 3.23.	Kết quả phân tích độ tin cậy của thanh đo Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội	91
Bảng 3.24.	Kết quả phân tích độ tin cậy của thanh đo Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên	92

Bảng 3.25.	Kiểm định KMO và Bartlett các nhóm nhân tố độc lập	92
Bảng 3.26.	Ma trận xoay nhân tố các biến quan sát độc lập	Sau trang 93
Bảng 3.27.	Kiểm định KMO và Bartlett biến phụ thuộc	94
Bảng 3.28.	Kết quả phân tích ma trận xoay nhân tố biến phụ thuộc	95
Bảng 3.29.	Thực trạng thể lực của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II	96
Bảng 3.30.	Kết quả phân loại thể lực của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II	97
Bảng 3.31.	Thống kê tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II	Sau trang 98
Bảng 3.32.	Kết quả phân tích hệ số tương quan giữa các nhân tố	99
Bảng 3.33.	Kết quả phân tích tổng kết mô hình	100
Bảng 3.34.	Kết quả phân tích phương sai ANOVA	101
Bảng 3.35.	Thống kê phân tích các hệ số hồi quy	103
Bảng 3.36.	Kết quả thu thập thông tin xác định các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II	114
Bảng 3.37.	Kết quả phân tích Độ tin cậy tổng thể của các giải pháp	117
Bảng 3.38.	Kết quả phân tích độ tin cậy của từng giải pháp	117

Bảng 3.39.	Kết quả phỏng vấn lựa chọn nội dung cho các giải pháp	Sau trang 119
Bảng 3.40.	Thống kê kết quả thực hiện giải pháp đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện đáp ứng nhu cầu tham gia rèn luyện chất của học viên	135
Bảng 3.41.	Kết quả thống kê thể lực của học viên nhóm ĐC	138
Bảng 3.42.	Kết quả thống kê thể lực của học viên nhóm TN	139
Bảng 3.43.	Kết quả thống kê tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên nhóm ĐC trước TN	Sau trang 141
Bảng 3.44.	Kết quả thống kê tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên nhóm TN trước TN	Sau trang 143
Bảng 3.45.	So sánh tính tích cực của học viên nhóm ĐC và TN trước thời gian TN	Sau trang 143
Bảng 3.46.	So sánh sự khác biệt về ý nghĩa thống kê kết quả phân tích tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên các nhóm sau TN	144

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Số biểu đồ	Tên biểu đồ	Trang
Biểu đồ 3.1.	Trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên GDTC	71
Biểu đồ 3.2.	Thâm niên giảng dạy của đội ngũ giảng viên GDTC	71
Biểu đồ 3.3.	Chuyên môn giảng dạy của đội ngũ giảng viên GDTC	72
Biểu đồ 3.4.	Kết quả phân tích tính cần thiết và khả thi của các giải pháp	119
Biểu đồ 3.5.	So sánh sự tăng trưởng thể lực của học viên các nhóm sau TN	140

DANH MỤC CÁC HÌNH

Số hình	Tên hình	Trang
Hình 3.1.	Biểu đồ tần số của phần dư chuẩn hóa	101
Hình 3.2.	Biểu đồ tần số P-P plot về phân phối chuẩn phần dư	102
Hình 3.3.	Biểu đồ tần số Scatterplot về phân phối chuẩn phần dư	103

ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục có vai trò đặc biệt quan trọng của mỗi quốc gia và là động lực quan trọng nhằm “phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”. Để phát huy hiệu quả của công tác giáo dục đạt hiệu quả và chất lượng thì phải lấy người học làm trung tâm. Trong đó phát huy tính tích cực trong học tập và rèn luyện có vai trò quyết định đến hiệu quả của mỗi học viên. Thông qua sự khao khát, đam mê, tìm tòi, khám phá, tự giác trong hoạt động nhận thức và khả năng tự rèn luyện bản thân là những đức tính cần được phát triển và giáo dục cho học viên ngay trên ghế nhà trường. Mặt khác trong hoạt động dạy học, tính tích cực học tập không chỉ tồn tại như một trạng thái, một điều kiện mà nó còn là kết quả của hoạt động học tập, là mục đích của quá trình dạy học.

Tính tích cực còn mang lại hiệu quả cao trong hoạt động thể dục, thể thao và là một bộ phận không thể thiếu trong mọi hệ thống giáo dục của các quốc gia trên thế giới. Song song với chương trình giáo dục tại nhà trường thì học viên tích cực say mê, tự rèn luyện thể chất là phương pháp hiệu quả nhất giúp phát triển toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ, Lao động nhằm xây dựng con người mới XHCN, trong đó có khả năng cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức và sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ được giao.

Đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam, nguồn nhân lực Công an nhân dân có vai trò là nòng cốt, lực lượng xung kích, trực tiếp trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội. Trong điều kiện hội nhập và phát triển của đất nước giai đoạn hiện nay, hiệu quả trong công tác tham mưu, quản lý nhà nước, đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác càng trở nên hết sức to lớn, nặng nề, khó khăn, phức tạp và phụ thuộc vào chất lượng nguồn nhân lực Công an nhân dân Việt Nam. Do đó, thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, phát triển chất lượng nguồn nhân lực Công an nhân dân Việt Nam về mọi mặt

được xác định là khâu then chốt, có ý nghĩa quyết định với tiến trình và kết quả chung của sự nghiệp xây dựng lực lượng Công an nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.

Trong những năm gần đây, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II đã có nhiều bước tiến trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Nhà trường không chỉ chú trọng trang bị cho học viên nền tảng kiến thức vững chắc về chính trị, pháp luật và nghiệp vụ công an, mà còn tập trung phát triển các kỹ năng quan trọng như quân sự và võ thuật. Những nỗ lực này giúp học viên sẵn sàng đối mặt với các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và duy trì trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh ngày càng phức tạp và thách thức. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được về giáo dục thể chất (GDTC) tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II thì thực tiễn cho thấy học viên khi tốt nghiệp ra trường đối mặt với khó khăn trước tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, tỷ lệ phạm tội liên tục gia tăng, xuất hiện nhiều loại tội phạm mới, hoạt động có tổ chức, tội phạm ma túy... ngày càng gia tăng mạnh động, sẵn sàng chống trả quyết liệt đối với các lực lượng trực tiếp phòng, chống tội phạm và gây ra nhiều thương tích, thiệt hại về sức khỏe và thậm chí cả tính mạng của cán bộ, chiến sĩ khi đang thi hành nhiệm vụ. Theo Báo cáo tổng kết công tác GDTC năm học 2022–2023 của Bộ Công an, chỉ khoảng 48,7% học viên duy trì luyện tập thể chất định kỳ (Bộ Công an, 2023). Một trong những nguyên nhân quan trọng, chủ yếu là do chất lượng rèn luyện thể chất, giáo dục học viên các trường Công an nhân dân (CAND) chưa thật sự đáp ứng một cách đầy đủ, chất lượng chưa thật sự đồng đều, trong đó, sự chủ động, tham gia tích cực trong rèn luyện thể chất của học viên còn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Bên cạnh đó, chương trình giáo dục, công tác quản lý vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tạo sự đam mê cần thiết cho học viên tích cực tham gia vào các giờ hoạt động thể chất. Ngoài ra, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa đa dạng các môn thể thao, thời gian tự rèn luyện ít, chưa có nhiều câu lạc bộ sinh hoạt về thể thao chuyên sâu cho học viên có năng

khieu, đam mê. Đặc biệt, học viên các trường CAND trong độ tuổi từ 18–22 có những đặc điểm tâm – sinh lý nổi bật: đang trong giai đoạn phát triển thể chất mạnh mẽ, dễ chịu ảnh hưởng bởi môi trường xung quanh, có nhu cầu thể hiện bản thân, thích vận động và tham gia hoạt động tập thể. Theo Đặng Hoàng Minh (2018), đây là giai đoạn hình thành ý thức xã hội và định hình nhân cách người trưởng thành, rất cần có sự định hướng đúng đắn trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp. Nếu được tổ chức tốt, học viên sẽ có xu hướng chủ động, tích cực hơn trong học tập, rèn luyện, đặc biệt là trong các hoạt động thể chất – vốn giúp phát triển tinh thần đồng đội, kỷ luật, sự bền bỉ và tự tin trong thực tiễn công tác sau này.

Từ vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách trên, việc triển khai “*Nghiên cứu giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II*” là quan trọng và cần thiết trong nhiệm vụ đào tạo học viên của nhà trường hiện nay. Nghiên cứu góp phần nâng cao chất lượng công tác GDTC, thể dục thể thao (TDTT) ngoại khóa cho học viên tại trường và nhằm giúp cho các nhà chuyên môn, các nhà quản lý giáo dục có cơ sở nhìn nhận và định hướng thay đổi trong thời gian tới một cách toàn diện góp phần nâng cao hiệu quả công tác GDTC tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Mục đích nghiên cứu

Thông qua việc đánh giá thực trạng tính tích cực, luận án nghiên cứu xây dựng giải pháp đảm bảo tính khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, nhằm đẩy mạnh phong trào rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, góp phần nâng cao thể lực và kết quả học tập cho đối tượng nghiên cứu.

Mục tiêu nghiên cứu

1. Đánh giá thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

- Đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

- Đánh giá thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

2. Xây dựng giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

- Căn cứ đề xuất giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

- Nguyên tắc đề xuất các giải pháp.

- Xác định các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

- Xây dựng nội dung các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

- Hướng dẫn quy trình thực hiện các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

3. Đánh giá hiệu quả thực nghiệm giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

- Thực nghiệm các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

- Kết quả nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Giả thuyết khoa học của luận án

Nếu áp dụng các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, thì sẽ cải thiện đáng kể mức độ tích cực tham gia rèn luyện thể chất, nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất và phát triển thể chất cho học viên.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Các khái niệm sử dụng trong nghiên cứu

1.1.1. Giáo dục thể chất

Theo Nô vi cốp A.Đ, Matveép L.P “Giáo dục thể chất là một quá trình giải quyết những nhiệm vụ giáo dục-giáo dưỡng nhất định mà đặc điểm của quá trình này là có tất cả các dấu hiệu chung của quá trình sư phạm vai trò chỉ đạo của nhà sư phạm, tổ chức hoạt động tương ứng với các nguyên tắc sư phạm”.

Theo quan điểm của A.M.Macximenko; B.C. Kyznhétxốp và Xôkhôlốp cho rằng: Giáo dục thể chất là một loại hình giáo dục mà nội dung chuyên biệt là dạy học động tác, giáo dục các tố chất thể lực, lĩnh hội các tri thức chuyên môn về TDTT và hình thành nhu cầu tập luyện tự giác ở con người [72].

Theo Stephen J. Virgilio (1997) cho rằng: “Giáo dục thể chất cũng như các hình thức giáo dục khác, bản chất là một quá trình sư phạm với đầy đủ những đặc trưng cơ bản của nó. Sự khác biệt chủ yếu của giáo dục thể chất với các hình thức giáo dục khác ở chỗ là quá trình hướng đến việc hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động, phát triển các tố chất thể lực, hoàn thiện về hình thái và chức năng của cơ thể, qua đó trang bị kiến thức và mối quan hệ giữa chúng. Như vậy có thể thấy, giáo dục thể chất như một hình thức độc lập tương đối của quá trình giáo dục toàn diện, có quan hệ khách quan với các hình thức giáo dục khác như: Giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, trí tuệ và lao động...” [77].

Giáo dục thể chất được thực hiện chủ yếu bằng phương tiện hoạt động vận động, giáo dục toàn diện và kỷ luật chặt chẽ, nhằm giúp học sinh (HS) có được những kiến thức, thái độ, niềm tin và cách cư xử nhằm đạt được một phong cách sống khỏe mạnh, năng động lâu dài. Để đạt được mục tiêu này, cần có sự hợp tác của nhà trường, gia đình và cộng đồng cùng chia sẻ trách nhiệm cải thiện sức khỏe cho học sinh [51].

1.1.2. Thể chất

Thể chất chỉ chất lượng thân thể con người. Đó là những đặc trưng tương đối ổn định về hình thái và chức năng cơ thể được hình thành và phát triển do bẩm sinh di truyền và điều kiện sống (bao gồm cả giáo dục, rèn luyện).

Thể dục thể thao gắn bó chặt chẽ với quá trình phát triển thể chất. Đó là một quá trình hình thành, biến đổi tuân tu theo quy luật trong cuộc đời từng người (tương đối lâu dài) về hình thái, chức năng và cả những tổ chất thể lực và năng lực thể chất. Chúng được hình thành "trên" và "trong" cái nền thân thể ấy

Thể chất bao gồm thể hình, khả năng chức năng và khả năng thích ứng.

+Thể hình nói về hình thái, cấu trúc của cơ thể, bao gồm trình độ phát triển, những chỉ số tuyệt đối về hình thái và tỷ lệ giữa chúng cùng tư thế. Còn năng lực thể chất lại chủ yếu liên quan với những khả năng chức năng của hệ thống, cơ quan trong cơ thể, thể hiện chính qua hoạt động cơ bắp. Nó bao gồm các tổ chất thể lực (sức mạnh, sức nhanh, sức bền, độ dẻo, sự khéo léo..) và những năng lực vận động cơ bản của con người (đi, chạy, nhảy, ném, leo trèo, bò, mang vác...). Khả năng thích ứng chỉ trình độ (năng lực) thích ứng chủ yếu về chức năng của cơ thể con người với hoàn cảnh bên ngoài, bao gồm cả sức đề kháng với các bệnh tật. Còn trạng thái thể chất chủ yếu nói về tình trạng cơ thể qua một số dấu hiệu về thể trạng, được xác định bằng các cách đo tương đối đơn giản về chiều cao, cân nặng, vòng ngực, dung tích sống, lực tay, chân, lưng..trong một thời điểm nào đấy.

Đặc trưng của sự phát triển thể chất phụ thuộc vào nhiều nguyên nhân tạo thành và sự biến đổi của nó theo một số quy luật về tính di truyền và khả biến, sự phát triển theo lứa tuổi, giới tính, sự thống nhất hữu cơ giữa cơ thể và môi trường, giữa hình thức -cấu tạo và chức năng cơ thể [51]

1.1.3. Rèn luyện thể chất

❖ Khái niệm:

Rèn luyện thể chất bao gồm việc thực hiện các hoạt động thể chất có kế hoạch, có cấu trúc, và thường xuyên với mục tiêu duy trì hoặc cải thiện các thành phần của thể lực và sức khỏe thể chất [79]

Rèn luyện thể chất trong nhà trường có ý nghĩa về nhiều mặt đối với sức khỏe và sự phát triển của người học. Nó không chỉ giúp các em có sức khỏe tốt mà còn rèn tính kỷ luật, ý thức tập thể, rèn luyện ý chí và tinh thần đồng đội, giúp các em phát triển toàn diện, giảm stress... [82]

Vai trò của rèn luyện thể chất

- Các nghiên cứu cho thấy rèn luyện thể chất không những có vai trò quan trọng trong sự phát triển của cơ thể mà còn có những tác động tới con người về các mặt trí lực. Khoa học và thực tiễn cũng đã chứng minh, chăm sóc và nâng cao sức khỏe thông qua việc rèn luyện thể chất, là biện pháp chủ động, tích cực nhất, ít tốn kém nhất, có khả năng thực thi cao nhất và phù hợp với quy luật phát triển tâm, sinh lý của cơ thể và lứa tuổi, đóng vai trò quan trọng phòng ngừa bệnh tật, nâng cao sức khỏe, làm đẹp hình thái và phát triển toàn diện các tố chất vận động một cách hoàn thiện nhất.

- Rèn luyện thân thể bằng việc tập luyện các môn thể dục thể thao khác nhau với những đòi hỏi sự nỗ lực cao của bản thân về thể chất và ý chí tinh thần, có thể giúp hình thành và giáo dục được những phẩm chất đạo đức nhân cách của con người một cách tự nhiên như: Ý chí, lòng dũng cảm, sự quyết tâm, sự tự tin, tính kiên trì và nhẫn nại; ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, ý thức đồng đội... Văn hóa thể chất giúp xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xây dựng niềm tin và tinh thần lạc quan cho thế hệ trẻ.

- Việc rèn luyện thể chất không chỉ giúp thể chất khỏe mạnh mà còn hoàn thiện nhân cách, phát triển các năng lực trí tuệ, nhằm hướng tới sự phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần, đáp ứng được các đòi hỏi của cuộc sống cũng như thích nghi được với các điều kiện môi trường tự nhiên, xã hội trong suốt thời gian học tập cho tới quá trình lao động nghề nghiệp.

- Rèn luyện thể chất cũng giúp trí não thư thái, giảm bớt những căng thẳng lo âu. Các nghiên cứu cho thấy tập luyện thường xuyên ảnh hưởng đến nhiều chức năng của hệ thần kinh, làm phát triển khả năng hoạt động của não

bộ, làm tăng nồng độ β -Endorphin góp phần làm tăng sự sáng khoái, giảm stress, cải thiện giấc ngủ, cải thiện sự tự tin, tăng khả năng nhận thức.

Giáo dục rèn luyện thể chất trong nhà trường có ý nghĩa to lớn trong việc phát huy và bồi dưỡng nhân tố con người. Đồng thời góp phần nâng cao thể lực, hoàn thiện các năng lực thể chất, phát triển trí lực, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống lành mạnh, văn minh [82].

Tóm lại, theo quan điểm của tác giả khái niệm rèn luyện thể chất được hiểu là quá trình thực hiện các hoạt động thể thao có kế hoạch và thường xuyên nhằm duy trì và phát triển sức khỏe thể chất, góp phần nâng cao thể lực, ý thức kỷ luật, tinh thần đồng đội, và giúp học viên phát triển toàn diện về cả thể chất lẫn tinh thần

1.1.4. Tính tích cực

Trong từ điển tiếng Việt: tính tích cực được hiểu theo hai nghĩa: Một là chủ động hướng hoạt động nhằm tạo ra những thay đổi, phát triển (tư tưởng tích cực, phương pháp tích cực). Hai là hăng hái, năng nổ với công việc (tích cực học tập, tích cực làm việc) [61]

Tính tích cực là khả năng thực hiện chuyển động có chủ định và thay đổi cơ thể sống dưới tác động của những tác nhân kích thích bên trong và bên ngoài - đặc điểm chung của tất cả cơ thể sống, động thái riêng của chúng là nguồn biến đổi hoặc hỗ trợ một cách sống động cho những mối liên hệ với môi trường.

Từ thời cổ đại, các triết gia như Không Tử, Socrate... đã quan tâm nghiên cứu về tính tích cực và xem việc phát huy tính tích cực người học là yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học. Do hạn chế lịch sử, nghiên cứu của các triết gia thời cổ đại mới chủ yếu đi sâu tìm cách tác động nhằm nâng cao tính tích cực của người học, còn các vấn đề khác chưa được quan tâm nghiên cứu đầy đủ, nhất là tìm ra các yếu tố tâm lý thuộc về chủ thể người học.

Đầu thế kỷ XVII, J.A. Comenxki (1592 – 1670), với tác phẩm “Lý luận dạy học vĩ đại” đã chỉ ra nguyên tắc dạy học cơ bản đó là: phát huy tính tự giác,

tính tích cực của người học. Đến đầu thế kỷ XIX, trong hệ thống lý luận dạy học của K.D. Usinxki (1824 - 1871) nhà sư phạm Nga, tư tưởng về tính tích cực và tính độc lập được coi là yếu tố giữ vai trò quan trọng, ông đánh giá rất cao vai trò tính tích cực của người học trong quá trình dạy học và nâng cao hiệu quả quá trình này. Quan điểm đó hoàn toàn phù hợp với xu hướng dạy học lấy người học làm trung tâm hiện nay. Đó là quan điểm dựa trên cơ sở giáo viên giữ vai trò là người hướng dẫn, định hướng, điều khiển người học, còn người học là chủ thể tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập. Từ cuối thế kỷ XIX đến nay, nghiên cứu về tính tích cực và cơ sở tâm lý của nó ngày càng được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu và có nhiều quan điểm khác nhau: [57]

Quan điểm của các nhà triết học cho rằng mỗi sự vật bao giờ cũng thể hiện tính tích cực của nó, bởi vật chất luôn vận động và phát triển không ngừng. Một cá nhân tích cực là một cá nhân hoạt động đến mức cao nhất, tham gia vào mọi mặt của cuộc sống. Hoạt động con người vốn đa dạng, chẳng những bao gồm lĩnh vực hoạt động xã hội mà còn có nhận thức. Cái được của cá nhân sẽ được cải biến, khái quát hóa và trở thành một thuộc tính của người đó [16].

C.Mác đã định nghĩa bản chất con người là “tổng hòa của các mối quan hệ xã hội”, theo đó bản chất của nhân cách có tính chất xã hội. Nguồn gốc phát triển của các thuộc tính nhân cách, của hoạt động sáng tạo nằm ở trong môi trường xã hội chung quanh trong xã hội. Tồn tại xã hội quyết định nhân cách của con người, nhờ đó mà các đặc điểm tâm lý của con người như các phẩm chất đạo đức, năng lực, ý chí, hứng thú ... và tính tích cực được hình thành. C.Mac và Ph. Ăngghen đã nhấn mạnh tính tích cực của con người, khi nói rằng hoàn cảnh sống xã hội là yếu tố quyết định của cá nhân con người và con người có thể cải tạo những hoàn cảnh đó: “hoàn cảnh tạo ra con người đến chừng mực nào, thì con người cũng tạo ra hoàn cảnh ở chừng mực đó” [31].

Các nhà Tâm lý học Mác xít dựa vào nghiên cứu vấn đề tính tích cực hoạt động của cá nhân trên lập trường quyết định luận xã hội cho rằng các thái độ

hình thành nên trong quá trình phản ánh và trên cơ sở phản ánh sẽ trực tiếp biểu hiện ra ở mức độ hoạt động và ở đặc điểm số lượng, chất lượng của hiệu suất hoạt động.

Nhìn nhận tính tích cực theo góc độ này được thể hiện như sau: tính tích cực được đề cập và nhấn mạnh như là một đặc điểm chung của sinh vật sống, là động lực đặc biệt của mối liên hệ giữa sinh vật sống và hoàn cảnh, là khả năng đặc biệt của tồn tại sống giúp cơ thể thích ứng với môi trường [48].

Tính tích cực gắn liền với hoạt động và hoàn cảnh bên ngoài, nó được biểu hiện như: nó gắn liền với sự hoạt động, được thể hiện như là động lực để hình thành và hiện thực hóa hoạt động. Ở mức độ cao, nó thể hiện ở tính chế ước, chế định trạng thái bên trong của chủ thể. Nó thể hiện sự thích ứng một cách chủ động với hoàn cảnh, môi trường sống bên ngoài [48].

Tính tích cực được nghiên cứu trong mối quan hệ với hoạt động, nó làm xuất hiện động lực thúc đẩy con người hoạt động có hiệu quả.

Vì vậy tính tích cực có các tính chất sau:

- Hoạt động phản ứng - Sự hoạt động của trạng thái bên trong của chủ thể với môi trường;
- Hoạt động ý chí thể hiện tính độc lập của chủ thể với môi trường;
- Tính chất vượt khó khăn, trở ngại trong mọi hoàn cảnh theo mục đích của chủ thể;
- Tính ổn định - bền vững của hoạt động tạo thành kiểu phản ứng đối với môi trường bên ngoài của chủ thể [48].

Về mặt Tâm lý học theo quan điểm tiếp cận hoạt động - nhân cách - giao tiếp ta có thể hiểu khái quát về tính tích cực của cá nhân có nội dung tâm lý cơ bản là:

- Tính tích cực gắn liền với hoạt động, hay nói cách khác tính tích cực phải thể hiện trong trạng thái hoạt động và được biểu hiện trong những hành động, hành vi cụ thể của con người.

▪ Tính tích cực chỉ tính sẵn sàng với hoạt động, là nhu cầu đối với hoạt động. Yếu tố nhu cầu có mối liên hệ chặt chẽ với tính tích cực - đây chính là nguồn gốc của tính tích cực.

▪ Tính tích cực chỉ tính chủ động, hành động một cách có ý thức, theo chủ ý của chủ thể để đối lập với sự bị động, thụ động.

Từ những phân tích trên, ta có thể hiểu tính tích cực bao gồm tính chủ động, tính sáng tạo, tính có ý thức của chủ thể trong hoạt động. Tính tích cực của cá nhân là một thuộc tính của nhân cách được đặc trưng bởi sự chi phối mạnh mẽ của các hành động đang diễn ra đối với đối tượng, tính “trương lực” của những trạng thái bên trong của chủ thể ở thời điểm hành động, tính qui định của mục đích hành động trong hiện tại, tính siêu hoàn cảnh và tính bền vững tương đối của hành động trong sự tương quan với mục đích đã thông qua.

Tính tích cực thể hiện ở sự nỗ lực cố gắng của bản thân, ở sự chủ động, tự giác hoạt động và cuối cùng là kết quả cao của hoạt động có mục đích của chủ thể. Tính tích cực được nảy sinh, hình thành, phát triển trong hoạt động [35].

Như vậy, tính tích cực cần được nghiên cứu trong mối quan hệ với hoạt động, nó làm xuất hiện động lực thúc đẩy con người hoạt động có hiệu quả. Tính tích cực cá nhân không chỉ đơn giản là một trạng thái tâm lí được huy động vào một thời điểm hoặc một tình huống mà là một thuộc tính chung cho tất cả các chức năng, khả năng và sức mạnh của cá nhân. Do đó, nguồn gốc của tính tích cực chính là nhân tố bên trong của sự phát triển nhân cách. Vậy, nguồn gốc của tính tích cực là hứng thú, nhu cầu và động cơ nằm trong hoạt động chủ đạo của cá nhân, nhờ chúng mà cá nhân có thể đạt được kết quả cao trong hoạt động. [25].

1.1.5. Giải pháp

❖ Khái niệm giải pháp

Khái niệm giải pháp: Theo từ điển Tiếng Việt định nghĩa “Giải pháp” được hiểu là phương pháp giải quyết một vấn đề [39]. Ở đây giải pháp được

hiểu là cách thức, là một công cụ người ta dùng để giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn. Trong cách hiểu này đôi khi người ta cũng dùng thuật ngữ “ biện pháp” để thay thế. Theo từ điển Tiếng Việt “ biện pháp là cách làm, cách giải quyết một vấn đề cụ thể” [60], [39]. Tuy nhiên hai khái niệm này có thể dùng thay thế cho nhau trong thực tiễn, nhưng về bản chất, khái niệm “giải pháp” có nghĩa là nội dung rộng lớn hơn, có tính chất vĩ mô hơn so với “ biện pháp” thường để chỉ cách thức giải quyết một công việc cụ thể nào đó. Theo nghĩa này, người ta còn xem biện pháp là cách thức, công cụ thực hiện giải pháp để thực hiện giải pháp đó.

Trong quản lý, giải pháp dùng để giải quyết một vấn đề thường được đặt ra trên nền tảng của việc phân tích các điểm mạnh (thành tựu), điểm yếu (hạn chế) của một tổ chức, những cơ hội và thách thức đối với tổ chức đó trong bối cảnh chung của xã hội ở phạm vi quốc gia và quốc tế. Giải pháp đồng thời cũng dựa trên các quan điểm, mục tiêu tổng quát và mục tiêu chung của vấn đề được đặt ra và giải quyết ở tầm vĩ mô. [26]

Cơ sở xây dựng giải pháp

Cơ sở để đề xuất giải pháp bao gồm việc phân tích và đánh giá một cách toàn diện các yếu tố liên quan đến vấn đề cần giải quyết. Dưới đây là các cơ sở quan trọng để đề xuất giải pháp như sau:

- Phân tích tình hình hiện tại: Hiểu rõ vấn đề hoặc thách thức hiện tại là bước đầu tiên và quan trọng nhất. Điều này bao gồm việc thu thập dữ liệu, đánh giá hiện trạng, và xác định nguyên nhân gốc rễ của vấn đề.

- **Xác định mục tiêu:** Đặt ra các mục tiêu cụ thể, rõ ràng và có thể đo lường được. Mục tiêu cần phải khả thi và phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

- Khung lý thuyết và nghiên cứu nền tảng:** Sử dụng các lý thuyết, mô hình hoặc kết quả nghiên cứu đã được công nhận để hỗ trợ cho giải pháp. Điều này cung cấp một cơ sở khoa học và logic cho các đề xuất.

- Nguồn lực sẵn có: Đánh giá các nguồn lực hiện có bao gồm tài chính, nhân lực, công nghệ, và thời gian. Việc hiểu rõ nguồn lực sẵn có giúp đảm bảo giải pháp đề xuất là khả thi và có thể thực hiện được.

- Phản hồi và kinh nghiệm thực tiễn: Sử dụng các phản hồi từ thực tế và các bài học kinh nghiệm từ các dự án hoặc nghiên cứu trước đó. Điều này giúp điều chỉnh và cải tiến giải pháp dựa trên kinh nghiệm thực tế.

- Phân tích rủi ro: Đánh giá các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến việc thực hiện giải pháp và lập kế hoạch quản lý rủi ro. Điều này giúp chuẩn bị cho các tình huống bất ngờ và giảm thiểu tác động tiêu cực

Tóm lại: Cơ sở để đề xuất giải pháp bao gồm việc phân tích tình hình hiện tại, xác định mục tiêu, sử dụng khung lý thuyết và nghiên cứu nền tảng, đánh giá nguồn lực sẵn có, sử dụng phản hồi và kinh nghiệm thực tiễn, và phân tích rủi ro. Việc áp dụng những yếu tố này giúp đảm bảo giải pháp được đề xuất là toàn diện, khả thi và có hiệu quả cao trong việc giải quyết vấn đề. [26]

1.1.6. Nhu cầu

Nhu cầu (needs) là trạng thái cảm thấy thiếu hụt một thứ gì đó mà con người mong muốn hoặc cần để duy trì sự tồn tại, phát triển cá nhân. Theo lý thuyết về nhu cầu của Abraham Maslow (1943), nhu cầu được chia thành nhiều cấp độ, từ các nhu cầu cơ bản (nhu cầu sinh lý, an toàn) cho đến các nhu cầu cao cấp hơn (nhu cầu xã hội, nhu cầu được tôn trọng và tự hiện thực hóa). [73]

Nhu cầu được hiểu là sự khao khát hoặc mong muốn của cá nhân để đạt được một điều gì đó quan trọng với họ. Deci và Ryan (2017) trong lý thuyết tự quyết (Self-Determination Theory) đã xác định ba nhu cầu cơ bản của con người là nhu cầu về năng lực (competence), nhu cầu về sự liên kết xã hội (relatedness), và nhu cầu về quyền tự chủ (autonomy). Khi các nhu cầu này được đáp ứng, cá nhân sẽ có động lực để tham gia tích cực vào các hoạt động, bao gồm cả rèn luyện thể chất. [66]

Theo Manfred Max-Neef (2010), nhu cầu con người được phân thành

nhieu loại và mang tính chất toàn cầu, nhưng cách đáp ứng nhu cầu lại có thể thay đổi theo bối cảnh văn hóa và xã hội. Trong giáo dục thể chất, các nhu cầu cơ bản như phát triển thể chất, giao lưu xã hội, và tự cải thiện có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy học viên tham gia tích cực vào các hoạt động rèn luyện. [74]

Từ các khái niệm của các tác giả có thể kết luận rằng nhu cầu khi tham gia rèn luyện thể chất của học viên bao gồm nhu cầu cải thiện sức khỏe, phát triển năng lực thể chất và kỹ năng vận động, cũng như xây dựng mối quan hệ xã hội thông qua hoạt động rèn luyện. Những nhu cầu này không chỉ thúc đẩy học viên tham gia vào quá trình rèn luyện mà còn định hình mức độ tích cực, tự chủ và hứng thú của họ trong các hoạt động thể chất. Việc đáp ứng tốt các nhu cầu này sẽ giúp nâng cao hiệu quả rèn luyện và đạt được các mục tiêu phát triển toàn diện.

1.1.7. Sự hài lòng

Sự hài lòng (satisfaction) là trạng thái cảm xúc tích cực của một cá nhân khi các mong đợi hoặc nhu cầu của họ được đáp ứng. Theo lý thuyết của Oliver (1980), sự hài lòng là kết quả của quá trình so sánh giữa kỳ vọng ban đầu và kết quả thực tế. Trong giáo dục, sự hài lòng của học viên đối với môi trường học tập, chất lượng giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ có vai trò quan trọng trong việc tăng cường sự tham gia tích cực. Khi học viên cảm thấy hài lòng với các hoạt động thể chất, họ sẽ tích cực tham gia và đạt kết quả tốt hơn. [75]

Sự hài lòng được xem là kết quả của sự đánh giá giữa mong đợi của cá nhân và thực tế họ trải nghiệm. Theo Fornell et al. (2016), trong mô hình chỉ số hài lòng của khách hàng (ACSI), sự hài lòng phụ thuộc vào chất lượng dịch vụ và giá trị cảm nhận. Trong giáo dục thể chất, khi học viên cảm thấy các hoạt động rèn luyện và dịch vụ hỗ trợ từ nhà trường đáp ứng hoặc vượt mong đợi của họ, họ sẽ cảm thấy hài lòng và tham gia tích cực hơn. [68]

Theo mô hình SERQUAL của Zeithaml, Parasuraman, và Berry (2020),

sự hài lòng của khách hàng (ở đây là học viên) chịu ảnh hưởng bởi 5 yếu tố: độ tin cậy, sự đáp ứng, sự đảm bảo, đồng cảm và các yếu tố vật chất. Trong môi trường giáo dục thể chất, sự hài lòng của học viên cũng phụ thuộc vào việc nhà trường cung cấp cơ sở vật chất đầy đủ, chương trình học phù hợp và hỗ trợ cá nhân. [81]

Dựa trên các lý thuyết của Oliver (1980), Fornell et al. (2016), và Zeithaml, Parasuraman và Berry (2020), có thể nhận định rằng sự hài lòng của học viên khi tham gia rèn luyện thể chất là kết quả của sự so sánh giữa mong đợi của họ và những trải nghiệm thực tế trong quá trình học tập và rèn luyện. Sự hài lòng không chỉ phụ thuộc vào chất lượng của hoạt động rèn luyện mà còn liên quan đến cơ sở vật chất, chương trình học và các dịch vụ hỗ trợ từ nhà trường. Khi học viên cảm thấy hài lòng với những yếu tố này, họ sẽ tích cực tham gia hơn, góp phần nâng cao kết quả học tập và phát triển thể chất toàn diện.

1.1.8. Hứng thú

Hứng thú (interest) là trạng thái tập trung và tham gia tích cực của cá nhân vào một hoạt động mà họ cảm thấy hấp dẫn và có ý nghĩa. Theo Hidi & Renninger (2006), hứng thú có thể được kích thích và phát triển thông qua môi trường học tập, nội dung giảng dạy, và các hoạt động phù hợp. Trong giáo dục thể chất, hứng thú đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút học viên tham gia tích cực vào các hoạt động rèn luyện. Khi có hứng thú, học viên không chỉ tham gia tích cực mà còn đạt được hiệu quả rèn luyện tốt hơn. [70]

Hứng thú được hiểu là sự tập trung và tham gia tự nguyện của cá nhân vào một hoạt động mà họ cảm thấy hấp dẫn và có ý nghĩa. Harackiewicz et al. (2016) đề xuất rằng hứng thú trong học tập có thể phát sinh từ sự tác động của cả yếu tố tình huống (situational interest) và yếu tố cá nhân (individual interest). Trong giáo dục thể chất, các hoạt động có tính tương tác, đổi mới và phù hợp với năng lực của học viên sẽ tạo ra hứng thú và thúc đẩy sự tham gia tích cực. [69]

Theo Renninger và Hidi (2019), hứng thú phát triển qua nhiều giai đoạn từ hứng thú tạm thời (situational interest) đến hứng thú bền vững (individual interest). Điều này có thể áp dụng trong giáo dục thể chất bằng cách tạo ra môi trường học tập kích thích, từ đó giúp học viên dần phát triển hứng thú cá nhân lâu dài đối với các hoạt động rèn luyện thể chất. [76]

Dựa trên các khái niệm của Hidi & Renninger (2006), Harackiewicz et al. (2016), và Renninger & Hidi (2019), có thể nhận định rằng hứng thú trong rèn luyện thể chất là trạng thái tâm lý tích cực khi học viên cảm thấy bị thu hút bởi các hoạt động có ý nghĩa và phù hợp với năng lực của họ. Hứng thú có thể được phát triển từ hứng thú tạm thời (do các yếu tố tình huống) đến hứng thú bền vững (do cá nhân quan tâm lâu dài). Việc tạo ra môi trường học tập hấp dẫn, kết hợp các hoạt động đa dạng, tương tác và đổi mới, sẽ giúp học viên duy trì hứng thú và tham gia tích cực vào quá trình rèn luyện thể chất, từ đó nâng cao hiệu quả và kết quả rèn luyện.

1.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục thể chất

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của sức khỏe con người đối với vận mệnh đất nước cũng như đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng Tổ quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn chú trọng đến việc tăng cường và mở rộng các hoạt động TDTT và đặc biệt là công tác GDTC cho thanh thiếu niên.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Nhà nước luôn coi trọng công tác TDTT trong trường học, bởi vì TDTT trường học là một bộ phận cấu thành quan trọng của giáo dục phát triển toàn diện. Vì thế TDTT trong trường học là do nhu cầu của xã hội đối với giáo dục quyết định, nhằm đào tạo những lớp người “Phát triển về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức...” Đó là mục tiêu của Đảng và Nhà nước, là ước nguyện của Bác Hồ đối với thế hệ trẻ Việt Nam – những người sẵn sàng kế tục sự nghiệp cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ

nghĩa.

Mục tiêu của TDTT trường học nước ta là “nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất, góp phần hình thành và bồi dưỡng nhân cách, đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện cho người học” [18]. Đó là phương hướng chiến lược của TDTT trường học, trong đó đòi hỏi tất cả các mặt giáo dục phải hướng tới phát triển HS toàn diện về đức, trí, thể, mỹ và kỹ, để họ trở thành những người mới xã hội chủ nghĩa.

Để tăng cường và mở rộng các hoạt động TDTT và trực tiếp chỉ đạo công tác GDTC cho thể hệ trẻ, ngày 27/3/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 32 thành lập Nha Thanh niên và Thể dục thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục. Đồng thời. Bác cũng viết Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục trong đó có nêu rõ: “Luyện tập thể dục bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi người dân yêu nước”, “...Mỗi người dân mạnh khỏe làm cho cả nước mạnh khỏe, mỗi người dân yếu ớt làm cho cả nước yếu ớt một phần, dân cường, nước thịnh. Tự tôi ngày nào cũng tập...”[4] Rèn luyện TDTT là một biện pháp quan trọng nhằm đem lại sức khỏe và thể chất cường tráng cho thể hệ trẻ hiện tại và mai sau. Bởi vậy việc chăm lo cho công tác giáo dục thể chất trong trường học là việc làm có tầm quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nhằm chuẩn bị cho sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

Hoạt động TDTT trong nhà trường ở các cấp còn giữ vị trí quan trọng và then chốt trong chiến lược phát triển sự nghiệp TDTT. Về mặt này, trong Nghị định 11 của chính phủ đã nêu rõ: “Hoạt động thể thao trong nhà trường là hoạt động tự nguyện của HS, SV, được tổ chức theo phương thức ngoại khóa, câu lạc bộ thể dục, thể thao, nhóm, cá nhân phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khỏe, nhằm hoàn thiện các kỹ năng vận động, hỗ trợ thực hiện mục tiêu giáo dục thể chất thông qua các hình thức luyện tập, thi đấu thể thao, tạo điều kiện cho HS, SV thực hiện quyền vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu thể thao; phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, tài năng thể thao.” [45]

Ngày 9/10/2000 Chủ tịch Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam công bố lệnh về việc ban hành pháp lệnh TDTT đã được ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa X thông qua ngày 25/9/2000. Pháp lệnh có 9 chương, 59 điều. Trong đó có 1 chương, 6 điều quy định về TDTT trường học.

Điều 14 của Pháp lệnh ghi rõ: “TDTT trường học bao gồm giáo dục thể chất và hoạt động TDTT ngoại khóa cho người học. Giáo dục thể chất trong trường học là chế độ giáo dục bắt buộc nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất, góp phần hình thành và bồi dưỡng nhân cách, đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện cho người học. Nhà nước khuyến khích hoạt động TDTT ngoại khóa trong trường” [35].

Điều 15 của pháp lệnh quy định “Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban TDTT thực hiện các nhiệm vụ: xây dựng, chỉ đạo thực hiện chương trình giáo dục thể chất. Quy định tiêu chuẩn rèn luyện thân thể và đánh giá kết quả rèn luyện thân thể của người học. Đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đủ giáo viên, giảng viên TDTT. Quy định hệ thống thi đấu TDTT trường học” [35].

Để cụ thể hóa các văn bản pháp luật, có tính định hướng, chỉ đạo nói trên, Bộ giáo dục đào tạo đã ban hành: “*Quy chế Giáo dục thể chất trong nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*”[5]. Trong quy định:

Nhiệm vụ của giáo dục thể chất là hình thành ở thế hệ trẻ nếp sống lành mạnh, có tri thức, kỹ năng và phương pháp giữ gìn sức khỏe, phát triển thể lực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục đào tạo.

Ngành giáo dục đào tạo phối hợp với ngành TDTT, y tế và các ngành có liên quan tạo điều kiện để tất cả HS, SV được học tập và tham gia các hoạt động TDTT, tham gia thi đấu các giải thể thao.

Nội dung của hoạt động giáo dục thể chất bao gồm: dạy và học môn thể dục nội khóa, các hoạt động TDTT trong và ngoài nhà trường, các hoạt động ngoại khóa để bảo vệ và tăng cường sức khỏe, vệ sinh cá nhân, môi trường và dinh dưỡng.

Dạy và học môn thể dục là hình thức giáo dục thể chất cơ bản trong nhà trường, được tiến hành chủ yếu bằng các giờ nội khóa.

Nhà trường phải đảm bảo dạy đúng và đủ nội dung và thời gian môn học theo quy định của Bộ. Nội dung chương trình giáo dục thể chất nội khóa gồm phần bắt buộc và phần tự chọn. Phần tự chọn gồm các môn phù hợp với điều kiện cụ thể của từng trường.

Hoạt động ngoại khóa về TDTT bao gồm các hình thức: tự tập luyện, tập luyện có hướng dẫn, tập luyện trong và ngoài nhà trường, trong các câu lạc bộ thể thao trường học.

Nội dung hoạt động thể thao ngoại khóa bao gồm: tập luyện ngoài giờ để hoàn chỉnh bài tập trong chương trình môn học thể dục, các bài tập rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn, các môn tự chọn, các môn theo tiêu chuẩn Hội Khỏe Phù Đổng các cấp.

Ngoài ra, GDTC trường học được Đảng và nhà nước ta chính thức đưa vào Nghị quyết Trung ương VIII khóa III năm 1961: “Bắt đầu đưa việc dạy thể dục và một số môn thể thao cần thiết vào chương trình học tập của các trường phổ thông, chuyên nghiệp và đại học”. Ngày 2/6/1969 Thủ tướng chính phủ ban hành chỉ thị số 48/TTg, trong đó phân tích căn cứ tình hình công tác GDTC cho HS, nguyên nhân các mặt thiếu sót trong thực hiện công tác này và đề ra các biện pháp lớn, nhằm đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng GDTC trong nhà trường các cấp. Kể từ đó đến năm 1975, có tới 3000 trường học bao gồm tiểu học, trung học, đại học và trung học chuyên nghiệp có phong trào GDTC nội khóa và ngoại khóa một cách nề nếp.

Nghị quyết Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ VI (1986) mở đầu thời kỳ đổi mới đã khẳng định: “Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào TDTT quần chúng, từng bước đưa rèn luyện thân thể (RLTT) thành thói quen hàng ngày của đông đảo nhân dân trước hết là thế hệ trẻ. Nâng cao chất lượng GDTC trong trường học...” .

Đại hội Đảng lần thứ VII (1991) tiếp tục nhấn mạnh: “Công tác TDTT cần coi trọng nâng cao chất lượng GDTC trong trường học”. Trong quá trình đổi mới, hiến pháp năm 1992 đã nhấn mạnh “qui định chế độ GDTC bắt buộc trong trường học”.

Ban bí thư TW Đảng đã nêu lên những đánh giá của công tác TDTT những năm qua trong chỉ thị 36-CT/TW: “Những năm gần đây, công tác TDTT đã có nhiều tiến bộ. Phong trào TDTT từng bước được mở rộng với nhiều hình thức, nhiều môn thể thao đạt thành tích đáng khích lệ, cơ sở vật chất, kỹ thuật TDTT ở một số địa phương và ngành đã được chú ý đầu tư nâng cấp xây dựng mới. Tuy nhiên, nền TDTT ở nước ta còn ở trình độ thấp, số người thường xuyên tập luyện TDTT còn rất ít, đặc biệt là thanh niên chưa tích cực tham gia tập luyện, hiệu quả giáo dục trong trường học và trong các lực lượng vũ trang còn thấp. Đội ngũ cán bộ TDTT còn thiếu và yếu nhiều mặt” [9].

Những năm đầu thế kỷ XXI, Ban bí thư TW Đảng cộng sản Việt Nam đã ban hành chỉ thị 17/CT-TW về phát triển TDTT đến 2010, trong đó có xác định:

“Đẩy mạnh hoạt động TDTT ở trường học. Tiến tới bảo đảm mỗi trường học đều có giáo viên thể dục chuyên trách và lớp học thể dục đúng tiêu chuẩn, tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục thể chất: xem đây là một tiêu chí xét công nhận trường chuẩn quốc gia”.

Ngày 28 tháng 4 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 641/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030, trong đó nhấn mạnh: "Phát triển thể lực, tầm vóc bằng giải pháp tăng cường giáo dục thể chất đối với HS từ 03 tuổi đến 18 tuổi"... [9] và Điều 20 Luật Thể dục, Thể thao khẳng định:

1. Giáo dục thể chất là môn học chính thuộc chương trình giáo dục nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản cho người học thông qua các bài tập và trò chơi vận động, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

2. Hoạt động thể thao trong nhà trường là hoạt động tự nguyện của người học được tổ chức theo phương thức ngoại khoá phù hợp với sở thích, giới tính,

lứa tuổi và sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học thực hiện quyền vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu thể thao. [6]

Ngày 17 tháng 6 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1076/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển Giáo dục thể chất và Thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025, trong đó nêu rõ các quan điểm như sau: (1) Giáo dục thể chất và thể thao trường học là bộ phận quan trọng, nền tảng của nền thể dục, thể thao nước nhà; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho trẻ em, học sinh, sinh viên; (2) Phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội, các nhà trường và cộng đồng; (3) Phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học bảo đảm tính khoa học và thực tiễn, có lộ trình triển khai phù hợp với từng vùng, miền, địa phương trong cả nước và (4) Nhà nước quan tâm đầu tư, đồng thời khuyến khích, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư; phát huy mạnh mẽ sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học. Đề án cũng đưa ra mục tiêu tổng quát đến năm 2025 là: Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và thể thao trường học nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể lực toàn diện, trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên cho trẻ em, học sinh, sinh viên; gắn giáo dục thể chất, thể thao trường học với giáo dục ý chí, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, lành mạnh cho trẻ em, học sinh, sinh viên, đồng thời góp phần phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao cho đất nước. [46]

Ngày 31 tháng 01 năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số: 11/2015/NĐ-CP về việc Quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường. Nội dung nghị định đã quy định cụ thể về: Vị trí, mục tiêu giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường, Vị trí, mục tiêu giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường, Giáo viên, giảng viên thể

dục, thể thao, Hoạt động thể thao và thi đấu thể thao, Tài chính và cơ sở vật chất phục vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường, Xã hội hóa giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

Qua đó cho thấy trong giai đoạn hiện nay, GDTC trong nhà trường là nội dung giáo dục, môn học bắt buộc, thuộc chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo, nhằm trang bị cho trẻ em, HS, SV các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. [45]

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT về việc Quy định về hoạt động thể thao trong nhà trường. Nội dung thông tư quy định cụ thể về các nội dung tổ chức hoạt động thể thao trong nhà trường, Nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên, giảng viên GDTC và người học, quy định về tài chính và cơ sở vật chất dành cho hoạt động thể thao trong nhà trường, Quy định trách nhiệm của các cơ sở giáo dục và đào tạo, của các nhà trường đối với hoạt động thể thao trong nhà trường. [8]

Để đưa công tác GDTC trong nhà trường trở thành một khâu quan trọng, cũng như xác định nhận thức đúng về vị trí GDTC trong nhà trường các cấp, phải được triển khai đồng bộ với các mặt giáo dục tri thức và nhân cách từ tuổi thơ cho đến đại học. Bộ giáo dục và Đào tạo đã có văn bản quyết định ban hành quy chế về công tác GDTC trong nhà trường các cấp. Trong đó đã khẳng định: “GDTC được thực hiện trong hệ thống nhà trường từ mầm non đến đại học, góp phần đào tạo những công dân phát triển toàn diện. GDTC là một bộ phận hữu cơ của mục tiêu giáo dục và đào tạo, nhằm giúp con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức: Thể chất – sức khỏe tốt là nhân tố quan trọng trong việc phát triển sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Cũng như khẳng định: “GDTC trong nhà trường các cấp nhằm từng bước nâng cao trình độ văn hoá thể chất và thể thao của HS, SV. Góp phần phát triển sự nghiệp TDTT của đất nước đáp ứng nhiệm vụ giao tiếp

của HS, SV Việt Nam và Quốc tế”.

Tóm lại, Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao trong trường học được thể hiện rõ và nhất quán trong Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh, Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định, Thông tư của Đảng, Chính phủ, Quốc hội và các Bộ, Ngành, Đoàn thể chính trị xã hội có liên quan. Qua đó công tác GDTC cho HS là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm bồi dưỡng sức khỏe, tinh thần, trí thông minh.... Hình thành một con người mới hoàn thiện nền giáo dục toàn diện, là tiền đề quan trọng trong hoạt động học tập, sinh hoạt của HS. Thông qua đó rèn luyện cho HS về đạo đức, ý thức kỷ luật và tinh thần tập thể nhằm đào tạo con người vững vàng bước vào cuộc sống và thế kỷ của khoa học hiện đại, với sức khỏe tráng kiện để tồn tại trong hoàn cảnh xã hội khắc nghiệt.

1.3. Khái quát về công tác giáo dục thể chất

1.3.1. Đặc điểm môn học giáo dục thể chất

Giáo dục thể chất là môn học chính khóa thuộc chương trình giáo dục, là môn học bắt buộc được thực hiện từ lớp 1 đến lớp 12, đảm nhiệm một trong bốn mặt giáo dục Đức, Trí, Thể, Mỹ [83].

Giáo dục thể chất góp phần hình thành các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho HS. Bên cạnh đó, thông qua việc trang bị kiến thức về sức khỏe, quản lý sức khỏe và rèn luyện, giáo dục thể chất giúp HS:

- Hình thành và phát triển năng lực thể chất và văn hoá thể chất.
- Có ý thức trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng.

Biết lựa chọn môn thể thao phù hợp với năng lực vận động của bản thân để luyện tập.

- Biết thích ứng với các điều kiện sống, lạc quan và chia sẻ với mọi người.
- Có cuộc sống khỏe mạnh về thể lực và tinh thần.

Nội dung chủ yếu của môn giáo dục thể chất là rèn luyện kỹ năng vận

động và phát triển tố chất thể lực cho HS bằng những bài tập đa dạng như rèn kỹ năng vận động cơ bản, đội hình đội ngũ, các bài tập thể dục, các trò chơi vận động, các môn thể thao và phương pháp phòng tránh chấn thương trong hoạt động. Trong chương trình giáo dục phổ thông, nội dung giáo dục thể chất được phân chia theo hai giai đoạn:

- Trong giai đoạn giáo dục cơ bản, giáo dục thể chất là môn học bắt buộc, giúp HS biết cách chăm sóc sức khỏe và vệ sinh thân thể; hình thành thói quen tập luyện nâng cao sức khỏe; thông qua các trò chơi vận động và tập luyện thể dục, thể thao hình thành các kỹ năng vận động cơ bản, phát triển các tố chất thể lực, làm cơ sở để phát triển toàn diện.

- Trong giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, giáo dục thể chất được thực hiện thông qua hình thức câu lạc bộ thể thao, HS chọn nội dung hoạt động thể thao phù hợp với nguyện vọng của mình và khả năng đáp ứng của nhà trường. Các em được tiếp tục phát triển kỹ năng chăm sóc sức khỏe và vệ sinh thân thể, phát triển về nhận thức và năng khiếu thể thao, giúp những HS có năng khiếu thể thao định hướng nghề nghiệp phù hợp [7].

1.3.2. Nội dung của công tác giáo dục thể chất trong trường học [1], [8]

Nội dung chương trình GDTC trong trường đại học được tiến hành trong cả quá trình học tập của sinh viên trong nhà trường bằng hai hình thức:

- Giờ học GDTC chính khóa: Là hình thức cơ bản nhất của GDTC được tiến hành trong kế hoạch học tập của nhà trường vì việc đào tạo cơ bản về thể chất và thể thao cho HS, SV là nhiệm vụ cần thiết, nên trước hết phải có nội dung thích hợp để phát triển các tố chất thể lực và phối hợp vận động cho HS, SV. Đồng thời giúp các em có trình độ nhất định để tiếp thu được các kỹ thuật động tác TDTT.

Với mục tiêu chính của việc đào tạo cơ bản về thể chất và thể thao trong trường học các cấp là: “Xúc tiến quá trình đào tạo năng lực đạt thành tích trong

thể chất và thể thao của HS, SV, phát triển các tố chất thể lực, phát triển năng lực tâm lý, tạo ý thức tập luyện TDDT thường xuyên, giáo dục được đức tính cơ bản và lòng nhân đạo cho HS, SV”. Do đó, giờ học GDTC chính khóa mang tính hành chính pháp quy, quy định đối với HS, SV và cán bộ giảng dạy. Đó là giờ học theo chương trình có quy định thời gian và quy cách đánh giá chất lượng theo chương trình ở các cấp học, bậc học.

Giờ học TDDT ngoại khóa: Thể dục thể thao ngoại khóa là hình thức tự tập luyện của HS, SV có nhu cầu và ham thích môn thể thao trong thời gian nhàn rỗi với mục đích và nhiệm vụ là góp phần phát triển năng lực thể chất một cách toàn diện, đồng thời góp phần nâng cao thành tích thể thao của HS, SV. Giờ học ngoại khóa nhằm củng cố và hoàn thiện các bài học chính khóa và được tiến hành vào giờ tự học của HS, SV dưới sự hướng dẫn của giảng viên hay hướng dẫn viên. Ngoài ra còn các hoạt động thể thao ngoại khóa ngoài giờ học bao gồm luyện tập trong các câu lạc bộ, các bài tập thể dục vệ sinh chống mệt mỏi hàng ngày, cũng như giờ tự luyện tập và rèn luyện thân thể. Hoạt động ngoại khóa với những chức năng là động viên lôi kéo nhiều người tham gia tập luyện các môn thể thao yêu thích, rèn luyện thân thể tham gia cổ vũ phong trào rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp.

Bộ GD&ĐT đã có hướng dẫn các trường tổ chức giờ học TDDT ngoại khóa “Giờ học TDDT ngoại khóa là một hình thức GDTC quan trọng, có tác dụng hỗ trợ trực tiếp cho giờ học GDTC nội khóa, nhằm giúp cho HS, SV tiếp tục luyện tập và hoàn thiện kỹ thuật các môn thể thao và rèn luyện thể lực theo yêu cầu của chương trình”.

Giờ học TDDT ngoại khóa không bắt buộc đối với HS, SV. Tùy theo điều kiện của nhà trường và nguyện vọng của HS, SV, Bộ môn (tổ) GDTC soạn thảo nội dung các hoạt động TDDT ngoại khóa HS, SV sắp xếp thành các nhóm, câu lạc bộ TDDT.

Hoạt động ngoại khóa TDDT trong trường đại học nhằm giải quyết các

nhiệm vụ sau đây:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp luyện tập TDDT, kỹ năng vận động và kỹ thuật cơ bản một số môn thể thao thích hợp. Trên cơ sở đó bồi dưỡng khả năng sử dụng thể, tham gia tích cực vào việc tuyên truyền và tổ chức các hoạt động TDDT ở cơ sở. Đồng thời giúp các em có trình độ nhất định để tiếp thu được các kỹ thuật động tác TDDT.

- Giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa, rèn luyện tinh thần tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật, xây dựng niềm tin, lối sống tích cực lành mạnh, tinh thần tự giác học tập và rèn luyện thân thể, chuẩn bị sẵn sàng phục vụ sản xuất và bảo vệ tổ quốc.

- Góp phần duy trì và củng cố sức khỏe của sinh viên, phát triển cơ thể một cách hài hòa, xây dựng thói quen lành mạnh và khắc phục những thói quen xấu trong cuộc sống nhằm đạt hiệu quả tốt trong quá trình học tập và đạt những chỉ tiêu thể lực quy định cho từng đối tượng và năm học trên cơ sở rèn luyện thân thể theo quy định.

- Giáo dục tính thẩm mỹ cho sinh viên và tạo điều kiện để nâng cao trình độ thể thao của vận động viên, sinh viên.

Tác dụng của GDTC và các hình thức tập luyện TDDT với mục đích nâng cao thể chất cho HS, SV trong các trường học được phát triển toàn diện, là phương tiện để hợp lý hóa chế độ hoạt động, nghỉ ngơi tích cực, giữ gìn và nâng cao năng lực hoạt động, học tập của HS, SV trong suốt thời kỳ học tập trong nhà trường, cũng như đảm bảo chuẩn bị thể lực chung và chuẩn bị thể lực chuyên môn phù hợp với những điều kiện của nghề nghiệp trong tương lai.

❖ Vị trí, mục tiêu GDTC và hoạt động thể thao trong nhà trường

Giáo dục thể chất trong nhà trường là nội dung giáo dục, môn học bắt buộc, thuộc chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo, nhằm trang bị cho trẻ em, học sinh, sinh viên các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

Hoạt động thể thao trong nhà trường là hoạt động tự nguyện của học sinh, sinh viên, được tổ chức theo phương thức ngoại khóa, câu lạc bộ thể dục, thể thao, nhóm, cá nhân phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khỏe, nhằm hoàn thiện các kỹ năng vận động, hỗ trợ thực hiện mục tiêu giáo dục thể chất thông qua các hình thức luyện tập, thi đấu thể thao, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên thực hiện quyền vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu thể thao; phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, tài năng thể thao.

Như vậy, GDTC trong các trường cao đẳng là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo, nhằm trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác giáo dục thể chất

1.3.3.1. Người học

Thái Duy Tuyên [55] cho rằng: với lý luận và phương pháp dạy học lấy người học là trung tâm thì người học là 1 yếu tố quyết định đến kết quả học tập của người trò và kết quả dạy học của người thầy. Song ông cũng cho rằng trong yếu tố của người học ngoài các yếu tố di truyền và môi trường xã hội, môi trường giáo dục ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của người học, yếu tố về xác định động cơ mục đích học tập và lựa chọn phương pháp học tập thích hợp cũng là yếu tố ảnh hưởng to lớn đến kết quả học tập của người học. Ngày nay phần lớn các nước tiên tiến đều đổi mới phương pháp dạy học để tích cực hoá quá trình học tập của HS.

1.3.3.2. Đội ngũ giảng dạy

Các chuyên gia sư phạm trong và ngoài nước như Macarenco (Nga), Thái Duy Tuyên [55], Trần Bá Hoàn [19] [20], (Việt Nam)... đều cho rằng người giáo viên trước hết phải có phẩm chất, năng lực của một nhà giáo, có nhân cách tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức lối sống trong sáng, lành mạnh, yêu

nghe, yêu thương học trò, công bằng, tôn trọng nhân cách của người học. Đồng thời, giáo viên phải có năng lực chuyên môn tốt, có kiến thức chuyên sâu, làm chủ được tri thức, ham hiểu biết tri thức mới và không ngừng tìm tòi, học hỏi nâng cao trình độ, kỹ năng. Bên cạnh đó, giáo viên phải nắm vững kiến thức và kỹ năng về dạy và học, có phương pháp luận, kỹ thuật dạy và học nói chung và trong chuyên ngành giáo dục thể chất.

1.3.3.3. Chương trình các môn học

Các nước có nền giáo dục phát triển như Nga, Mỹ, Trung Quốc... thì coi chương trình là yếu tố quan trọng của quá trình dạy học, là văn bản mang tính pháp quy là thể hiện tính mục đích, mục tiêu trong những nhiệm vụ dạy học cụ thể, là phương tiện tương tác giữa thầy và trò. Thông qua đó HS nắm được vốn tri thức về thể dục vệ sinh, các kỹ năng vận động cơ bản và nâng cao trình độ phát triển về thể chất.

Một chương trình hợp lý và khoa học là một chương trình phải được xây dựng trên cơ sở lý luận về khoa học giáo dục chuyên ngành phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, điều kiện cơ sở vật chất nhất định để đưa ra các mục tiêu nhiệm vụ và nội dung giáo dục cụ thể. Một khi có được chương trình dạy học khoa học hợp lý sẽ có thể dễ dàng nâng cao được hiệu quả giáo dục của môn học [19], [21].

1.3.3.4. Phương pháp dạy học

Thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI là thời kỳ khoa học kỹ thuật và công nghệ phát triển vô cùng mạnh mẽ đặc biệt là công nghệ thông tin đã tạo nên những cơ hội mới, đã mang lại một cuộc cách mạng trong dạy học, đồng thời cũng mang lại nhiều thách thức mới. Đứng trước thách thức đó nhiều chuyên gia giáo dục đã và đang nghiên cứu xây dựng nên các phương pháp dạy học mới nhằm tích cực hoá quá trình học tập theo hướng nâng cao hứng thú học tập, nâng cao sự tập trung chú ý trong học tập, nâng cao năng lực tự học, học tập theo nhóm thông qua các phương pháp thảo luận, dạy học gợi mở, dạy học ứng dụng công

nghệ thông tin...

Thực tế công tác đổi mới phương pháp dạy học nhằm tích cực hoá quá trình học tập ở trong và ngoài nước đã bước đầu cho thấy đã đem lại hiệu quả khá rõ rệt, hứa hẹn nhiều triển vọng tốt đẹp cho công việc dạy học nói chung và môn học giáo dục thể chất nói riêng [32].

1.3.3.5. Điều kiện hỗ trợ

Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học là điều kiện rất quan trọng để triển khai công tác giáo dục thể chất trường học và đảm bảo chất lượng dạy và học của nhà trường. Ngay từ đầu thế kỷ XXI, chiến lược phát triển giáo dục của Chính phủ đã đề ra các giải pháp “Tăng cường nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục, đổi mới cơ chế quản lý tài chính, chuẩn hoá và hiện đại hoá trường sở, trang thiết bị giảng dạy, nghiên cứu và học tập... [42], [44].

Điều kiện sân bãi, cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện giảng dạy – tập luyện của trường cần phải được xây dựng một cách tiện nghi, khoa học và sạch sẽ nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục. Đặc biệt là trong xu thế đổi mới phương pháp dạy học thì việc trang bị đồ dùng tập luyện và thiết bị dạy học, nhất là trang thiết bị công nghệ mới và hiện đại là hết sức cần thiết.

Tóm lại, các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả dạy học môn giáo dục thể chất nói chung và ở bậc nói riêng bao gồm yếu tố người học, đội ngũ giảng dạy, yếu tố chương trình, phương pháp dạy học, yếu tố điều kiện hỗ trợ.

1.4. Khái quát về tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất

1.4.1. Khái quát về tính tích cực trong học tập

1.4.1.1. Tính tích cực trong học tập

Hoạt động nhận thức của con người tuân theo quy luật chung của quá trình nhận thức: từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn. Hoạt động nhận thức của con người là quá trình phản ánh thế giới nhằm chiếm lĩnh các thuộc tính, quy luật, đặc điểm của sự vật, hiện

tượng xung quanh để cải tạo thế giới và đồng thời nhận thức và cải tạo chính bản thân mình. Đó là con đường biện chứng để nhận thức hiện thực khách quan.

Quá trình nhận thức của người học cũng tuân theo qui luật này nhưng với sự hướng dẫn của giáo viên, sự phát triển của khoa học và công nghệ ... các em nhận thức thế giới nhanh hơn, ngắn gọn và hiệu quả hơn. Khái niệm hoạt động nhận thức rộng hơn khái niệm học tập, học tập chỉ là một dạng hoạt động đặc thù của con người, được điều khiển một cách tự giác để lĩnh hội những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo mới, những hình thức hành vi và những dạng hoạt động nhất định.

Khi tính tích cực cá nhân được huy động và hướng vào một lĩnh vực, một môi trường cụ thể để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể, nhằm những đối tượng và mục tiêu cụ thể thì nó ở trạng thái chuyên biệt... tính tích cực cá nhân của người học, có thể phân ra các loại sau: Tính tích cực trí tuệ, tính tích cực nhận thức, tính tích cực học tập. [22].

Tính tích cực trí tuệ: là một thành tố cơ bản của tính tích cực cá nhân ở hình thái hoạt động bên trong (sinh lý và tâm lý), thường được gọi là hoạt động trí tuệ hay trí óc (tri giác, ghi nhớ, nhớ lại, tưởng tượng, tư duy...). Trong nhận thức và học tập, hoạt động trí tuệ giữ vai trò thiết yếu vì vậy tính tích cực trí tuệ là cốt lõi của tính tích cực nhận thức và cùng với tính tích cực nhận thức tạo nên nội dung chủ yếu của tính tích cực học tập [22].

Tính tích cực nhận thức: là trạng thái hay dạng phân hóa của tính tích cực cá nhân được hình thành và thực hiện trong quá trình nhận thức của chủ thể. Nó là tính tích cực chung được huy động để giải quyết các nhiệm vụ nhận thức và nhằm đạt các mục tiêu nhận thức. Hình thái bên trong của tính tích cực nhận thức gồm các hoạt động trí óc, tâm vận, các chức năng cảm xúc, ý chí, các phản xạ thần kinh cấp cao, các biến đổi của nhu cầu, hứng thú, tình cảm... Hình thái bên ngoài gồm các hoạt động quan sát, khảo sát, ứng dụng thực nghiệm, đánh giá, thay đổi, dịch chuyển đối tượng...

Tính tích cực nhận thức biểu hiện sự nỗ lực của chủ thể khi tương tác với đối tượng trong quá trình học tập, nghiên cứu; thể hiện sự nỗ lực của hoạt động trí tuệ, sự huy động ở mức độ cao các chức năng tâm lý (như hứng thú, chú ý, ý chí...) nhằm đạt được mục đích đặt ra với mức độ cao [84].

Nói một cách khác, tính tích cực nhận thức là thái độ cải tạo của chủ thể với đối tượng nhận thức thông qua sự huy động tối đa các chức năng tâm lý trong đó có tính độc lập, tư duy sáng tạo và toàn bộ nhân cách của chủ thể được phát triển. Như vậy, đồng thời với việc cải tạo đối tượng nhận thức thì chủ thể nhận thức cũng cải tạo chính bản thân mình. [18]

Tính tích cực học tập: là tính tích cực cá nhân được phân hóa và hướng vào việc giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ học tập để đạt các mục tiêu học tập. Tính tích cực học tập bao gồm hai hình thái bên trong và bên ngoài. Hình thái bên trong của tính tích cực học tập chủ yếu bao hàm những chức năng sinh học, sinh lý, tâm lý, thể hiện rõ ở đặc điểm khí chất, tình cảm, ý chí, các chức năng và đặc điểm nhận thức như mức độ hoạt động trí tuệ, tư duy, tri giác, tưởng tượng... và các chức năng vận động thể chất bên trong (các nội quan, các quá trình sinh lý, sinh hóa). Hình thái bên ngoài của tính tích cực học tập bao hàm các chức năng, khả năng, sức mạnh thể chất và xã hội, thể hiện ở những đặc điểm hành vi, hành động di chuyển, vận động vật lý và sinh vật, nhất là hành động ý chí, các phương thức tiến hành hoạt động thực tiễn và tham gia các quan hệ xã hội. Nó được hình thức hóa bằng các yếu tố cụ thể như: cử chỉ, hành vi, nhịp điệu, cường độ hoạt động, sự biến đổi sinh lý... chúng ta có thể quan sát, đo đạc, đánh giá. [22].

Tính tích cực nhận thức, tính tích cực trí tuệ, tính tích cực học tập là tính tích cực cá nhân nên đều thể hiện được ở hình thái bên ngoài và hình thái bên trong, trong đó tính tích cực nhận thức là khái niệm có phạm vi rộng nhất, nếu coi học tập là một quá trình nhận thức đặc biệt của người học thì tính tích cực học tập và tính tích cực nhận thức đều phải tiến hành các thao tác trí tuệ cũng

như sự tham gia của toàn bộ nhân cách các em trong quá trình chiếm lĩnh tri thức nhân loại chuyển thành tâm lý, ý thức của bản thân.

Khi xem xét tính tích cực nhận thức của người học có nhiều ý kiến khác nhau:

Nhìn nhận tính tích cực học tập là một dạng của tính tích cực nhận thức, họ xem “sự học tập là trường hợp riêng của sự nhận thức, một sự nhận thức đã được làm cho dễ dàng đi và được thực hiện dưới sự chỉ đạo của giáo viên” [27].

Vì vậy, nói tới tính tích cực học tập, thực chất là nói tới một dạng của tính tích cực nhận thức. “Tính tích cực học tập là một hiện tượng sự phạm biểu hiện ở sự gắng sức cao về nhiều mặt trong hoạt động học tập” [19].

Theo Trần Bá Hoành, tính tích cực nhận thức là trạng thái hoạt động nhận thức của người học đặc trưng ở khát vọng học tập, cố gắng trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình nắm vững kiến thức”. Khác với quá trình nhận thức trong nghiên cứu khoa học, quá trình nhận thức trong học tập không nhằm phát hiện những điều loài người chưa biết mà nhằm lĩnh hội những tri thức loài người đã tích lũy được. Tuy nhiên, trong học tập các em cũng phải “khám phá” ra những hiểu biết mới đối với bản thân mình [20], [21].

I.F. Kharlamôp xem tính tích cực là trạng thái hoạt động của chủ thể là của người hành động “tính tích cực nhận thức là trạng thái hoạt động của học sinh, đặc trưng bởi khát vọng học tập, cố gắng trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình nắm vững tri thức” [27].

Quan điểm của các tác giả khác lại cho tính tích cực học tập là một hành động ý chí hay một phẩm chất nhân cách: R.A.Nizamôp cho tính tích cực học tập là một hành động ý chí, một trạng thái hoạt động đặc trưng bởi sự tăng cường nhận thức của cá nhân, mà biểu hiện của nó là hứng thú toàn diện, sâu sắc đối với kiến thức, với nhiệm vụ học tập, sự cố gắng bền bỉ, tập trung chú ý, huy động thể lực, trí tuệ để đạt mục đích. Nhìn chung tác giả đã thiên về chiều hướng coi tính tích cực là hành động ý chí. [13].

Con người chỉ thực sự nắm vững cái mà chính mình đã giành được bằng hoạt động của bản thân. Người học sẽ thông hiểu và ghi nhớ những gì đã trải qua hoạt động nhận thức tích cực của mình, trong đó các em đã phải có những cố gắng trí tuệ.

Các nhà Tâm lý học Việt Nam như: Phạm Minh Hạc, Nguyễn Quang Uẩn, Trần Trọng Thủy, Nguyễn Ánh Tuyết...[15], [49], [58], [56] đều thống nhất cho rằng: tính tích cực là một phẩm chất nhân cách điển hình của con người. Các thành tố tâm lý của tính tích cực là nhu cầu, động cơ, hứng thú, niềm tin, lý tưởng. Bởi vậy đã nói tới tính tích cực có nghĩa nói tới tính chủ thể trong hoạt động, nói tới tính tương đối ổn định và bền vững của thuộc tính tâm lý này. Tính tích cực là đặc trưng hoạt động của con người.

Vậy, tính tích cực học tập của người học là sự ý thức tự giác của người học về mục đích học, thông qua đó người học huy động ở mức độ cao nhất các chức năng tâm lý để giải quyết các nhiệm vụ học tập có hiệu quả. [13]

Tính tích cực học tập của người học chỉ có thể được nảy sinh, hình thành và phát triển trong hoạt động và bằng hoạt động ... các em phải tự mình chiếm lĩnh và khám phá ra tri thức, phải tự rèn luyện, hoàn thiện bản thân dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

1.4.1.2. Vai trò của tính tích cực trong học tập

Xã hội loài người hình thành và phát triển cho đến ngày nay là nhờ tính tích cực của con người. Tính tích cực biểu hiện ở chỗ con người đã chủ động sản xuất ra những của cải vật chất cần thiết cho sự tồn tại và phát triển xã hội, chủ động biến đổi môi trường tự nhiên để phục vụ nhu cầu cuộc sống, chủ động biến đổi xã hội ngày càng phát triển theo chiều hướng tốt đẹp hơn. Trong hoạt động học tập tích cực thì tính tích cực nhận thức, đặc trưng ở khát vọng hiểu biết, cố gắng trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình chiếm lĩnh tri thức. Quá trình nhận thức trong học tập là nhằm lĩnh hội những tri thức loài người đã tích lũy được (nó khác với quá trình nhận thức trong nghiên cứu khoa học: phát hiện ra

những điều loài người chưa biết). Tuy nhiên trong học tập, người học sẽ thông hiểu, ghi nhớ những gì đã nắm được qua sự hoạt động chủ động và nỗ lực của chính mình. Đến một trình độ nhất định thì sự học tập tích cực sẽ mang tính nghiên cứu khoa học và người học cũng sẽ tìm ra những tri thức mới cho khoa học.

Tính tích cực học tập có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập của người học ... qua quá trình học tập, người học chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như: mục đích, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức dạy và học ... nhưng tính tích cực học tập sẽ quyết định đến chất lượng học tập của người học, nếu các em tham gia tích cực, các em sẽ thu được kết quả học tập cao nhất. Bản chất của hoạt động học tập là một quá trình nhận thức tích cực nên muốn chiếm lĩnh được tinh hoa văn hóa của nhân loại, muốn tồn tại và phát triển trong nền kinh tế tri thức, thì bản thân các em phải thực sự cầu thị, khát khao chiếm lĩnh tri thức, có nghị lực cao vượt qua khó khăn và thực hiện đến cùng mục đích đã đề ra.

Tính tích cực là một thuộc tính của nhân cách, nên nó có mối liên hệ chặt chẽ với sự hình thành, phát triển nhân cách của người học. Nên khi xác định được đúng vị trí và vai trò của môn học thì người học sẽ có thái độ học tập đúng, sẽ tự giác học tập vì chính sự tồn tại và phát triển nhân cách bản thân. Tính tích cực được hiểu ở nhiều góc độ khác nhau nhưng nhìn chung đặc trưng là sự tìm tòi có chủ đích mà kết quả của nó là sự hình thành tri thức mới và sự sáng tạo, đồng thời biểu hiện là sự hứng thú với việc tự học, hoặc nắm bắt nội dung môn học ở mức độ cao hơn do nảy sinh nhu cầu nhận thức. Tính tích cực nhận thức cao không phải chỉ là biết giải một số bài tập nào đó mà còn hiểu rõ, vận dụng trong nhiều tình huống khác nhau. Từ đó cá nhân chiếm lĩnh được phương pháp luận, đạt mục đích nhiệm vụ học tập. Tóm lại, tính tích cực học tập hay tích cực nhận thức là thái độ cải tạo của chủ thể đối với khách thể thông qua sự huy động ở mức độ cao các chức năng tâm lý nhằm giải quyết vấn đề học tập – nhận thức.

Người học trong quá trình tham gia học tập, vừa là khách thể, vừa là đối tượng của hoạt động dạy, vừa là chủ thể chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng theo mục đích nhiệm vụ của quá trình dạy học. Hoạt động của người học được gọi là tích cực khi bản thân người học có tính lựa chọn đối tượng nhận thức, đề ra cho mình mục đích, nhiệm vụ cần giải quyết sau khi đã lựa chọn đối tượng và tiến hành cải tạo đối tượng nhằm giải quyết vấn đề.

Muốn phát huy tính tích cực của người học thì phương pháp, kỹ thuật dạy học cũng phải hướng vào khơi dậy, rèn luyện và phát triển khả năng nghĩ và làm một cách tự chủ, năng động và sáng tạo ngay trong học tập và lao động ở nhà trường. Phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của người học có nghĩa là phải thay đổi cách dạy và cách học. Phải lấy người học làm trung tâm hay còn được gọi là dạy và học tích cực. Trong cách dạy này người học là chủ thể hoạt động, giáo viên là người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn, tạo nên sự tương tác tích cực giữa người dạy và người học.

Do đó, cần phải đổi mới mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức ... sao cho người học thấy việc học tập là của chính các em để các em ý thức được mục đích việc học tập, tự đề ra mục đích, vạch kế hoạch và thực hiện kế hoạch một cách có hiệu quả.

Theo qui luật phát triển của sự vật, ngoại lực dù quan trọng đến đâu cũng chỉ là nhân tố hỗ trợ, thúc đẩy, tạo điều kiện. Nội lực mới chính là nhân tố quyết định phát triển bản thân sự vật. Sự phát triển này đạt đỉnh cao khi nội và ngoại lực cộng hưởng được với nhau.

Theo đó, thầy: chủ thể của hoạt động dạy và môi trường xã hội (lớp học, gia đình, xã hội ...) có tác dụng giáo dục người học là ngoại lực. Học sinh: chủ thể của hoạt động học với nhận thức tích cực, sáng tạo, tự học ... là nội lực. Tác động của thầy (“không thầy đố mày làm nên”) hay của môi trường xã hội (“Học thầy không tày học bạn”, “phối hợp giáo dục giữa gia đình – nhà trường và xã hội”) cho dù quan trọng đến mức độ nào, vẫn là ngoại lực giúp đỡ cho người

học. Sức học hay năng lực tự học của các em dù non nớt đến đâu vẫn là nội lực quyết định sự phát triển của bản thân [20], [21], [29], [30]

1.4.2. Tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất

1.4.2.1. Khái niệm tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất

Tính tích cực tham gia rèn luyện thể được hiểu là mức độ chủ động, tự giác và động lực của cá nhân trong việc tham gia vào các hoạt động thể chất nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực và kỹ năng vận động. Tính tích cực này không chỉ thể hiện qua tần suất và mức độ tham gia, mà còn qua thái độ, động cơ và sự duy trì tập luyện lâu dài [65]

1.4.2.2. Đặc điểm của tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất

Tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất là sự chủ động, hăng hái và tự giác của cá nhân trong việc thực hiện các hoạt động rèn luyện thể chất nhằm cải thiện sức khỏe, nâng cao thể lực, và phát triển các kỹ năng vận động. Tính tích cực này thể hiện qua sự hứng thú, cam kết và nỗ lực không ngừng của cá nhân trong quá trình rèn luyện, giúp họ đạt được các mục tiêu về thể chất, đồng thời phát triển các phẩm chất cá nhân như kỷ luật, kiên trì, và tinh thần đồng đội.

Trong quá trình rèn luyện, người có tính tích cực không chỉ tuân thủ các yêu cầu của chương trình mà còn tự giác tìm kiếm cơ hội để tham gia thêm các hoạt động ngoại khóa hoặc tự rèn luyện ngoài giờ. Tính tích cực được thể hiện qua hành vi tự giác, thái độ nỗ lực vượt qua khó khăn, và kết quả rõ rệt trong việc cải thiện thể lực và kỹ năng thể thao.

❖ Đặc điểm của tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất bao gồm:

- Tính chủ động và tự giác: Học viên có tính tích cực trong rèn luyện thể chất thường tự giác và chủ động tham gia vào các hoạt động thể chất mà không cần sự thúc ép. Họ nhận thấy rõ lợi ích của việc rèn luyện và tự nguyện thực hiện các bài tập để nâng cao thể lực.

- Kiên trì và quyết tâm: Những học viên có tính tích cực cao luôn kiên trì vượt qua các khó khăn trong quá trình rèn luyện. Họ không bỏ cuộc khi đối mặt

với những thách thức về thể lực, mà thay vào đó, họ luôn tìm cách vượt qua và hoàn thành các nhiệm vụ.

- Hứng thú và đam mê: Tính tích cực thể hiện qua sự hứng thú và đam mê với các hoạt động thể chất. Học viên có thái độ tích cực thường vui vẻ tham gia các bài tập, coi việc rèn luyện thể chất như một hoạt động bổ ích giúp phát triển bản thân cả về thể lực lẫn tinh thần.

- Tính hợp tác và tinh thần đồng đội: Học viên tích cực luôn sẵn sàng hợp tác với bạn bè và đồng đội trong các hoạt động tập luyện. Họ nhận ra rằng sự hỗ trợ lẫn nhau không chỉ giúp nâng cao hiệu quả của quá trình rèn luyện mà còn xây dựng mối quan hệ tích cực với những người xung quanh.

- Chủ động tìm kiếm cơ hội rèn luyện: Học viên có tính tích cực cao không chỉ tham gia vào các giờ học chính khóa mà còn tự giác tìm kiếm các cơ hội để tập luyện thêm, như tham gia các câu lạc bộ thể thao hoặc rèn luyện thể chất ngoài giờ.

- Tập trung và chú ý: Học viên tích cực luôn tập trung khi thực hiện các bài tập thể chất, chú ý đến từng chi tiết của động tác và lắng nghe hướng dẫn từ giáo viên. Sự chú ý cao độ này giúp họ thực hiện các bài tập một cách chính xác và hiệu quả, đồng thời tránh các chấn thương không đáng có.

- Thể hiện qua kết quả: Tính tích cực trong rèn luyện thể chất còn được thể hiện qua kết quả mà học viên đạt được. Họ thường có sự tiến bộ rõ rệt về kỹ năng vận động, sức bền, sức mạnh và các tố chất thể lực khác, giúp họ đạt được kết quả cao trong các kỳ kiểm tra thể chất và thể thao.

Bên cạnh các đặc điểm nêu trên, tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất còn được thể hiện qua các biểu hiện về xúc cảm, chú ý, hành vi, nỗ lực ý chí, và kết quả lĩnh hội trong rèn luyện thể chất như sau:

Biểu hiện xúc cảm: Tính tích cực thể hiện qua cảm xúc tích cực của học viên khi tham gia vào các hoạt động rèn luyện thể chất. Những học viên tích cực thường có thái độ vui vẻ, phấn khích, hứng thú khi tập luyện. Họ không coi rèn luyện thể chất là nghĩa vụ bắt buộc mà là cơ hội để phát triển bản thân, cải thiện

sức khỏe và năng lực vận động.

Biểu hiện chú ý: Học viên tích cực luôn duy trì sự tập trung cao độ khi tham gia các bài tập. Họ chú ý lắng nghe hướng dẫn của giáo viên, tập trung vào từng động tác kỹ thuật để thực hiện chính xác. Sự chú ý này giúp họ hạn chế tối đa các lỗi kỹ thuật và tránh được các chấn thương không đáng có.

Biểu hiện hành vi: Tính tích cực còn được thể hiện qua các hành vi tích cực của học viên, như chủ động tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất mà không cần sự thúc ép, tự giác hoàn thành bài tập và không bỏ dở giữa chừng. Học viên tích cực cũng thường có hành vi hợp tác tốt với đồng đội trong các hoạt động thể thao nhóm, sẵn sàng hỗ trợ và khuyến khích nhau cùng tiến bộ.

Nỗ lực ý chí: Nỗ lực vượt qua những khó khăn trong quá trình tập luyện là một dấu hiệu quan trọng của tính tích cực. Học viên tích cực thường kiên trì, không dễ dàng bỏ cuộc khi gặp bài tập khó hoặc khi gặp phải thách thức về thể lực. Họ luôn nỗ lực hết mình để vượt qua giới hạn bản thân và đạt được các mục tiêu rèn luyện.

Kết quả lĩnh hội: Tính tích cực được thể hiện rõ qua sự tiến bộ trong việc nắm bắt kỹ năng và kết quả thể lực. Những học viên tích cực thường có sự phát triển nhanh chóng về kỹ năng vận động, khả năng chịu đựng, sức mạnh và sự linh hoạt. Họ có khả năng tiếp thu nhanh các kỹ thuật mới và thể hiện sự tiến bộ rõ ràng qua các bài kiểm tra hoặc trong các hoạt động thi đấu thể thao.

Tóm lại, các đặc điểm của tính tích cực trong rèn luyện thể chất thể hiện qua sự hài hòa giữa cảm xúc tích cực, sự chú ý, hành vi chủ động, nỗ lực ý chí và kết quả thực tiễn mà học viên đạt được. Những biểu hiện này không chỉ thúc đẩy quá trình rèn luyện mà còn tạo điều kiện cho học viên phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. [65]

1.4.2.3. Vai trò của tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất

Nâng cao sức khỏe và thể lực: Tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất giúp học viên cải thiện sức khỏe toàn diện, tăng cường sức mạnh cơ bắp, sức bền, và khả năng thích ứng của cơ thể với những yêu cầu vận động cao, từ đó góp phần phòng ngừa các bệnh lý phổ biến và cải thiện chất lượng sống.

Phát triển kỹ năng xã hội và ý thức kỷ luật: Thông qua hoạt động rèn luyện thể chất, học viên học được cách làm việc nhóm, tôn trọng kỷ luật và cùng nhau vượt qua thử thách, qua đó hình thành tinh thần đồng đội và trách nhiệm.

Tăng cường sự tự tin và khả năng thích ứng: Khi đối mặt với các thử thách trong hoạt động thể chất, học viên tích cực rèn luyện không chỉ đạt được những tiến bộ về thể lực mà còn phát triển khả năng vượt qua khó khăn, tạo dựng sự tự tin và linh hoạt trong các tình huống khác nhau.

Hỗ trợ phát triển toàn diện: Tính tích cực trong rèn luyện thể chất không chỉ giúp phát triển về mặt thể chất mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển các phẩm chất cá nhân như ý chí, lòng kiên trì, khả năng tự chủ, góp phần định hình một nhân cách toàn diện và bản lĩnh trước những thử thách.

Tính tích cực trong rèn luyện thể chất có vai trò then chốt đối với sự phát triển toàn diện của học viên, đặc biệt trong môi trường giáo dục tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II. Việc thúc đẩy tính tích cực không chỉ giúp học viên cải thiện thể lực, mà còn hỗ trợ phát triển những kỹ năng và phẩm chất cần thiết cho quá trình công tác sau này, như sự kiên trì, kỷ luật, khả năng làm việc nhóm, và tinh thần trách nhiệm. Tính tích cực là yếu tố quan trọng giúp học viên duy trì thói quen tập luyện đều đặn, từ đó phát triển các tố chất thể lực như sức bền, sức mạnh, và sự linh hoạt.

Tóm lại, tính tích cực trong rèn luyện thể chất là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của học viên. Thông qua các biểu hiện về hành vi, xúc cảm, ý chí, chú ý, và kết quả lĩnh hội, tính tích cực giúp học viên không chỉ hoàn thành tốt chương trình đào tạo mà còn chuẩn bị tốt hơn cho những nhiệm vụ phức tạp sau khi ra trường. [63], [64], [80]

1.4.2.4. Đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất

Để đánh giá tính tích cực rèn luyện thể chất của học viên, cần thực hiện qua nhiều phương pháp khác nhau, bao gồm việc sử dụng các bài kiểm tra định lượng và định tính nhằm đo lường mức độ tham gia và hiệu quả của quá trình rèn luyện thể chất. Cụ thể, các phương pháp đánh giá có thể bao gồm [63], [64], [80]:

1. Phương pháp định lượng:

- Theo dõi tần suất tham gia: Sử dụng các bảng điểm danh, phiếu theo dõi để ghi nhận số buổi học viên tham gia vào các hoạt động rèn luyện thể chất, bao gồm cả những buổi học chính khóa và ngoại khóa.

- Kiểm tra thể lực: Thực hiện các bài kiểm tra thể lực định kỳ để đánh giá sự tiến bộ của học viên. Các bài kiểm tra này có thể bao gồm kiểm tra sức bền, tốc độ, độ dẻo dai, và sức mạnh. Kết quả của những lần kiểm tra này phản ánh mức độ tham gia và hiệu quả của việc rèn luyện.

2. Phương pháp định tính:

Khảo sát học viên: Thực hiện các buổi phỏng vấn với học viên để thu thập thông tin về quan điểm, thái độ và động lực của họ đối với việc tham gia rèn luyện thể chất. Thông qua các câu hỏi, giảng viên có thể đánh giá được mức độ cam kết và tích cực của học viên.

Quan sát thực tế: Sử dụng phương pháp quan sát trực tiếp trong các buổi tập luyện để đánh giá hành vi và thái độ của học viên khi tham gia vào các hoạt động. Sự hứng thú, tinh thần hợp tác, và mức độ nỗ lực trong mỗi buổi tập đều có thể được ghi nhận để phản ánh tính tích cực.

Nhật ký rèn luyện: Khuyến khích học viên tự ghi chép lại quá trình tập luyện của mình qua các bài tập, cảm nhận sau khi rèn luyện và các mục tiêu đạt được. Qua việc phân tích những nhật ký này, giảng viên có thể hiểu rõ hơn về mức độ tự giác và sự nỗ lực của học viên.

3. Phương pháp hỗn hợp:

Kết hợp các bài kiểm tra định kỳ và khảo sát: Việc phối hợp giữa các bài kiểm tra thể lực và khảo sát động lực cho phép đưa ra những đánh giá toàn diện hơn về tính tích cực tham gia của học viên. Điều này cũng giúp xác định được những yếu tố cần điều chỉnh trong chương trình tập luyện.

Phân tích kết quả học tập và rèn luyện: Đánh giá sự tương quan giữa kết quả học tập lý thuyết và kết quả rèn luyện thể chất của học viên để xác định tính hiệu quả và mức độ tham gia của học viên vào cả hai khía cạnh lý thuyết và thực hành.

Trong nghiên cứu này tác giả sử dụng phương pháp hỗn hợp để đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên. Trong đó phương pháp định lượng là đánh giá thể lực của học viên thông qua các tiêu chí đánh giá thể lực tại Thông tư 106/TT-BCA ngày 08/10/2020 của Bộ Công an về quy định chế độ rèn luyện thể lực trong Công an nhân dân. [9]

Phương pháp định tính là sử dụng phiếu hỏi để đánh giá tính tích cực của học viên thông qua các câu hỏi được thiết kế sẵn. Các nội dung đánh giá định tính dựa trên đặc điểm của tính tích cực trong rèn luyện thể chất thể hiện qua các nội dung như sau: Biểu hiện xúc cảm; Biểu hiện chú ý; Biểu hiện hành vi; Nỗ lực ý chí và Kết quả lĩnh hội khi tham gia rèn luyện thể chất của học viên.

1.4.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất

Tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau. Dưới đây là một số yếu tố chính đã được nghiên cứu và ghi nhận:

Yếu tố chủ quan (từ phía học viên)

- Nhận thức và động cơ: Nhận thức rõ ràng về lợi ích của rèn luyện thể chất giúp học viên có động lực cao hơn trong quá trình tập luyện. Động cơ rèn luyện có thể xuất phát từ nhu cầu phát triển thể lực cá nhân, yêu cầu của nhà trường hoặc sự đam mê thể thao.

- Thể trạng và sức khỏe cá nhân: Những học viên có thể lực tốt, ít gặp chấn thương thường tích cực hơn trong rèn luyện. Ngược lại, những học viên có

thể trạng yếu hoặc mắc các vấn đề sức khỏe có xu hướng ít tham gia hơn.

- Thói quen và ý chí cá nhân: Những học viên có thói quen tập luyện từ trước sẽ dễ dàng duy trì hơn so với những người ít vận động. Ngoài ra, ý chí và tinh thần quyết tâm cũng ảnh hưởng đến mức độ kiên trì trong rèn luyện.

Yếu tố khách quan (môi trường tác động)

- Chương trình và phương pháp giảng dạy: Chương trình GDTC phải phù hợp với năng lực của học viên, có tính linh hoạt và thực tiễn cao để tạo động lực tham gia. Phương pháp giảng dạy sinh động, sáng tạo giúp tăng hứng thú cho học viên.

- Ảnh hưởng từ giảng viên và bạn bè: Sự hướng dẫn tận tâm của giảng viên, cùng với môi trường tập luyện tích cực từ bạn bè, tạo ra động lực lớn thúc đẩy học viên tham gia rèn luyện.

- Cơ sở vật chất và điều kiện tập luyện: Trang thiết bị đầy đủ, sân bãi tập luyện hiện đại giúp học viên có điều kiện tốt để duy trì thói quen rèn luyện. Nếu điều kiện tập luyện hạn chế, học viên có thể mất động lực tham gia.

- Chính sách và quy định của nhà trường: Việc đánh giá thể lực theo quy định của Bộ Công an và yêu cầu tốt nghiệp có thể tạo áp lực nhưng cũng là động lực để học viên chủ động rèn luyện thể chất.

1.5. Các công trình nghiên cứu liên quan

1.5.1. Các công trình nghiên cứu về tính tích cực

Các nhà Tâm lý học Việt Nam như Phạm Minh Hạc, Phạm Tất Dong, Nguyễn Quang Uẩn, Trần Trọng Thủy, Hồ Ngọc Đại, Trần Hữu Luyện, Nguyễn Kế Hào, Bùi Văn Huệ, Ngô Công Hoàn...tiếp cận quan điểm duy vật biện chứng và hoạt động đều coi nhân cách là chủ thể có ý thức. Tính tích cực là một thuộc tính của nhân cách. Tính tích cực của nhân cách bao gồm các thành tố tâm lý như nhu cầu, động cơ, hứng thú, niềm tin, lý tưởng. Các thành tố tâm lý này của tính tích cực luôn tác động qua lại lẫn nhau, được thể hiện ở những hoạt động muôn màu, muôn vẻ và đa dạng nhằm biến đổi, cải tạo, thế giới xung

quanh, cải tạo bản thân con người, cải tạo những đặc trưng tâm lý của mình [15], [17], [58], [37].

Babaxki Iu. K (1981), Kharlamốp I.F (1979) cho rằng tính tích cực là trạng thái của chủ thể, là sự huy động các chức năng tâm lý ở mức độ cao, nhằm nhận thức và cải tạo thế giới, đồng thời cũng nhận thức và cải tạo chính bản thân. Tính tích cực của người học chỉ có thể nảy sinh, hình thành và phát triển trong hoạt động và bằng hoạt động, người học phải tự chiếm lĩnh và khám phá những tri thức và phải tự rèn luyện, hoàn thiện bản thân dưới sự hướng dẫn của giáo viên [2], [27].

Nguyễn Ngọc Bảo (1995), Trần Bá Hoàn, Lê Tràng Định, Phó Đức Hòa (2003), Trần Kiều, Nguyễn Lan Phương (1997) các tác giả cho rằng hứng thú và tự giác là 2 yếu tố tâm lý tạo nên tính tích cực, tính tích cực là phẩm chất vốn có của con người được thể hiện trong các hoạt động. Qua đó, các tác giả đã nêu bật được đặc trưng của phương pháp dạy và học tích cực cho HS, SV, bản chất của hoạt động học tập là một quá trình nhận thức tích cực, nên muốn chiếm lĩnh được nó, người học phải thực sự cầu thị, khát khao chiếm lĩnh tri thức, có nghị lực cao để vượt qua ...tính tích cực học tập chẳng những là điều kiện của học tập mà còn là sự hình thành và phát triển nhân cách của HS, SV [21], [3], [28].

Luận án Tiến sĩ Tâm lý học của Đào Lan Hương với đề tài “Nghiên cứu sự tự đánh giá phù hợp về thái độ học toán của SV Cao đẳng Sư phạm Hà Nội” cũng đã nghiên cứu lý luận và thực tiễn về thái độ học tập tích cực của SV (một thành phần rất quan trọng trong tính tích cực học tập của SV). Dựa vào đây chúng tôi đã phân tích nội dung và biểu hiện thái độ học tập của các em [23].

Luận án Tiến sĩ Giáo dục học “Tích cực hoá hoạt động nhận thức của HS bằng quan sát kết hợp thảo luận nhóm trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở bậc Tiểu học” của Nguyễn Thị Hương đã hệ thống hoá, khái quát hoá về lịch sử vấn đề, khái niệm, dấu hiệu nhận biết tính tích cực học tập của HS nói chung,

tính tích cực học môn Tự nhiên và Xã hội ở bậc Tiểu học nói riêng tương đối rõ nét và đầy đủ [24].

1.5.2. Các công trình nghiên cứu về tính tích cực trong GDTC

Nguyễn Thành Trung (2015), [52] “Một số biện pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học giáo dục thể chất của SV trường Đại học Tây Đô”. Qua nghiên cứu đề tài rút ra một số kết luận về biểu hiện tích cực học tập của SV trong các hình thức rèn luyện TDDT cao nhất là hình thức học thực hành ở sân bãi và thấp nhất là ôn tập động tác cũ. Ảnh hưởng đến thái độ và tính tích cực của SV đối với giờ học giáo dục thể chất do nhiều yếu tố: trình độ chuyên môn và thái độ của người dạy; sân tập, dụng cụ tập luyện; nhận thức về lợi ích môn học; nội dung môn học. Qua đó đưa ra các biện pháp có hiệu quả nâng cao tính tích cực đối với giờ học môn giáo dục thể chất của SV bao gồm: Nâng cấp cơ sở vật chất; tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá theo sự phát triển của từng cá nhân; tổ chức phong trào thi đua giữa các lớp; tổ chức thao giảng, dự giờ của giáo viên; tổ chức thảo luận, mạn đàm để nâng cao nhận thức về môn học cho SV.

Mai Thị Nụ (2017), “Đề xuất một số giải pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học giáo dục thể chất cho SV Trường Đại học Khánh Hòa”. Trên cơ sở kết quả thực trạng tính tích cực của SV trong giờ học giáo dục thể chất và phân tích SWOT về công tác giáo dục thể chất của Trường Đại học Khánh Hòa, nghiên cứu đề xuất 24 giải pháp cụ thể trong 5 nhóm để góp phần nâng cao tính tích cực trong giờ học giáo dục thể chất cho SV của trường Đại học Khánh Hòa như sau: Nhóm giải pháp dành cho nhà trường (5 giải pháp); Nhóm giải pháp dành cho Bộ môn (5 giải pháp); Nhóm giải pháp dành cho Giảng viên (6 giải pháp); Nhóm giải pháp dành cho sinh viên (4 giải pháp); Nhóm giải pháp về tuyên truyền về hoạt động TDDT tại Trường (4 giải pháp) [33].

Nguyễn Văn Trọng (2020), *Đánh giá hiệu quả các biện pháp nâng cao tính tự giác tích cực trong giờ học giáo dục thể chất cho sinh viên học viện An ninh Nhân dân sau 01 năm thực nghiệm*. Căn cứ vào kết quả phân tích và tổng

hợp tài liệu, quan sát sự phạm và phỏng vấn trên diện rộng, bộ môn đã lựa chọn được 06 biện pháp nâng cao tính tự giác, tích cực học tập môn học GDTC cho sinh viên Học viện ANND gồm:

- Biện pháp đối với nhà quản lý: Biện pháp 1. Xây dựng quy chế quản lý chặt chẽ và phù hợp với môn GDTC; Biện pháp 2. Cải tiến nội dung chương trình cho phù hợp với đặc thù của SV và điều kiện thực tiễn của Học viện; Biện pháp 3. Cải tạo, nâng cấp sân bãi, bổ sung dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy và hoạt động TDTT.

- Biện pháp đối với giáo viên: Biện pháp 1. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giáo viên trong quá trình giảng dạy; Biện pháp 2. Đổi mới phương pháp giảng dạy cho sinh động, hấp dẫn để nâng cao tính tự giác tích cực trong giờ học của SV

- Biện pháp đối với SV: Biện pháp 1. Tăng cường giáo dục ý nghĩa mục đích của môn học GDTC.

Bước đầu ứng dụng vào thực tế. Kết quả cho thấy, các biện pháp lựa chọn đã có hiệu quả cao trong việc nâng cao tính tự giác, tích cực học tập môn GDTC, kết quả học tập môn GDTC và trình độ thể lực của SV học viên ANND. [53]

Đỗ Tấn Phong (2020), Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học thể dục cho học sinh khiếm thị trường phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn và các nguyên tắc tính mục tiêu, Đảm bảo tính hệ thống, Đảm bảo tính đồng bộ, Đảm bảo tính kế thừa và bổ sung, Đảm bảo tính thực tiễn, Đảm bảo tính khả thi và qua tổng hợp tài liệu và tham khảo ý kiến của các chuyên gia, CBQL luận án đã chọn được 03 nhóm giải pháp với 22 giải pháp khả thi nâng cao tính tích cực trong giờ học thể dục cho học sinh khiếm thị trường phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Nhóm giải pháp

1: Tính tích cực nhận thức (6 giải pháp); Nhóm giải pháp 2: Tính tích cực trí tuệ (7 giải pháp); Nhóm giải pháp 3: Tính tích cực học tập (9 giải pháp). [36]

Dương Thị Mỹ Ngọc (2023), Giải pháp nâng cao tính tích cực trong hoạt động ngoại khóa các môn thể thao của sinh viên khoa Giáo dục thể chất Trường Đại học Quảng Nam. Qua nghiên cứu tác giả đã đánh giá được thực trạng công tác GDTC ở Trường Đại học Quảng Nam còn nhiều tồn tại: cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác giảng dạy và học tập môn học GDTC còn chưa đầy đủ; phần lớn sinh viên có cái nhìn chưa đúng về tầm quan trọng của GDTC dẫn đến kết quả học tập chưa tốt; phong trào TDTT của nhà trường cũng còn chưa được quan tâm nhiều. Quá trình nghiên cứu đã chọn lựa được 7 giải pháp nâng cao tính tích cực trong hoạt động ngoại khóa cho sinh viên Trường Đại học Quảng Nam. [34]

Lam, Nicola (2005), Khảo sát về mối quan hệ giữa thái độ đối với giáo dục thể chất và tỷ lệ tham gia vào hoạt động thể chất ngoại khóa. Trong nghiên cứu đã đánh giá thái độ của HS đối với hoạt động giáo dục thể chất bao gồm các nội dung như: khả năng nhận thức của HS với hoạt động giáo dục thể chất ngoại khóa, đánh giá của HS đối với giáo viên phụ trách công tác hoạt động giáo dục thể chất, và đánh giá của HS đối với các vấn đề liên quan đến cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho tập luyện giáo dục thể chất tại nhà trường [71].

Subramaniam, P.R., & Silverman, S. (2007), thái độ của học sinh trường trung học phổ thông với giáo dục thể chất. Mục đích của nghiên cứu này là xác định HS trường trung học phổ thông đối với giáo dục thể chất bằng cách sử dụng một công cụ thái độ dựa trên lý thuyết thái độ. Ngoài ra, cuộc điều tra này cũng tìm cách xác định xem giới tính và cấp lớp có ảnh hưởng đến thái độ của HS đối với vấn đề này hay không. Những người tham gia vào nghiên cứu này là 995 HS từ lớp 6 đến lớp 8. Một công cụ thái độ được xác nhận trước đó dựa trên quan điểm hai thành phần về thái độ với điểm số cho thấy bằng chứng về độ tin cậy và giá trị đã được sử dụng. Nhìn chung, tất cả những HS đều có thái độ tích cực đối với giáo dục thể chất. Tuy nhiên, đã có sự suy giảm về điểm số khi HS tiến

bộ ở cấp lớp thể hiện thái độ tích cực đối với giáo dục thể chất ở các cấp lớp khác nhau. [78]

Barney. D. C. (2012), Thái độ chung của HS trung học hướng tới giáo dục thể chất. Mục đích của nghiên cứu để xác định thái độ của HS trung học cơ sở đối với giáo dục thể chất. Nghiên cứu được tiến hành trên 227 HS trung học ở miền Tây của Mỹ. Qua nghiên cứu đã thấy rằng HS trung học có thái độ tích cực đối với giáo dục thể chất nhiều hơn, đặc biệt là HS cảm thấy rằng giáo dục thể chất là quan trọng trong giáo dục của họ và là hoạt động mà họ tham gia để tạo sự vui vẻ và lớp học giáo dục thể chất là một khía cạnh quan trọng trong ngày học của HS [62].

Endris Yimer (2014), Thái độ của HS đối với việc học giáo dục thể chất ở một số trường trung học được lựa chọn của thành phố Addis Ababa. Nghiên cứu điều tra thái độ của HS học giáo dục thể chất ở một số trường trung học được chọn của Addis Ababa. Các dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi sau đó thông tin được phân tích bởi phần mềm máy tính excel bằng các bước phân tích định tính và định lượng. Cụ thể, HS có thái độ tốt đối với giáo dục thể chất có liên quan đến sức khỏe, tham gia, thưởng thức, chương trình giảng dạy, không hài lòng và giáo viên giáo dục thể chất của họ. Có thể kết luận rằng giáo dục thể chất có một vai trò to lớn trong việc giữ cho các cá nhân phù hợp và khỏe mạnh thông qua việc tham gia các hoạt động thể chất thường xuyên hàng ngày, nó đóng góp tích cực vào cải thiện mối quan hệ và đào tạo cho lãnh đạo, thời gian và số lượng thời gian cũng như các hoạt động ngoại khóa liên quan đến giáo dục thể chất nên được tăng cường và cung cấp để trang bị cho HS những kiến thức, kỹ năng và giá trị đạo đức cần thiết. Bên cạnh đó, điều quan trọng là giáo viên nên được yêu cầu tạo và sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy phù hợp và cho phép khuyến khích hầu hết SV tham gia và thể hiện khả năng của họ [67].

Tiểu kết chương 1:

Thông qua việc phân tích các khái niệm và nghiên cứu trước đó, chương này cung cấp cơ sở lý luận cho việc xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất.

Các khái niệm về GDTC, thể chất, rèn luyện thể chất và tính tích cực đều được làm rõ, khẳng định vai trò của các vấn đề nêu trên trong việc phát triển toàn diện cho học viên cả về thể chất lẫn tinh thần. Từ những phân tích trên, tác giả nhận thấy rằng việc nâng cao tính tích cực của học viên không chỉ phụ thuộc vào chương trình giảng dạy, cơ sở vật chất mà còn cần đến những phương pháp tiếp cận giáo dục phù hợp, động viên học viên tham gia một cách tự giác và có trách nhiệm. Đặc biệt, cần phải tìm ra các giải pháp phải đáp ứng nhu cầu thực tế của học viên, đồng thời tạo điều kiện phát triển những kỹ năng cần thiết để giúp họ đạt được mục tiêu GDTC đề ra. Do đó, cần tập trung vào việc đánh giá các vấn đề liên quan đến tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất, từ đó xây dựng những giải pháp mang tính thực tiễn, khả thi và có giá trị áp dụng lâu dài cho học viên.

Chương 1 cũng đã tổng hợp được các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài. Đây là cơ sở quan trọng giúp định hình và phát triển những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao tính tích cực trong rèn luyện thể chất của học viên. Kết quả của các nghiên cứu đã được công bố cung cấp cái nhìn toàn diện về những yếu tố ảnh hưởng, đồng thời chỉ ra những khoảng trống trong các giải pháp hiện tại. Việc tham khảo và phân tích các công trình nghiên cứu không chỉ giúp xác định được các yếu tố then chốt trong quá trình nâng cao tính tích cực mà còn làm rõ hướng đi đúng đắn cho nghiên cứu này.

Qua tham khảo các nghiên cứu trước là tài liệu tham khảo để xây dựng các giải pháp thực tế và mang tính ứng dụng cao, phù hợp với đặc điểm và điều kiện của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II. Điều này đảm bảo tính khoa học và thực tiễn cho các giải pháp được đề xuất, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và phát triển toàn diện thể lực cho học viên.

Chương 2

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu:

Giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

2.1.2. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu của luận án bao gồm các nhóm:

-Nhóm học viên: 750 học viên của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II bao gồm các thành phần như sau:

+ 400 học viên tham gia khảo sát đánh giá công tác GDTC, hoạt động TDTT ngoại khóa, đánh giá tính tích cực, kiểm tra thể lực.

+ 150 học viên tham gia phỏng vấn thử xây dựng thang đo đánh giá định tính tính tích cực.

+ 200 học viên tham gia TN các giải pháp (100 học viên nhóm TN, 100 học viên nhóm ĐC)

Nhóm các cán bộ quản lý, giảng viên, các nhà khoa học:

+ 40 người là các cán bộ quản lý, giảng viên, các nhà khoa học đang công tác tại Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II và các đơn vị liên quan đến hoạt động GDTC tại TP.HCM tham gia đánh giá các giải pháp của nghiên cứu đề xuất.

+ 20 người là các cán bộ quản lý, giảng viên đang công tác tại Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II tham gia đánh giá xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC.

+ 40 người là các cán bộ quản lý, giảng viên đang công tác tại Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II tham gia đánh giá thực trạng công tác GDTC tại trường.

2.1.3. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung: Tính tích cực trong việc tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

- Không gian: Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II và Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời gian: từ tháng 12/2020 đến tháng 12/2024.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu [38], [50]

Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu nhằm thu thập những thông tin có liên quan mang tính lý luận, phân tích, tổng hợp và hệ thống các kiến thức đó, qua đó hình thành cơ sở lý luận phục vụ cho việc nghiên cứu của luận án. Các nội dung phân tích tài liệu liên quan đó là:

- Nghiên cứu tài liệu, văn kiện về công tác GD&ĐT, GDTC, TDTT ở bậc ĐH có liên quan đến Luận án như: Các văn kiện, các chỉ thị, nghị quyết, thông tư, quyết định, quy chế của Đảng và Nhà nước, chính phủ, Bộ GD&ĐT làm cơ sở nghiên cứu của luận án.

- Nghiên cứu văn bản, quyết định, quy định của Ban giám hiệu Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II về việc chỉ đạo xây dựng, tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất cho học viên.

- Nghiên cứu các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, tạp chí khoa học trong nước và quốc tế có liên quan đến mục tiêu nghiên cứu của luận án.

Trong nghiên cứu này phương pháp minh chứng hồ sơ được sử dụng để thu thập, kiểm chứng và đối chiếu các tài liệu chính thức như Thông tư, Nghị định, báo cáo tổng kết, kế hoạch đào tạo GDTC nhằm làm rõ thực trạng và cơ sở pháp lý của các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất. Phương pháp này giúp tăng độ tin cậy của nghiên cứu, cung cấp bức tranh tổng thể về công tác GDTC tại Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II và hỗ trợ đánh giá hiệu quả của các giải pháp đề xuất. Việc đối chiếu dữ liệu hồ sơ với kết quả khảo sát thực tế giúp đảm bảo tính khách quan, khoa học và thực tiễn của nghiên cứu. Các nội dung liên quan như sau:

- Thu thập và phân tích các văn bản chính thức liên quan đến giáo dục thể chất, bao gồm Thông tư, Nghị định, Quy định của Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác rèn luyện thể chất trong các trường đào tạo lực lượng công an.

- Xác minh các báo cáo tổng kết, kế hoạch đào tạo GDTC của nhà trường nhằm đánh giá thực trạng và xu hướng phát triển trong công tác rèn luyện thể chất.

- Đối chiếu với kết quả khảo sát thực tế, so sánh giữa dữ liệu hồ sơ với kết quả khảo sát học viên để tìm ra sự nhất quán hoặc khác biệt, từ đó đưa ra nhận định khách quan.

- Làm rõ cơ sở pháp lý của các giải pháp đề xuất, đảm bảo rằng các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất phù hợp với quy định hiện hành.

2.2.2. Phương pháp điều tra xã hội học [38]

2.2.2.1. Phương pháp điều tra bằng phiếu (Anket)

Phương pháp điều tra bằng phiếu (Anket): là phương pháp thu thập thông tin gián tiếp dựa trên phiếu khảo sát. Phiếu khảo sát được nghiên cứu xây dựng trên cơ sở tham khảo các tài liệu, các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung nghiên cứu của luận án xoay quanh vấn đề rèn luyện thể chất cho học viên, đánh giá tính tích cực trong việc rèn luyện thể chất của học viên. Phiếu khảo sát được thiết lập qua các bước:

- + Dự thảo phiếu khảo sát
- + Tiến hành phỏng vấn thử và hiệu chỉnh
- + Hoàn thiện phiếu khảo sát và tiến hành khảo sát.

Sau khi thực hiện các bước kiểm định tính hợp lệ và độ tin cậy của phiếu khảo sát, xây dựng hoàn chỉnh bộ phiếu khảo sát chính thức. Tiến hành điều tra, khảo sát bằng phiếu trên học viên tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Khách thể tham gia phỏng vấn bao gồm:

- 400 học viên đánh giá về công tác GDTC, Thể thao ngoại khóa, đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất

- 150 học viên tham gia phỏng vấn thử để xác định thang đo đánh giá tính tích cực.

- +40 người là các CBQL, giảng viên (GV) phụ trách công tác TDTT tại Trường Cảnh sát nhân dân II để đánh giá thực trạng công tác GDTC.

- 20 người là các cán bộ giảng viên để xác định các tiêu chí đánh giá thực

trạng công tác GDTC

2.2.2.2. Phương pháp phỏng vấn chuyên gia

Là phương pháp thu thập và xử lý những đánh giá, dự báo bằng cách tập hợp hỏi ý kiến các chuyên gia giỏi về một lĩnh vực. Phỏng vấn hỏi các chuyên gia để kiểm tra độ chặt chẽ về nội dung của mẫu phiếu khảo sát và mối tương quan của các câu hỏi trong mẫu phiếu khảo sát bằng cách tập hợp các ý kiến của các chuyên gia. Nhóm chuyên gia bao gồm các chuyên gia là các nhà khoa học, CBQL, GV phụ trách công tác TDDT tại các trường ĐH, Cao đẳng. Kết quả phản hồi và sửa chữa của các chuyên gia sẽ mang lại giá trị hợp lệ cho mẫu phiếu khảo sát điều tra xã hội học.

Sau khi xây dựng được các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, nghiên cứu tiến hành gửi các mẫu phiếu phỏng vấn cho các chuyên gia để đánh giá mức độ từng giải pháp (theo hệ thống đánh giá Likert - 5 mức độ). Các giải pháp sẽ có giá trị và độ tin cậy cao khi được thông qua các ý kiến nhận xét, đánh giá và phản biện của nhóm chuyên gia này.

❖ Khách thể tham gia phỏng vấn bao gồm:

+ 40 người là các nhà khoa học, CBQL, GV phụ trách công tác TDDT tại các trường ĐH, Cao đẳng tại TP.HCM và tại Trường Cảnh sát nhân dân II tham gia đánh giá các giải pháp của nghiên cứu đề xuất.

2.2.3. Phương pháp kiểm tra sự phạm [9]

- Đánh giá trình độ thể lực của đối tượng nghiên cứu trước và sau thực nghiệm, đề tài sử dụng bộ tiêu chuẩn chiến sĩ công an khỏe áp dụng mới nhất trong lực lượng công an nhân dân. Nội dung kiểm tra căn cứ vào quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực hiện nay do Bộ công an quy định (Thông tư số: 106/2020/TT-BCA ngày 08/10/2020 của Bộ trưởng Bộ công an về việc Quy định tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng Công an nhân dân) gồm các Test cụ thể như sau:

Test 1. Chạy 100m (s)

Mục đích: Đánh giá sức nhanh.

Chuẩn bị: Đường chạy thẳng dài ít nhất 120m, rộng ít nhất 3m, có vạch giới hạn xuất phát và vạch đích. Đồng hồ bấm giờ, giấy bút ghi chép.

Cách thực hiện: Người thực hiện khởi động kỹ trước khi chạy. Người thực hiện ở tư thế xuất phát thấp trước vạch xuất phát. Khi có tín hiệu bắt đầu, chạy với tốc độ tối đa vượt qua vạch đích. Thực hiện 01 lần.

Yêu cầu: Thực hiện với tốc độ tối đa.

Cách tính thành tích: Thành tích được tính là khoảng thời gian từ khi có tín hiệu bắt đầu tới khi người thực hiện hoàn thành kỹ thuật đánh đích và chạm đích.

Test 2. Chạy 1500m (phút)

Mục đích: Đánh giá sức bền tốc độ.

Chuẩn bị: Đường cho Học viên, 01 vòng sân 400m. Thiết bị đo gồm có đồng hồ bấm dây, số đeo và tích - kê ghi số ứng với mỗi số đeo.

Cách thực hiện: Người thực hiện đứng chuẩn bị ở tư thế xuất phát cao. Khi có tín hiệu bắt đầu, phân phối sức và chạy với thành tích tốt nhất hoàn thành cự ly. Nam chạy 03 vòng 3/4, nữ chạy 02 vòng đường pitch. Nếu kiểm tra đông người, mỗi lượt cần có số đeo để phân biệt thành tích của những người thực hiện. Thực hiện một lần.

Yêu cầu: Thực hiện với thành tích tốt nhất

Cách tính thành tích: là khoảng thời gian từ khi có tín hiệu bắt đầu cho tới khi người thực hiện hoàn thành cự ly chạy.

Test 3. Bật xa tại chỗ (cm)

Mục đích: Đánh giá sức mạnh của nhóm cơ chi dưới.

Chuẩn bị: Thảm cao su giảm chấn, kích thước 01 x 03 m (nếu không có thảm có thể thực hiện trên nền đất, cát mềm). Đặt một thước dây đo dài vuông góc với vạch đích, tránh xô dịch trong quá trình kiểm tra. Giấy bút ghi chép.

Cách thực hiện: Người được kiểm tra đứng hai chân mở rộng tự nhiên, ngón chân đặt sát mép vạch giới hạn; khi bật nhảy và khi tiếp đất, hai chân tiến hành cùng lúc. Thực hiện hai lần nhảy.

Yêu cầu: Thực hiện với thành tích tốt nhất, không phạm quy.

Cách tính thành tích: Kết quả đo được tính bằng độ dài từ vạch xuất phát đến vệt cuối cùng của gót bàn chân (vạch dấu chân trên thảm). Lấy kết quả lần cao nhất. Đơn vị tính là centimet.

Test 4. Co tay xà đơn (lần)

Mục đích: Đánh giá sức mạnh bền.

Chuẩn bị: Xà đơn, giấy bút ghi chép.

Cách thực hiện: Người thực hiện treo người trên xà, yêu cầu 2 tay duỗi thẳng khớp khuỷu (tư thế chuẩn bị). Khi có tín hiệu bắt đầu, người thực hiện dùng nhiều cơ bắp tay và cơ cẳng tay kết hợp với cơ bụng để kéo cẳng vượt qua xà, sau đó đưa trọng tâm cơ thể về tư thế chuẩn bị, hoàn thành 01 lượt co tay xà đơn. Thực hiện liên tục cho tới tối đa sức, thực hiện 01 lần.

Yêu cầu: Trong suốt quá trình co tay xà đơn được tính khi lên cẳng vượt qua xà và khi xuống tay duỗi thẳng khớp khuỷu.

Cách tính thành tích: Là tổng số lần thực hiện đúng yêu cầu.

❖ Khách thể kiểm tra sự phạm:

+ 400 học viên kiểm tra thể lực ban đầu

+200 học viên tham gia thực nghiệm các giải pháp (100 học viên nhóm ĐC, 100 học viên nhóm TN)

2.2.4. Phương pháp thực nghiệm sự phạm

Sử dụng phương pháp này nhằm đánh giá hiệu quả các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Trong quá trình thực nghiệm, nghiên cứu sử dụng hình thức thực nghiệm so sánh song song. [38],[41]

Thời gian thực nghiệm từ tháng 09/2023 đến tháng 6/2024 chia làm các giai đoạn như sau:

- Giai đoạn chuẩn bị (Tháng 9/2023):

- Lập kế hoạch chi tiết cho quá trình thực nghiệm.

- Tuyển chọn đối tượng tham gia, phân nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng.

-Tiến hành các bài kiểm tra ban đầu để xác định mức độ tham gia và thể lực của học viên trước khi bắt đầu áp dụng thực nghiệm.

- Giai đoạn thực nghiệm (Tháng 10/2023 - Tháng 6/2024):

Từ tháng 10/2023, áp dụng các giải pháp thực nghiệm cho nhóm học viên TN và theo dõi quá trình rèn luyện của nhóm đối chứng.

Theo dõi, ghi nhận tiến trình và điều chỉnh khi cần thiết.

Tiến hành đánh giá cuối kỳ, phân tích và so sánh kết quả giữa hai nhóm.

Viết báo cáo và đưa ra kết luận về hiệu quả thực nghiệm của các giải pháp.

2.2.5. Phương pháp thực nghiệm xã hội học

Phương pháp thực nghiệm (TN) xã hội học: Là phương pháp được sử dụng trong quá trình nghiên cứu của luận án nhằm đánh giá hiệu quả một số giải pháp đã xây dựng để nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.. Nghiên cứu TN là các nghiên cứu nhằm tìm kiếm các nguyên nhân của các mối quan hệ nhân quả bằng cách điều khiển một hay vài nhân tố, trong khi đó lại kiểm soát các nhân tố khác.

Có nhiều phương pháp TN, nhưng trong quá trình nghiên cứu, luận án sử dụng phương pháp TN tự nhiên. Người nghiên cứu đưa ra kế hoạch thật tỉ mỉ, hợp lý tạo điều kiện thực hiện, có theo dõi, có đối chứng (ĐC) để cuối cùng có được những kết luận về tác dụng của những giải pháp mới đưa ra và phổ biến rộng rãi việc áp dụng. [38]

2.2.6. Phương pháp toán học thống kê

Phương pháp này được sử dụng trong việc phân tích và xử lý số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu của đề tài với sự trợ giúp của phần mềm SPSS phiên bản 22.0, Microsoft Excel 2016 để tính toán các tham số đặc trưng phục vụ cho việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài. [47], [54]

2.3. Tổ chức nghiên cứu

Luận án tiến hành từ Tháng 12/2020 đến tháng 12/2024 , được chia thành các giai đoạn như sau:

- + Từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2020: Lựa chọn hướng nghiên cứu, xây

dựng và bảo vệ đề cương nghiên cứu trước Hội đồng xét duyệt đề cương luận án tiến sĩ của Trường ĐH TDTT TP.HCM.

+ Từ tháng 01/2021 đến tháng 09/2021: Nghiên cứu, tham khảo tài liệu, xây dựng hoàn thiện chương tổng quan luận án.

+ Từ tháng 10/2021 đến tháng 12/2021: Xây dựng hoàn thiện thang đo, công cụ nghiên cứu.

+ Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022: Tiến hành khảo sát, thu thập số liệu đánh giá thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

+ Từ tháng 06/2022 đến tháng 08/2023: Xây dựng giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

+ Từ tháng 09/2023 đến tháng 06/2024: Tiến hành thực nghiệm các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

+ Từ tháng 7/2024 đến tháng 9/2024: Đánh giá hiệu quả thực nghiệm các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

+ Từ tháng 09/2024 đến tháng 12/2024

- Viết và hoàn thiện luận án.
- Xin ý kiến và các nhà khoa học.
- Bảo vệ luận án trước các Hội đồng theo quy định của Nhà trường

Chương 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

3.1.1. Công tác thể dục thể thao tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

3.1.1.1. *Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 15-3-2018 của Bộ Chính trị và Đề án số 106 của Đảng ủy Công an Trung ương về “Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

Qua đó, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II được sáp nhập trên cơ sở 3 trường: Trường trung cấp Cảnh sát nhân dân III, Trường trung cấp Cảnh sát nhân dân V, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II và cơ sở 2 Trường trung cấp Cảnh sát nhân dân VI. Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II có mục tiêu là đào tạo người cán bộ, chiến sĩ CAND có trình độ theo các nhóm chuyên ngành, có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, có lối sống lành mạnh, có năng lực nghiệp vụ chuyên môn giỏi, có kỹ năng quân sự hoàn chỉnh, có trình độ võ thuật đảm bảo, có nền tảng sức khỏe và thể chất cường tráng đủ khả năng thích nghi với mọi điều kiện công tác có tính chất phức tạp hay môi trường làm việc khác nhau trên địa bàn tỉnh thành phía nam nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

3.1.1.2. *Công tác rèn luyện thể dục, thể thao gắn mục tiêu phát triển toàn diện của học viên*

Từ những quan điểm trên của Đảng và Nhà nước Việt Nam về xây dựng lực lượng CAND xuất phát từ thực tiễn trong giai đoạn mới, việc thực hiện mục

tiêu giáo dục toàn diện học viên tại các Trường CAND nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho lực lượng CAND đòi hỏi phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới chính là mô hình nhân cách cần phải có của người cán bộ chiến sỹ CAND được khái quát như sau:

- Về phẩm chất: trung thành, trung thực, dũng cảm, tự tin, tận tụy, trách nhiệm, có tinh thần đồng đội, đạo đức trong sạch, lối sống lành mạnh...

- Về năng lực: có kiến thức pháp luật, giỏi năng lực nghiệp vụ, có năng lực hoạt động xã hội, vận động quần chúng, có tư duy logic và sáng tạo, có khả năng thích ứng với môi trường nhanh, có năng lực tự nâng cao trình độ, có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công tác...

- Về thể chất: khỏe mạnh, linh hoạt trong công việc, có khả năng làm việc bền bỉ, dẻo dai, chịu được áp lực, cường độ công việc cao...

Thực hiện mục tiêu đào tạo, giáo dục bồi dưỡng toàn diện đội ngũ cán bộ, chiến sỹ CAND trong các Trường CAND nói chung và các trường đào tạo bậc Đại học, Cao đẳng, Trung cấp CAND nói riêng là một nội dung cơ bản để xây dựng lực lượng CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại. Vì vậy, để tăng cường sức mạnh, nâng cao khả năng chiến đấu của lực lượng CAND, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của công tác bảo vệ ANTT và xây dựng lực lượng trong tình hình mới thì trong thực hiện mục tiêu đào tạo các trường đào tạo các bậc học trong CAND cần phải đổi mới mạnh mẽ và toàn diện công tác giáo dục bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ pháp luật và nghiệp vụ, trình độ quân sự võ thuật, năng lực thể chất... cũng như phát triển tâm sinh lý cho đội ngũ cán bộ chiến sỹ CAND.

Mục tiêu giáo dục đào tạo một cách toàn diện người cán bộ chiến sỹ CAND đã được xác định cụ thể thống nhất ở tất cả các chuyên ngành và ở các loại hình đào tạo. Trên cơ sở mục tiêu đào tạo chung, để công tác TDDT tại các trường CAND đạt chất lượng và có hiệu quả cao trong thực hiện giáo dục toàn diện thì công tác TDDT cần phải hoàn thành được các mục tiêu cụ thể như sau:

- Rèn luyện nâng cao sức khỏe và phát triển thể chất cho học viên.
- Phục vụ cho học tập các học phần, môn học khác có liên quan.

- Đáp ứng nhu cầu giải trí và tạo sân chơi cho học viên.
- Giáo dục và phát triển tâm sinh lý cho học viên.
- Phát hiện những năng khiếu TDTT để kịp thời bồi dưỡng và đào tạo, huấn luyện tham gia thi đấu các giải trong và ngoài ngành CAND.

3.1.1.3. Công tác giáo dục thể chất trong Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

Thuật ngữ giáo dục thể chất (GDTC) có từ lâu trong ngôn ngữ nhiều nước. Ở nước ta, do bắt nguồn từ Hán-Việt nên cũng có người gọi tắt GDTC là thể dục với nghĩa tương đối hẹp, vì định nghĩa rộng của từ Hán-Việt thể dục còn có nghĩa là thể dục thể thao.

Trong Luật Thể dục, thể thao sửa đổi năm 2018 số 26/2018/QH14 [40] và các văn bản dưới luật khác đã xác định GDTC là một học chính khóa thuộc chương trình giáo dục nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản cho người học thông qua các bài tập và trò chơi vận động, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

Khi nghiên cứu một cách chính xác hơn, GDTC còn là một trong những hình thức hoạt động cơ bản có định hướng rõ của công tác TDTT trong xã hội và là một quá trình có tổ chức truyền thụ và tiếp thu những giá trị thuộc về kiến thức của thể dục thể thao trong hệ thống giáo dục chung.

Theo Nguyễn Toán và Phạm Danh Tồn: *“Giáo dục thể chất là một loại hình giáo dục mà nội dung chuyên biệt là dạy học vận động (động tác) và phát triển có chủ đích các tố chất vận động của con người”*. Từ quan niệm trên ta có thể coi phát triển thể chất là một bộ phận hệ quả của GDTC. Quá trình phát triển thể chất là sự kết hợp giữa yếu tố bẩm sinh tự nhiên và tác động có chủ đích, hợp lý của giáo dục thể chất mang lại. Vì vậy, có thể nói công tác GDTC là một mặt không thể thiếu được trong việc đào tạo con người phát triển toàn diện (*đức dục, trí dục, thể dục, mỹ dục và lao động*). [51]

Công tác GDTC trong Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II không chỉ giúp học viên tăng cường sức khỏe để học tập lâu dài mà cùng với phong trào

văn hóa, văn nghệ, tạo ra cơ hội vui chơi, giải trí, thư giãn lành mạnh sau những giờ học căng thẳng. Như chúng ta đã biết, một tinh thần minh mẫn luôn ở trong một thân thể khỏe mạnh.

Công tác GDTC được coi như một điều kiện chuyên biệt để xúc tiến sự phát triển của nhân cách người. Do đó, trong Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II việc nâng cao chất lượng công tác GDTC để nó trở thành một trong những công cụ, phương tiện của quá trình phát triển nhân cách toàn diện của người cán bộ chiến sỹ CAND tương lai là một điều kiện tất yếu. Mặt khác, công tác GDTC phát triển sâu rộng sẽ tạo sức thu hút mạnh mẽ dư luận trong học viên, từ đó sẽ phát triển thành một hình thức sinh hoạt văn hóa lành mạnh, là nguồn kích thích có hiệu quả đối với mục tiêu đào tạo toàn diện trong các trường.

Công tác GDTC trong Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II là một bộ phận quan trọng của toàn bộ công tác giáo dục đào tạo của lực lượng CAND. Vì vậy, công tác GDTC trong Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II là góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục đào tạo toàn diện đội ngũ cán bộ chiến sỹ CAND đáp ứng yêu cầu chuyên môn và nghiệp vụ trong đời sống thực tiễn của lực lượng CAND.

3.1.1.4. Hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa trong các Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

Hoạt động TDTT trong nhà trường là hoạt động tự nguyện của người học được tổ chức theo phương thức ngoại khóa phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học thực hiện quyền vui chơi, giải trí, nhằm phát triển năng khiếu thể thao.

Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II luôn xác định hoạt động TDTT ngoại khóa với vai trò của mình sẽ thúc đẩy sự phát triển của phong trào TDTT trong toàn trường nhằm góp phần tích cực thúc đẩy sự phát triển môi trường giáo dục. Đồng thời, qua việc chủ động tận dụng tổng hợp những nhân tố như:

mục tiêu giáo dục đào tạo, nhiệm vụ chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật, công tác quản lý học viên... sẽ tác động ngược mang lại hiệu quả cho phát triển của hoạt động TDDT ngoại khóa trong Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Việc thực hiện phân bố thời gian học tập, tập luyện và sinh hoạt của học viên trong ngày là quy định bắt buộc của Bộ Công an dựa theo tình hình thực tế của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II. Vì vậy, học viên trong Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II phải học tập và rèn luyện tham gia các hoạt động TDDT ngoại khóa bắt buộc như: tập điều lệnh CAND, tập các bài thể dục và các bài võ tổng hợp CAND (25-38-44 động tác), tập võ ngoài giờ chính khóa (Teakwondo, Karatedo, Vovinam) và tham gia tập luyện các nội dung hoạt động TDDT ngoại khóa tự chọn khác (bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, điền kinh...).

Ngoài ra, các hình thức tổ chức hoạt động TDDT khác cũng được diễn ra khi Bộ Công an tổ chức các hội thao trong khối các trường Công an hay nhân dịp kỷ niệm một số ngày lễ thì nhà trường, các tổ chức đoàn thể mới phát động các phong trào luyện tập, tổ chức và thành lập các đội tuyển thi đấu giải.

Tuy nhiên, dù Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II đã cố gắng thực hiện việc phân bố thời gian học tập, tập luyện và sinh hoạt của học viên trong ngày nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học viên học tập và rèn luyện tham gia các hoạt động TDDT ngoại khóa nhưng trên thực tế học viên chủ yếu học tập và rèn luyện tham gia các hoạt động TDDT ngoại khóa bắt buộc còn các hoạt động TDDT ngoại khóa tự chọn thì tương đối hạn chế. Bởi vì, việc các trường tổ chức thành lập hay tự lập các nhóm, câu lạc bộ thể thao để tạo điều kiện thu hút học viên tham gia hoạt động TDDT ngoại khóa thật sự là vấn đề vướng mắc. Ngoài ra, công tác tuyển chọn năng khiếu TDDT trong số học viên để có kế hoạch tập luyện thường xuyên và tham gia thi đấu giải thể thao trong ngành cũng như của địa phương tổ chức gần như chưa được các cấp, tổ chức, đoàn thể trong nhà trường quan tâm đúng mức.

3.1.1.5. Các học phần, môn học khác có liên quan đến công tác giáo dục

thể chất trong Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

Quân sự, võ thuật CAND là những nội dung căn bản trong biện pháp vũ trang của lực lượng CAND. Công tác giảng dạy quân sự (giáo dục quốc phòng) và võ thuật CAND nhằm trang bị cho cán bộ, chiến sĩ CAND kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành kỹ năng quân sự và võ thuật CAND. Qua huấn luyện giúp cán bộ, chiến sĩ CAND sử dụng thành thạo các loại vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ, các động tác kỹ thuật và chiến thuật của võ thuật CAND, các tư thế vận động chiến đấu trên nhiều loại địa hình để tiếp cận đánh, bắt đối phương, phục vụ công tác và chiến đấu; đồng thời rèn luyện/ cho cán bộ, chiến sĩ CAND phẩm chất ý chí, bản lĩnh, mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu, tích cực bảo vệ mình, chủ động tấn công đối tượng phạm tội và phạm pháp khác, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Huấn luyện quân sự và võ thuật CAND có ý nghĩa hoàn thiện và đảm bảo tính vũ trang tuyệt đối của lực lượng CAND luôn được duy trì và trở thành một yêu cầu khách quan không thể thiếu trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm ngày càng phức tạp. Ngoài ra, huấn luyện quân sự và võ thuật CAND cũng chính là trang bị thêm những kiến thức về giáo dục quốc phòng và kỹ chiến thuật võ thuật CAND mới để kịp thời giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong yêu cầu công tác chiến đấu, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng lực lượng CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.

Những năm gần đây, lãnh đạo Bộ Công an liên tiếp đưa ra các văn bản nhằm tăng cường công tác huấn luyện quân sự, võ thuật CAND nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới như: Chỉ thị 10/CT-BCA(X11), ngày 15/11/2006, “*về tăng cường công tác điều lệnh và huấn luyện quân sự, võ thuật trong lực lượng CAND*”; Quyết định số 656/QĐ-BCA(X11), ngày 05/06/2008, “*Quy định về huấn luyện quân sự, võ thuật trong lực lượng CAND*”. Và mới nhất ngày 21/09/2012, Bộ công an đã Chỉ thị 08/CT-BCA-X11 “*về tăng cường công tác điều lệnh và huấn luyện quân sự, võ thuật trong lực lượng CAND*”.

Trong các văn bản trên, Bộ Công an đặc biệt yêu cầu các Trường CAND phải đưa nội dung huấn luyện quân sự và võ thuật CAND vào chương trình chính khóa và ngoại khóa bắt buộc cho tất cả học viên các hệ học, cấp học và thường xuyên tổ chức luyện tập nâng cao trình độ quân sự và võ thuật CAND cho học viên. Thực hiện huấn luyện quân sự võ thuật CAND tại các Trường CAND là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng lực lượng CAND cách mạng chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.

Công tác giảng dạy quân sự (giáo dục quốc phòng) là môn học chính khóa thuộc nhóm các môn học chung trong chương trình đào tạo của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II; Trang bị cho học viên hiểu biết về tư cách người Công an cách mạng và một số kiến thức cần thiết về kỹ thuật sử dụng vũ khí, kỹ năng quân sự cơ bản thường sử dụng trong thực tế công tác và chiến đấu của người cán bộ chiến sĩ CAND.

Công tác giảng dạy võ thuật CAND là môn học chính khóa thuộc nhóm các môn học nghiệp vụ cơ bản trong chương trình đào của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II. Võ thuật CAND được hình thành và phát triển trên cơ sở kế thừa các môn võ dân tộc kết hợp với tinh hoa của các môn phái khác trên thế giới. Qua thực tế công tác chiến đấu, lực lượng CAND đã tổng hợp nên hệ thống kỹ chiến thuật sử dụng đánh bắt đối tượng phạm tội và phạm pháp khác theo yêu cầu nghiệp vụ từ đó hình thành môn võ riêng biệt của lực lượng CAND. Võ thuật CAND là môn học mang tính nghiệp vụ của ngành cùng với các môn học khác tạo nên hình ảnh người cán bộ chiến sĩ công an toàn diện. Võ thuật CAND là một trong những phương tiện nghiệp vụ trong chiến đấu chống tội phạm được đưa vào giảng dạy chính khóa ở các trường CAND nhằm rèn luyện cho học viên phát triển những kỹ năng vận động toàn diện, thực hành thành thạo động tác kỹ thuật chiến thuật chiến đấu, nâng cao bản lĩnh chiến đấu, tinh thần dũng cảm, nâng cao ý chí tấn công tội phạm của người cán bộ chiến sĩ CAND khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.1.2. Đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

3.1.2.1. *Xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác Giáo dục thể chất tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.*

Để xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, nghiên cứu tiến hành theo các bước sau đây:

- Bước 1: Nghiên cứu lý thuyết có liên quan đến tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC.

- Bước 2: Thiết kế phiếu phỏng vấn thu thập thông tin có liên quan đến tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC.

- Bước 3: Thiết kế phiếu phỏng vấn để xác định các tiêu chí và khẳng định độ tin cậy của các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Bước 4: Phân bổ các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Kết quả thực hiện các bước bao gồm các nội dung như sau:

❖ **Kết quả nghiên cứu lý thuyết liên quan đến tiêu chí đánh giá công tác GDTC**

Thông qua nghiên cứu và phân tích tài liệu liên quan đến công trình nghiên cứu của các tác giả: Nguyễn Ngọc Chung (2011), Mai Thị Nụ (2017), Phùng Xuân Dũng (2017), Nguyễn Hữu Vũ (2016), Nguyễn Minh Cường (2020),...Nghiên cứu đã tổng hợp được các tiêu chí dùng để đánh giá thực trạng công tác GDTC được trình bày ở bảng 3.1 như sau:

Bảng 3.1. Kết quả tổng hợp các tiêu chí đánh giá công tác GDTC

TT	Tiêu chí đánh giá	Nguồn
1	Sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường đối với công tác GDTC	[11], [12]
2	Chương trình GDTC	[12], [34]
3	Đội ngũ GV tham gia giảng dạy GDTC	[14], [16]

4	Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động GDTC	[33], [34]
5	Chất lượng hoạt động TDDT ngoại khóa	[12], [34]
6	Kinh phí hoạt động GDTC, TDDT ngoại khóa	[42], [52]
7	Nội dung giảng dạy TDDT ngoại khóa	[12], [16]
8	Hình thức tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa	[59]
9	Nhu cầu tập luyện TDDT ngoại khóa của học viên	[11], [59]
10	Sự hứng thú tập luyện TDDT ngoại khóa	[12]
11	Sự hài lòng của học viên về chương trình TDDT ngoại khóa	[42], [52]
12	Các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDDT ngoại khóa của học viên.	[42], [52]
13	Thế lực của học viên	[14], [16], [33], [34]
14	Kết quả học tập GDTC của học viên	14], [16], [33], [34]

(Nguồn: Kết quả tổng hợp)

Như vậy thông qua bảng tổng hợp 3.1, nghiên cứu đã tìm ra được 13 tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC ở các cơ sở giáo dục và đào tạo đã sử dụng. Các tiêu chí được sử dụng phổ biến ở các công trình/ nghiên cứu như: Sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường đối với công tác GDTC; Chương trình GDTC; Đội ngũ GV tham gia giảng dạy GDTC; Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động GDTC; Chất lượng hoạt động TDDT ngoại khóa; Kinh phí hoạt động GDTC, TDDT ngoại khóa; Nội dung giảng dạy TDDT ngoại khóa; Hình thức tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa; Nhu cầu tập luyện TDDT ngoại khóa của học viên; Sự hứng thú tập luyện TDDT ngoại khóa; Sự hài lòng của học viên về chương trình TDDT ngoại khóa; Các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDDT ngoại khóa của học viên; Thế lực của học viên và Kết quả học tập GDTC của học viên.

❖ Kết quả thu thập thông tin nghiên cứu có liên quan đến tiêu chí đánh giá công tác GDTC

Để khẳng định độc lập về các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC nghiên cứu tiến hành gửi phiếu thu thập thông tin (phụ lục 1) đến các nhà khoa học, GV và các nhà quản lý có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực công tác GDTC ở trong và ngoài Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II. Kết quả được trình bày ở bảng 3.2 như sau:

Bảng 3.2. Kết quả đề xuất các tiêu chí đánh giá công tác GDTC (n=10)

TT	Nội dung	Số người đề xuất (n = 10)	Tỷ lệ (%)
1	Chương trình GDTC	10	100
2	Đội ngũ GV tham gia giảng dạy GDTC	10	100
3	Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động GDTC	9	90
4	Kinh phí hoạt động GDTC, TDTT ngoại khóa	10	100
5	Nội dung giảng dạy TDTT ngoại khóa	9	90
6	Hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa	9	90
7	Nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của học viên	8	80
8	Sự hứng thú tập luyện TDTT ngoại khóa	10	100
9	Sự hài lòng của học viên về chương trình TDTT ngoại khóa	10	100
10	Các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDTT ngoại khóa của học viên.	10	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Từ kết quả tổng hợp ở bảng 3.2 cho thấy có 10 tiêu chí được đề xuất (tỷ lệ 80% trở lên) trùng lặp với 10 tiêu chí ở phần phân tích lý thuyết. Các tiêu chí như sau: Chương trình GDTC, Đội ngũ GV tham gia giảng dạy GDTC, Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động GDTC, Kinh phí hoạt động GDTC, TDTT ngoại khóa, Nội dung giảng dạy TDTT ngoại khóa; Hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa, Nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của học viên, Sự hứng thú tập luyện TDTT ngoại khóa, Sự hài lòng của học viên về chương trình TDTT ngoại khóa và Các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDTT ngoại khóa của học viên.

Như vậy, thông qua kết quả phân tích lý thuyết và thu thập thông tin cho thấy để đánh giá thực trạng công tác GDTC cần sử dụng đồng bộ 09 tiêu chí.

❖ Kiểm nghiệm độ tin cậy tiêu chí đánh giá công tác GDTC

Nghiên cứu tiến hành lập phiếu phỏng vấn và gửi đến 20 người là các bộ quản lý, giảng viên đang công tác tại Trường để đánh giá các tiêu chí theo thang

đo Liket 5 mức (phụ lục 2).

Qua kết quả phân tích tại bảng 3.3 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của các tiêu chí đạt yêu cầu (hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0,6, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát trong thang đo đều lớn hơn 0,3). Do đó, tất cả các tiêu chí đều được đảm bảo độ tin cậy để tiến hành các nghiên cứu tiếp theo.

Bảng 3.3. Kết quả phân tích độ tin cậy của các tiêu chí đánh giá công tác GDTC (n=20)

Biến quan sát	Trung bình của thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
TC1	20,08	7,584	,600	,798
TC2	20,01	7,353	,631	,790
TC3	20,97	7,361	,660	,786
TC4	20,03	7,344	,655	,787
TC5	20,07	7,421	,612	,793
TC6	20,10	6,801	,700	,771
TC7	20,10	6,912	,601	,770
TC8	20,10	6,900	,808	,700
TC9	20,01	6,353	,731	,800
TC10	20,11	6,053	,701	,700

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

Kết quả phân tích giá trị trung bình các tiêu chí ở bảng 3.4 cho thấy các tiêu chí đạt giá trị trung bình từ 4.30 – 4.70. Điều này cho thấy các tiêu chí đều đạt ở mức cần thiết trở lên. Như vậy, dựa trên phân tích tài liệu và góp ý của các nhà khoa học, GV, cán bộ quản lý đã xác định được 10 tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Bảng 3.4. Thống kê kết quả lựa chọn các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II (n=20)

TT	Tiêu chí đánh giá	Kết quả lựa chọn	
		TB	Độ lệch chuẩn
1	Chương trình GDTC	4.57	0.50
2	Đội ngũ GV tham gia giảng dạy GDTC	4.60	0.50
3	Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt	4.50	0.50

	động GDTC		
4	Kinh phí hoạt động GDTC, TDTT ngoại khóa	4.55	0.70
5	Nội dung giảng dạy TDTT ngoại khóa	4.20	0.55
6	Hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa	4.30	0.65
7	Nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của học viên	4.40	0.51
8	Sự hứng thú tập luyện TDTT ngoại khóa	4.40	0.57
9	Sự hài lòng của học viên về chương trình TDTT ngoại khóa	4.40	0.56
10	Các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDTT ngoại khóa của học viên.	4.70	0.47

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

❖ Phân phối các tiêu chí đánh giá công tác GDTC của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

Từ kết quả xác định các tiêu chí, để thuận lợi trong việc thu thập dữ liệu nghiên cứu, Luận án tiến hành phân bổ các tiêu chí như sau:

- Tiêu chí thu thập thông tin từ Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II
- + Chương trình GDTC
- + Đội ngũ GV tham gia giảng dạy GDTC
- + Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt đng GDTC
- Các tiêu chí được thiết kế vào phiếu phỏng vấn để thu thập đánh giá từ GV, các nhà khoa học và CBQL bao gồm:
- +Kinh phí hoạt động GDTC, TDTT ngoại khóa
- +Nội dung giảng dạy TDTT ngoại khóa
- Các tiêu chí được thiết kế vào phiếu phỏng vấn học viên bao gồm:
- +Nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của học viên;
- + Sự hứng thú tập luyện TDTT ngoại khóa
- + Sự hài lòng của học viên về chương trình TDTT ngoại khóa
- +Các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDTT ngoại khóa của học viên.

Tóm lại, thông qua các bước, luận án đã xác định được 10 tiêu chí đánh giá công tác GDTC của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II. Luận án cũng đã tiến hành phân phối 10 tiêu chí vào 2 phiếu phỏng vấn: 1 phiếu thu thập thông tin nghiên cứu từ GV, các nhà khoa học và CBQL và 1 phiếu thu thập thông tin từ học viên.

3.1.2.2. Kết quả đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

❖ Thực trạng về chương trình Giáo dục thể chất tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Giảng dạy GDTC và tổ chức các hoạt động TDTT cho học viên Trường là một hoạt động quan trọng cần thiết nhằm hoàn thiện và phát triển thể chất, góp phần nâng cao sức khỏe cho người học. Đây cũng là cơ sở cho sự phát triển năng lực thể chất toàn diện, hoàn thiện hình thái, củng cố sức khỏe và hình thành hệ thống kỹ năng, kỹ xảo phục vụ cho công tác chuyên môn, hướng đến mục tiêu cường tráng về thể chất, lành mạnh về đạo đức, phong phú về tinh thần.

Với chủ trương ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được những yêu cầu về nhân lực trong tình hình mới hiện nay, đồng thời tuân thủ theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; Tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, GDTC là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chung trong đào tạo trình độ trung cấp CSND hệ chính quy. Bao gồm các nội dung như sau:

- Số đơn vị học trình: 3 ĐVHT (105 tiết)
- Môn học tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - + Lý thuyết: 04 tiết
 - + Thực hành: 90 tiết
 - + Hạ khoa mục: 07 tiết
 - + Kiểm tra giải đáp: 04 tiết

- Chương trình học: Nội dung môn học này trang bị cho học viên: Lý luận chung về giáo dục thể chất và các kỹ thuật Chạy cự ly ngắn 100m, kỹ thuật chạy cự ly trung bình (1500m Nam, 800m Nữ); kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi, kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng, kỹ thuật bơi ếch và kỹ thuật co tay xà đơn.

- Môn học Giáo dục thể chất có mối quan hệ đối với các môn học khác như: Giáo dục quốc phòng, Kỹ thuật võ thuật Công an nhân dân, Chiến thuật võ thuật Công an nhân dân

- Mục tiêu về kiến thức:

Hiểu được một số kiến thức cơ bản về lý luận chung giáo dục thể chất và các kỹ thuật như: Chạy cự ly ngắn 100m, chạy cự ly trung bình (1500m Nam, 800m Nữ), nhảy xa kiểu ngồi, nhảy cao kiểu úp bụng, bơi ếch và co tay xà đơn.

+ Mục tiêu về kỹ năng:

Thực hiện đúng kỹ thuật: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa, nhảy cao, bơi ếch và co tay xà đơn; đạt được thành tích theo quy định. Biết vận dụng vào trong thực tiễn công tác và rèn luyện thể lực hàng ngày.

- Mục tiêu về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện cho học viên ý thức kỷ luật, tinh thần kiên quyết và tích cực khẩn trương, tác phong nhanh nhẹn, linh hoạt trong công tác và chiến đấu.

+ Thích ứng với môi trường học tập thay đổi; phấn đấu nỗ lực đạt thành tích cao trong học tập.

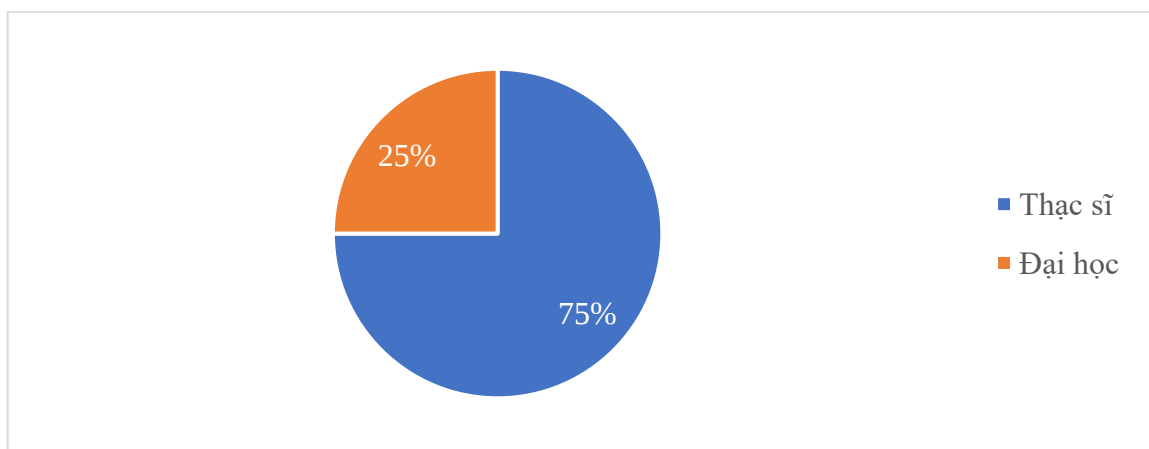
+ Thường xuyên rèn luyện thể lực hàng ngày nhằm nâng cao sức khỏe, góp phần hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

❖ Thực trạng đội ngũ giảng viên giảng dạy giáo dục thể chất tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC của nhà trường từ năm 2022 cho đến nay, tương ứng với sự phát triển quy mô đào tạo của nhà trường, bao gồm các nội dung như sau:

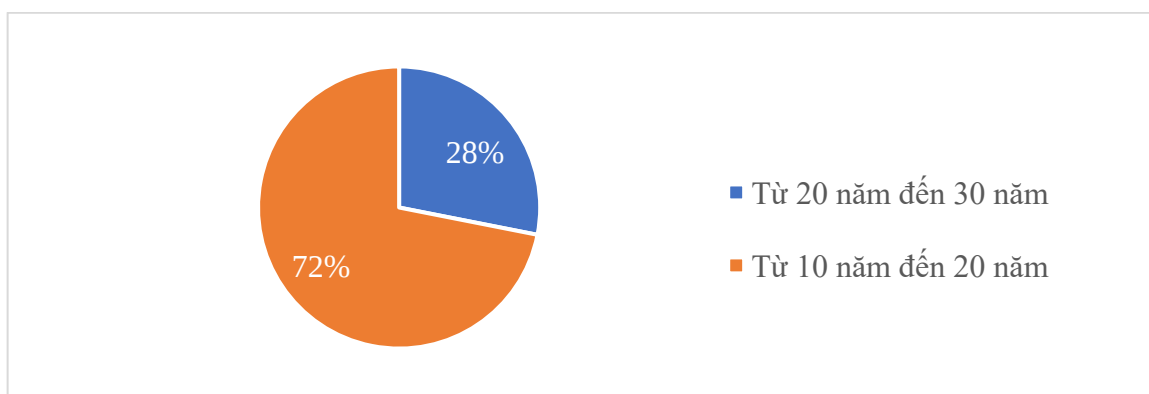
- Về trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên cho thấy có đến 24

người đã tốt nghiệp thạc sĩ (chiếm 75%), còn lại có 8 người có trình độ đại học (chiếm 25%).



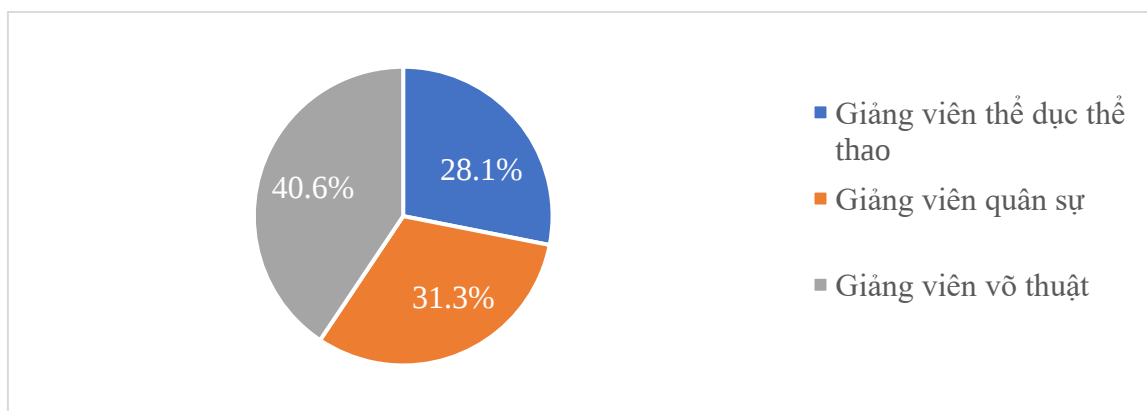
Biểu đồ 3.1. Trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên GDTC

- Về thâm niên công tác của đội ngũ giảng viên cho thấy có đến 23 người đã công tác “Từ 10 năm đến 20 năm” tốt (chiếm 72%), còn lại có 9 người đã công tác “Từ 20 năm đến 30 năm” (chiếm 25%).



Biểu đồ 3.2. Thâm niên giảng dạy của đội ngũ giảng viên GDTC

Về chuyên môn giảng dạy của giảng viên GDTC tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II cho thấy: có 13 người đang là “Giảng viên võ thuật” (chiếm 40%), có 10 người đang là “Giảng viên quân sự” (chiếm 31.3%) và có 9 người đang là “Giảng viên thể dục thể thao” (chiếm 28.1%).



Biểu đồ 3.3. Chuyên môn giảng dạy của đội ngũ giảng viên GDTC

❖ Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giáo dục thể chất

Để đánh giá thực trạng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động GDTC, TDTT ngoại khóa cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp các giảng viên, nhà quản lý hiện đang giảng dạy tại Trường về số lượng và chất lượng cơ sở vật chất, sân tập, dụng cụ tập luyện TDTT của nhà trường. Kết quả được trình bày qua các bảng 3.5 dưới đây.

Về số lượng sân tập: Thực tế, nhà trường có 01 sân võ rộng 5000m² bằng xi măng, có đầy đủ thảm, dụng cụ tập luyện 3 môn: Taekwondo, Karatedo, Vovinam, 06 sân bóng đá mini cỏ nhân tạo đạt tiêu chuẩn Việt Nam, 05 đường bê tông chạy bộ 2000m, 06 sân bóng chuyền ngoài trời có đầy đủ dụng cụ trang thiết bị cần thiết theo đúng tiêu chuẩn, 01 bể bơi trong nhà trang bị theo đúng tiêu chuẩn Việt Nam, 06 sân cầu lông, 02 sân bóng rổ, 06 bộ xà đơn tập thể lực. Đặc biệt đối với bể bơi liên quan đến việc quản lý và an toàn tập luyện nên bể bơi không cho học viên vào tự tập. Với con số trên so với toàn bộ học viên của nhà trường và phục vụ hoạt động TDTT nội khóa, thì có thể tạm coi là đủ về số lượng sân tập, vì số lượng học viên trong giờ chính khóa được dàn đều ở các môn. Ngoài ra, còn có các lớp phải học lý thuyết trên giảng đường. Còn đối với hoạt động TDTT ngoại khóa, thì số lượng sân tập trên còn khá khiêm tốn so với nhu cầu, vì trong khoảng thời gian này, hầu như tất cả các em học viên đều không phải học lý thuyết. Vì vậy, các loại sân bóng như bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, bể bơi... còn quá ít và chiếm tỉ lệ thấp so với học viên toàn trường, trong khi đó nhu

cầu học viên tham gia tập TDTT ngoại khóa ngày càng tăng.

Như vậy, qua kết quả phỏng vấn trực tiếp giảng viên và cán bộ quản lý là những cán bộ chủ chốt của nhà trường về số lượng sân bãi và chất lượng cho thấy, đa số đều đánh giá hiện nay về số lượng sân phục vụ công tác ngoại khóa còn thiếu và về chất lượng là ở mức khá. Đây là một thực tế đã được các đồng chí lãnh đạo nhà trường nhìn nhận và chắc chắn sẽ là những yếu tố thuận lợi để ủng hộ việc cải tạo nâng cao cơ sở vật chất và thiết kế, xây dựng thêm các sân tập luyện TDTT ngoại khóa cho học viên. Ngoài ra, về phía cán bộ giảng viên là những người trực tiếp tham gia vào công tác giảng dạy, đặc biệt là các ý kiến của học viên là những người trực tiếp sử dụng và cảm nhận cũng như đánh giá chất lượng, số lượng cơ sở vật chất phục vụ tập luyện TDTT ngoại khóa của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, cũng cho thấy còn thiếu cả về số lượng và chất lượng so với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học cũng như tập luyện TDTT ngoại khóa của Nhà trường.

Do đó, việc nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như cải tạo cơ sở vật chất sân bãi phục vụ tập luyện TDTT ngoại khóa học viên là vấn đề rất cấp thiết.

Bảng 3.5. Cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động TDTT ngoại khóa tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

TT	Môn thể thao	Loại sân	Số lượng	Thiết bị
1	Võ thuật	Xi măng	5000m ²	Đầy đủ thảm, dụng cụ tập luyện 3 môn: Taekwondo, Karatedo, Vovinam
2	Bóng đá	Mini	06	Cỏ nhân tạo, đủ tiêu chuẩn
3	Chạy/ Đi bộ	Bê tông	05	2000m
4	Bóng chuyền	Ngoài trời	06	Đầy đủ dụng cụ trang thiết bị đảm bảo đúng tiêu chuẩn
5	Bơi	Trong nhà	01	Trang bị theo tiêu chuẩn
6	Cầu lông	Bê tông	06	Đủ trang thiết bị
7	Bóng rổ	Bê tông	02	Đủ trang thiết bị
8	Sân tập thể lực	Ngoài trời	06 bộ xà đơn	Trang bị theo tiêu chuẩn

(Nguồn: Kết quả thống kê)

❖ **Kinh phí hoạt động GDTC, TDDT ngoại khóa**

Bảng 3.6. Thống kê đánh giá kinh phí dành cho hoạt động GDTC, TDDT ngoại khóa của học viên (n=40)

Mức đo		Tần số(n)	Tần suất (%)
Đánh giá	Không đáp ứng	18	45
	Đáp ứng một phần	20	50
	Đáp ứng hoàn toàn	2	5
	Tổng	40	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Hiệu quả của công tác GDTC, hoạt động TDDT ngoại khóa ngoài các điều kiện khác thì kinh phí đóng vai trò rất quan trọng và cả hai phía (phía nhà trường cung cấp và phía học viên phải đóng lệ phí tập luyện). Do vậy, để tìm hiểu kinh phí dành cho GDTC, TDDT ngoại khóa của trường, nghiên cứu tiến hành khảo sát đánh giá của các giảng viên, nhà quản lý.

Thông qua bảng thống kê cho thấy có 18 đánh giá cho rằng kinh phí hoạt động GDTC, TDDT ngoại khóa của học viên chưa đáp ứng, chiếm tỷ lệ 18%. Có 20 người cho rằng đáp ứng một phần, chiếm tỷ lệ 50% và chỉ 2 người cho rằng hoàn toàn đáp ứng, chiếm tỷ lệ 5%. Như vậy, về kinh phí dành cho kinh phí hoạt động GDTC, TDDT ngoại khóa của nhà trường đa số những người được khảo sát cho rằng là chưa đáp ứng và đáp ứng một phần để tái đầu tư sở vật chất và trang thiết bị có liên quan đến các hoạt động GDTC, TDDT ngoại khóa.

❖ **Nội dung giảng dạy TDDT ngoại khóa**

Bảng 3.7. Kết quả đánh giá sự đáp ứng của nội dung TDDT ngoại khóa

đối với yêu cầu của Nhà trường (n=40)

Mức đo		Tần số(n)	Tần suất (%)
Đánh giá	Chưa đáp ứng yêu cầu	16	40
	Đáp ứng từng phần yêu cầu	17	42,5
	Đáp ứng yêu cầu	7	17,5
	Tổng	40	100.0

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Qua bảng 3.7 cho thấy: Có 16 người được khảo sát cho rằng nội dung chương trình TDDT ngoại khóa hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu của Nhà trường, chiếm tỷ lệ 40%. Có 17 người cho rằng đáp ứng từng phần yêu cầu của Nhà trường, chiếm tỷ lệ 42.5% và chỉ có 7 người cho rằng đáp ứng yêu cầu của Nhà trường, chiếm tỷ lệ 17.5%. Như vậy, đa số những người được khảo sát cho rằng nội dung chương trình TDDT ngoại khóa chưa đáp ứng và đáp ứng một phần yêu cầu của nhà trường. Điều này cho thấy cần phải tiến hành điều chỉnh và bổ sung nội dung chương trình TDDT ngoại khóa khác phong phú hơn và cần dựa vào nhu cầu của người học và điều kiện cơ sở vật chất, nhân sự của Nhà trường.

Bảng 3.8. Môn TDDT ngoại khóa phù hợp với điều kiện của nhà trường (n=40)

Nội dung		Responses		Percent of Cases
		N	%	
Các môn thể thao phù hợp với điều kiện của Nhà Trường	Bóng đá	40	13,3	91.1%
	Bóng chuyền	39	13,0	86.7%
	Cầu lông	40	13,3	97.8%
	Bơi lội	39	13,0	86.7%
	Taekwondo	32	10,7	71.1%
	Bóng rổ	31	10,3	68.9%
	Đá cầu	26	8,7	57.8%
	Quần vợt	30	10,0	66.7%
	Điền kinh	23	7,7	48.9%
Tổng		300	100	675.6%

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Về kết quả đánh giá môn TDDT ngoại khóa phù hợp với nhà trường. Qua bảng 3.8 cho thấy nhóm môn thứ nhất là môn bóng đá, cầu lông, bóng chuyền và bơi lội phù hợp với điều kiện nhà trường nhất, chiếm tỷ lệ 86.7 – 97.8%; Nhóm môn thứ hai là Taekwondo, Bóng rổ, Quần vợt chiếm tỷ lệ từ 66.7 – 71.1%; nhóm môn thứ ba là Đá cầu và Điền kinh chiếm tỷ lệ từ 48.9% - 57.8%. Như vậy, Nhóm môn bóng đá, cầu lông, bóng chuyền và bơi lội phù hợp với điều kiện nhà trường nhất trong giai đoạn hiện nay.

Tóm lại: đa số những người được khảo sát cho rằng nội dung chương trình TDDT ngoại khóa chưa đáp ứng và đáp ứng một phần yêu cầu của nhà

trường. Nhóm môn bóng đá, cầu lông, bóng chuyền và bơi lội phù hợp với điều kiện nhà trường nhất trong giai đoạn hiện nay.

❖ Hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa

**Bảng 3.9. Thực trạng hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa
(n=400)**

TT	Hình thức	Mức độ	Kết quả phỏng vấn	
			n	%
1	TD buổi sáng	Rất thường xuyên	281	70,25
		Thường xuyên	108	27
		Không bao giờ	11	2,75
2	TD giữa giờ	Rất thường xuyên	47	11,75
		Thường xuyên	236	59
		Không bao giờ	117	29,25
3	Đội tuyển	Rất thường xuyên	42	10,5
		Thường xuyên	130	32,5
		Không bao giờ	228	57
4	Nhóm, tổ	Rất thường xuyên	155	38,75
		Thường xuyên	200	50
		Không bao giờ	45	11,25
5	Câu lạc bộ	Rất thường xuyên	131	32,75
		Thường xuyên	175	43,75
		Không bao giờ	94	23,5
6	Tự tập	Rất thường xuyên	141	35,25
		Thường xuyên	165	41,25
		Không bao giờ	94	23,5
7	Tổ chức tập luyện	Không có GV hướng dẫn	198	49,5
		Có GV hướng dẫn	107	26,75
		Kết hợp	95	23,75

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Kết quả thống kê tại bảng 3.9 cho thấy, xét theo tổng thể học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II tham gia chủ yếu 6 hình thức tập luyện và 3 hình thức tổ chức tập luyện TDTT ngoại khóa bao gồm: Thể dục buổi sáng, Thể dục giữa giờ, Đội tuyển, Nhóm – tổ, Câu lạc bộ và tự tập.

Bên cạnh đó, học viên tập luyện TDTT ngoại khóa chủ yếu theo hình thức tổ chức không có người hướng dẫn (49.5%), trong khi đó hai dạng hình thức tổ chức còn lại ít hơn nhiều khi chỉ có 26.75% học viên có hướng dẫn và 23.75 %

hoặc khi có khi không người hướng dẫn kết hợp với nhau. Như vậy, học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II đa phần đều tập luyện theo hình thức tổ chức không có người hướng dẫn.

Bảng 3.10. Kết quả đánh giá công tác hướng dẫn học viên tập luyện TDTT ngoại khóa của giảng viên GDTC (n=40)

Mức đo		Tần số(n)	Tần suất (%)
Đánh giá	Chưa thường xuyên	10	25
	Bình thường	24	60
	Thường xuyên	6	15
	Tổng	40	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Qua bảng 3.10 cho thấy 10 người được khảo sát cho rằng Công tác hướng dẫn học viên tập luyện TDTT ngoại khóa của giảng viên GDTC là chưa thường xuyên, chiếm tỷ lệ 25%. Có 24 người cho rằng bình thường, chiếm tỷ lệ 60% và chỉ có 6 người cho rằng thường xuyên, chiếm tỷ lệ 15%. Như vậy, đa số những người được khảo sát cho rằng công tác hướng dẫn học viên tập luyện TDTT ngoại khóa của giảng viên GDTC có xu hướng chưa thường xuyên, dẫn đến đa phần học viên đều tập luyện theo hình thức tổ chức không có người hướng dẫn.

Bảng 3.11. Thống kê thực trạng về tình hình tập luyện TDTT ngoại khóa của học viên (n=400)

TT	Nội dung	Mức độ trả lời	Kết quả phỏng vấn	
			n	%
1	Chuyên cần tập luyện	Rất thường xuyên	70	17,5
		Thường xuyên	199	49,75
		Thỉnh thoảng	63	15,75
		Không bao giờ	68	17
2	Thời lượng tập luyện/ ngày	<60 phút	150	37,5
		<90 phút	159	39,75
		<120 phút	55	13,75
		> 120 phút	36	9
3	Số buổi tập/ tuần	1 buổi/tuần	20	5
		2 buổi/tuần	175	43,75
		3 buổi/tuần	107	26,75
		>3 buổi/tuần	98	24,5

4	Thời điểm tập luyện	Sáng	103	25,75
		Chiều	201	50,25
		Chiều tối	96	24
5	Địa điểm tập luyện	Sân trường	200	50
		Sân KTX	170	42,5
		Các nơi khác	30	7,5

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Để có thông tin sâu hơn nữa về các hình thức tổ chức tập luyện, nghiên cứu tiến hành khảo sát thực trạng tình hình tập luyện TDTT ngoại khóa của học viên với các nội dung như sau: thời gian học tập, tính chuyên cần, số buổi tập luyện, thời lượng và thời điểm tập luyện TDTT ngoại khóa của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

- Thực trạng chuyên cần tập luyện của học viên: Có đến 67.25% học viên Rất thường xuyên - thường xuyên tập luyện, còn lại Thỉnh thoảng – không bao giờ chiếm 32.75%. Điều này là một thuận lợi rất khách quan phản ánh việc tập luyện TDTT ngoại khóa của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II đã trở thành một thói quen tốt, điều này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng công tác GDTC nói chung và phong trào TDTT ngoại khóa của nhà trường nói riêng.

- Thực trạng thời lượng tập luyện TDTT ngoại khóa của học viên: Về thời lượng tập luyện trong ngày, học viên chủ yếu tập luyện lớn hơn 60 phút/ngày (chiếm 62.5%), trong đó tập luyện <90 phút (39.75%), <120 phút (13.75%) và >120 phút (9%). Đây cũng là yếu tố thuận lợi nhất định trong việc xem xét thời lượng tập luyện khi xây dựng các chương trình tập luyện TDTT ngoại khóa cho học viên nhà trường.

- Thực trạng số buổi tập luyện ngoại khóa trong tuần của học viên: Qua bảng 8 phản ánh số học viên tập từ 2 buổi/tuần chiếm ưu thế (43.75 %), tiếp đến là tập nhiều 3 buổi/tuần (26.75%). Tập luyện được xem là thường xuyên khi tiến hành tập luyện cách ngày, nghĩa là một tuần phải tập 3 lần trở lên, tuy nhiên khi so sánh theo tiêu chí này (tập luyện từ 3 buổi trở xuống và tập luyện nhiều hơn 3

buổi) thì ưu thế vẫn nghiêng về tập luyện không thường xuyên. Như vậy, phần nhiều học viên tập luyện không theo mật độ thường xuyên mà chỉ ngẫu hứng, thiếu ổn định.

- Thực trạng thời điểm tổ chức hoạt động TDDT ngoại khóa của học viên: Tổng thể thời gian rảnh rỗi và thuận lợi để học viên tập luyện TDDT ngoại khóa phần đông thường là buổi chiều (50.25%) và buổi sáng (25.75%) còn buổi tối ít hơn (24%).

- Thực trạng địa điểm tập luyện TDDT ngoại khóa của học viên: Đặc điểm riêng của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II và các trường trong lực lượng vũ trang cả nước là học viên được đào tạo tập trung nên địa điểm tập luyện đa số là ở sân trường và sân ký túc xá (92.5%), số lượng học viên tập luyện ở nơi khác khá ít (7.5%).

❖ **Nhu cầu tập luyện TDDT ngoại khóa của học viên**

Bảng 3.12. Thống kê nhu cầu tập luyện TDDT ngoại khóa của học viên (n=400)

TT	Môn thể thao	Kết quả lựa chọn	
		n	%
1	Bóng đá	117	29,25
2	Bóng chuyền	81	20,25
3	Cầu lông	45	11,25
4	Bơi lội	58	14,5
5	Các môn võ thuật	45	11,25
6	Bóng rổ	22	5,5
8	Yoga	15	3,75
9	Điền kinh	17	4,25
Tổng		400	100.0

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Qua bảng 3.12 cho thấy, thực trạng tổng thể nội dung tập luyện TDDT

ngoại khóa của học viên là khá phong phú nhưng tản mạn. Số lượng và tỉ lệ các môn thể thao học viên hiện đang tập luyện có sự chênh lệch đáng kể. Tuy nhiên, dễ nhận thấy các môn thể thao mà học viên hiện có nhu cầu tập luyện nhiều nhất là: Bóng đá chiếm tỉ lệ (29.25%), Bóng chuyền chiếm tỉ lệ 20,25%, Bơi lội chiếm tỉ lệ (14.5%), Cầu lông chiếm tỉ lệ (11.25%) và các môn võ thuật chiếm tỉ lệ (11.25%). Nhóm các môn thể thao còn lại, có thể do không hấp dẫn hay khó khăn về điều kiện tập luyện mà chưa được học viên lựa chọn tập luyện nhiều như môn: Bóng rổ, Yoga, Quần vợt, Điền kinh, chiếm tỉ lệ từ 5,5% trở xuống.

Như vậy, qua khảo sát thực trạng về các môn TDTT ngoại khóa của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II cho thấy, các môn TDTT ngoại khóa khá phong phú, đa dạng và số lượng học viên tham gia tập luyện cũng phân tán ở nhiều môn, với tỉ lệ khác nhau, song thực tế cho thấy nhóm các môn TDTT ngoại khóa được học viên tập luyện nhiều nhất là: Bóng đá, Bóng chuyền, Bơi lội, Cầu lông và Taekwondo. Nhóm các môn thể thao còn lại có số lượng học viên tập luyện ít hơn đó là: Điền kinh, Bóng rổ, Đá cầu, Quần vợt. Đây là các môn thể thao dễ tập luyện, có thể tận dụng được các cơ sở vật chất hiện tại ở nhà trường và cũng là những môn thể thao có sức hấp dẫn đối với học viên hiện nay.

❖ Sự hứng thú tập luyện TDTT ngoại khóa

Bảng 3.13. Thống kê sự hứng thú tập luyện TDTT ngoại khóa của học viên (n=400)

Mức đo		Tần số(n)	Tần suất (%)
Đánh giá	Không hứng thú	178	44,5
	Bình thường	70	17,5
	Hứng thú	119	29,75
	Rất hứng thú	33	8,25
	Tổng	400	100.0

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Hứng thú tập luyện là yếu tố quan trọng, đây là cơ sở hình thành động lực cho học viên tham gia tập luyện các môn thể thao ngoại khóa.

Qua bảng 3.13 cho thấy 178 học viên được khảo sát cho rằng là không hứng thú với việc tập TDDT ngoại khóa, chiếm tỷ lệ 44.5%; 70 học viên cho rằng bình thường, chiếm tỷ lệ 17.5%; 119 học viên hứng thú tập luyện, chiếm tỷ lệ 29.75%; 33 học viên rất hứng thú tập luyện, chiếm tỷ lệ 8,25%. Như vậy, còn phần lớn học viên có xu hướng không hứng thú với việc tập luyện TDDT ngoại khóa tại Nhà trường.

❖ **Sự hài lòng của học viên về chương trình TDDT ngoại khóa**

Bảng 3.14. Thống kê mức độ hài lòng của học viên về chương trình TDDT ngoại khóa (n=400)

Mức đo		Tần số(n)	Tần suất (%)
Đánh giá	Không hài lòng	118	29,5
	Bình thường	175	43,75
	Hài lòng	93	23,25
	Rất hài lòng	14	3,5
	Tổng	400	100.0

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Qua bản thống kê cho thấy 118 học viên được khảo sát cho rằng là không hài lòng với chương trình TDDT ngoại khóa, chiếm tỷ lệ 29.5%; 175 học viên cho rằng bình thường, chiếm tỷ lệ 43.75%; 93 học viên hài lòng với chương trình, chiếm tỷ lệ 23.25%; 14 học viên rất hài lòng, chiếm tỷ lệ 3.5%. Như vậy, còn phần lớn học viên có xu hướng không hài lòng và đánh giá bình thường (73.25%) với chương trình tập luyện TDDT ngoại khóa tại Nhà trường.

❖ **Các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDDT ngoại khóa của học viên.**

Bảng 3.15. Thống kê các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động TDDT ngoại khóa của học viên (n=400)

TT	Nội dung	Phỏng vấn	
		n	%
1	Thiếu thời gian tập luyện	20	4.6
2	Thiếu sân bãi tập luyện	116	37.1
3	Kinh phí tập luyện	38	7.9
4	Dụng cụ tập luyện	98	27.7
5	Thiếu người hướng dẫn tập luyện	88	18.3
6	Thiếu quyết tâm tập luyện	10	2.1
7	Thiếu kế hoạch tập luyện	25	1.3
8	Các yếu tố khác	5	1.0

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Chất lượng của hoạt động TDDT ngoại khóa phần nhiều còn phụ thuộc vào các điều kiện như: cơ sở vật chất trang thiết bị tập luyện, sân bãi, nhà thi đấu, cán bộ hướng dẫn hoạt động TDDT, thời gian, kinh phí hoạt động. Qua phỏng vấn ngẫu nhiên bằng phiếu hỏi 400 học viên về nguyên nhân ảnh hưởng đến tập luyện TDDT ngoại khóa cho thấy: có đến 116 học viên cho rằng “Thiếu sân bãi tập luyện” là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất. Xếp thứ 2 là “Thiếu dụng cụ tập luyện” với 93 người lựa chọn. Xếp vị trí thứ 3 là “Thiếu người hướng dẫn tập luyện” với 88 người tập luyện. Kết quả thống kê chi tiết được trình bày tại bảng 3.15.

3.1.3. Đánh giá thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

3.1.3.1. Xác định tiêu chí đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

❖ Xác định tiêu chí định lượng đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Tham khảo ý kiến của các chuyên gia, nhà chuyên môn, căn cứ vào thực tiễn công tác GDTC tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, đặc điểm của khách thể nghiên cứu, nghiên cứu lựa chọn tiêu chí đánh giá định lượng gồm các chỉ tiêu đánh giá trình độ thể lực theo Thông tư số 106/2020/TT-BCA ngày 08/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng Công an nhân dân [9] gồm các Test cụ thể như sau:

- Chạy 100m (s)
- Chạy 1500m (phút)
- Bật xa tại chỗ (cm)
- Co tay xà đơn (lần)

❖ Xác định tiêu chí định tính đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Xác định các tiêu chí định tính đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II thông qua các phương pháp như sau:

Nghiên cứu định tính

Từ cơ sở lý luận đã tham khảo, nghiên cứu tiến hành dự thảo nội dung thang đo đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Nghiên cứu định tính được tiến hành thông qua kỹ thuật thảo luận nhóm vừa để khám phá, vừa để khẳng định, điều chỉnh, bổ sung các nhân tố tác động đến tính tích cực của học viên. Nghiên cứu được tiến hành thông qua bảng câu hỏi đối với 10 học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II. Kết quả nghiên cứu định tính sẽ là cơ sở cho việc thiết kế bảng câu hỏi cho nghiên cứu chính thức.

Bước đầu tiên thảo luận với đáp viên bằng một số câu hỏi mở có tính chất khám phá để xem họ phát hiện các nhân tố nào tác động đến tính tích cực đối với việc tham gia rèn luyện thể chất. Qua thảo luận các học viên đều đồng ý với các nội dung nghiên cứu đưa ra và không có nhân tố nào được đề nghị thêm vào.

Sau đó, các nhân tố và các biến quan sát ảnh hưởng đến tính tích cực của học viên được đề xuất trong dàn bài thảo luận tay đôi được giới thiệu để đáp viên nêu chính kiến, đánh giá của mình. Kết quả thảo luận nhóm đã cho kết quả 06 nhóm nhân tố với 28 biến quan sát ban đầu sau khi thảo luận nhóm được giữ nguyên như sau:

Nhân tố 1: “Biểu hiện xúc cảm” có 8 biến và số lượng được giữ nguyên.

Nhân tố 2: “Biểu hiện chú ý” có 4 biến và số lượng được giữ nguyên.

Nhân tố 3: “Biểu hiện nỗ lực ý chí” có 3 biến và số lượng được giữ nguyên.

Nhân tố 4: “Biểu hiện hành vi” có 6 biến và số lượng được giữ nguyên.

Nhân tố 5: “Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội ” có 3 biến và số lượng được giữ nguyên.

Nhóm nhân tố phụ thuộc: “Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên” có 04 biến và số lượng được giữ nguyên.

Sau khi đã tổng hợp các ý kiến của học viên, tiến hành phỏng vấn các cán bộ quản lý, GV liên quan đến công tác rèn luyện thể chất tại Trường để điều chỉnh các biến trước khi lập bảng khảo sát chính thức sử dụng cho nghiên cứu định lượng. Kết quả khảo sát tại bảng 3.17 cho thấy các nhân tố được giữ nguyên. Tuy nhiên, các biến quan sát được chỉnh sửa từ ngữ cho rõ nghĩa hơn.

Bảng 3.16. Kết quả thảo luận nhóm xây dựng thang đo đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

Các nhân tố	TT	Nội dung	Nguồn
Biểu hiện xúc cảm	1	Tôi yêu thích việc tham gia rèn luyện thân thể	[13], [16]
	2	Việc tham gia rèn luyện thân thể là cần thiết	[33], [36]
	3	Bản thân tôi luôn nhận thấy vai trò tác dụng và ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thân thể	[62], [67], [71]
	4	Tôi cảm thấy hứng thú khi tham gia rèn luyện thân thể	[62], [67], [71]
	5	Tôi luôn ý thức tự tham gia rèn luyện thân thể	Tác giả đề xuất
	6	Phương pháp tổ chức rèn luyện thân thể của giảng viên là phù hợp, hấp dẫn	[62], [67], [71]
	7	Nội dung tổ chức rèn luyện thân thể là phù hợp	Tác giả đề xuất
	8	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ để tổ chức rèn luyện thân thể đảm bảo, đầy đủ và phù hợp	Tác giả đề xuất
Biểu hiện chú ý	1	Tôi luôn tích cực, chú ý lắng nghe giảng viên hướng dẫn trong giờ rèn luyện thân thể.	[13], [16], [62], [67], [71]
	2	Tôi luôn chú ý quan sát động tác thị phạm, hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và của các bạn thực hành trên lớp.	[13], [16] [36]
	3	Tôi luôn hăng hái tham gia các hoạt động học tập rèn luyện thân thể (phát biểu ý kiến, ghi chép, tham gia trò chơi tập thể,...)	[13], [16] [36]
	4	Tôi luôn tập trung khi tham gia rèn luyện thân thể.	[13], [16] [36]
Biểu hiện nỗ lực ý chí	1	Tôi luôn cố gắng hoàn thành bài tập giảng viên giao ở trên lớp	[62], [67], [71]
	2	Tôi luôn quyết tâm vượt qua các khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ được giao	[62], [67], [71]
	3	Tôi luôn tự giác, chủ động rèn luyện thêm ngoài giờ	[62], [67], [71]
Biểu hiện hành vi	1	Tôi tham gia đầy đủ các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường	[13], [16]
	2	Tôi luôn đến đúng giờ để tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường	[13], [16]
	3	Tôi thường sốt sắng, hào hứng khi được giao nhiệm vụ trong các giờ học GDTC chính khóa và các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại	[13], [16] [36]

Các nhân tố	TT	Nội dung	Nguồn
		Trường	
	4	Tôi thường trao đổi với giảng viên về các nội dung tập luyện mà tôi chưa hiểu rõ.	[62], [67], [71]
	5	Tôi thường theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến các hoạt động rèn luyện thân thể.	[62], [67], [71]
	6	Tôi thường xuyên tham gia các hoạt động TDDT ngoại khóa sau các giờ học GDTC chính khóa.	[62], [67], [71]
Biểu hiện ở kết quả linh hội	1	Tôi luôn ghi nhớ và thực hiện lại tốt các động tác, bài tập vận động khi tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể	[62], [67], [71]
	2	Tôi có thể vận dụng linh hoạt những kiến thức, kỹ năng vận động đã có vào các bài tập, nội dung học mới.	[67], [71], [78]
	3	Tôi đã nâng cao các kỹ năng vận động cơ bản, kỹ năng thực hiện các động tác, bài tập khi tham gia rèn luyện thân thể	[67], [71], [78]
Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên	1	Tôi sẽ tiếp tục tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường	Tác giả đề xuất
	2	Quyết định tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường là quyết định đúng đắn của tôi	Tác giả đề xuất
	3	Các hoạt động thể chất giúp tôi nâng cao tính tích cực khi học tập.	Tác giả đề xuất
	4	Tôi tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường	Tác giả đề xuất

(Nguồn: Kết quả sau khi thảo luận nhóm)

Bảng 3.17. Kết quả khảo sát các cán bộ quản lý, GV đánh giá các nội dung thang đo đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

Các nhân tố	TT	Nội dung	Nội dung điều chỉnh
Biểu hiện xúc cảm	1	Tôi yêu thích việc tham gia rèn luyện thân thể	
	2	Việc tham gia rèn luyện thân thể là cần thiết	
	3	Bản thân tôi luôn nhận thấy vai trò tác dụng và ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thân thể	Tôi nhận thấy vai trò ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thân thể
	4	Tôi cảm thấy hứng thú khi tham gia rèn luyện thân thể	
	5	Tôi luôn ý thức tự tham gia rèn luyện thân thể	
	6	Phương pháp tổ chức rèn luyện thân thể của giảng viên là phù hợp, hấp dẫn	
	7	Nội dung tổ chức rèn luyện thân thể là phù hợp	
	8	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ để tổ chức rèn luyện thân thể đảm bảo, đầy đủ và phù hợp	
Biểu	1	Tôi luôn tích cực, chú ý lắng nghe giảng viên hướng dẫn trong	

hiện chú ý		giờ rèn luyện thân thể.	
	2	Tôi luôn chú ý quan sát động tác thị phạm, hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và của các bạn thực hành trên lớp.	Tôi luôn chú ý quan sát động tác thị phạm, hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và của các bạn khi tham gia rèn luyện thân thể
	3	Tôi luôn hăng hái tham gia các hoạt động học tập rèn luyện thân thể (phát biểu ý kiến, ghi chép, tham gia trò chơi tập thể,...)	
	4	Tôi luôn tập trung khi tham gia rèn luyện thân thể.	
Biểu hiện nỗ lực ý chí	1	Tôi luôn cố gắng hoàn thành bài tập giảng viên giao ở trên lớp	
	2	Tôi luôn quyết tâm vượt qua các khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ được giao	Tôi luôn quyết tâm vượt qua các khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ được giao khi tham gia rèn luyện thân thể
	3	Tôi luôn tự giác, chủ động rèn luyện thêm ngoài giờ	
Biểu hiện	1	Tôi tham gia đầy đủ các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường	

hành vi	2	Tôi luôn đến đúng giờ để tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường	
	3	Tôi thường sốt sắng, hào hứng khi được giao nhiệm vụ trong các giờ học GDTC chính khóa và các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường	Tôi thường hào hứng khi được giao nhiệm vụ trong các giờ học GDTC chính khóa và các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường
	4	Tôi thường trao đổi với giảng viên về các nội dung tập luyện mà tôi chưa hiểu rõ.	
	5	Tôi thường theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến các hoạt động rèn luyện thân thể.	
	6	Tôi thường xuyên tham gia các hoạt động TDTT ngoại khóa sau các giờ học GDTC chính khóa.	
Biểu hiện ở	1	Tôi luôn ghi nhớ và thực hiện lại tốt các động tác, bài tập vận động khi tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể	
	2	Tôi có thể vận dụng linh hoạt những kiến thức, kỹ năng vận động đã có vào các bài tập, nội dung học mới.	

kết quả lĩnh hội	3	Tôi đã nâng cao các kỹ năng vận động cơ bản, kỹ năng thực hiện các động tác, bài tập khi tham gia rèn luyện thân thể	
Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên	1	Tôi sẽ tiếp tục tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường	
	2	Quyết định tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường là quyết định đúng đắn của tôi	
	3	Các hoạt động thể chất giúp tôi nâng cao tính tích cực khi học tập.	
	4	Tôi tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường	

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Nghiên cứu định lượng

Đây là giai đoạn nghiên cứu chính thức với phương pháp thu thập thông tin bằng bảng câu hỏi khảo sát. Dữ liệu thu thập được sẽ được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0. Mục đích nhằm kiểm định mô hình lý thuyết đã đặt ra, các giả thuyết, các mối quan hệ được giả định trong phần nghiên cứu định tính; nghiên cứu đánh giá tính tích cực của học viên khi tham gia rèn luyện thể chất.

Xây dựng thang đo

Thang đo này được xây dựng trên cơ sở lý thuyết về tính tích cực khi tham gia học tập, học tập GDTC của học viên, đồng thời tham khảo các thang đo đã được nghiên cứu trước đây. Sau khi thông qua kết quả định tính bằng bảng khảo sát định tính, các biến quan sát đã được điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với nghiên cứu. Các biến nghiên cứu được đo lường chủ yếu trên thang đo Likert 5 điểm với nội dung như sau:

- | | |
|---------------------------|-----------------|
| 1: Hoàn toàn không đồng ý | 2: Không đồng ý |
| 3: Bình thường | 4: Đồng ý |
| 5: Hoàn toàn đồng ý. | |

Qui ước các mức đo tích cực sau khi qui đổi giá trị trung bình đánh giá của học viên:

- 1.00 – 1.80: Mức 1 (Rất không tích cực, Hoàn toàn không đồng ý, Rất khó khăn).
- 1.81 – 2.60: Mức 2 (Không tích cực, Không đồng ý, Khó khăn).
- 2.61 – 3.40: Mức 3 (Bình thường)
- 3.41 – 4.20: Mức 4 (Tích cực, Đồng ý, Thuận lợi)
- 4.21 – 5.00: Mức 5 (Rất tích cực, Hoàn toàn đồng ý, Rất thuận lợi).

Ngoài ra bảng khảo sát còn sử dụng thêm thang đo biểu danh (Nominal) để xác định các biến giới tính, năm học, ngành học của học viên. Thang đo gồm 28 biến quan sát được mã hóa cụ thể tại bảng dưới đây.

Bảng 3.18. Thang đo nghiên cứu đề xuất

Các nhân tố	TT	Nội dung	Mã hóa
Biểu hiện xúc cảm	1	Tôi yêu thích việc tham gia rèn luyện thân thể	XC1
	2	Việc tham gia rèn luyện thân thể là cần thiết	XC2
	3	Tôi nhận thấy vai trò ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thân thể	XC3
	4	Tôi cảm thấy hứng thú khi tham gia rèn luyện thân thể	XC4
	5	Tôi luôn ý thức tự tham gia rèn luyện thân thể	XC5
	6	Phương pháp tổ chức rèn luyện thân thể của giảng viên là phù hợp, hấp dẫn	XC6
	7	Nội dung tổ chức rèn luyện thân thể là phù hợp	XC7
	8	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ để tổ chức rèn luyện thân thể đảm bảo, đầy đủ và phù hợp	XC8
Biểu hiện chú ý	1	Tôi luôn tích cực, chú ý lắng nghe giảng viên hướng dẫn trong giờ rèn luyện thân thể.	CY1
	2	Tôi luôn chú ý quan sát động tác thị phạm, hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và của các bạn khi tham gia rèn luyện thân thể	CY2
	3	Tôi luôn hăng hái tham gia các hoạt động học tập rèn luyện thân thể (phát biểu ý kiến, ghi chép, tham gia trò chơi tập thể,...)	CY3

	4	Tôi luôn tập trung khi tham gia rèn luyện thân thể.	CY4
Biểu hiện nỗ lực ý chí	1	Tôi luôn cố gắng hoàn thành bài tập giảng viên giao ở trên lớp	YC1
	2	Tôi luôn quyết tâm vượt qua các khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ được giao	YC2
	3	Tôi luôn tự giác, chủ động rèn luyện thêm ngoài giờ	YC3
Biểu hiện hành vi	1	Tôi tham gia đầy đủ các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường	HV1
	2	Tôi luôn đến đúng giờ để tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường	HV2
	3	Tôi thường hào hứng khi được giao nhiệm vụ trong các giờ học GDTC chính khóa và các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường	HV3
	4	Tôi thường trao đổi với giảng viên về các nội dung tập luyện mà tôi chưa hiểu rõ.	HV4
	5	Tôi thường theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến các hoạt động rèn luyện thân thể.	HV5
	6	Tôi thường xuyên tham gia các hoạt động TDTT ngoại khóa sau các giờ học GDTC chính khóa.	HV6
Biểu hiện ở	1	Tôi luôn ghi nhớ và thực hiện lại tốt các động tác, bài tập vận động khi tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể	KQ1
	2	Tôi có thể vận dụng linh hoạt những kiến thức, kỹ năng vận động đã có vào các bài tập, nội dung học mới.	KQ2

kết quả lĩnh hội	3	Tôi đã nâng cao các kỹ năng vận động cơ bản, kỹ năng thực hiện các động tác, bài tập khi tham gia rèn luyện thân thể	KQ3
Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên	1	Tôi sẽ tiếp tục tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường	TC1
	2	Quyết định tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường là quyết định đúng đắn của tôi	TC2
	3	Các hoạt động thể chất giúp tôi nâng cao tính tích cực khi học tập.	TC3
	4	Tôi tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường	TC4

(Nguồn: Kết quả tổng hợp)

Phương pháp chọn mẫu

Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008) [54] cho rằng phân tích nhân tố khám phá (EFA) cần ít nhất 5 mẫu trên một biến quan sát. Trong nghiên cứu này có 28 biến quan sát, vậy cỡ mẫu cần thiết cho phân tích nhân tố khám phá ít nhất là $n \geq 140$ (28×5). Để đảm bảo số lượng mẫu là 140, tác giả sẽ phát ra tăng thêm khoảng cỡ mẫu tối thiểu vì trong quá trình thu thập dữ liệu sẽ phải loại bỏ những bảng khảo sát không đạt yêu cầu. Vậy số phiếu khảo sát cần gửi khảo sát là khoảng 150 học viên. Kết quả thu được từ các phiếu khảo sát sẽ được sàng lọc và phân tích định lượng. Do vậy, mẫu được chọn sẽ bao gồm 150 phiếu khảo sát thực hiện trên học viên các khóa đang học tại trường. Quy mô mẫu này đủ để đảm bảo tính tin cậy khi áp dụng các phân tích định lượng cần thiết.

Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu được phân tích bằng cả hai phương pháp định tính và định lượng qua phần mềm phân tích dữ liệu SPSS 22.0

Kế hoạch phân tích dữ liệu

Phân tích hệ số Cronbach's Alpha:

Độ tin cậy của thang đo được đánh giá bằng phương pháp nhất quán nội tại thông qua hệ số Cronbach's Alpha và hệ số tương quan biến tổng. Tiêu chuẩn đánh giá thang đo theo Nunnally và Burnstein (1994) và Nguyễn Đình Thọ (2011) như sau:

- Mức ý nghĩa của hệ số Cronbach's Alpha: $0,6 \leq \alpha \leq 0,95$: chấp nhận được và α từ 0,7 đến 0,9 là tốt; nếu $\alpha > 0,95$: có hiện tượng trùng lặp trong các mục hỏi nên không chấp nhận được.

- Hệ số tương quan biến - tổng phải lớn hơn 0,3. Đây là hệ số tương quan của một biến với điểm trung bình của các biến khác trong cùng một thang đo, do đó hệ số này càng cao, sự tương quan của biến với các biến khác trong nhóm càng cao. Các biến có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 được coi là biến

rác và bị loại khỏi thang đo.

Phân tích nhân tố khám phá EFA

Phương pháp phân tích nhân tố được sử dụng để thu nhỏ số lượng biến ban đầu thành tập hợp các biến cần thiết sử dụng cho nghiên cứu và tìm mối quan hệ giữa các biến với nhau.

Trong phân tích nhân tố phương pháp đi cùng với phép xoay thường được sử dụng. Phân tích nhân tố phải thỏa mãn 5 điều kiện như sau:

- Hệ số KMO $\geq 0,5$ và mức ý nghĩa của Kiểm định Bartlett $\leq 0,05$. (Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008).
- Hệ số tải nhân tố (Factor Loading) $\geq 0,5$ để tạo giá trị hội tụ (Theo Hair và Anderson 1998).
- Thang đo được chấp nhận khi tổng phương sai trích $\geq 50\%$.
- Hệ số Eigenvalue > 1 (Hair và Anderson, 1998). Số lượng nhân tố được xác định dựa trên chỉ số đại diện cho phần biến thiên được giải thích bởi mỗi nhân tố.
- Chênh lệch hệ số tải nhân tố của một biến quan sát giữa các nhân tố phải $\geq 0,3$ để tạo giá trị phân biệt giữa các nhân tố (Jabnoun và Al-Tamimi, 2003).

Sau khi kiểm tra điều kiện (1) của phân tích nhân tố, tiến đến xác định số lượng nhân tố thông qua điều kiện (3) là phương sai trích $\geq 50\%$ và (4) là Eigenvalue > 1 . Tiếp đến, kiểm tra giá trị hội tụ theo điều kiện (2) và giá trị phân biệt theo điều kiện (5) của các thang đo nhằm điều chỉnh để phục vụ cho việc chạy hồi qui mô hình tiếp theo. Kết quả phân tích nhân tố cuối cùng sẽ đáp ứng giá trị hội tụ và giá trị phân biệt. Trung bình của số của các nhân tố dùng để tính toán chỉ được hình thành sau khi kiểm tra Cronbach's alpha và phân tích nhân tố khám phá. Nhân số bằng trung bình cộng (Mean) của các biến số (hoặc items) của từng nhân tố, theo Nguyễn Đình Thọ và cộng sự (2011).

Phân tích tương quan và hồi quy bội

Nếu kết luận được là các biến độc lập và biến phụ thuộc có tương quan tuyến tính với nhau qua hệ số tương quan Pearson, thì chúng ta có thể mô hình hóa mối quan hệ nhân quả của chúng bằng mô hình hồi qui tuyến tính bội, trong đó một biến được gọi là biến phụ thuộc và biến còn lại gọi là các biến độc lập (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008) [54]

- Kiểm định độ phù hợp của mô hình
- Kiểm định ý nghĩa của các hệ số hồi quy
- Tiếp theo là đánh giá độ phù hợp của mô hình hồi qui tuyến tính bội bằng hệ số R^2 và hệ số R^2 điều chỉnh.

- Nhằm đảm bảo độ tin cậy của phương trình hồi quy được xây dựng cuối cùng là phù hợp, một loạt các dò tìm sự vi phạm của giả định cần thiết trong hồi quy tuyến tính cũng được thực hiện. Các giả định được kiểm định trong phần này gồm liên hệ tuyến tính (dùng biểu đồ phân tán Scatterplot), phương sai của phần dư không đổi (dùng hệ số tương quan hạng Spearman), phân phối chuẩn của phần dư (dùng Histogram), tính độc lập của phần dư (dùng đại lượng thống kê Durbin- Watson), hiện tượng đa cộng tuyến (hệ số phóng đại phương sai - VIF).

- Viết phương trình hồi quy tuyến tính bội: theo đó, hệ số hồi quy riêng phần của nhân tố nào càng lớn, mức độ ảnh hưởng của nhân tố đó tính tích cực càng cao, nếu cùng dấu thì mức độ ảnh hưởng theo chiều thuận và ngược lại.

- Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Thang đo trước hết sẽ được phân tích hệ số tin cậy Cronbach's Alpha, các biến có hệ số tương quan biến tổng (item-total correlation) nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại và thang đo được chấp nhận để phân tích trong các bước tiếp theo khi có độ tin cậy Cronbach's Alpha từ 0,6 trở lên (Nunnally & Burnstein, 1994).

- + Kết quả kiểm tra độ tin cậy của thang đo Biểu hiện xúc cảm

Qua kết quả phân tích tại bảng 3.19 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của thang đo “Biểu hiện xúc cảm” là $0,906 > 0,6$ nên đạt độ tin cậy. Hệ số tương

quan biến tổng của các biến quan sát trong thang đo đều lớn hơn 0,3. Do đó, tất cả các biến của thang đo đều được giữ lại và sẽ được sử dụng trong phân tích nhân tố tiếp theo.

Bảng 3.19. Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo Biểu hiện xúc cảm

Biến quan sát	Trung bình của thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
XC1	21,08	7,584	,674	,898
XC2	21,01	7,353	,731	,890
XC3	20,97	7,361	,760	,886
XC4	21,03	7,344	,755	,887
XC5	21,07	7,421	,712	,893
XC6	21,10	6,801	,800	,871
XC7	20,10	6,912	,801	,870
XC8	22,10	6,900	,808	,800
Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo =0.906				

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

+ Kết quả kiểm tra độ tin cậy của thang đo Biểu hiện chú ý

Kết quả phân tích tại bảng 3.20 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của thang đo “Biểu hiện chú ý” là $0,901 > 0,6$ nên đạt độ tin cậy. Hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát trong thang đo đều lớn hơn 0,3. Do đó, tất cả các biến của thang đo đều được giữ lại và sẽ được sử dụng trong phân tích nhân tố tiếp theo.

Bảng 3.20: Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo Biểu hiện chú ý

Biến quan sát	Trung bình của thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
CY1	24,94	10,772	,639	,895
CY2	24,99	10,983	,657	,892
CY3	25,07	10,990	,626	,896
CY4	25,08	10,696	,746	,883
Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo =0.901				

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

+Kết quả kiểm tra độ tin cậy của thang đo Biểu hiện nỗ lực ý chí

Kết quả phân tích tại bảng 3.21 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của thang đo “Biểu hiện nỗ lực ý chí” là $0,874 > 0,6$ nên đạt độ tin cậy. Hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát trong thang đo đều lớn hơn 0,3. Do đó, tất cả các biến của thang đo đều được giữ lại và sẽ được sử dụng trong phân tích nhân tố tiếp theo.

Bảng 3.21. Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo Biểu hiện nỗ lực ý chí

Biến quan sát	Trung bình của thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
YC1	16,47	4,966	,744	,837
YC2	16,49	5,010	,745	,837
YC3	16,50	5,251	,714	,845
Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo =0.874				

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

+ Kết quả kiểm tra độ tin cậy của thang đo “Biểu hiện hành vi”

Kết quả phân tích tại bảng 3.22 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của thang đo “Biểu hiện hành vi” là $0,821 > 0,6$ nên đạt độ tin cậy. Hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát trong thang đo đều lớn hơn 0,3. Do đó, tất cả các biến của thang đo đều được giữ lại và sẽ được sử dụng trong phân tích nhân tố tiếp theo.

Bảng 3.22. Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo Biểu hiện hành vi

Biến quan sát	Trung bình của thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
HV1	20,08	8,434	,698	,819
HV2	20,14	8,697	,664	,814
HV3	20,17	8,243	,772	,818
HV4	20,19	8,157	,738	,813
HV5	20,18	8,338	,766	,809
HV6	20,17	8,442	,749	,811
Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo =0.821				

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

+ Kết quả kiểm tra độ tin cậy thang đo “Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội”

Kết quả phân tích tại bảng 3.23 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của thang đo “Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội” là $0,814 > 0,6$ nên đạt độ tin cậy. Hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát trong thang đo đều lớn hơn 0,3. Do đó, tất cả các biến của thang đo đều được giữ lại và sẽ được sử dụng trong phân tích nhân tố tiếp theo.

Bảng 3.23. Kết quả phân tích độ tin cậy của thanh đo
Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội

Biến quan sát	Trung bình của thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
KQ1	11,73	3,146	,682	,802
KQ2	11,88	3,180	,685	,801
KQ3	11,94	3,139	,705	,792
Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo =0.814				

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

+Kết quả kiểm tra độ tin cậy thang đo Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên

Kết quả phân tích tại bảng 3.24 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của thang đo “Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên” là $0,903 > 0,6$ nên đạt độ tin cậy. Hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát trong thang đo đều lớn hơn 0,3. Do đó, tất cả các biến của thang đo đều được giữ lại và sẽ được sử dụng trong phân tích nhân tố tiếp theo.

Bảng 3.24. Kết quả phân tích độ tin cậy của thanh đo Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên

Biến quan sát	Trung bình của thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
TC1	12,63	3,372	,812	,865
TC2	12,61	3,265	,809	,866
TC3	12,59	3,398	,793	,872
TC4	12,68	3,478	,721	,897
Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo =0.903				

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

-Phân tích nhân tố khám phá EFA

+Kết quả phân tích EFA cho các nhóm nhân tố độc lập

Kết quả Cronbach's Alpha cho thấy 5 thang đo với 24 biến quan sát đo lường đạt yêu cầu về độ tin cậy. Vì vậy, các biến quan sát trong 5 thang đo này được tiếp tục đánh giá bằng EFA. Kết quả phân tích EFA bao gồm các nội dung chi tiết như sau:

Bảng 3.25. Kiểm định KMO và Bartlett các nhóm nhân tố độc lập

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin)		,888
Kiểm định Bartlett của thang đo	Giá trị chi bình phương	9280,555
	df	528
	Sig. – mức ý nghĩa quan sát	,000

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

Hệ số KMO = 0,888, hệ số này đã thỏa mãn điều kiện $0.5 \leq KMO \leq 1$. Kết quả này chỉ ra rằng các biến quan sát trong tổng thể có mối tương quan với nhau và phân tích nhân tố EFA được chấp nhận với dữ liệu nghiên cứu.

Kiểm định Bartlett's (Sig. = 0,000 < 0,005), phân tích nhân tố là phù hợp.

Giá trị Eigenvalues = 1,112 > 1 và tổng phương sai trích với phương pháp rút trích, phân tích nhân tố đã trích được 05 nhân tố từ 27 biến quan sát và với phương sai trích là 73.070% > 50% nên đạt yêu cầu.

Kết quả ma trận xoay cho thấy 24 biến quan sát được gom thành 5 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố $\geq 0,5$.

Dựa vào kết quả bảng ma trận xoay các nhân tố được sử dụng để nhóm các biến đạt yêu cầu với hệ số tải nhân tố > 0,5 thành 5 nhân tố. Các nhân tố này được gom lại và được đặt tên cụ thể như sau:

- Nhân tố thứ 1 bao gồm: Tôi yêu thích việc tham gia rèn luyện thân thể (XC1), Việc tham gia rèn luyện thân thể là cần thiết; (XC2); Tôi nhận thấy vai trò ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thân thể (XC3); Tôi cảm thấy hứng thú khi tham gia rèn luyện thân thể (XC4); Tôi luôn ý thức tự tham gia rèn luyện thân thể (XC5), Phương pháp tổ chức rèn luyện thân thể của giảng viên là phù

hợp, hấp dẫn (XC1), Nội dung tổ chức rèn luyện thân thể là phù hợp (XC1), Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ để tổ chức rèn luyện thân thể đảm bảo, đầy đủ và phù hợp (XC1). Nhân tố này được đặt tên là Biểu hiện xúc cảm học tập (ký hiệu là XC).

- Nhân tố thứ 2 bao gồm: Tôi luôn tích cực, chú ý lắng nghe giảng viên hướng dẫn trong giờ rèn luyện thân thể (CY1), Tôi luôn chú ý quan sát động tác thị phạm, hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và của các bạn khi tham gia rèn luyện thân thể (CY2), Tôi luôn hăng hái tham gia các hoạt động học tập rèn luyện thân thể (phát biểu ý kiến, ghi chép, tham gia trò chơi tập thể,...) (CY3) và Tôi luôn tập trung khi tham gia rèn luyện thân thể (CY4). Nhân tố này được đặt tên là Biểu hiện chú ý (ký hiệu là CY)

- Nhân tố thứ 3 bao gồm: Tôi luôn cố gắng hoàn thành bài tập giảng viên giao ở trên lớp (YC1), Tôi luôn quyết tâm vượt qua các khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ được giao (YC2) và Tôi luôn tự giác, chủ động rèn luyện thêm ngoài giờ (YC3). Nhân tố này được đặt tên là Biểu hiện nỗ lực ý chí (ký hiệu là YC)

- Nhân tố thứ 4 bao gồm: Tôi tham gia đầy đủ các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường (HV1), Tôi luôn đến đúng giờ để tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường (HV2), Tôi thường hào hứng khi được giao nhiệm vụ trong các giờ học GDTC chính khóa và các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường (HV3), Tôi thường trao đổi với giảng viên về các nội dung tập luyện mà tôi chưa hiểu rõ (HV4), Tôi thường theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến các hoạt động rèn luyện thân thể (HV5) và Tôi thường xuyên tham gia các hoạt động TDTT ngoại khóa sau các giờ học GDTC chính khóa. (HV6). Nhân tố này được đặt tên là Biểu hiện hành vi (ký hiệu là HV)

- Nhân tố thứ 5 bao gồm: Tôi luôn ghi nhớ và thực hiện lại tốt các động tác, bài tập vận động khi tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể (KQ1), Tôi có thể vận dụng linh hoạt những kiến thức, kỹ năng vận động đã có vào các bài tập, nội dung học mới (KQ2) và Tôi đã nâng cao các kỹ năng vận động cơ bản, kỹ năng thực hiện các động tác, bài tập khi tham gia rèn luyện thân thể (KQ3). Nhân tố này được đặt tên là Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội (ký hiệu là KQ).

Bảng 3.26. Ma trận xoay nhân tố các biến quan sát độc lập

Biến quan sát	Nhân tố				
	1	2	3	4	5
XC1	,907				
XC2	,905				
XC3	,896				
XC4	,895				
XC5	,856				
XC6	,854				
XC7	,853				
XC8	,852				
CY1		,827			
CY2		,823			
CY3		,820			
CY4		,815			
YC1			,788		
YC2			,784		
YC3			,781		
HV1				,731	
HV2				,729	
HV3				,720	
HV4				,715	
HV5				,710	
HV6				,700	
KQ1					,615
KQ2					,610
KQ3					,602

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

+Phân tích khám phá EFA cho biến phụ thuộc (Tính tích cực)

Thang đo Tính tích cực của gồm 04 biến quan sát, sau khi đạt độ tin cậy bằng phân tích hệ số Cronbach's Alpha được đưa vào phân tích nhân tố khám phá.

Kết quả kiểm định trong bảng 3.27 cho thấy: Hệ số KMO = 0,832, hệ số này đã thỏa mãn điều kiện $0,5 \leq KMO \leq 1$. Kết quả này chỉ ra rằng các biến quan sát trong tổng thể có mối tương quan với nhau và phân tích nhân tố EFA được chấp nhận với dữ liệu nghiên cứu. Kiểm định Bartlett's (Sig. = 0,000 < 0,005), phân tích nhân tố là phù hợp.

Bảng 3.27. Kiểm định KMO và Bartlett biến phụ thuộc

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin)		,832
Giá trị chi bình phương		596,995
Kiểm định Bartlett của thang đo	df	6
	Sig. – mức ý nghĩa quan sát	,000

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

Kết quả phân tích cho thấy giá trị Eigenvalues = 3,106 ≥ 1 và tổng phương sai trích với phương pháp rút trích và phép quay phân tích nhân tố đã trích được 01 nhân tố từ 04 biến quan sát và với phương sai trích là 77,639% $\geq 50\%$ nên đạt yêu cầu.

Kết quả ma trận xoay cho thấy 04 biến quan sát được gom thành 1 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố $\geq 0,5$.

Dựa vào kết quả bảng ma trận xoay các nhân tố được sử dụng để nhóm các biến đạt yêu cầu với hệ số tải nhân tố $> 0,5$ thành 5 nhân tố. Các nhân tố này được gom lại và được đặt tên cụ thể như sau:

Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên bao gồm: Tôi sẽ tiếp tục tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường (TC1), Quyết định tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường là quyết định đúng đắn của

tôi (TC2), Các hoạt động thể chất giúp tôi nâng cao tính tích cực khi học tập (TC3) và Tôi tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường (TC4)

Bảng 3.28. Kết quả phân tích ma trận xoay nhân tố biến phụ thuộc

Biến quan sát	Nhóm nhân tố
TC1	,900
TC2	,897
TC3	,888
TC4	,837

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

3.1.3.2. Thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

Nghiên cứu tiến hành đánh giá thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II theo các tiêu chí đánh giá định lượng và định tính được xác định ở mục 3.1.2.1 như sau:

❖ Đánh giá định lượng

Để kiểm tra đánh giá thực trạng thể lực, đề tài sử dụng các chỉ tiêu đánh giá trình độ thể lực theo Thông tư số 106/2020/TT-BCA ngày 08/10/2020 của Bộ Công An, quy định về chế độ rèn luyện thể lực trong Công an nhân dân bao gồm 04 chỉ tiêu. Kết quả kiểm tra thể lực của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II bao gồm các nội dung như sau:

- Test Bật xa tại chỗ (m): Học viên có thành tích bật xa tại chỗ là 2.1 ± 0.3 m. Hệ số biến thiên C_v là $14.3 > 10\%$, như vậy thành bật xa tại chỗ (m) của học viên chưa có sự đồng đều.

- Test Co tay xà đơn (lần): Học viên có thành tích co tay xà đơn là 13.8 ± 1.5 lần. học viên có sự đồng đều. Hệ số biến thiên C_v là $10.9\% > 10\%$, như vậy

thành tích Co tay xà đơn (lần) của học viên chưa có sự đồng đều.

- Test chạy 100m (s): Học viên có thành tích chạy 100m là 14.6 ± 0.6 s. Hệ số biến thiên Cv là $4.1\% < 10\%$, như vậy thành tích chạy 100m của học viên có sự đồng đều.

- Test chạy 1500m (phút): học viên có thành tích chạy 1500m là 6.8 ± 0.2 phút. Hệ số biến thiên Cv là $2.9\% < 10\%$, như vậy thành tích chạy 1500m của học viên có sự đồng đều.

**Bảng 3.29. Thực trạng thể lực của học viên
Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II**

TT	NỘI DUNG	$\bar{X}$	σ	Cv%
1	Bật xa tại chỗ (m)	2.1	0.3	14.3
2	Co tay xà đơn (lần)	13.8	1.5	10.9
3	Chạy 100m (s)	14.6	0.6	4.1
4	Chạy 1500m (phút)	6.8	0.2	2.9

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu thống kê)

Đánh giá phân loại theo tiêu chuẩn rèn luyện thể lực học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

Thực trạng phân loại thể lực chung của học viên tham gia đánh giá được thể hiện ở bảng 3.28 như sau:

Từ kết quả phân loại ở trên cho thấy kết quả đánh giá xếp loại học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II theo tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực của Bộ Công An như sau:

Trong số 400 học viên được đánh giá xếp loại, có 252 học viên xếp loại Đạt, chiếm tỉ lệ 63.0%, 148 học viên xếp loại Không đạt, chiếm tỉ lệ 37.0%. Như vậy, số lượng học viên chưa đạt tiêu chuẩn đánh giá thể lực chung của Bộ Công An là còn cao.

So sánh số học viên đạt chuẩn về thể lực với số không đạt chuẩn trong số

các học viên giữa hai giữa 2 loại này có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$) mà ưu thế nghiên về nhóm học viên đạt chuẩn về thể lực. Tuy nhiên tỉ lệ 37.0% học viên chưa đạt chuẩn về thể lực chung do Bộ Công An quy định là khá cao cần phải có các giải pháp thiết yếu để giảm đáng kể số lượng học viên không đạt chuẩn.

Bảng 3.30. Kết quả phân loại thể lực của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II (n = 400)

Số lượng	Xếp loại	
	Đạt	Không đạt
n	252	148
%	63	37
Kiểm nghiệm Chi – Square χ^2	18.7	
P	<0.05	

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu thống kê)

❖ Đánh giá định tính

Từ kết quả thang đo đã xây dựng, nghiên cứu tiến hành lập phiếu phỏng vấn gửi đến 400 học viên. Qua khảo sát thu được kết quả thống kê giá trị trung bình các nhóm đánh giá tính tích cực của học viên như sau:

- Về tính tích cực biểu hiện cảm xúc đánh giá trung bình là 2.66 điểm (bình thường). Trong đó mục hỏi “Việc tham gia rèn luyện thân thể là cần thiết” được học viên đánh giá cao nhất 2.93 điểm (bình thường). Mục hỏi “Phương pháp tổ chức rèn luyện thân thể của giảng viên là phù hợp, hấp dẫn” được học viên đánh giá thấp nhất 2.44 điểm (Không tích cực).

- Về tính tích cực biểu hiện chú ý đánh giá trung bình là 2.58 điểm (không tích cực). Trong đó mục hỏi “Tôi luôn hăng hái tham gia các hoạt động học tập rèn luyện thân thể (phát biểu ý kiến, ghi chép, tham gia trò chơi tập thể,...)” được học viên đánh giá cao nhất 2.71 điểm (bình thường). Mục hỏi “Tôi luôn chú ý quan sát động tác thị phạm, hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và của các bạn khi tham gia rèn luyện thân thể” được học viên đánh giá thấp nhất 2.44

điểm (Không tích cực).

- Về tính tích cực biểu hiện nỗ lực ý chí đánh giá trung bình là 2.87 điểm (Bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi luôn hăng hái tham gia các hoạt động học tập rèn luyện thân thể (phát biểu ý kiến, ghi chép, tham gia trò chơi tập thể,...)” được học viên đánh giá cao nhất 3.01 điểm (bình thường). Mục hỏi “Tôi luôn chú ý quan sát động tác thi phạm, hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và của các bạn thực hành trên lớp.” được học viên đánh giá thấp nhất 2.74 điểm (Bình thường).

- Về tính tích cực biểu hiện hành vi đánh giá trung bình là 2.64 điểm (Bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi thường xuyên tham gia các hoạt động TDDT ngoại khóa sau các giờ học GDTC chính khóa” được học viên đánh giá cao nhất 3.29 điểm (Bình thường). Mục hỏi “Tôi thường theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến các hoạt động rèn luyện thân thể.” được học viên đánh giá thấp nhất 2.38 điểm (Không tích cực).

- Về tính tích cực biểu hiện kết quả lĩnh hội đánh giá trung bình là 2.70 điểm (Bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi luôn ghi nhớ và thực hiện lại tốt các động tác, bài tập vận động khi tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể” được học viên đánh giá cao nhất 3.0 điểm (Bình thường). Mục hỏi “Tôi đã nâng cao các kỹ năng vận động cơ bản, kỹ năng thực hiện các động tác, bài tập khi tham gia rèn luyện thân thể” được học viên đánh giá thấp nhất 2.55 điểm (Không tích cực).

- Kết quả đánh giá chung về Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên đánh giá trung bình là 3.07 điểm (Bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi sẽ tiếp tục tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường” được học viên đánh giá cao nhất 3.21 điểm (Bình thường). Mục hỏi “Các hoạt động thể chất giúp tôi nâng cao tính tích cực khi học tập” được học viên đánh giá thấp nhất 2.95 điểm (Không tích cực).

**Bảng 3.31. Thống kê tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên
Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II**

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá	
		TB	Độ lệch chuẩn
	Biểu hiện xúc cảm	2,66	
1	Tôi yêu thích việc tham gia rèn luyện thân thể	2,64	0,48
2	Việc tham gia rèn luyện thân thể là cần thiết	2,93	0,69
3	Tôi nhận thấy vai trò ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thân thể	2,81	0,66
4	Tôi cảm thấy hứng thú khi tham gia rèn luyện thân thể	2,56	0,63
5	Tôi luôn ý thức tự tham gia rèn luyện thân thể	2,55	0,59
6	Phương pháp tổ chức rèn luyện thân thể của giảng viên là phù hợp, hấp dẫn	2,44	0,59
7	Nội dung tổ chức rèn luyện thân thể là phù hợp	2,71	0,66
8	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ để tổ chức rèn luyện thân thể đảm bảo, đầy đủ và phù hợp	2,61	0,66
	Biểu hiện chú ý	2,58	
9	Tôi luôn cố gắng hoàn thành bài tập giảng viên giao ở trên lớp	2,55	0,50
10	Tôi luôn quyết tâm vượt qua các khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ được giao	2,44	0,51
11	Tôi luôn tự giác, chủ động rèn luyện thêm ngoài giờ	2,71	0,61
12	Tôi luôn tập trung khi tham gia rèn luyện thân thể.	2,61	0,66
	Biểu hiện nỗ lực ý chí	2,87	
13	Tôi luôn tích cực, chú ý lắng nghe giảng viên hướng dẫn trong giờ rèn luyện thân thể.	2,85	0,70
14	Tôi luôn chú ý quan sát động tác thị phạm, hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và của các bạn thực hành trên lớp.	2,74	0,71
15	Tôi luôn hăng hái tham gia các hoạt động học tập rèn luyện thân thể (phát biểu ý kiến, ghi chép, tham gia trò chơi tập thể,...)	3,01	0,81
	Biểu hiện hành vi	2,64	
16	Tôi tham gia đầy đủ các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường	2,57	0,50
17	Tôi luôn đến đúng giờ để tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường	2,52	0,40

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá	
		TB	Độ lệch chuẩn
18	Tôi thường hào hứng khi được giao nhiệm vụ trong các giờ học GDTC chính khóa và các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường	2,43	0,30
19	Tôi thường trao đổi với giảng viên về các nội dung tập luyện mà tôi chưa hiểu rõ.	2,66	0,60
20	Tôi thường theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến các hoạt động rèn luyện thân thể.	2,38	0,45
21	Tôi thường xuyên tham gia các hoạt động TDTT ngoại khóa sau các giờ học GDTC chính khóa.	3,29	0,71
	Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội	2,70	
22	Tôi luôn ghi nhớ và thực hiện lại tốt các động tác, bài tập vận động khi tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể	3,00	0,66
23	Tôi có thể vận dụng linh hoạt những kiến thức, kỹ năng vận động đã có vào các bài tập, nội dung học mới.	2,56	0,63
24	Tôi đã nâng cao các kỹ năng vận động cơ bản, kỹ năng thực hiện các động tác, bài tập khi tham gia rèn luyện thân thể	2,55	0,59
	Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên	3,07	
25	Tôi sẽ tiếp tục tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường	3,21	0,67
26	Quyết định tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường là quyết định đúng đắn của tôi	2,96	0,64
27	Các hoạt động thể chất giúp tôi nâng cao tính tích cực khi học tập.	2,95	0,60
28	Tôi tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường	3,15	0,01

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

- Phân tích tương quan và hồi qui
- + Xác định biến độc lập và biến phụ thuộc

Căn cứ vào mô hình nghiên cứu lý thuyết, ta có phương trình hồi quy tuyến tính bội diễn tả các nhân tố ảnh hưởng đến tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên như sau:

$$TC = \beta_0 + \beta_1 \cdot XC + \beta_2 \cdot CY + \beta_3 \cdot YC + \beta_4 \cdot HV + \beta_5 \cdot KQ$$

Các biến độc lập trong phương trình là: XC, CY, YC, HV, KQ

Biến phụ thuộc (TC): Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên

β_k là hệ số hồi quy riêng phần ($k = 0, 1, 2, 3, 4, 5$)

- + Phân tích tương quan

Dựa vào bảng tương quan, ta có thể thấy giá trị Sig. tương quan Pearson của 06 biến độc lập XC, CY, YC, HV, KQ là 0,000 (nhỏ hơn 0,05). Như vậy, sơ bộ ta có thể kết luận 05 biến độc lập có thể đưa vào mô hình để giải thích cho biến phụ thuộc TC. Do đó, kiểm định đa cộng tuyến cần được tiến hành trong các bước tiếp theo để xác định xem các biến độc lập có ảnh hưởng với nhau hay không.

Bảng 3.32. Kết quả phân tích hệ số tương quan giữa các nhân tố

		XC	CY	YC	HV	KQ	TC
XC	Hệ số tương quan	1	,664**	,614**	,581**	,495**	,675**
	Sig. (2-chiều)		,000	,000	,000	,000	,000
	N	233	233	233	233	233	233
CY	Hệ số tương quan	,664**	1	,539**	,525**	,360**	,619**
	Sig. (2-chiều)	,000		,000	,000	,000	,000
	N	233	233	233	233	233	233
YC	Hệ số tương quan	,614**	,539**	1	,472**	,470**	,530**

	Sig. (2-chiều)	,000	,000		,000	,000	,000
	N	233	233	233	233	233	233
HV	Hệ số tương quan	,581**	,525**	,472**	1	,583**	,524**
	Sig. (2-chiều)	,000	,000	,000		,000	,000
	N	233	233	233	233	233	233
KQ	Hệ số tương quan	,495**	,360**	,470**	,583**	1	,457**
	Sig. (2-chiều)	,000	,000	,000	,000		,000
	N	233	233	233	233	233	233
TC	Hệ số tương quan	,675**	,619**	,530**	,524**	,457**	1
	Sig. (2-chiều)	,000	,000	,000	,000	,000	
	N	233	233	233	233	233	233

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

Phân tích hồi quy tuyến tính bội

-Kiểm định sự phù hợp của mô hình (kiểm định giả định hồi quy)

Bảng tổng kết mô hình cho thấy R^2 hiệu chỉnh bằng 0,558 có nghĩa là 55.8% sự biến thiên của TC (Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên) được giải thích bởi sự biến thiên của 05 nhân tố độc lập C XC, CY, YC, HV, KQ.

Bảng 3.33. Kết quả phân tích tổng kết mô hình

Mô hình	R	R^2	R^2 hiệu chỉnh	Sai số ước lượng	Hệ số Durbin-Watson
1	,754 ^a	,569	,558	,401	2,056

a. Biến độc lập (Hằng số), XC, CY, YC, HV, KQ

b. Biến phụ thuộc: TC

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

Trong bảng phân tích phương sai, cho thấy trị số F có mức ý nghĩa với

Sig. = 0,000 < 0,05 có nghĩa mô hình hồi quy tuyến tính đưa ra là phù hợp với dữ liệu thực tế thu thập được và các biến đưa vào đều có ý nghĩa trong thống kê với mức ý nghĩa 5% (độ tin cậy 95%).

Bảng 3.34. Kết quả phân tích phương sai ANOVA^a

ANOVA^a

Mô hình	Tổng bình phương	Bậc tự do (df)	Trung bình bình phương	F	Sig.
1 Hồi quy	48,018	6	8,003	49,765	,000 ^b
Phần dư	36,345	226	,161		
Tổng	84,363	232			

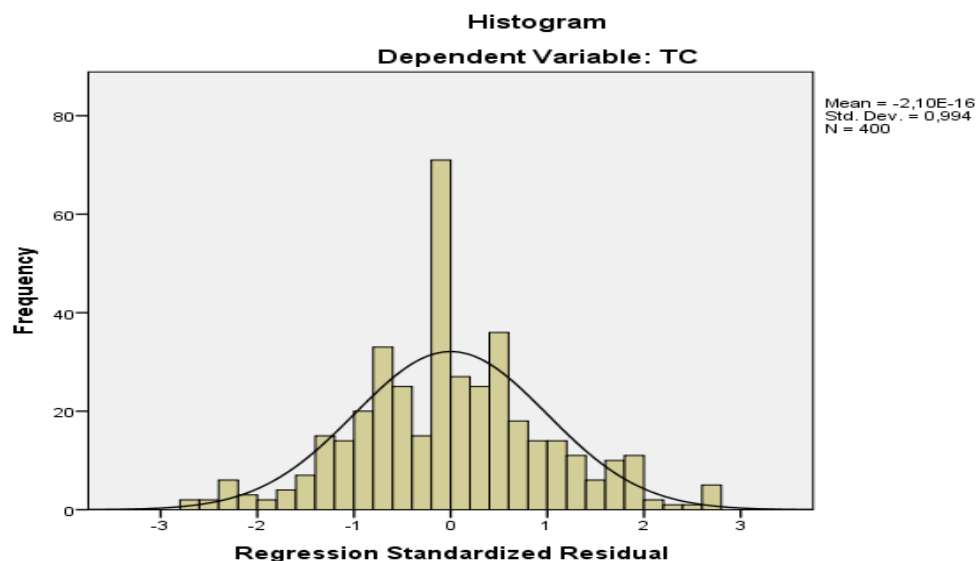
a. Biến phụ thuộc: TC

b. Biến độc lập: (Hàng số), XC, CY, YC, HV, KQ

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

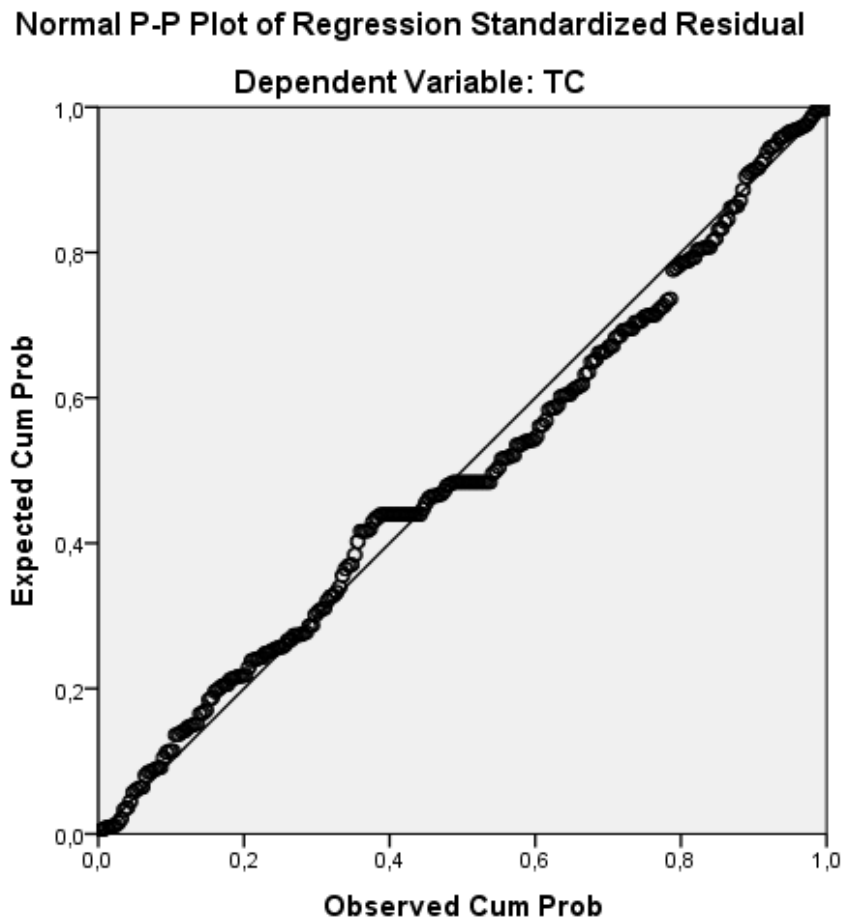
- Kiểm định phân phối chuẩn

Quan sát biểu đồ tần số của phần dư chuẩn hóa cho ta thấy phân phối chuẩn của phần dư xấp xỉ chuẩn Mean = -2.10E-16 (giá trị trung bình gần bằng 0) và độ lệch chuẩn Std.Dev = 0,994 (độ lệch chuẩn gần bằng 1). Do đó có thể kết luận giả thuyết phân phối chuẩn của phần dư không bị sai phạm.



Hình 3.1: Biểu đồ tần số của phần dư chuẩn hóa

Biểu đồ tần số P-P cũng cho thấy các điểm của phần dư phân tán không xa mà phân tán ngẫu nhiên xung quanh đường chéo (đường thẳng kỳ vọng), do đó giả định về phân phối chuẩn của phần dư được thỏa mãn.



Hình 3.2. Biểu đồ tần số P-P plot về phân phối chuẩn phần dư

- Kiểm định đa cộng tuyến

Hệ số phóng đại phương sai VIF đạt giá trị lớn nhất là 2,624 (nhỏ hơn 10) cho thấy các biến độc lập này không có quan hệ chặt chẽ với nhau nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Do đó, mối quan hệ giữa các biến độc lập không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả giải thích của mô hình hồi quy.

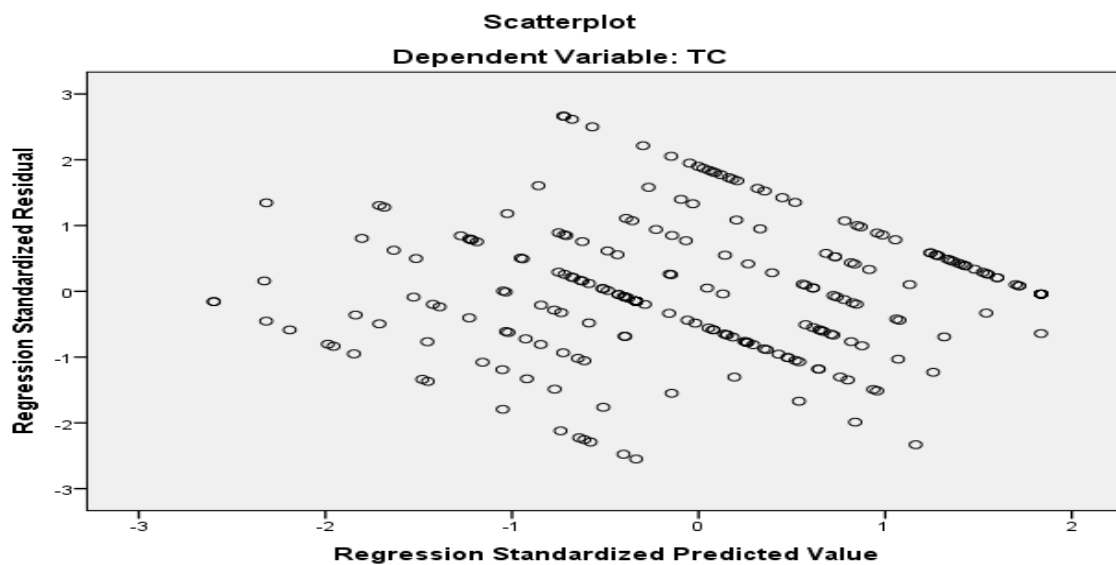
Bảng 3.35. Thống kê phân tích các hệ số hồi quy

Coefficients ^a								
Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		B	Sai số chuẩn	Beta			Dung sai	VIF
1	Hằng số	,190	,244		,778	,438		
	XC	,292	,079	,260	3,673	,000	,381	2,624
	CY	,229	,070	,205	3,276	,001	,487	2,053
	YC	,074	,053	,083	1,413	,039	,557	1,795
	HV	,075	,064	,072	1,179	,040	,516	1,939
	KQ	,031	,061	,030	,503	,015	,552	1,813
a. Biến phụ thuộc: TC								

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

- Kiểm định độc lập giữa các phần dư

Quan sát đồ thị phân tán, ta thấy có sự phân tán đều. Như vậy, giả định phương sai không đổi của mô hình hồi quy không bị vi phạm

**Hình 3.3. Biểu đồ tần số Scatterplot về phân phối chuẩn phần dư**

Ngoài ra, kiểm định Durbin-Watson (d) cho ta thấy kết quả $d = 2,056$ ($1 < d < 3$) nên ta có thể kết luận các phần dư là độc lập với nhau, nghĩa là không có sự tương quan giữa các phần dư. Qua các kết quả kiểm định trên cho thấy các giả định của hàm hồi quy tuyến tính không bị vi phạm và mô hình hồi quy đã xây dựng là phù hợp với tổng thể.

-Kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

Từ bảng thống kê phân tích các hệ số hồi quy (bảng 17), thấy 5 biến độc lập XC, CY, YC, HV, KQ có tác động cùng chiều vào biến phụ thuộc TC vì hệ số hồi quy chuẩn hóa (β) của các biến này đều dương và có ý nghĩa thống kê (Sig. $< 0,05$). So sánh mức độ tác động của 05 biến này vào biến phụ thuộc Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên theo thứ tự mạnh nhất giảm dần đến thấp nhất như sau: Biến Biểu hiện xúc cảm học tập (XC) có tác động mạnh nhất ($\beta = 0,260$), xếp thứ 2 là biến Biểu hiện chú ý (CY) ($\beta = 0,205$), xếp vị trí thứ 3 là biến Biểu hiện nỗ lực ý chí (YC) ($\beta = 0,083$), vị trí thứ 4 là biến Biểu hiện hành vi (HV) ($\beta = 0,072$) và cuối cùng là biến Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội (KQ) có hệ số thấp nhất ($\beta = 0,030$).

Điều này cho thấy các yếu tố về Biểu hiện xúc cảm học tập (XC), Biểu hiện chú ý (CY), Biểu hiện nỗ lực ý chí (YC), Biểu hiện hành vi (HV), Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội (KQ) đều ảnh hưởng đến tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên của trường.

-Phương trình hồi quy tuyến tính bội

Kết quả phân tích các hệ số hồi quy trong mô hình cho thấy, mức ý nghĩa của các thành phần đều $< 0,05$, cùng với dữ liệu thu được trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, và dựa vào bảng kết quả hồi quy tuyến tính bội, phương trình hồi quy tuyến tính bội thể hiện các nhân tố ảnh hưởng đến tính tích cực của học viên như sau:

- Phương trình hồi quy chuẩn hóa có dạng:

$$TC = 0,260 \cdot XC + 0,205 \cdot CY + 0,083 \cdot YC + 0,072 \cdot HV + 0,030 \cdot KQ$$

3.1.4. Bàn luận về tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

❖ Bàn luận về tính tích cực trong rèn luyện thể chất của học viên

- Kết quả khảo sát cho thấy mức độ tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên chỉ đạt mức trung bình (3.07 điểm). Giá trị trung bình các nhóm đánh giá dao động từ 2.58 - 2.87, phản ánh sự thiếu chủ động trong việc tham gia các hoạt động thể chất. Điều này thể hiện qua một số đặc điểm sau:

- Sự thiếu tự giác trong tập luyện: Học viên chưa xem rèn luyện thể chất là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo mà chủ yếu tham gia do yêu cầu bắt buộc.

- Thiếu động cơ rõ ràng: Nhiều học viên chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của rèn luyện thể chất đối với sức khỏe và công tác sau này, dẫn đến sự thiếu kiên trì và dễ dàng bỏ cuộc khi gặp khó khăn.

- Mức độ hứng thú thấp: Một bộ phận học viên cho rằng nội dung tập luyện chưa hấp dẫn, phương pháp giảng dạy chưa khơi gợi được tinh thần tích cực.

- Những điều này cho thấy tính tích cực trong rèn luyện thể chất của học viên chưa được phát huy tối đa, gây ảnh hưởng đến quá trình đào tạo và hiệu quả thực tiễn khi học viên ra trường nhận nhiệm vụ.

Mặc dù tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất chưa cao, nhưng nghiên cứu cũng ghi nhận một số điểm sáng tích cực:

- Học viên có khả năng thích nghi tốt khi có động lực đúng đắn: Một số học viên thể hiện ý chí vượt khó, nỗ lực hoàn thành bài tập, chứng tỏ rằng việc thiết kế chương trình rèn luyện phù hợp có thể giúp cải thiện mức độ tham gia.

- Nhóm học viên có động cơ nội tại tốt vẫn duy trì thói quen tập luyện đều đặn, cho thấy rằng việc tạo động lực đúng đắn có thể giúp nâng cao tính tích cực trong rèn luyện thể chất.

❖ Bàn luận về kết quả kiểm tra thể lực của học viên

- Thực trạng thể lực của học viên còn nhiều hạn chế: Có 37% học viên

chưa đạt tiêu chuẩn thể lực theo quy định của Bộ Công an, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đáp ứng yêu cầu công tác sau khi ra trường.

- Tác động đến hiệu quả huấn luyện và thực hiện nhiệm vụ: Việc thiếu hụt thể lực có thể làm giảm hiệu suất làm việc, ảnh hưởng đến khả năng thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi sức bền, tốc độ và sự linh hoạt cao.

- Ảnh hưởng đến tư duy nghề nghiệp: Sự thiếu tích cực trong rèn luyện thể chất có thể kéo theo tâm lý thụ động, thiếu kiên trì, ảnh hưởng đến tinh thần làm việc và khả năng thích nghi với môi trường công tác khắc nghiệt trong lực lượng Công an Nhân dân.

❖ Bàn luận về ý nghĩa của kết quả nghiên cứu tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Nghiên cứu đã cung cấp một cái nhìn toàn diện và có hệ thống về thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, từ đó chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân và tác động của vấn đề này đối với quá trình đào tạo cũng như công tác sau khi tốt nghiệp.

Kết quả phân tích cho thấy mức độ tích cực trong rèn luyện thể chất của học viên chưa cao, nhưng quan trọng hơn, nghiên cứu đã xác định được các yếu tố ảnh hưởng và cơ hội để cải thiện. Điều này mở ra hướng đi mới trong việc nâng cao chất lượng rèn luyện thể chất cho học viên, thông qua các giải pháp khoa học và có tính thực tiễn cao.

Ngoài ra, nghiên cứu còn góp phần cung cấp cơ sở khoa học vững chắc để các nhà quản lý giáo dục thể chất có thể định hướng điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo thể chất, đảm bảo rằng học viên không chỉ đạt tiêu chuẩn thể lực theo quy định, mà còn hình thành thói quen rèn luyện lâu dài, phục vụ tốt cho công tác và nhiệm vụ sau này.

Tóm lại, nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa trong việc đánh giá thực trạng mà còn có giá trị ứng dụng thực tiễn cao, giúp cải thiện chất lượng đào tạo thể chất tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, hướng tới mục tiêu xây dựng lực

lượng Công an Nhân dân có thể lực tốt, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu nhiệm vụ trong thực tiễn công tác và chiến đấu.

❖ **Tiểu kết mục tiêu 1:**

Nghiên cứu đã tiến hành đánh giá thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II thông qua các tiêu chí định lượng và định tính, nhằm xác định mức độ tích cực của học viên trong hoạt động rèn luyện thể chất. Kết quả đánh giá cho thấy:

-Mức độ tính tích cực trong rèn luyện thể chất của học viên chỉ đạt mức trung bình (3.07 điểm trên thang đo 5 điểm), cho thấy phần lớn học viên chưa có động cơ mạnh mẽ trong việc tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất. -Các biểu hiện tích cực trong rèn luyện thể chất được đánh giá thấp: Học viên chưa thực sự yêu thích và tự giác trong quá trình tập luyện, với mức điểm trung bình 2.58 - 2.87 cho các nhóm đánh giá như biểu hiện xúc cảm, chú ý, hành vi.

- Kết quả kiểm tra thể lực theo Thông tư 106/2020/TT-BCA cho thấy thành tích của học viên chưa đồng đều. Một số nội dung như bật xa tại chỗ, co tay xà đơn, chạy 100m có sự phân hóa lớn, phản ánh mức độ thể lực chưa ổn định.

Những kết quả trên là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất, hướng đến mục tiêu cải thiện thể lực, duy trì thói quen tập luyện lâu dài và nâng cao chất lượng đào tạo thể chất cho học viên, đáp ứng yêu cầu công tác và chiến đấu trong lực lượng CAND.s

3.2. Xây dựng giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

3.2.1. Căn cứ đề xuất giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

3.2.1.1. Cơ sở pháp lý đề xuất giải pháp

Cơ sở pháp lý cho việc rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II được xác định dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật

hiện hành, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, giảng viên, cũng như nhiệm vụ của học viên trong quá trình rèn luyện thể chất. Các cơ sở liên quan bao gồm các nội dung như sau:

- Cơ sở pháp lý về công tác rèn luyện thể chất trong lực lượng CAND được quy định trong hệ thống các văn bản pháp luật và quy định của Bộ Công an. Theo đó, việc rèn luyện thể lực cho học viên được thực hiện nhằm nâng cao sức khỏe, đảm bảo yêu cầu thể lực, phục vụ công tác, chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự. Tiêu chuẩn và nội dung rèn luyện thể chất được quy định cụ thể tại Thông tư số 106/2020/TT-BCA ngày 5/10/2020 của Bộ Công an về tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng CAND, kết hợp với chương trình đào tạo thể chất tại các cơ sở đào tạo CAND [9]

- Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định chi tiết về hoạt động thể thao trong nhà trường, bao gồm quyền hạn, nhiệm vụ của giáo viên thể chất, yêu cầu về cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm thúc đẩy sự tham gia của học sinh, sinh viên trong các hoạt động thể thao. [8]

- Luật Thể dục, Thể thao đã chỉ rõ: Hoạt động ngoại khóa thể thao trong nhà trường là hoạt động tự nguyện của người học được tổ chức theo phương thức ngoại khóa phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học thực hiện quyền vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu thể thao [40]

- Nghị định số 11/2015/NĐ-CP, ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ Quy định về GDTC và hoạt động thể thao trong nhà trường. [45]

- Trách nhiệm của ngành giáo dục đối với công tác GDTC nội và ngoại khóa trong trường học được chỉ rõ tại “Đề án tổng thể phát triển GDTC và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”. [46]

- Chương trình đào tạo tại Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II, quy định cụ thể về yêu cầu thể lực, nội dung rèn luyện, thời lượng tập luyện và tiêu chí đánh giá kết quả rèn luyện thể chất của học viên.

Dựa trên các quy định pháp lý trên, có thể xác định:

- Chức năng, nhiệm vụ của nhà trường và giảng viên: Nhà trường có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá quá trình rèn luyện thể chất của học viên theo quy chuẩn của Bộ Công an. Giảng viên có nhiệm vụ giảng dạy, huấn luyện và tạo động lực thúc đẩy học viên tích cực tham gia rèn luyện thể chất.

- Nhiệm vụ của học viên trong rèn luyện thể chất: Học viên có trách nhiệm chấp hành nghiêm túc chương trình đào tạo thể chất, đảm bảo hoàn thành các bài tập rèn luyện theo quy định, hướng đến đáp ứng tiêu chuẩn thể lực theo quy định của Bộ Công an.

- Mục tiêu cần đạt khi rèn luyện thể chất trong trường CAND: Học viên cần nâng cao thể lực, đảm bảo đạt yêu cầu về các tiêu chí thể chất, đáp ứng yêu cầu công tác và chiến đấu sau khi tốt nghiệp.

Các nội dung này là cơ sở quan trọng để nghiên cứu và xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm phát huy tính tích cực của học viên trong rèn luyện thể chất, đảm bảo việc đào tạo sát với yêu cầu thực tế cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

3.2.1.2. Cơ sở thực tiễn đề xuất giải pháp

Các căn cứ thực tiễn để đề xuất giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II được xác định dựa trên những khía cạnh sau:

1. Thực trạng tính tích cực trong rèn luyện thể chất của học viên

Học viên nhận thức được vai trò của rèn luyện thể chất nhưng mức độ tham gia chưa đồng đều. Một số học viên chủ động tập luyện, trong khi nhiều học viên chỉ tham gia khi có yêu cầu bắt buộc.

Thái độ tập luyện phân hóa rõ rệt: nhóm có động cơ cao tập luyện tự giác, trong khi nhóm còn lại thiếu kiên trì và dễ bỏ cuộc khi gặp bài tập khó.

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ tích cực trong rèn luyện thể chất chỉ đạt mức trung bình (3.07 điểm), cần có các biện pháp thúc đẩy sự chủ động và duy trì thói quen tập luyện.

2. Chương trình GDTC và TDTT ngoại khóa

Đội ngũ giảng viên GDTC đáp ứng yêu cầu giảng dạy, tuy nhiên phương pháp cần đổi mới để thu hút học viên.

Chương trình TDTT ngoại khóa chưa phù hợp với nhu cầu học viên, 75.8% học viên không hài lòng, cần điều chỉnh nội dung để tăng sự hấp dẫn và hiệu quả.

3. Cơ sở vật chất và điều kiện tập luyện

Sân bãi và trang thiết bị còn thiếu, ảnh hưởng đến chất lượng tập luyện.

Một số môn như bóng đá, cầu lông, bóng chuyền, bơi lội phù hợp với điều kiện nhà trường nhưng cần tối ưu hóa nội dung tập luyện.

4. Tình trạng tập luyện và thể lực học viên

Học viên chưa duy trì thói quen rèn luyện thường xuyên, tập luyện chủ yếu vào buổi chiều và tại sân trường, ký túc xá.

Tỷ lệ học viên chưa đạt tiêu chuẩn thể lực theo quy định của Bộ Công An còn cao, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và khả năng đáp ứng nhiệm vụ sau tốt nghiệp.

5. Cơ sở khoa học và nghiên cứu liên quan

Giải pháp được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát thực tế và tham khảo các công trình khoa học về động lực tập luyện, phương pháp huấn luyện thể lực và mô hình GDTC hiệu quả trong lực lượng vũ trang.

Việc nghiên cứu giúp nhà trường có cơ sở để điều chỉnh và nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất, cải thiện tính tích cực của học viên trong rèn luyện thể chất.

3.2.1.3. Phân tích SWOT về thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

❖ Điểm mạnh

- Học viên có thể chất cơ bản tốt, độ tuổi từ 18–22, đang trong giai đoạn phát triển thể lực mạnh mẽ.
- Nhà trường có truyền thống chú trọng GDTC, gắn rèn luyện thể chất với rèn luyện ý chí, tác phong kỷ luật, phù hợp với yêu cầu đào tạo ngành Công an.
- Giảng viên GDTC có trình độ chuyên môn tốt, kinh nghiệm giảng dạy, huấn luyện đa dạng.
- Chương trình GDTC có sự kết hợp giữa nội khóa và ngoại khóa (võ thuật, quân sự, thể thao đối kháng...).
- Ý thức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm của học viên cao, phù hợp với yêu cầu tổ chức hoạt động thể chất có tính quy củ.

❖ Điểm yếu (Weaknesses)

- Tính tự giác và chủ động của học viên trong rèn luyện thể chất còn thấp, phụ thuộc nhiều vào sự giám sát.
- Cơ sở vật chất phục vụ GDTC và TDDT ngoại khóa còn thiếu và chưa đồng bộ, nhiều dụng cụ đã cũ hoặc không đáp ứng nhu cầu rèn luyện chuyên sâu.
- Các hoạt động TDDT ngoại khóa chưa phong phú, ít câu lạc bộ chuyên sâu phù hợp sở thích học viên.
- Chưa có hệ thống theo dõi tiến bộ thể lực cá nhân hóa, việc đánh giá thể lực chủ yếu còn dựa trên các đợt kiểm tra định kỳ, thiếu tính liên tục.

❖ Cơ hội (Opportunities)

- Chủ trương đẩy mạnh giáo dục thể chất và thể thao trong các trường CAND từ Bộ Công an là nền tảng để đầu tư nâng cấp chương trình, cơ sở vật chất, và đào tạo nhân lực GDTC.
- Nhu cầu xã hội đối với hình mẫu cán bộ Công an có sức khỏe toàn diện ngày càng cao, tạo động lực cho việc đổi mới chương trình rèn luyện thể chất.

- Xu hướng ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và huấn luyện thể thao (ứng dụng theo dõi sức khỏe, bài tập online...) giúp hỗ trợ học viên luyện tập chủ động hơn.

- Các mô hình hoạt động thể thao cộng đồng (câu lạc bộ, giải đấu, nhóm thể hình...) đang phát triển, có thể áp dụng vào môi trường học đường.

❖ **Thách thức (Threats)**

- Lịch học tập và huấn luyện nghiệp vụ của học viên dày đặc, khiến thời gian và thể lực dành cho rèn luyện thể chất ngoài giờ bị hạn chế.

- Ý thức tự rèn luyện chưa đồng đều giữa các học viên, nhiều học viên còn mang tâm lý học để “đôi phó” thay vì phát triển bản thân thực chất

- Thiếu các chính sách động viên, khích lệ phong trào rèn luyện thể chất lâu dài, như khen thưởng theo nhóm, tổ chức hoạt động thể thao chuyên đề.

- Một bộ phận giảng viên GDTC chưa được bồi dưỡng kỹ về phương pháp đổi mới giảng dạy và tổ chức hoạt động TDDT, còn lệ thuộc vào giáo án cũ và thiếu sáng tạo.

Những kết quả phân tích trên là cơ sở khoa học và thực tiễn để các nhà quản lý giáo dục thể chất tại nhà trường có cái nhìn toàn diện về thực trạng hoạt động TDDT, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên một cách hiệu quả và bền vững.

3.2.2. Nguyên tắc đề xuất các giải pháp

Khi triển khai xây dựng các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, cần quan tâm đến một số yêu cầu mang tính nguyên tắc, tính khoa học, trong đó có các nguyên tắc về quản lý TDDT cũng như nguyên tắc về GDTC. Trong nghiên cứu này, tác giả tiến hành lựa chọn các giải pháp dựa trên các nguyên tắc cơ bản như sau:

- Nguyên tắc thực tiễn: Các giải pháp đề xuất phải xuất phát từ thực trạng rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II, phản

ánh đúng nhu cầu thực tế của nhà trường và học viên. Đồng thời, các giải pháp này phải có khả năng ứng dụng vào thực tiễn đào tạo, hỗ trợ trực tiếp cho việc nâng cao chất lượng rèn luyện thể chất của học viên, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về thể lực trong lực lượng CAND.

- Nguyên tắc hợp lý: Giải pháp đề xuất phải phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, bao gồm cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, thời gian tập luyện, đội ngũ giảng viên và đặc thù của học viên CAND. Việc lựa chọn giải pháp cần đảm bảo phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ thể lực hiện tại của học viên, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để học viên duy trì động lực và hứng thú trong quá trình rèn luyện.

- Nguyên tắc toàn diện: Giải pháp cần hướng đến giải quyết các hạn chế còn tồn tại trong công tác giáo dục thể chất và rèn luyện thể lực cho học viên, bao gồm cả nội khóa và ngoại khóa. Các nội dung đề xuất cần tích hợp giữa rèn luyện thể lực, nâng cao kỹ năng chiến đấu và phát triển phẩm chất nghề nghiệp của học viên, đảm bảo tính ứng dụng cao và hiệu quả trong thực tiễn.

- Nguyên tắc khoa học: Các giải pháp đưa ra cần đảm bảo tính khoa học, được xây dựng dựa trên các quy luật sinh lý học, giáo dục thể chất và đào tạo thể lực chuyên biệt cho lực lượng Công an Nhân dân. Đồng thời, giải pháp phải tuân thủ các nguyên tắc quan trọng trong GDTC và TDDT, bao gồm:

+ Nguyên tắc kết hợp rèn luyện thể chất với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự và quốc phòng.

+ Nguyên tắc đảm bảo sức khỏe và an toàn trong tập luyện.

+ Nguyên tắc đa dạng hóa hình thức và phương pháp tập luyện, kết hợp giữa hoạt động cá nhân và tập thể.

Việc xây dựng giải pháp cần dựa trên đặc điểm thực tế của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II, đảm bảo khả năng áp dụng hiệu quả trong môi trường đào tạo lực lượng CAND, từ đó góp phần nâng cao tính tích cực và hiệu quả rèn luyện thể chất của học viên.

Trên đây là các căn cứ quan trọng làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, đảm bảo khi áp dụng sẽ có tính khả thi cao không những nâng cao tính tích cực của học viên mà còn nâng cao trình độ thể lực của học viên ngày càng tốt hơn.

3.2.3. Xác định các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

3.2.3.1. Kết quả thu thập thông tin xác định các giải pháp

Trên cơ sở phân tích thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, nghiên cứu gửi kết quả phân tích đến GV, CBQL và CG và kèm theo Phiếu thu thập thông tin nghiên cứu được trình bày ở phụ lục 8. Kết quả thu thập được tổng hợp ở bảng 3.36 như sau:

Bảng 3.36. Kết quả thu thập thông tin xác định các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II (n=10)

Mã hóa	Giải pháp	Số lượng	Tỉ lệ (%)
GP1	Thường xuyên tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và lợi ích của việc tham gia rèn luyện thể chất cho học viên.	10	100
GP2	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện đáp ứng nhu cầu tham gia rèn luyện chất của học viên	10	100
GP3	Phát triển đội ngũ cộng tác viên, hướng dẫn viên phục vụ cho công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường.	9	90
GP4	Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất phù hợp với nhu cầu của học viên và các điều kiện thực tế trong nhà trường	10	100
GP5	Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho	9	90

Mã hóa	Giải pháp	Số lượng	Tỉ lệ (%)
	đội ngũ giảng viên tham gia công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường.		
GP6	Tăng cường, thu hút sự quan tâm của nhà trường, khoa, các phòng ban chức năng khác cho công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường..	8	80
GP7	Huy động, kêu gọi sự ủng hộ, đóng góp kinh phí từ phụ huynh và các tổ chức xã hội cho công tác rèn luyện thể chất trong nhà trường.	10	100
GP8	Tăng cường công tác kiểm tra và đánh giá các hoạt động rèn luyện thể chất trong Nhà trường	10	100
GP9	Thường xuyên tạo điều kiện tham gia, có chế độ ưu tiên, khen thưởng xứng đáng cho học viên tích cực tham gia rèn luyện thể chất trong nhà trường	10	100

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

Thông qua thu thập thông tin nghiên cứu cho thấy các giải pháp được đề xuất từ 80-100% GV, CBQL, các nhà khoa học. Căn cứ vào kết quả thống kê tại bảng trên cho thấy có 09 giải pháp được đề xuất bao gồm:

Giải pháp 1: Thường xuyên tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và lợi ích của việc tham gia rèn luyện thể chất cho học viên.

Giải pháp 2: Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện đáp ứng nhu cầu tham gia rèn luyện chất của học viên.

Giải pháp 3: Phát triển đội ngũ cộng tác viên, hướng dẫn viên phục vụ cho công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường.

Giải pháp 4: Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất phù hợp với nhu cầu của học viên và các điều kiện thực tế trong nhà trường

Giải pháp 5: Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng

viên tham gia công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường.

Giải pháp 6: Tăng cường, thu hút sự quan tâm của nhà trường, khoa, các phòng ban chức năng khác cho công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường..

Giải pháp 7: Huy động, kêu gọi sự ủng hộ, đóng góp kinh phí từ phụ huynh và các tổ chức xã hội cho công tác rèn luyện thể chất trong nhà trường.

Giải pháp 8: Tăng cường công tác kiểm tra và đánh giá các hoạt động rèn luyện thể chất trong Nhà trường

Giải pháp 9: Thường xuyên tạo điều kiện tham gia, có chế độ ưu tiên, khen thưởng xứng đáng cho học viên tích cực tham gia rèn luyện thể chất trong nhà trường.

3.2.3.2. Kiểm nghiệm độ tin cậy của các giải pháp

Sau khi xây dựng được các giải pháp, tác giả tiến hành lập phiếu khảo sát gửi đến 40 người là các giảng viên, cán bộ quản lý và chuyên gia GDTC nhằm xác định và kiểm nghiệm độ tin cậy của các giải pháp này về mức độ cần thiết và tính khả thi. Thang đo Likert được sử dụng để đánh giá các giải pháp là:

[1]: Rất không cần thiết

[2]: Không cần thiết

[3]: Bình thường

[4]: Cần thiết

[5]: Rất cần thiết

Ý nghĩa giá trị TB của thang đo Likert sử dụng trong việc khảo sát chuyên gia:

+ Giá trị khoảng cách = $(\text{Maximum} - \text{Minimum})/n = (5-1)/5 = 0.8$

+ Ý nghĩa các mức như sau:

1.00 – 1.80: Rất không cần thiết

1.81 – 2.60: Không cần thiết

2.61 – 3.40: Bình thường

3.41 – 4.20: Cần thiết

4.21 – 5.00: Rất cần thiết

Để đảm bảo độ tin cậy về mặt khoa học, nghiên cứu tiến hành kiểm nghiệm độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha các giải pháp. Kết quả ở cho thấy chỉ có 05 giải pháp đạt yêu cầu về độ tin cậy (Hệ số Cronbach Alpha của từng giải pháp đều đạt yêu cầu về độ tin cậy (Cronbach alpha tổng đều lớn hơn 0.6; hệ số tương quan với biến tổng (Corrected Item Total Correlation) lớn hơn 0.3). Các giải pháp còn lại chưa đạt yêu cầu độ tin cậy để tiến hành các nghiên cứu tiếp theo. Kết quả thống kê chi tiết được trình bày tại bảng 3.37 và 3.38 dưới đây.

Bảng 3.37. Kết quả phân tích Độ tin cậy tổng thể của các giải pháp

Hệ số Cronbach's Alpha của biến tổng	Biến quan sát
.897	9

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

Bảng 3.38. Kết quả phân tích độ tin cậy của từng giải pháp

Mã hóa	Trung bình thang đo nếu biến bị loại bỏ	Phương sai thang đo nếu biến bị loại bỏ	Hệ số tương quan với biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
GP1	25,83	47,533	,462	,899
GP2	26,63	44,087	,617	,889
GP3	26,50	39,744	,786	,875
GP4	26,23	40,128	,777	,876
GP5	26,40	39,426	,821	,872
GP6	26,50	39,692	,008	,873
GP7	26,45	39,023	,006	,869
GP8	26,43	44,558	,021	,896
GP9	25,85	49,515	,015	,911

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

3.2.3.3. Kết quả thống kê mức độ cần thiết, mức độ khả thi của các giải pháp

Từ kết quả phân tích độ tin cậy như trên, tác giả tiến hành lập phiếu phỏng vấn để đánh giá mức độ cần thiết, mức độ khả thi của các giải pháp.

- Thang đo Likert đánh giá mức độ cấp thiết của các giải pháp bao gồm:

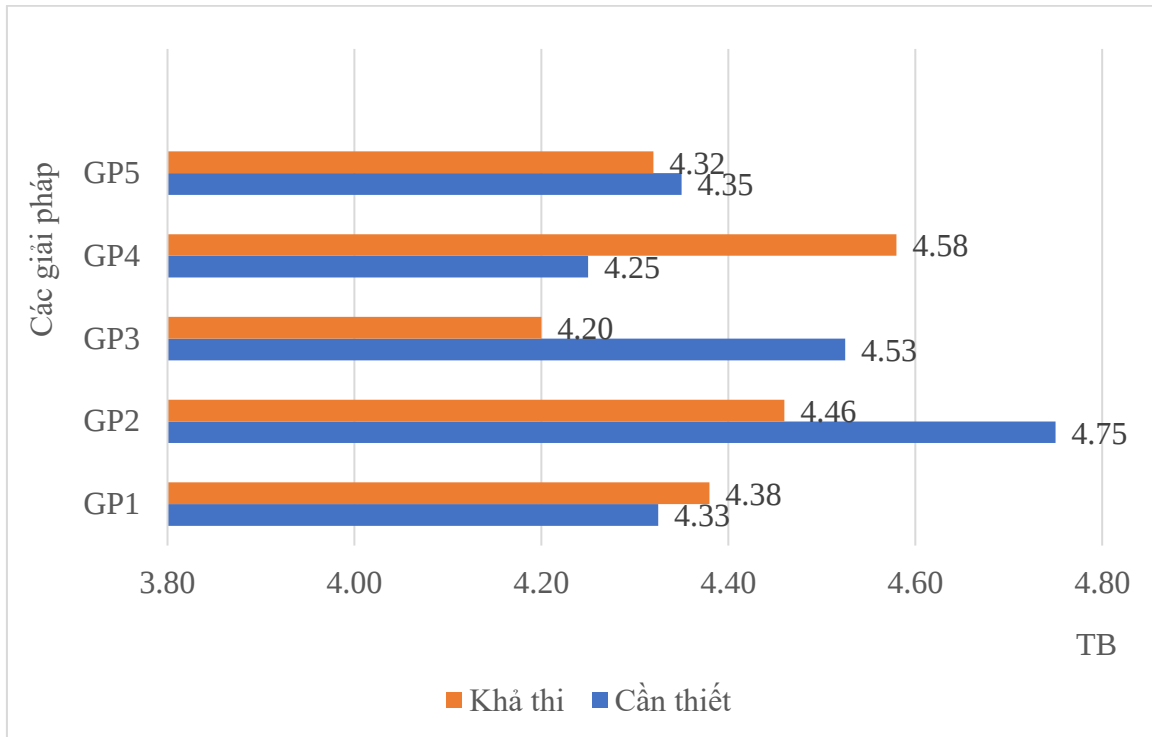
[1]: Rất không cấp thiết; [2]: Không cấp thiết; [3]: Bình thường
[4]: Cấp thiết; [5]: Rất cấp thiết

- Thang đo Likert đánh giá mức độ khả thi của các giải pháp bao gồm:

[1]: Rất không khả thi; [2]: Không khả thi; [3]: Bình thường;
[4]: Khả thi; [5]: Rất khả thi

Quy ước để lựa chọn các giải pháp: Các giải pháp chỉ được chọn khi có giá trị trung bình qua đánh giá của khách thể nghiên cứu về mức độ cấp thiết, mức độ khả thi đạt từ 3.41 điểm trở lên.

Tiến hành phỏng vấn các cán bộ quản lý, Qua phân tích tại biểu đồ 1 cho thấy mức độ cần thiết và khả thi của các giải pháp. Tất cả 05 giải pháp đều được đánh giá ở mức cần thiết/ khả thi trở lên. Trong đó: về mức độ cần thiết giải pháp có giá trị trung bình cao nhất là “Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện đáp ứng nhu cầu tham gia rèn luyện chất của học viên (GP2). Về mức độ khả thi, giải pháp có giá trị trung bình cao nhất trong 05 giải pháp là: Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất phù hợp với nhu cầu của học viên cũng như các điều kiện thực tế trong nhà trường (GP4).



Biểu đồ 3.4. Kết quả phân tích tính cần thiết và khả thi của các giải pháp

3.2.4. Xây dựng nội dung các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

Dựa vào tài liệu tham khảo, Luận án tổng hợp và thiết lập nội dung phiếu phỏng vấn được trình bày ở phụ lục 10 để phỏng vấn GV, CBQL và các nhà khoa học liên quan đến công tác GDTC nhằm xác định nội dung của từng giải pháp.

- Cách thức phỏng vấn: phỏng vấn được thực hiện 1 lần trên 40 người, các nội dung được đánh giá theo thang đo likert 5 mức độ.

- Cách thức đánh giá: các nội dung đạt giá trị trung bình từ 3.41 trở lên sẽ được chọn đưa và thực nghiệm nhằm nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Kết quả tổng hợp cho thấy: Từ 05 giải pháp với các nội dung đưa vào phỏng vấn đã chọn ra được 17 nội dung để đưa vào thực nghiệm. Bên cạnh đó, những người được phỏng vấn cũng không có bổ sung thêm giải pháp hay ý kiến nào khác vào phiếu phỏng vấn.

Bảng 3.39. Kết quả phỏng vấn lựa chọn nội dung cho các giải pháp

TT	Nội dung	Kết quả lựa chọn	
		TB	Độ lệch chuẩn
1	Giải pháp 1: Thường xuyên tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và lợi ích của việc tham gia rèn luyện thể chất cho học viên.		
1.1	Tổ chức tuyên truyền, giáo dục thường xuyên cho học viên về vai trò, ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thể chất đối với vấn đề giữ gìn và nâng cao sức khỏe, thể chất cho bản thân	4.3	0.50
1.2	Hướng dẫn cho học viên các kiến thức cơ bản liên quan đến việc rèn luyện thể chất: tác dụng của các hoạt động rèn luyện thể chất, nguyên tắc và phương pháp tập luyện, công tác vệ sinh trong tập luyện,...	4.2	0.50
2	Giải pháp 2: Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện đáp ứng nhu cầu tham gia rèn luyện chất của học viên.		
2.1	Tận dụng tối đa trong điều kiện cho phép cho học viên mượn sân bãi, dụng cụ để tập luyện vào thời gian thư rỗi.	4.0	0.35
2.2	Thường xuyên kiểm kê, rà soát định kỳ bộ cơ sở vật chất hiện có, trên cơ sở đó, đề xuất cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất: sân bãi, nhà tập, dụng cụ tập luyện...	4.1	0.22
2.3	Đề xuất biện pháp khai thác tối đa điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ công tác giảng dạy, rèn luyện thể chất của học viên trong giờ chính khóa và ngoại khóa.		
2.4	Căn cứ vào số lượng học viên của nhà trường, nhu cầu tập luyện của học viên, đề xuất mua sắm bổ sung trang thiết bị, nâng cấp cơ sở vật chất đảm bảo cho việc phát triển phong trào rèn luyện thể chất của học viên	4.5	0.20
3	Giải pháp 3: Phát triển đội ngũ cộng tác viên, hướng dẫn viên phục vụ cho công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường		

TT	Nội dung	Kết quả lựa chọn	
		TB	Độ lệch chuẩn
3.1	Đảm bảo về số lượng cộng tác viên, hướng dẫn viên hỗ trợ cho hoạt động rèn luyện thể chất tại các CLB cũng như các môn TDTT đang được học viên tập luyện.	4.4	0.51
3.2	Vận động cán bộ, GV và một số đồng nghiệp chuyên ngành TDTT cùng tham gia tổ chức. Ngoài ra có những hình thức bồi dưỡng, tuyên truyền về vai trò, nội dung các kỹ năng nhằm nâng cao nhận thức, phẩm chất đạo đức và tác phong cho cộng tác viên, hướng dẫn viên.	4.1	0.20
4	Giải pháp 4: Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất phù hợp với nhu cầu của học viên và các điều kiện thực tế trong nhà trường		
4.1	Xây dựng kế hoạch thành lập và cách thức hoạt động của các câu lạc bộ TDTT ngoại khóa trong nhà trường trình Ban giám hiệu phê duyệt.	3.9	0.35
4.2	Thường xuyên tổ chức các giải đấu trong các khoa, giữa các khoa trong trường, thi đấu giao lưu chào mừng các ngày lễ lớn trong năm như 26/3, 27/3, 19/8, 20/7, 20/11, 19/1,...	4.2	0.30
4.3	Xây dựng kế hoạch tập luyện các môn thể thao, thống nhất việc thực hiện kế hoạch ngoại khóa trong đội ngũ cộng tác viên tham gia tổ chức, hướng dẫn học viên tập luyện các môn thể thao theo nhu cầu của học viên và điều kiện thực tế của nhà trường.	4.1	0.50
4.4	Hình thức tổ chức tập luyện theo hình thức CLB, nhóm, lớp, đội tuyển trường,...	3.9	0.25
4.5	Xây dựng kế hoạch và lịch tập các môn TDTT ngoại khóa định kỳ trong từng học kỳ của năm học. Thống nhất việc thực hiện kế hoạch ngoại khóa trong đội ngũ cộng tác viên tham gia tổ chức, hướng dẫn học viên tập luyện.	4.40	0.57

TT	Nội dung	Kết quả lựa chọn	
		TB	Độ lệch chuẩn
4.6	Địa điểm tổ chức tập luyện các môn TDTT ngoại khóa cho học viên: Tùy vào điều kiện và đặc thù của từng môn TDTT ngoại khóa có thể kết hợp linh hoạt giữa điều kiện sân bãi hiện có trong trường (sân trường, KTX) và các cơ sở liên kết ngoài trường (các cơ sở thuê, Trung tâm TDTT, CLB TDTT...)	4.4	0.16
4.7	Nguồn kinh phí hoạt động từ vốn đầu tư hàng năm của nhà trường. Bên cạnh đó có thể huy động thêm từ các nhà tài trợ qua các hoạt động thi đấu giải.	3.8	0.17
4.8	Thời gian tổ chức: Số buổi tập luyện: từ 2 - 3 buổi/tuần. Thời điểm tập luyện: Bất kể thời gian nào trong ngày tùy theo điều kiện của học viên (cả ngày sáng, chiều và tối) nhưng chủ yếu là buổi chiều và buổi tối. Thời lượng mỗi buổi tập: 60 - 90 phút.	4.3	0.11
5	Giải pháp 5: Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên tham gia công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường		
5.1	Bồi dưỡng kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật thi đấu, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài một số môn TDTT cho GV; cử CB, GV tham gia các đợt tập huấn chuyên môn của ngành trên phạm vi toàn quốc; động viên CB, GV đi học tập nâng cao trình độ.	4.2	0.06

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

3.2.5. Hướng dẫn quy trình thực hiện các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

Từ kết quả xây dựng nội dung các giải pháp, nghiên cứu tiến hành xây dựng hướng dẫn quy trình thực hiện các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II bao gồm các nội dung như sau:

❖ Giải pháp 1: Thường xuyên tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và lợi ích của việc tham gia rèn luyện thể chất cho học viên.

Mục đích: Giúp học viên nắm được mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và lợi ích của việc tham gia rèn luyện thể chất trong việc nâng cao sức khỏe, hoàn thiện thể chất.

Nội dung thực hiện:

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục thường xuyên cho học viên về vai trò, ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thể chất đối với vấn đề giữ gìn và nâng cao sức khỏe, thể chất cho bản thân.

- Hướng dẫn cho học viên các kiến thức cơ bản liên quan đến việc rèn luyện thể chất: tác dụng của các hoạt động rèn luyện thể chất, nguyên tắc và phương pháp tập luyện, công tác vệ sinh trong tập luyện, ...

Tổ chức thực hiện:

- Tổ chức đưa tin, viết bài về các hoạt động rèn luyện thể chất đăng lên Facebook, website của nhà trường.

- Thiết kế, in ấn thông tin về rèn luyện thể chất dưới các hình thức như: banner, poster, standee để đặt ở vị trí dễ nhìn, quanh khu vực tập luyện để thu hút sự chú ý của học viên.

- Tuyên truyền lồng ghép bằng cách thông tin đến từng lớp, tổ qua ban cán sự lớp hoặc kết hợp lồng ghép trong các giờ lý thuyết vào giờ học chính

khóa hoặc hoạt động khác của nhà trường để bổ sung kiến thức liên quan đến vị trí, vai trò của rèn luyện thể chất cho học viên.

- Xây dựng các bản tin phát định kỳ trong chương trình phát thanh học đường để cung cấp, đưa tin các hoạt động liên quan đến công tác rèn luyện thể chất trong nhà trường.

- Giảng viên khi lên lớp, tích cực tuyên truyền về tác dụng của môn học, tác dụng của các hoạt động rèn luyện thể chất cho học viên.

Tiêu chí đánh giá:

- Tần suất và mức độ tiếp nhận thông tin
- +Số lượng bài đăng, poster, banner được thực hiện và mức độ học viên chú ý, phản hồi.

- Sự tham gia của học viên:

- +Tỷ lệ học viên tham gia các hoạt động thể chất sau các buổi tuyên truyền, số lượng tham gia tăng lên.

- Hiệu quả giảng dạy:

- +Mức độ tích cực của giảng viên trong việc lồng ghép tuyên truyền trong giờ học, và phản hồi từ học viên.

Dự kiến kết quả:

- Nâng cao nhận thức:

- +Học viên nâng cao sự hiểu biết của mình về vai trò và lợi ích của việc rèn luyện thể chất.

- Tăng cường tham gia rèn luyện thể chất

- +Số lượng học viên tham gia các hoạt động thể chất tăng đáng kể.

❖ Giải pháp 2: Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện đáp ứng nhu cầu tham gia rèn luyện chất của học viên.

Mục đích: Đảm bảo những điều kiện cần thiết phục vụ cho việc tham gia rèn luyện thể chất của học viên

Nội dung thực hiện:

- Tận dụng tối đa trong điều kiện cho phép cho học viên mượn sân bãi, dụng cụ để tập luyện vào thời gian thư rỗi.

- Thường xuyên kiểm kê, rà soát định kỳ bộ cơ sở vật chất hiện có, trên cơ sở đó, đề xuất cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất: sân bãi, nhà tập, dụng cụ tập luyện...

- Đề xuất biện pháp khai thác tối đa điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ công tác giảng dạy, rèn luyện thể chất của học viên trong giờ chính khóa và ngoại khóa.

- Căn cứ vào số lượng học viên của nhà trường, nhu cầu tập luyện của học viên, đề xuất mua sắm bổ sung trang thiết bị, nâng cấp cơ sở vật chất đảm bảo cho việc phát triển phong trào rèn luyện thể chất của học viên

Tổ chức thực hiện:

- Tiến hành kiểm kê cơ sở vật chất hiện có, đề xuất mua sắm thêm thiết bị, dụng cụ. Phối hợp với các bộ phận liên quan đề xuất sửa chữa, nâng cấp những thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác rèn luyện thể chất của học viên.

- Xây dựng kế hoạch thống nhất cách thức quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở vật chất phục vụ cho việc tham gia rèn luyện thể chất của học viên trong nhà trường.

Tiêu chí đánh giá:

-Số lượng và chất lượng trang thiết bị:

+Số lượng dụng cụ, sân bãi được bổ sung hoặc nâng cấp sau kiểm kê.

+Mức độ phù hợp và chất lượng của các trang thiết bị sau khi được nâng cấp, sửa chữa.

-Tần suất sử dụng cơ sở vật chất:

+Số giờ học viên sử dụng sân bãi, dụng cụ trong giờ chính khóa và ngoại khóa.

+Mức độ khai thác tối đa cơ sở vật chất trong điều kiện cho phép.

-Sự hài lòng của học viên:

+Phản hồi từ học viên về việc cải thiện điều kiện tập luyện sau khi đầu tư, nâng cấp.

+Tỷ lệ học viên đánh giá cao cơ sở vật chất qua khảo sát hoặc phỏng vấn.

Dự kiến kết quả:

-Cải thiện cơ sở vật chất:

+Trang thiết bị, sân bãi, và dụng cụ tập luyện được nâng cấp, đáp ứng tốt nhu cầu tập luyện của học viên.

-Tăng cường tham gia rèn luyện thể chất của học viên:

+Học viên có điều kiện thuận lợi hơn để tham gia rèn luyện thể chất, thời gian sử dụng cơ sở vật chất tăng lên.

-Nâng cao chất lượng tập luyện của học viên:

+Việc tập luyện của học viên hiệu quả hơn, cải thiện sức khỏe và thể lực nhờ vào trang thiết bị và sân bãi chất lượng.

Giải pháp 3: Phát triển đội ngũ cộng tác viên, hướng dẫn viên phục vụ cho công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường.

Mục đích:

Nhằm hướng dẫn giúp đỡ học viên trong quá trình rèn luyện thể chất tại nhà trường được chính xác, an toàn và đạt hiệu quả.

Nội dung thực hiện:

- Đảm bảo về số lượng cộng tác viên, hướng dẫn viên hỗ trợ cho hoạt động rèn luyện thể chất tại các CLB cũng như các môn TDTT đang được học viên tập luyện.

- Vận động cán bộ, GV và một số đồng nghiệp chuyên ngành TDTT cùng tham gia tổ chức. Ngoài ra có những hình thức bồi dưỡng, tuyên truyền về vai trò, nội dung các kỹ năng nhằm nâng cao nhận thức, phẩm chất đạo đức và tác phong cho cộng tác viên, hướng dẫn viên.

Tổ chức thực hiện:

- Tổ chức tuyển chọn và tập huấn cho các cộng tác viên (là những học

viên ưu tú được lựa chọn) về cách thức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động rèn luyện thể chất trong 1 tuần/ môn thời gian từ 17 giờ đến 18 giờ từ thứ 2 đến thứ 6 trước khi bố trí cho hướng dẫn viên thực hiện công tác chuyên môn. Cần lưu ý mỗi buổi tập cần có 2 huấn luyện viên tham gia giảng dạy, giúp đỡ, bảo hiểm cho các cộng tác viên tham gia rèn luyện thể chất cho học viên.

Tiêu chí đánh giá:

- Số lượng và chất lượng cộng tác viên, hướng dẫn viên:
- +Số lượng cộng tác viên và hướng dẫn viên được tuyển chọn và đào tạo.
- +Mức độ đạt chuẩn của cộng tác viên, hướng dẫn viên sau quá trình tập huấn.
- Hiệu quả tập huấn và hỗ trợ:
- +Mức độ thành thạo và sự tự tin của cộng tác viên trong việc hướng dẫn học viên sau tập huấn.
- +Mức độ hỗ trợ hiệu quả của cộng tác viên, hướng dẫn viên trong quá trình rèn luyện của học viên.
- Sự tham gia và đánh giá của học viên:
- +Tỷ lệ học viên tham gia tập luyện dưới sự hướng dẫn của cộng tác viên.
- +Mức độ hài lòng và phản hồi tích cực từ học viên về sự hỗ trợ của cộng tác viên trong quá trình rèn luyện thể chất.

Dự kiến kết quả:

- Nâng cao chất lượng hướng dẫn của đội ngũ cộng tác viên, hướng dẫn viên:
- +Học viên sẽ được hướng dẫn chính xác, an toàn và hiệu quả hơn trong quá trình tập luyện thể chất nhờ vào sự hỗ trợ của cộng tác viên và hướng dẫn viên.
- Nâng cao chất lượng các buổi tập:

Chất lượng của các buổi tập luyện thể chất sẽ được nâng cao, nhờ vào sự giám sát và hỗ trợ chuyên môn từ các cộng tác viên và hướng dẫn viên có kỹ năng.

-Phát triển đội ngũ cộng tác viên, hướng dẫn viên:

+Tạo ra đội ngũ cộng tác viên năng động, có chuyên môn và đạo đức, sẵn sàng hỗ trợ học viên trong các hoạt động rèn luyện thể chất, góp phần duy trì phong trào thể thao bền vững trong nhà trường.

-Tăng cường sự tham gia của học viên:

+Tỷ lệ học viên tham gia rèn luyện thể chất dưới sự hướng dẫn của cộng tác viên tăng lên, thúc đẩy tinh thần và ý thức tự giác tập luyện của học viên.

❖ Giải pháp 4: Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất phù hợp với nhu cầu của học viên và các điều kiện thực tế trong nhà trường

Mục đích: Nhằm kích thích sự ham thích, hình thành thói quen tập luyện. Tạo ra một sân chơi lành mạnh, bổ ích, cơ sở để tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất cho học viên, thu hút ngày càng đông học viên tham gia.

Nội dung thực hiện:

Về nội dung rèn luyện thể chất cho học viên:

- Xây dựng kế hoạch thành lập và cách thức hoạt động của các câu lạc bộ TDTT ngoại khóa trong nhà trường trình Ban giám hiệu phê duyệt.

- Thường xuyên tổ chức các giải đấu trong các khoa, giữa các khoa trong trường, thi đấu giao lưu chào mừng các ngày lễ lớn trong năm như 26/3, 27/3, 19/8, 20/7, 20/11, 19/1,...

- Xây dựng kế hoạch tập luyện các môn thể thao, thống nhất việc thực hiện kế hoạch ngoại khóa trong đội ngũ cộng tác viên tham gia tổ chức, hướng dẫn học viên tập luyện các môn thể thao theo nhu cầu của học viên và điều kiện thực tế của nhà trường.

Về hình thức tổ chức rèn luyện thể chất cho học viên

- Hình thức tổ chức tập luyện theo hình thức CLB, nhóm, lớp, đội tuyển trường,...

- Xây dựng kế hoạch và lịch tập các môn TDTT ngoại khóa định kỳ trong từng học kỳ của năm học. Thống nhất việc thực hiện kế hoạch ngoại khóa trong đội ngũ cộng tác viên tham gia tổ chức, hướng dẫn học viên tập luyện.

- Địa điểm tổ chức tập luyện các môn TDTT ngoại khóa cho học viên: Tùy vào điều kiện và đặc thù của từng môn TDTT ngoại khóa có thể kết hợp linh hoạt giữa điều kiện sân bãi hiện có trong trường (sân trường, KTX) và các cơ sở liên kết ngoài trường (các cơ sở thuê, Trung tâm TDTT, CLB TDTT...)

- Nguồn kinh phí hoạt động từ vốn đầu tư hàng năm của nhà trường. Bên cạnh đó có thể huy động thêm từ các nhà tài trợ qua các hoạt động thi đấu giải.

- Thời gian tổ chức: Số buổi tập luyện: từ 2 - 3 buổi/tuần. Thời điểm tập luyện: Bất kể thời gian nào trong ngày tùy theo điều kiện của học viên (cả ngày sáng, chiều và tối) nhưng chủ yếu là buổi chiều và buổi tối. Thời lượng mỗi buổi tập: 60 - 90 phút.

Tổ chức thực hiện:

- Thành lập các CLB TDTT ngoại khóa. Phối hợp với Đoàn thanh niên, Công đoàn trường, tuyên truyền về loại hình các CLB TDTT, động viên học viên tham gia.

- Huy động các nguồn hỗ trợ cơ sở vật chất, xã hội hóa hoạt động của các CLB TDTT. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các đơn vị tổ chức các giải đấu trong các khoa, giữa các khoa trong trường, thi đấu giao lưu chào mừng các ngày lễ lớn.

- Động viên Ban chủ nhiệm các CLB xây dựng các đội tuyển để tham gia các giải đấu.

- Phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Trường tổ chức các lớp học ngoại khóa theo kế hoạch, mỗi lớp không quá 30 học viên.

Mời giảng viên hướng dẫn, mỗi giảng viên phụ trách một lớp, căn cứ lịch tập luyện để tiến hành lên lớp tổ chức, hướng dẫn học viên tập luyện.

Tiêu chí đánh giá

- Số lượng câu lạc bộ và hoạt động thể chất:
- +Số lượng các CLB thể dục thể thao ngoại khóa được thành lập.
- +Tần suất tổ chức các giải đấu, hoạt động thể thao trong trường, giữa các khoa, và các buổi giao lưu.
- Sự tham gia của học viên:
- +Tỷ lệ học viên tham gia vào các CLB, các giải đấu và các lớp học ngoại khóa.
- +Số lượng học viên thường xuyên tham gia tập luyện theo lịch định kỳ.
- Hiệu quả tổ chức và quản lý:
- +Mức độ hiệu quả của kế hoạch tổ chức, bao gồm việc sắp xếp lịch tập luyện, bố trí giảng viên và cộng tác viên hướng dẫn học viên.
- +Khả năng huy động nguồn kinh phí và cơ sở vật chất từ nhà trường và các nhà tài trợ.
- Cải thiện thể chất và tinh thần học viên:
- +Đánh giá sự tiến bộ về thể lực và sức khỏe của học viên thông qua các bài kiểm tra thể chất hoặc phản hồi sau các giải đấu, CLB.
- Sự hài lòng của học viên:
- +Phản hồi từ học viên về chất lượng các hoạt động ngoại khóa và tính hiệu quả của quá trình tập luyện.

Dự kiến kết quả:

- Tăng cường phong trào thể dục thể thao:**
- +Các CLB thể thao được phát triển mạnh mẽ, thu hút đông đảo học viên tham gia, từ đó tạo ra một môi trường lành mạnh và tích cực trong nhà trường.
- Cải thiện thể chất và sức khỏe:**
- Học viên có sự cải thiện đáng kể về thể chất, sức bền và tinh thần sau khi tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất theo kế hoạch định kỳ.
- Tăng cường sự gắn kết trong trường:**

+Các giải đấu và hoạt động giao lưu thể thao giữa các khoa, các lớp không chỉ giúp học viên rèn luyện thể chất mà còn tăng cường tình đoàn kết, giao lưu giữa các học viên.

-Phát triển đội tuyển thể thao:

+Các CLB sẽ phát hiện và đào tạo được những học viên có năng khiếu, giúp xây dựng các đội tuyển tham gia thi đấu tại các giải đấu lớn trong và ngoài trường.

❖ Giải pháp 5: Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên tham gia công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường

Mục đích: Bổ sung kiến thức, hoàn thiện kỹ năng, nâng cao năng lực tổ chức giảng dạy, hướng dẫn học viên tập luyện và thi đấu cho GV đang tham gia công tác rèn luyện thể chất tại nhà trường.

Nội dung thực hiện:

- Bồi dưỡng kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật thi đấu, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài một số môn TDTT cho GV; cử CB, GV tham gia các đợt tập huấn chuyên môn của ngành trên phạm vi toàn quốc; động viên CB, GV đi học tập nâng cao trình độ.

Tổ chức thực hiện:

- Thành lập các Tiểu ban chuyên môn, mỗi tiểu ban phụ trách từ 1 đến 2 môn thể thao. Tiểu ban chuyên môn xây dựng nội dung kiến thức cần tập huấn của môn thể thao. Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho GV, cộng tác viên, hướng dẫn viên

Tổ chức hội thảo giảng dạy kỹ thuật trong một số môn TDTT; cử các cán bộ GV tham gia các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ hàng năm do Bộ GD&ĐT, Bộ Công an, Cục TDTT tổ chức; tạo điều kiện cho CB, GV đi học cao học, nghiên cứu sinh.

Tiêu chí đánh giá:

-Số lượng và chất lượng các đợt tập huấn:

+Số lượng giảng viên và cán bộ tham gia các đợt tập huấn, hội thảo do trường tổ chức hoặc các cơ quan cấp trên tổ chức.

+Chất lượng các đợt tập huấn, đánh giá qua phản hồi của giảng viên và kết quả kiểm tra sau các buổi đào tạo.

-Trình độ chuyên môn sau tập huấn:

+Sự cải thiện trong kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật thi đấu, phương pháp giảng dạy và tổ chức thi đấu sau khi giảng viên tham gia tập huấn.

+Khả năng áp dụng kiến thức mới vào quá trình giảng dạy và hướng dẫn học viên.

-Hiệu quả tổ chức thi đấu và hướng dẫn:

+Sự thành thạo trong việc tổ chức và điều hành các giải đấu, cũng như việc giảng dạy và hướng dẫn học viên tập luyện của giảng viên sau các đợt tập huấn.

+Số lượng giảng viên được cử đi học nâng cao (cao học, nghiên cứu sinh) và tỷ lệ hoàn thành các chương trình học tập nâng cao này.

-Phản hồi từ học viên:

+Mức độ hài lòng và đánh giá của học viên về chất lượng giảng dạy và hướng dẫn của giảng viên sau khi họ tham gia các đợt tập huấn.

Dự kiến kết quả:

-Nâng cao năng lực chuyên môn:

+Đội ngũ giảng viên được trang bị kiến thức mới, hiện đại về kỹ thuật, chiến thuật và tổ chức thi đấu, giúp họ tự tin hơn trong quá trình giảng dạy và huấn luyện học viên.

-Cải thiện chất lượng giảng dạy:

Giảng viên sau các đợt tập huấn sẽ cải thiện khả năng giảng dạy, hướng dẫn học viên tập luyện và thi đấu một cách khoa học và hiệu quả hơn.

-Tăng cường tính chuyên nghiệp trong tổ chức:

+Năng lực tổ chức các giải đấu và hoạt động ngoại khóa của giảng viên được cải thiện, giúp các hoạt động thể chất diễn ra thành công và thu hút nhiều học viên tham gia.

-Phát triển đội ngũ giảng viên trình độ cao:

+Một số giảng viên sẽ có cơ hội tham gia học tập nâng cao (cao học, nghiên cứu sinh), từ đó phát triển một đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, góp phần nâng cao chất lượng rèn luyện thể chất cho học viên của nhà trường.

3.2.6. Bàn luận kết quả xây dựng giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

❖ Ý nghĩa và sự cần thiết của giải pháp

- Trong công tác đào tạo lực lượng Công an Nhân dân, việc nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên là một nhiệm vụ quan trọng, góp phần đảm bảo thể lực đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu và nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng đơn vị, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và tuân thủ các quy định của Bộ Công an.

- Qua kết quả nghiên cứu thực tiễn, đề tài đã xác định được 5 giải pháp chủ chốt nhằm nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II. Các giải pháp này được xây dựng dựa trên việc phân tích thực trạng, xác định nguyên nhân và đề xuất các biện pháp tác động phù hợp với đặc thù đào tạo trong ngành Công an.

❖ So sánh với các nghiên cứu liên quan

- Kết quả nghiên cứu này hoàn toàn khác với nghiên cứu của Mai Thị Nụ (2017), Trên cơ sở kết quả thực trạng tính tích cực của SV trong giờ học giáo dục thể chất và phân tích SWOT về công tác giáo dục thể chất của Trường Đại học Khánh Hòa, nghiên cứu đề xuất 24 giải pháp cụ thể trong 5 nhóm để góp

phần nâng cao tính tích cực trong giờ học giáo dục thể chất cho SV của trường Đại học Khánh Hòa như sau: Nhóm giải pháp dành cho nhà trường (5 giải pháp); Nhóm giải pháp dành cho Bộ môn (5 giải pháp); Nhóm giải pháp dành cho Giảng viên (6 giải pháp); Nhóm giải pháp dành cho sinh viên (4 giải pháp); Nhóm giải pháp về tuyên truyền về hoạt động TDTT tại Trường (4 giải pháp).

- Các giải pháp đã xây dựng trong nghiên cứu này cũng không trùng với kết quả của tác giả Dương Thị Mỹ Ngọc (2023). Qua nghiên cứu tác giả đã đánh giá được thực trạng công tác GDTC ở Trường Đại học Quảng Nam còn nhiều tồn tại: cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác giảng dạy và học tập môn học GDTC còn chưa đầy đủ; phần lớn sinh viên có cái nhìn chưa đúng về tầm quan trọng của GDTC dẫn đến kết quả học tập chưa tốt; phong trào TDTT của nhà trường cũng còn chưa được quan tâm nhiều. Quá trình nghiên cứu đã chọn lựa được 7 giải pháp nâng cao nâng cao tính tích cực trong hoạt động ngoại khóa cho sinh viên Trường Đại học Quảng Nam.

- Kết quả nghiên cứu của luận án cũng không có sự trùng lặp với nghiên cứu của Nguyễn Văn Trọng (2020). Căn cứ vào kết quả phân tích và tổng hợp tài liệu, quan sát sư phạm và phỏng vấn trên diện rộng, bộ môn đã lựa chọn được 06 biện pháp nâng cao tính tự giác, tích cực học tập môn học GDTC cho sinh viên Học viện ANND gồm: Biện pháp đối với nhà quản lý: Biện pháp 1. Xây dựng quy chế quản lý chặt chẽ và phù hợp với môn GDTC; Biện pháp 2. Cải tiến nội dung chương trình cho phù hợp với đặc thù của SV và điều kiện thực tiễn của Học viện; Biện pháp 3. Cải tạo, nâng cấp sân bãi, bổ sung dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy và hoạt động TDTT.

Như vậy, so với các nghiên cứu trước đây, giải pháp của luận án mang tính chuyên sâu hơn, phù hợp với môi trường đào tạo lực lượng CAND, nơi có yêu cầu cao về sức mạnh, sức bền và tinh thần kỷ luật trong rèn luyện thể chất.

❖ Ứng dụng thực tiễn và khả năng triển khai

Các giải pháp được đề xuất trong luận án có tính khả thi cao, phù hợp với chiến lược phát triển GDTC và TDDT trong ngành Công an. Một số nội dung của giải pháp đã được quán triệt trong các văn bản, đề án của nhà nước, giúp nhà trường có cơ sở để áp dụng trong thực tế. Cụ thể:

- Việc nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị tập luyện có thể được triển khai dần theo kế hoạch phát triển hạ tầng TDDT của nhà trường.
- Các phương pháp giảng dạy đổi mới, khuyến khích động lực nội tại sẽ góp phần giúp học viên hình thành thói quen rèn luyện lâu dài.
- Tăng cường tuyên truyền về vai trò của GDTC trong môi trường CAND sẽ giúp học viên nhận thức đúng đắn hơn về tầm quan trọng của rèn luyện thể chất.

Như vậy, các giải pháp không chỉ mang tính khoa học mà còn có tính thực tiễn cao, dễ triển khai và có khả năng duy trì lâu dài.

Kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ đóng góp về mặt lý luận trong việc đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất mà còn mang lại giá trị thực tiễn cao. Các giải pháp đề xuất có thể được ứng dụng tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, đồng thời tham khảo để áp dụng tại các trường CAND khác, góp phần nâng cao chất lượng GDTC, thể lực của học viên, và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thực tiễn công tác và chiến đấu.

❖ Tiểu kết mục tiêu 2:

Dựa trên kết quả nghiên cứu thực trạng, luận án đã xác định và đề xuất năm giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II. Các giải pháp này được xây dựng trên cơ sở căn cứ pháp lý, thực tiễn, khoa học giáo dục thể chất và đặc thù của môi trường đào tạo trong lực lượng Công an Nhân dân. Nội dung các giải pháp tập trung vào nâng cao nhận thức về rèn luyện thể chất, đầu tư và cải thiện cơ sở vật chất, tổ chức hệ thống hỗ trợ học viên trong tập luyện, đổi

mới chương trình và phương pháp giảng dạy, cũng như phát triển năng lực giảng viên GDTC.

Những giải pháp này có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và có thể triển khai đồng bộ để tạo động lực, hình thành thói quen rèn luyện lâu dài cho học viên, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn thể lực theo quy định của Bộ Công an. Đồng thời, các biện pháp đề xuất cũng giúp cải thiện chất lượng đào tạo GDTC, góp phần nâng cao hiệu quả huấn luyện thể chất và đáp ứng tốt hơn yêu cầu công tác, chiến đấu của học viên sau khi tốt nghiệp. Việc triển khai các giải pháp một cách hợp lý sẽ giúp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất, phát triển năng lực thể chất bền vững, và nâng cao ý thức rèn luyện chủ động của học viên trong môi trường đào tạo đặc thù của ngành Công an.

3.3. Đánh giá hiệu quả giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

3.3.1. Thực nghiệm các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

3.3.1.1. Tổ chức thực nghiệm các giải pháp

❖ Khách thể TN

Tác giả tổ chức TN sư phạm theo hình thức so sánh trình tự song song đơn trên nhóm ĐC và TN.

- **Nhóm ĐC:** 100 SV nam năm nhất học chương trình GDTC của trường

- **Nhóm TN:** 100 SV nam năm nhất học chương trình GDTC với việc ứng dụng các giải pháp nghiên cứu mới đề xuất.

❖ Nội dung và thời gian TN:

- **Nội dung ứng dụng:** Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, căn cứ vào tình hình thực tiễn, luận án tiến hành xin TN tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II các giải pháp đã đề xuất bao gồm các nội dung được trình bày chi tiết trong tiểu mục 3.2.3.4.

- **Thời gian ứng dụng:** Thời gian TN được tính từ tháng 10/2023 –

06/2024

- Tiêu chí đánh giá

Để đánh giá hiệu quả một số giải pháp thực nghiệm luận án sử dụng các tiêu chí đánh giá như sau:

-Đánh giá định lượng: Luận án tiến hành kiểm tra thành tích các chỉ số đánh giá thể chất của khách thể nghiên cứu sau thực nghiệm, tính nhịp độ tăng trưởng thành tích các chỉ số.

-Đánh giá định tính: Luận án sử dụng thang đo tại mục 3.1.2 để khảo sát sau thực nghiệm đánh giá tính tích cực trong giờ học GDTC, tiến hành so sánh giá trị trung bình kết quả đánh giá của học viên về các mục hỏi trước và sau thực nghiệm qua kiểm định giá trị trung bình hai mẫu liên quan nhau.

3.3.1.2. Kết quả tổ chức thực nghiệm các giải pháp

❖ Giải pháp 1: Thường xuyên tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và lợi ích của việc tham gia rèn luyện thể chất cho học viên.

Bên cạnh việc thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền lồng ghép bằng cách thông tin đến từng lớp, qua ban cán sự lớp hoặc kết hợp lồng ghép trong các giờ lý thuyết vào giờ học chính khóa và GV khi lên lớp, tích cực tuyên truyền về tác dụng của rèn luyện thể chất cho học viên. Trong quá trình TN với giải pháp này đã đạt được các kết quả như sau:

- Tiến hành thu thập thông tin về các hoạt động và đã viết được 10 bài viết về các vấn đề liên quan đến công tác rèn luyện thể chất trong và ngoài nhà trường tuyên truyền cho học viên biết đến thông qua các kênh như Facebook, website của nhà trường.

- Phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường đã xây dựng và phát được 10 bản tin về công tác rèn luyện thể chất đưa vào chương trình “Phát thanh học đường” vào hàng tháng định kỳ trong năm học.

- Đã thiết kế, in ấn thông tin về rèn luyện thể chất dưới các hình thức như: banner, poster, standee (với số lượng 08 cái) để đặt ở vị trí dễ nhìn, quanh

khu vực tập luyện để thu hút sự chú ý của học viên trong nhà trường.

❖ **Giải pháp 2: Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện đáp ứng nhu cầu tham gia rèn luyện chất của học viên.**

- Trong năm học 2023-2024, hiện trạng về dụng cụ tập luyện đã được nhà trường đầu tư nhiều hơn so với các năm học trước. Kết quả thống kê tại bảng 3.40 cho thấy: Về số lượng dụng cụ tập luyện được trang bị tăng lên so với trước TN đáp ứng được yêu cầu phục vụ rèn luyện chất của học viên trong nhà trường.

Bảng 3.40. Thống kê kết quả thực hiện giải pháp đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện đáp ứng nhu cầu tham gia rèn luyện chất của học viên

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Trước TN	Sau TN
1	Bao cát tập võ	Cái	4	6
2	Vợt cầu lông	Chiếc	40	65
3	Lưới cầu lông	Bộ	5	7
4	Cầu lông	Hộp	30	50
5	Lưới bóng đá	Bộ	2	6
6	Bóng đá	Quả	10	40
7	Lưới bóng rổ	Bộ	5	15
8	Bóng rổ	Quả	40	60
9	Bảng rổ	Cái	7	10
10	Bóng chuyền	Quả	30	40
11	Lưới bóng chuyền	Bộ	2	5

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu thống kê)

❖ **Giải pháp 3: Phát triển đội ngũ cộng tác viên, hướng dẫn viên phục vụ cho công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường.**

Qua quá trình TN với 6 GV tham gia, đã tổ chức được các lớp bồi dưỡng hướng dẫn viên. Qua đó đã tuyển chọn ra được 10 học viên ưu tú, có trình độ chuyên mônđạt mức độ khá tốt đảm bảo cho công tác giúp đỡ và tổ chức hướng dẫn cho các học viên khác tham gia rèn luyện chất với các CB, GV cơ hữu của nhà trường.

❖ **Giải pháp 4: Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất phù hợp với nhu cầu của học viên và các điều kiện**

thực tế trong nhà trường

- Trong quá trình triển khai TN, được sự ủng hộ và phê duyệt của BGH nhà trường cùng với sự tham gia của các bộ phận đã thành lập được 3 CLB TDDT ngoại khóa ở các môn: CLB Bóng Đá với 30 hội viên, CLB Cầu Lông với 20 hội viên, CLB Bóng chuyền với 35 hội viên.

- Tập hợp và thu hút được 12 CB, GV, cộng tác viên tham gia công tác quản lý, hỗ trợ cho các CLB TDDT ngoại khóa.

- Đã tổ chức được 4 giải thi đấu TDDT cho học viên tham gia trong quá trình TN chào mừng các ngày lễ lớn trong năm.

- Các nội dung tập luyện này đều có GV hướng dẫn 1 tuần 3 buổi, mỗi buổi 45-90 phút và có kế hoạch chương trình cụ thể. Dưới sự quản lý, giám sát của Khoa Quân sự, Võ Thuật, Thể dục thể thao chịu trách nhiệm về công tác chuyên môn.

Bên cạnh đó, trong quá trình TN đã tuyển chọn ra được các bạn học viên để thành lập các đội tuyển ở các môn phục vụ cho công tác thi đấu các giải TDDT của nhà trường.

❖ Giải pháp 5: Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên tham gia công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường.

Qua quá trình tổ chức TN, công tác nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV tham gia công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường đã đạt được các kết quả bao gồm các nội dung như sau:

- Về tổ chức hội thảo, chuyên đề về công tác rèn luyện thể chất: Trong thời gian 01 năm học đã tổ chức được 3 lần hội thảo cấp Khoa với tổng số 70 lượt người tham gia.

- Về tổ chức cho cán bộ, GV nâng cao trình độ chuyên môn:

+ Đào tạo bồi dưỡng: Cao cấp lý luận chính trị: 01

+ Nghiệp vụ sư phạm cao cấp 09

+ Văn bằng 2: 01

+ Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ TDDT, quân sự, võ thuật: 20 lượt GV tham gia

3.3.2. Kết quả nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

3.3.2.1. Kết quả đánh giá định lượng

Để kiểm tra đánh giá thực trạng thể lực, đề tài sử dụng các chỉ tiêu đánh giá trình độ thể lực theo Thông tư số 106/2020/TT-BCA ngày 08/10/2020 của Bộ Công An, quy định về chế độ thể lực trong Công an nhân dân bao gồm 4 chỉ tiêu. Kết quả kiểm tra thể lực của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II được trình bày như sau:

❖ Kết quả thống kê thể lực của học viên nhóm ĐC.

Đối chiếu theo Thông tư số 106/2020/TT-BCA ngày 08/10/2020 của Bộ Công An, quy định về chế độ thể lực trong Công an nhân dân cho thấy trước TN, thành tích các test của học viên nhóm ĐC đều đạt yêu cầu theo Thông tư. Quan sát nhận thấy thành tích giữa các học viên có sự đồng đều, đảm bảo điều kiện để tiến hành TN. Sau TN, 4/4 test đều có sự tăng trưởng, cao nhất là test Co tay xà đơn với 9.0%. Sự tăng trưởng thành tích cụ thể đối với từng test như sau:

- **Bật xa tại chỗ (m):** Sau TN, thành tích Bật xa tại chỗ của nhóm ĐC từ 2.3 ± 2.62 m, tăng lên 2.4 ± 2.31 m. Hệ số biến thiên sau thực nghiệm là 9.6% < 10%. Nhịp tăng trưởng đạt 0.8%. Như vậy, thành tích Bật xa tại chỗ của nhóm đối chứng có sự đồng đều hơn, sự tăng trưởng tích cực và có sự khác biệt rõ rệt về mặt ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất 95% với $\text{sig.} = 0.04 < 0.05$.

- **Chạy 100 m (s):** Thời gian Chạy 100 m (s) của nhóm ĐC từ 13.8 ± 0.82 s, giảm xuống còn 13.4 ± 0.82 s. Hệ số biến thiên sau thực nghiệm là 6.0% < 10%. Nhịp tăng trưởng đạt 2.96% < 10%. Như vậy, sau thực nghiệm, thành tích Chạy 100 m của nhóm ĐC có sự đồng đều hơn, sự tăng trưởng tích cực và có sự khác biệt rõ rệt về mặt ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất 95% với $\text{sig.} = 0.00 < 0.05$.

- **Chạy 1500m (phút):** Thời gian Chạy 1500m của nhóm ĐC từ 6.5 ± 0.17 phút, giảm xuống còn 6.3 ± 0.30 phút. Hệ số biến thiên sau thực nghiệm là $4.7\% < 10\%$. Nhịp tăng trưởng đạt 4.65% . Như vậy, sau TN, thành tích Chạy 1500m của nhóm ĐC có sự đồng đều hơn, sự tăng trưởng tích cực và có sự khác biệt rõ rệt về mặt ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất 95% với $\text{sig.} = 0.00 < 0.05$.

- **Co tay xà đơn (lần):** Thành tích Co tay xà đơn (lần) của nhóm ĐC từ 13 ± 0.84 lần, tăng lên 14 ± 1 lần. Hệ số biến thiên sau thực nghiệm là $7.0\% < 10\%$. Nhịp tăng trưởng đạt 7.41% . Như vậy, sau TN, thành tích Thành tích Co tay xà đơn của nhóm ĐC có sự đồng đều hơn, sự tăng trưởng tích cực và có sự khác biệt rõ rệt về mặt ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất 95% với $\text{sig.} = 0.00 < 0.05$.

Bảng 3.41. Kết quả thống kê thể lực của học viên nhóm ĐC (n=100)

T T	Test	Trước thực nghiệm			Sau thực nghiệm			Sig.	W
		$\bar{X}$	σ	Cv%	$\bar{X}$	σ	Cv%		
1	Bật xa tại chỗ (m)	2.3	2.62	11.0	2.4	2.31	9.6	.04	0.8
2	Chạy 100 m (s)	13.8	0.82	5.9	13.4	0.82	6.0	.00	2.96
3	Chạy 1500m (phút)	6.5	0.17	2.6	6.3	0.30	4.7	.00	4.65
4	Co tay xà đơn (lần)	13	0.84	6.4	14	1.00	7.0	.00	7.41

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu thống kê)

❖ Kết quả thống kê thể lực của học viên nhóm TN.

Kết quả kiểm tra cho thấy trước thực nghiệm, thành tích các test của nhóm đối chứng đều đạt yêu cầu theo Thông tư, thành tích giữa các học viên có sự đồng đều, đảm bảo điều kiện để tiến hành thực nghiệm. Sau thực nghiệm, 4/4 test đều có sự tăng trưởng. Cao nhất là test Co tay xà đơn với 15.7% . Sự tăng trưởng thành tích cụ thể đối với từng test như sau:

- **Bật xa tại chỗ (m):** Sau TN, thành tích Bật xa tại chỗ của nhóm TN từ 2.1 ± 2.14 m, tăng lên 2.3 ± 1.57 cm. Hệ số biến thiên sau thực nghiệm là $6.8\% < 10\%$. Nhịp tăng trưởng đạt 7.7% . Như vậy, thành tích Bật xa tại chỗ của nhóm TN có sự đồng đều hơn, sự tăng trưởng tích cực và có sự khác biệt rõ rệt về mặt

ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất 95% với $\text{sig.} = 0.00 < 0.05$.

- **Chạy 100 m (s):** Thời gian Chạy 100 m (s) của nhóm TN từ $13.4 \pm 0.70\text{s}$, giảm xuống còn $13.0 \pm 0.90\text{s}$. Hệ số biến thiên sau TN là $6.9\% < 10\%$. Nhịp tăng trưởng đạt 3.0% . Như vậy, sau TN, thành tích Chạy 100 m của nhóm TN có sự đồng đều hơn, sự tăng trưởng tích cực và có sự khác biệt rõ rệt về mặt ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất 95% với $\text{sig.} = 0.00 < 0.05$.

- **Chạy 1500m (phút):** Thời gian Chạy 1500m của nhóm TN từ 6.5 ± 0.3 phút, giảm xuống còn 6.1 ± 0.20 phút. Hệ số biến thiên sau thực nghiệm là $3.3\% < 10\%$. Nhịp tăng trưởng đạt 6.3% . Như vậy, sau TN, thành tích Chạy 1500m của nhóm TN có sự đồng đều hơn, sự tăng trưởng tích cực và có sự khác biệt rõ rệt về mặt ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất 95% với $\text{sig.} = 0.00 < 0.05$.

- **Co tay xà đơn (lần):** Thành tích Co tay xà đơn của nhóm TN từ 13.2 ± 1 lần, tăng lên 15.5 ± 0.5 lần. Hệ số biến thiên sau thực nghiệm là $3.2\% < 10\%$. Nhịp tăng trưởng đạt 15.7% . Như vậy, sau TN, thành tích Thành tích Co tay xà đơn của nhóm TN có sự đồng đều hơn, sự tăng trưởng tích cực và có sự khác biệt rõ rệt về mặt ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất 95% với $\text{sig.} = 0.00 < 0.05$.

Bảng 3.42. Kết quả thống kê thể lực của học viên nhóm TN

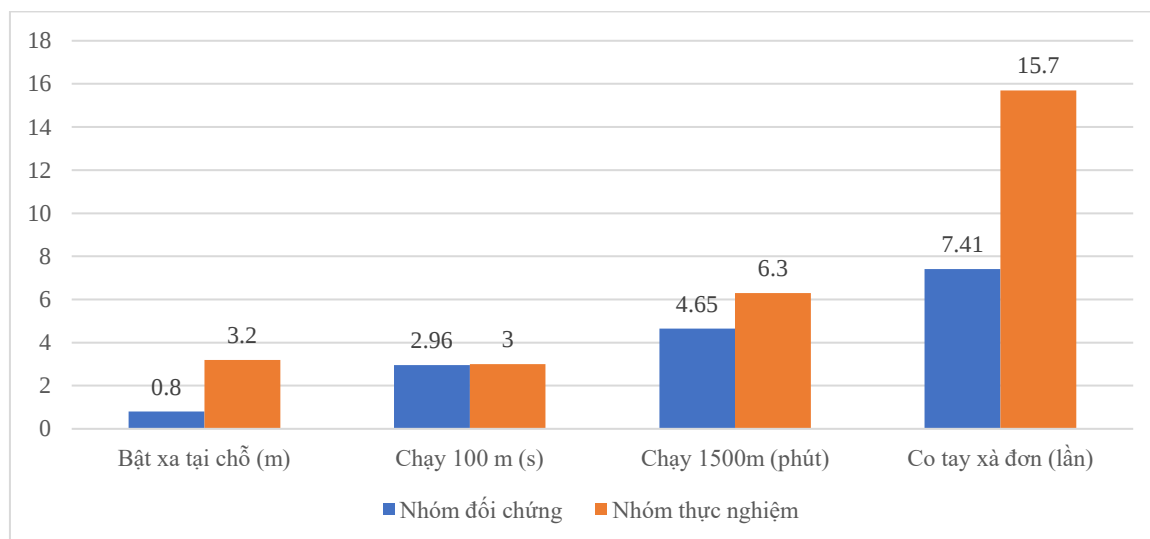
T T	Test	Trước TN			Sau TN			Sig.	W
		$\bar{X}$	σ	Cv%	$\bar{X}$	σ	Cv%		
1	Bật xa tại chỗ (m)	2.2	2.14	10.1	2.3	1.57	6.8	.00	3.2
2	Chạy 100 m (s)	13.4	0.70	5.2	13.0	0.90	6.9	.00	3.0
3	Chạy 1500m (phút)	6.5	0.30	3.4	6.1	0.2	3.3	.00	6.3
4	Co tay xà đơn (lần)	13.2	1.0	7.3	15.5	0.5	3.2	.00	15.7

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu thống kê)

❖ So sánh nhịp tăng trưởng thể lực của học viên các nhóm sau TN.

Qua kết quả so sánh sự thay đổi thể lực của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng theo các test tại Thông tư 106/2020/TT-BCA của Bộ Công An về Quy định chế độ rèn luyện thể lực trong Công an nhân dân cho thấy, sau TN, cả hai nhóm đều có sự tăng trưởng rõ rệt về thể lực. Tuy nhiên, nhóm TN có sự tăng trưởng vượt trội hơn nhóm đối chứng ở 4/4 test đánh giá. Cụ thể: Bật xa tại chỗ

tăng trưởng hơn 2.4%; Chạy 100 m (s) tăng trưởng hơn 0.04%; Chạy 1500m (phút) tăng trưởng hơn 1.65%; Co tay xà đơn (lần) tăng trưởng hơn 8.29%. Kết quả trên một phần chứng minh được sự tác động hiệu quả của các giải pháp đối với sự tăng trưởng thể lực của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.



Biểu đồ 3.5. So sánh sự tăng trưởng thể lực của học viên các nhóm sau TN

3.3.2.2. Kết quả đánh giá định tính

Luận án tiến hành khảo sát học viên tham gia TN bằng các tiêu chí đánh giá định tính ở trong thời gian trước và sau TN các giải pháp. Tổng số phiếu hợp lệ thu về của nhóm TN là 100 phiếu và nhóm ĐC là 100 phiếu.

❖ **Kết quả đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của các nhóm học viên trước TN**

- **Kết quả đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên nhóm ĐC trước TN**

Kết quả thống kê tính tích cực của học viên nhóm ĐC trước thời gian TN được trình bày chi tiết tại bảng 3.43. Trong đó:

- Về tính tích cực biểu hiện cảm xúc đánh giá trung bình là 3.0 điểm (bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi nhận thấy vai trò ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thân thể (XC3)” được học viên đánh giá cao nhất 3.0 điểm (bình thường). Mục hỏi “Phương pháp tổ chức rèn luyện thân thể của giảng viên là phù hợp, hấp dẫn” được học viên đánh giá thấp nhất 2.84 điểm (Không tích cực).

- Về tính tích cực biểu hiện chú ý đánh giá trung bình là 3.06 điểm (bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi luôn tập trung khi tham gia rèn luyện thân thể” (CY4) được học viên đánh giá cao nhất 3.25 điểm (bình thường). Mục hỏi “Tôi luôn chú ý quan sát động tác thị phạm, hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và của các bạn khi tham gia rèn luyện thân thể” được học viên đánh giá thấp nhất 2.74 điểm (Bình thường).

- Về tính tích cực biểu hiện nỗ lực ý chí đánh giá trung bình là 2.87 điểm (Bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi luôn tự giác, chủ động rèn luyện thêm ngoài giờ (YC3)” được học viên đánh giá cao nhất 3.31 điểm (bình thường). Mục hỏi “Tôi luôn chú ý quan sát động tác thị phạm, hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và của các bạn thực hành trên lớp” (YC2) được học viên đánh giá thấp nhất 3.04 điểm (Bình thường).

- Về tính tích cực biểu hiện hành vi đánh giá trung bình là 3.2 điểm (Bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi thường theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến các hoạt động rèn luyện thân thể” (HV5) được học viên đánh giá cao nhất 3.5 điểm (Bình thường). Mục hỏi “Tôi thường theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến các hoạt động rèn luyện thân thể.”(HV1) được học viên đánh giá thấp nhất 3.0 điểm (Bình thường).

- Về tính tích cực biểu hiện kết quả lĩnh hội đánh giá trung bình là 3.0 điểm (Bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi luôn ghi nhớ và thực hiện lại tốt các động tác, bài tập vận động khi tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể” (KQ1) được học viên đánh giá cao nhất 3.3 điểm (Bình thường). Mục hỏi “Tôi đã nâng cao các kỹ năng vận động cơ bản, kỹ năng thực hiện các động tác, bài tập khi tham gia rèn luyện thân thể” (KQ3) được học viên đánh giá thấp nhất 2.85 điểm (Bình thường).

- Kết quả đánh giá chung về Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên đánh giá trung bình là 3.3 điểm (Bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi sẽ tiếp tục tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường” (TC1) được học viên đánh giá cao nhất 3.41 điểm (Bình thường). Mục hỏi “Các hoạt động thể chất giúp tôi nâng cao tính tích cực khi học tập” (TC3) được học viên đánh giá thấp nhất 3.15 điểm (Bình thường).

**Bảng 3.43. Kết quả thống kê tính tích cực
tham gia rèn luyện thể chất của học viên nhóm ĐC trước TN**

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá	
		TB	Độ lệch chuẩn
	Biểu hiện xúc cảm	3,0	
1	XC1	3,04	0,58
2	XC2	3,13	0,79
3	XC3	3,23	0,76
4	XC4	2,96	0,73
5	XC5	3,00	0,69
6	XC6	2,84	0,69
7	XC7	3,11	0,76
8	XC8	3,01	0,76
	Biểu hiện chú ý	3,06	
9	CY1	2,85	0,7
10	CY2	2,74	0,71
11	CY3	3,01	0,81
12	CY4	3,25	0,86
	Biểu hiện nỗ lực ý chí	3,2	
13	CY1	3,15	0,9
14	CY2	3,04	0,91
15	CY3	3,31	1,01
	Biểu hiện hành vi	3,2	
16	HV1	3	0,7
17	HV2	3,1	0,6
18	HV3	3,2	0,5
19	HV4	3	0,8
20	HV5	3,5	0,7
21	HV6	3,45	0,9
	Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội	3,0	
22	HV1	3,3	0,9
23	HV2	2,86	0,8
24	HV3	2,85	0,8
	Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên	3,3	
25	TC1	3,41	0,8
26	TC2	3,16	0,7
27	TC3	3,15	0,7
28	TC4	3,35	0,1

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát)

- Kết quả đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên nhóm TN trước TN

Kết quả thống kê tính tích cực của học viên nhóm TN trước thời gian TN được trình bày chi tiết tại bảng 3.44. Trong đó:

- Về tính tích cực biểu hiện cảm xúc đánh giá trung bình là 3.1 điểm (bình thường). Trong đó mục hỏi “Phương pháp tổ chức rèn luyện thân thể của giảng viên là phù hợp, hấp dẫn (XC7)” được học viên đánh giá cao nhất 3.45 điểm (Tích cực). Mục hỏi “Tôi nhận thấy vai trò ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thân thể” (XC3) được học viên đánh giá thấp nhất 2.5 điểm (Không tích cực).

- Về tính tích cực biểu hiện chú ý đánh giá trung bình là 3.2 điểm (bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi luôn tích cực, chú ý lắng nghe giảng viên hướng dẫn trong giờ rèn luyện thân thể.” (CY1) được học viên đánh giá cao nhất 3.4 điểm (bình thường). Mục hỏi “Tôi luôn tập trung khi tham gia rèn luyện thân thể.” (CY4) được học viên đánh giá thấp nhất 2.9 điểm (Bình thường).

- Về tính tích cực biểu hiện nỗ lực ý chí đánh giá trung bình là 3.4 điểm (Bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi luôn cố gắng hoàn thành bài tập giảng viên giao ở trên lớp (YC1)” được học viên đánh giá cao nhất 3.4 điểm (bình thường). Mục hỏi “Tôi luôn quyết tâm vượt qua các khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ được giao” (YC2) được học viên đánh giá thấp nhất 2.9 điểm (Bình thường).

- Về tính tích cực biểu hiện hành vi đánh giá trung bình là 3.2 điểm (Bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi thường hào hứng khi được giao nhiệm vụ trong các giờ học GDTC chính khóa và các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường” (HV7) được học viên đánh giá cao nhất 3.7 điểm (Tích cực). Mục hỏi “Tôi thường trao đổi với giảng viên về các nội dung tập luyện mà tôi chưa hiểu rõ..”(HV4) được học viên đánh giá thấp nhất 3.0 điểm (Bình thường).

- Về tính tích cực biểu hiện kết quả lĩnh hội đánh giá trung bình là 3.1 điểm (Bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi đã nâng cao các kỹ năng vận động

cơ bản, kỹ năng thực hiện các động tác, bài tập khi tham gia rèn luyện thân thể” (KQ3) được học viên đánh giá cao nhất 3.2 điểm (Bình thường). Mục hỏi “Tôi có thể vận dụng linh hoạt những kiến thức, kỹ năng vận động đã có vào các bài tập, nội dung học mới.” (KQ2) được học viên đánh giá thấp nhất 3.2 điểm (Bình thường).

- Kết quả đánh giá chung về Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên đánh giá trung bình là 3.2 điểm (Bình thường). Trong đó mục hỏi “Tôi sẽ tiếp tục tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường” (TC1) được học viên đánh giá cao nhất 3.3 điểm (Bình thường). Mục hỏi “Tôi tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường” (TC4) được học viên đánh giá thấp nhất 3.1 điểm (Bình thường).

- So sánh sự khác biệt về ý nghĩa thống kê kết quả phân tích tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên các nhóm trước TN.

Kết quả ở bảng 3.45 cho thấy kết quả phân tích các nội dung đánh giá tính tích cực của 2 nhóm học viên ĐC và TN trước thời gian TN đều không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất 95%. Hay nói cách khác kết quả đánh giá tính tích cực của hai nhóm tương là đồng nhau.

**Bảng 3.44. Kết quả thống kê tính tích cực
tham gia rèn luyện thể chất của học viên nhóm TN trước TN**

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá	
		TB	Độ lệch chuẩn
	Biểu hiện xúc cảm	2,9	
1	XC1	3.0	0,1
2	XC2	2,9	0,42
3	XC3	2,5	0,50
4	XC4	2,7	0,55
5	XC5	3.1	0,54
6	XC6	3,45	0,24
7	XC7	3,1	0,37
8	XC8	3	0,41
	Biểu hiện chú ý	3,2	
9	CY1	3,4	0,36
10	CY2	3,2	0.41
11	CY3	3,1	0.48
12	CY4	2,9	0.54
	Biểu hiện nỗ lực ý chí	3,4	
13	CY1	3,4	0.54
14	CY2	2.9	0.52
15	CY3	3.0	0.31
	Biểu hiện hành vi	3,2	
16	HV1	3,2	0.42
17	HV2	3.6	0.20
18	HV3	3.7	0.18
19	HV4	3.0	0.51
20	HV5	3,2	0.35
21	HV6	3.1	0.52
	Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội		
22	HV1	3,1	0,78
23	HV2	3	0,65
24	HV3	3.2	0,45
	Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên	3,2	
25	TC1	3,3	0.75
26	TC2	3,2	0.45
27	TC3	3,2	0,61
28	TC4	3,1	0,11

**Bảng 3.45. So sánh tính tích cực của
học viên nhóm ĐC và TN trước thời gian TN**

TT	Nội dung	Nhóm ĐC		Nhóm TN		Sig.	P
		TB	Độ lệch chuẩn	TB	Độ lệch chuẩn		
Biểu hiện xúc cảm							
1	XC1	3,04	0,58	3.0	0,1	0.26	>0.05
2	XC2	3,13	0,79	2,9	0,42	0.44	>0.05
3	XC3	3,23	0,76	2,5	0,50	0.86	>0.05
4	XC4	2,96	0,73	2,7	0,55	0.85	>0.05
5	XC5	3,00	0,69	3.1	0,54	0.92	>0.05
6	XC6	2,84	0,69	3,45	0,24	0.91	>0.05
7	XC7	3,11	0,76	3,1	0,37	0.36	>0.05
8	XC8	3,01	0,76	3	0,41	0.45	>0.05
Biểu hiện chú ý							
9	CY1	2,85	0,7	3,4	0,36	0.54	>0.05
10	CY2	2,74	0,71	3,2	0.41	0.44	>0.05
11	CY3	3,01	0,81	3,1	0.48	0.3	>0.05
12	CY4	3,25	0,86	2,9	0.54	0.69	>0.05
Biểu hiện nỗ lực ý chí							
13	CY1	3,15	0,9	3,4	0.54	0.62	>0.05
14	CY2	3,04	0,91	2.9	0.52	0.69	>0.05
15	CY3	3,31	1,01	3.0	0.31	0.74	>0.05
	Biểu hiện hành vi			3,2			
16	HV1	3	0,7	3,2	0.42	0.86	>0.05
17	HV2	3,1	0,6	3.6	0.20	1	>0.05
18	HV3	3,2	0,5	3.7	0.18	0.76	>0.05
19	HV4	3	0,8	3.0	0.51	0.42	>0.05
20	HV5	3,5	0,7	3,2	0.35	0.27	>0.05
21	HV6	3,45	0,9	3.1	0.52	0.85	>0.05
Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội							
22	HV1	3,3	0,9	3,1	0,78	0.47	>0.05
23	HV2	2,86	0,8	3	0,65	0.44	>0.05
24	HV3	2,85	0,8	3.2	0,45	0.53	>0.05
Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên							
25	TC1	3,41	0,8	3,3	0.75	0.47	>0.05
26	TC2	3,16	0,7	3,2	0.45	0.44	>0.05
27	TC3	3,15	0,7	3,2	0,61	0.53	>0.05
28	TC4	3,35	0,1	3,1	0,11	0.47	>0.05

❖ **Kết quả đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của các nhóm học viên sau TN**

- **So sánh sự khác biệt về ý nghĩa thống kê kết quả phân tích tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên các nhóm sau TN**

Kết quả so sánh tại bảng 3.46 cho thấy giá trị trung bình điểm của tất cả các mục hỏi đánh giá tính tích cực của học viên nhóm TN có sự khác biệt tốt hơn nhóm ĐC. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$.

Bảng 3.46. So sánh sự khác biệt về ý nghĩa thống kê kết quả phân tích tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên các nhóm sau TN

TT	Nội dung	Nhóm ĐC		Nhóm TN		Sig.	P
		TB	Độ lệch chuẩn	TB	Độ lệch chuẩn		
Biểu hiện xúc cảm							
1	XC1	3,4	0,84	4,3	0,37	0.00	<0.05
2	XC2	3,2	0,88	3,7	0,41	0.00	<0.05
3	XC3	3,3	0,95	4	0,48	0.00	<0.05
4	XC4	3,4	0,95	4,3	0,55	0.00	<0.05
5	XC5	3,2	0,99	4,5	0,02	0.02	<0.05
6	XC6	3,7	0,78	4,5	0,31	0.02	<0.05
7	XC7	3,5	0,92	4,6	0,05	0.02	<0.05
8	XC8	3,5	0,98	4,5	0,2	0.03	<0.05
Biểu hiện chú ý							
9	CY1	3,8	0,11	4	0,61	0.03	<0.05
10	CY2	3,5	0,42	4,2	0,22	0.02	<0.05
11	CY3	3,2	0,49	4,4	0,44	0.04	<0.05
12	CY4	3,5	0,55	4,5	0,05	0.03	<0.05
Biểu hiện nỗ lực ý chí							
13	CY1	3,2	0,03	4,3	0,07	0.02	<0.05
14	CY2	3,7	0,20	4,6	0,10	0.01	<0.05
15	CY3	3,9	0,21	4,2	0,07	0.74	<0.05
Biểu hiện hành vi							
16	HV1	3	0,65	4,3	0,01	0.00	<0.05
17	HV2	3,5	0,58	4,5	0,04	0.01	<0.05
18	HV3	3,6	0,69	4,2	0,08	0.04	<0.05

19	HV4	3,3	0,66	3,6	0,05	0.01	<0.05
20	HV5	4,1	0,65	4,3	0,05	0.03	<0.05
21	HV6	4,2	0,69	4,3	0,05	0.04	<0.05
Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội							
22	HV1	3,6	0,80	3,6	0,80	0.01	>0.05
23	HV2	3,5	1,00	3,7	1,00	0.01	>0.05
24	HV3	3,4	0,99	3,8	1,00	0.02	>0.05
Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên							
25	TC1	3,5	0,20	4,3	0,02	0.04	>0.05
26	TC2	3,2	0,20	3,7	0,02	0.00	>0.05
27	TC3	3,5	0,30	3,7	0,01	0.03	>0.05
28	TC4	3,8	0,40	4	0,30	0.00	>0.05

3.3.3. Bàn luận hiệu quả giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Việc triển khai các giải pháp nhằm nâng cao tính tích cực trong rèn luyện thể chất cho học viên tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II đã mang lại những kết quả như sau:

- Cải thiện về thể lực của học viên

Kết quả thực nghiệm cho thấy sự tiến bộ rõ rệt trong các chỉ số thể lực của nhóm học viên được áp dụng giải pháp, bao gồm sức bền, tốc độ, khả năng linh hoạt và các yếu tố khác. Đặc biệt, việc tập luyện thường xuyên theo phương pháp mới giúp học viên duy trì nền tảng thể lực ổn định, đáp ứng yêu cầu về sức khỏe và thể chất trong môi trường công tác khắc nghiệt của ngành Công an. Những điều chỉnh trong chương trình rèn luyện và phương pháp tập luyện không chỉ giúp học viên đạt tiêu chuẩn thể lực mà còn góp phần nâng cao khả năng thích nghi với cường độ huấn luyện cao.

- Nâng cao tính tích cực và chủ động tham gia rèn luyện thể chất của học viên

Các giải pháp thực nghiệm không chỉ nâng cao thành tích thể lực, mà còn tác động mạnh mẽ đến động lực và thái độ của học viên đối với rèn luyện thể chất. Sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy, tổ chức hoạt động thể thao ngoài

giờ và xây dựng môi trường tập luyện thân thiện đã giúp học viên cảm thấy thoải mái hơn, tích cực tham gia rèn luyện và hình thành thói quen tập luyện lâu dài. Việc tổ chức các buổi tập luyện mang tính cạnh tranh, thử thách phù hợp với năng lực cá nhân giúp học viên nhận thức rõ tầm quan trọng của thể lực đối với công tác thực tế.

-Phát triển phẩm chất cá nhân và tinh thần đồng đội

Việc tổ chức các hoạt động thể chất theo nhóm, thi đấu thể thao và huấn luyện đồng đội trong khuôn khổ các giải pháp đã tạo điều kiện cho học viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần trách nhiệm và sự phối hợp hiệu quả. Những kỹ năng này có ý nghĩa quan trọng trong môi trường làm việc của lực lượng Công an, nơi yêu cầu cao về tính kỷ luật, tinh thần đồng đội và khả năng phối hợp trong nhiệm vụ thực tế. Đồng thời, thông qua việc rèn luyện thể chất cường độ cao, học viên cũng phát triển ý chí kiên trì, khả năng chịu đựng áp lực, giúp họ sẵn sàng đối mặt với những tình huống phức tạp trong công tác.

- Hiệu quả của các giải pháp cụ thể

+ Đa dạng hóa chương trình tập luyện: Việc thiết kế chương trình tập luyện đa dạng, phù hợp với từng cấp độ thể lực giúp tăng cường sự hứng thú và hiệu quả rèn luyện. Nhờ đó, học viên có cơ hội phát triển toàn diện các tố chất thể lực, tránh tình trạng đơn điệu trong tập luyện.

+ Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất: Việc cải thiện chất lượng sân bãi, thiết bị tập luyện không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình rèn luyện mà còn tác động tích cực đến động lực tập luyện của học viên.

+ Tổ chức các sự kiện thể thao: Các giải đấu nội bộ, hội thao giúp thúc đẩy tinh thần thi đua, tạo môi trường tập luyện tích cực, khuyến khích học viên tham gia rèn luyện nhiều hơn.

-So sánh hiệu quả giữa các nhóm đối chứng và thực nghiệm

Kết quả khảo sát tính tích cực giữa các nhóm cho thấy nhóm thực nghiệm, tức là nhóm được áp dụng các giải pháp, đã có sự tiến bộ đáng kể so với nhóm

đối chứng. Điều này thể hiện rõ trong các chỉ số như khả năng tham gia chủ động, thái độ tích cực, và mức độ tự giác trong rèn luyện. Các kết quả thống kê đã chỉ ra rằng tính tích cực tham gia của nhóm thực nghiệm cao hơn đáng kể, minh chứng cho hiệu quả rõ rệt của các giải pháp.

- Khả năng ứng dụng rộng rãi của các giải pháp

Không chỉ phù hợp với Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, các giải pháp này còn có thể được áp dụng trong các trường đào tạo thuộc hệ thống Công an Nhân dân, cũng như các cơ sở giáo dục thể chất và an ninh quốc phòng khác. Việc xây dựng môi trường rèn luyện thể chất toàn diện, kết hợp giữa yếu tố truyền thông, cơ sở vật chất và phương pháp đào tạo có thể trở thành mô hình mẫu để nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho các lực lượng chức năng.

❖ Tiểu kết mục tiêu 3:

Việc thực nghiệm các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất đã cho thấy những cải thiện rõ rệt cả về thành tích thể lực lẫn mức độ tích cực của học viên. Kết quả phân tích cho thấy:

- Nhóm thực nghiệm có sự cải thiện đáng kể về thể lực so với nhóm đối chứng, với sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê. Thành tích của học viên nhóm thực nghiệm vượt trội hơn trong các bài kiểm tra thể chất, khẳng định hiệu quả của các giải pháp được đề xuất.

- Mức độ tích cực tham gia rèn luyện thể chất của nhóm thực nghiệm tăng lên rõ rệt. Điểm trung bình đánh giá tính tích cực sau thực nghiệm cao hơn đáng kể so với nhóm đối chứng, chứng minh rằng các giải pháp đã có tác động tích cực đến động cơ và thái độ rèn luyện của học viên.

Các giải pháp không chỉ hiệu quả mà còn có tính khả thi cao. Những giải pháp này có thể được áp dụng rộng rãi trong công tác giáo dục thể chất của nhà trường và có khả năng nhân rộng tại các cơ sở đào tạo khác trong hệ thống giáo dục Công an Nhân dân.

Những kết quả trên cho thấy hệ thống giải pháp được đề xuất đã góp phần

nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của việc cải tiến chương trình GDTC, đầu tư cơ sở vật chất, và đổi mới phương pháp giảng dạy. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thể chất, đảm bảo học viên có thể lực tốt, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu trong lực lượng Công an Nhân dân.

❖ Kết luận Chương 3

-Qua quá trình đánh giá, nghiên cứu đã làm rõ thực trạng về tính tích cực trong tham gia rèn luyện thể chất của học viên. Chỉ có 63% học viên đạt yêu cầu thể lực theo tiêu chuẩn, trong khi 37% còn lại chưa đạt, cho thấy sự cần thiết của việc cải thiện các chương trình và điều kiện rèn luyện thể chất cho học viên. Các chỉ số trung bình về tính tích cực chỉ ở mức bình thường, từ 2.58 đến 3.07 điểm, điều này cho thấy việc cần thiết trong việc nâng cao tính tích cực cho học viên tham gia rèn luyện thể chất.

-Dựa trên kết quả phân tích thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên, các giải pháp đã được xây dựng bao gồm 05 giải pháp với 17 nội dung thực hiện. Các giải pháp này không chỉ giúp cải thiện thể lực mà còn tạo động lực và phát triển thói quen rèn luyện lâu dài cho học viên, khuyến khích tinh thần đồng đội và nâng cao ý thức tự giác trong học tập và rèn luyện. Các giải pháp đã được điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu và điều kiện của nhà trường.

-Kết quả thực nghiệm cho thấy các giải pháp đã mang lại hiệu quả tích cực, thể hiện qua các chỉ số cải thiện về thể lực, sự chủ động, và thái độ của học viên trong tham gia rèn luyện thể chất. Nhóm thực nghiệm có sự tiến bộ đáng kể so với nhóm đối chứng, minh chứng rõ ràng cho tính khả thi và hiệu quả của các giải pháp đề xuất.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

1. Đánh giá thực trạng tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

- Kết quả khảo sát cho thấy mức độ tích cực của học viên chỉ đạt mức trung bình, với giá trị trung bình của các nhóm đánh giá dao động từ 2.58 - 2.87. Điểm trung bình chung của toàn bộ tiêu chí đánh giá tính tích cực đạt 3.07 điểm, phản ánh thực trạng học viên chưa có sự chủ động và động lực cao trong rèn luyện thể chất.

2. Xây dựng giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

Dựa trên kết quả nghiên cứu, luận án đã đề xuất và xây dựng 05 giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II, bao gồm:

- Thường xuyên tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và lợi ích của việc tham gia rèn luyện thể chất cho học viên.
- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện đáp ứng nhu cầu tham gia rèn luyện thể chất của học viên.
- Phát triển đội ngũ cộng tác viên, hướng dẫn viên phục vụ cho công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường.
- Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất phù hợp với nhu cầu của học viên và các điều kiện thực tế trong nhà trường.
- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên tham gia công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường.

3. Đánh giá hiệu quả thực nghiệm giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Việc thực nghiệm các giải pháp đã mang lại những kết quả tích cực rõ rệt như sau:

- Về thể lực: Nhóm thực nghiệm có sự cải thiện rõ rệt về thành tích thể lực so với nhóm đối chứng. Sự chênh lệch có ý nghĩa thống kê khẳng định rằng các giải pháp được đề xuất mang lại hiệu quả trong nâng cao thể chất của học viên.

- Về mức độ tích cực: Kết quả khảo sát sau thực nghiệm cho thấy điểm trung bình đánh giá tính tích cực của nhóm thực nghiệm cao hơn đáng kể so với nhóm đối chứng, chứng minh rằng các giải pháp đã tác động tích cực đến động cơ và thái độ rèn luyện của học viên.

- Khẳng định tính khả thi của các giải pháp: Những kết quả này khẳng định rằng hệ thống giải pháp không chỉ có hiệu quả mà còn có tính ứng dụng cao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thể chất tại nhà trường.

KIẾN NGHỊ

Từ những kết quả nghiên cứu trên, Luận án đưa ra những kiến nghị sau:

- Đối với những yếu tố chưa được đảm bảo, hoàn thiện mà nghiên cứu tìm ra được, cần được điều chỉnh, cải thiện nhằm phát huy chất lượng công tác GDTC nói chung cũng như phát huy tính tích cực cho học viên trong việc rèn luyện thể chất tại Nhà trường trong thời gian tới.

- Các giải pháp mà nghiên cứu đã xây dựng cần được áp dụng vào thực tiễn, triển khai đồng bộ, xuyên suốt và phù hợp với đặc thù của từng đơn vị. Khi thực hiện, các giải pháp phải được kết hợp một cách hài hòa nhằm tối ưu hiệu quả, đảm bảo tính tích cực trong rèn luyện thể chất của học viên. Các đơn vị trong nhà trường cần chủ động tổ chức, phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các hoạt động, bám sát nội dung mà luận án đã đề xuất, từ đó nâng cao thể lực và kỹ năng phục vụ công tác, chiến đấu của học viên sau khi tốt nghiệp

- Kết quả nghiên cứu của luận án sử dụng làm thông tin tham khảo cho các nhà nghiên cứu, các CBQL, các GV ứng dụng trong công tác rèn luyện thể chất cho học viên.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyen Thanh Dung, Huynh Van Em, Dang Ha Viet (2024) “SOLUTION TO IMPROVE THE ACTIVE PARTICIPATION IN PHYSICAL TRAINING FOR STUDENTS OF PEOPLE'S POLICE COLLEGE II”, *European Journal of Physical Education and Sport Science*, Volume 11, Issue 6, 2024.
2. Nguyen Thanh Dung, Huynh Van Em, Dang Ha Viet (2024) “FACTORS CONTRIBUTING TO STUDENTS’ ACTIVE LEARNING IN PHYSICAL EDUCATION”, *European Journal of Physical Education and Sport Science*, Volume 11, Issue 6, 2024.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Văn Anh (2023), *Công tác Giáo dục thể chất trong các trường Đại học, Cao đẳng*, Tạp chí thiết bị giáo dục, số 4, 22-30.
2. Babanxki Iu.K (1981), *Tích cực hóa quá trình dạy học*, cục đào tạo và bồi dưỡng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
3. Nguyễn Ngọc Bảo (1995), *Phát huy tính tích cực, tự lực của học sinh trong quá trình dạy học*, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên, bộ GD&ĐT Hà nội.
4. Lê Bửu (1995), *Bác Hồ với thể thao Việt Nam*, Nxb TDTT Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1999), Quy chế GDTC trong nhà trường – Vụ GDTC.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Quyết định số 23/2006/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 05 năm 2006 của của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc *Quy định về giáo dục hòa nhập cho người tàn tật, khuyết tật*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Tài liệu hướng dẫn nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư số: 48/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc ban hành *Quy định hoạt động thể thao trong nhà trường*.
9. Bộ Công an (2020), Thông tư số 106/2020/TT-BCA ngày 08/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc ban hành *Quy định tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng Công an nhân dân*.
10. Chính phủ (2011), Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28 tháng 04 năm 2011 về việc *Phê duyệt đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030*.
11. Nguyễn Ngọc Chung (2011), *Nghiên cứu xây dựng các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác GDTC cho hệ đại học tại trường Đại học Phạm Văn Đồng - Quảng Ngãi*, Luận văn thạc sỹ Khoa học giáo dục, Trường Đại học TDTT TP.HCM.

12. Nguyễn Minh Cường (2020), *Nghiên cứu xây dựng một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất của Trường Đại học Phú Yên*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT TP.HCM.
13. Đỗ Thị Coong (2004), “*Nghiên cứu tính tích cực học tập môn tâm lý học của sinh viên đại học sư phạm Hải Phòng*”, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện khoa học Giáo dục, Hà Nội.
14. Phùng Xuân Dũng (2017), *Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động TDTT ngoại khóa cho sinh viên Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
15. Phạm Minh Hạc (1988), *Tâm lý học*, Tập 1,2. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
16. Võ Xuân Hải (2019), “*Nghiên cứu ứng dụng một số biện pháp nâng cao tính tích cực trong giờ GDTC cho học sinh trường THPT Phan Bội Châu, thị trấn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng*”, Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT TP.HCM.
17. Nguyễn Kế Hào (1994), *Một số vấn đề về sư phạm học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
18. Trịnh Trung Hiếu (2001), “*Lý luận và phương pháp giáo dục thể dục thể thao trong nhà trường*”, Nxb TDTT, Hà Nội.
19. Trần Bá Hoành (1998), “*Người giáo viên trước thềm thế kỷ mới*”, *Tạp chí Giáo dục* (11), Hà Nội.
20. Trần Bá Hoành (2000), *Đổi mới phương pháp dạy học THCS*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
21. Trần Bá Hoành, Lê Tràng Định, Phó Đức Hoà (2003), *Áp dụng dạy và học tích cực trong môn Tâm lý – Giáo dục học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
22. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại lý luận biện pháp kỹ thuật*, Nxb ĐHQG Hà Nội.

- 23.Đào Lan Hương (1999), “*Nghiên cứu tự đánh giá phù hợp về thái độ học toán của sinh viên cao đẳng sư phạm Hà Nội*”, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội.
- 24.Nguyễn Thị Hương (2000), “*Tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh bằng quan sát kết hợp thảo luận nhóm trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở bậc Tiểu học*”, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội.
- 25.Nguyễn Thị Huyền, Thực trạng tính tích cực học tập của SV trường ĐH Kinh Tế Quốc Dân, *Tạp chí Giáo dục*, Số 437 (Kì 1 - 9/2018).
- 26.Nguyễn Thị Ngọc Huyền và cộng sự (2012), *Giáo trình Quản lý học*, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân.
- 27.Kharlamốp I.F (1979), *Phát huy tính tích cực học tập của học sinh như thế nào*, Nxb GDHN.
- 28.Trần Kiều, Nguyễn Lan Phương (1997), Tích cực hóa hoạt động của học sinh, *Tạp chí thông tin khoa học giáo dục* (62).
- 29.Nguyễn Kỳ (1995), *Phương pháp giáo dục tích cực lấy người học làm trung tâm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- 30.Nguyễn Kỳ (1996), *Mô hình dạy học tích cực lấy người học làm trung tâm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- 31.Mac.C và Angel.F (1962), *Hệ tư tưởng Đức*, Nxb Sự thật Hà nội.
- 32.Nguyễn Viết Minh (2006), Đổi mới phương pháp giảng dạy môn thể dục nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông, *Tuyển tập NCKH giáo dục sức khỏe, thể chất trong nhà trường các cấp lần thứ IV*, Nxb TDTT.
- 33.Mai Thị Nụ (2017), “*Đề xuất một số giải pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Khánh Hòa*”, Luận văn thạc sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học TDTT TP.HCM.

34. Dương Thị Mỹ Ngọc (2023), Giải pháp nâng cao tính tích cực trong hoạt động ngoại khóa các môn thể thao của sinh viên khoa Giáo dục thể chất Trường Đại học Quảng Nam, *Tạp chí thiết bị giáo dục*, số 2.
35. Pháp lệnh TĐTT (2000), Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Báo thể thao Việt Nam, số ra các ngày 6 – 23/10/2000.
36. Đỗ Tấn Phong (2020), *Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học thể dục cho học sinh khiếm thị trường phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu, Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TĐTT TP.HCM.
37. Phan Đức Phú, Trần Đồng Lâm (1981), *Trò chơi vận động áp dụng trong các trường phổ thông cơ sở*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
38. Lê Quý Phương và cộng sự (2015), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý thể dục thể thao*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội.
39. Hoàng Phê và cộng sự (1996), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
40. Quốc hội (2006), Luật số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 về *Luật Thể dục, Thể thao*.
41. Lâm Quang Thành, Nguyễn Thành Lâm, Nguyễn Hoàng Minh Thuận (2016), *Giáo trình Đo lường thể thao*, Nxb ĐHQG TP.HCM.
42. Nguyễn Đức Thành (2013), *Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức hoạt động TĐTT ngoại khóa của sinh viên một số trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học TĐTT, Hà Nội.
43. Thủ tướng chính phủ (2010), *Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2010 Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020*.
44. Thủ tướng chính phủ (2012), *Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011- 2020*.
45. Thủ tướng chính phủ (2015), *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể*

thao trong nhà trường.

46. Thủ tướng Chính phủ (2016), Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17 tháng 06 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.
47. Nguyễn Hoàng Minh Thuận và cộng sự (2017), *Giáo trình thống kê trong thể dục thể thao*, Nxb ĐHQG TP.HCM.
48. Nguyễn Xuân Thúc (1997), “*Nghiên cứu tính tích cực giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi trong hoạt động vui chơi*”, Luận án phó tiến sĩ khoa học sư phạm – tâm lý, ĐHSP Hà Nội.
49. Trần Trọng Thuỷ (2000), *Tâm lý học đại cương*, Nxb Giáo dục.
50. Nguyễn Tiên Tiên và cộng sự (2016), *Giáo trình Nghiên cứu khoa học trong TDTT*, Nxb ĐH Quốc gia TP.HCM.
51. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2017), *Lý luận và phương pháp TDTT (tái bản lần thứ 3)*, Nxb TDTT, Hà Nội.
52. Nguyễn Thành Trung (2015), “*Một số biện pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học giáo dục thể chất của sinh viên trường Đại học Tây Đô*”, Luận văn thạc sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.
53. Nguyễn Văn Trọng (2020), *Đánh giá hiệu quả các biện pháp nâng cao tính tự giác tích cực trong giờ học giáo dục thể chất cho sinh viên học viện An ninh Nhân dân sau 01 năm thực nghiệm*, Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao, Số đặc biệt năm 2020.
54. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức, Trường Đại học kinh tế TP.HCM.
55. Thái Duy Tuyên (2003), *Phát huy tính tích cực hoạt động nhận thức của người học*, Tạp chí Giáo dục, (48), Hà Nội.
56. Nguyễn Ánh Tuyết (1999), *Tâm lý học trẻ em*, Nxb Giáo dục.

57. Lê Duy Tuấn (2011), “*Cơ sở tâm lý của tính tích cực học tập ở học viên đào tạo sĩ quan quân đội*”, Luận án tiến sĩ Tâm lý học.
58. Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyện, Trần Quốc Thành (1997), *Tâm lý học đại cương*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
59. Nguyễn Hữu Vũ (2016), *Ứng dụng một số giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hoa Sen Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học TDTT TP.HCM.
60. Viện Ngôn ngữ học (2010), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa.
61. Nguyễn Như Ý (1996), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, Nxb Giáo dục.

TIẾNG NƯỚC NGOÀI

62. Barney.C (2012), *General Attitudes of Middle School Students Towards Physical Education*, Asian Journal of Physical Education & Recreation Vol.18 No.2
63. Blair, S. N., & Morris, J. N. (2009). *Healthy Hearts and the Universal Benefits of Being Physically Active: Physical Activity and Health*, International Journal of Epidemiology.
64. Bailey, R., Hillman, C., Arent, S., & Petitpas, A. (2013). *Physical Activity: An Underestimated Investment in Human Capital?*, Journal of Physical Activity and Health
65. Bloemen, M. A. T., Backx, F. J. G., Takken, T., Wittink, H., Benner, J., Mollema, J., & de Groot, J. F. (2015), *Physical activity participation of children with a disability: A systematic review of qualitative and quantitative studies*, Frontiers in Public Health, 3, 87.
66. Deci, E. L., & Ryan, R. M. (2017). *Self-Determination Theory: Basic Psychological Needs in Motivation, Development, and Wellness*. New York: Guilford Press.
67. Endris Yimer (2014), *The attitude of students toward learning physical education in some selected secondary schools of addis ababa*.

- 68.Fornell, C. Rust, R. T., & Dekimpe, M. G. (2016). *The effect of customer satisfaction on consumer spending growth*, Journal of of marketing research.
- 69.Harackiewicz, J. M., Smith, J. L., & Priniski, S. J. (2016). "Interest matters: The importance of promoting interest in education." *Policy Insights from the Behavioral and Brain Sciences*, 3(2), 220-227.
- 70.Hidi, S., & Renninger, K. A. (2006). The four-phase model of interest development. *Educational Psychologist*, 41(2), 111-127.
- 71.Lam, Nicola (2005), An vestigation into the relationship between attitude towards PE and participation rates in extracurricular physical activity.
- 72.Максименко А.М. “Основы теории и методики физической культуры” (1999). Учеб.пособие для студентов вузов физической культуры, Российский.
- 73.Maslow, A. H. (1943), *A theory of human motivation*, Psychological Review, 50(4), 370-396.
- 74.Мэх-Неф, М. (2010). The world on a collision course and the need for a new economy." *Ambio*, 39(3), 200-210.
- 75.Oliver, R. L. (1980). "A cognitive model of the antecedents and consequences of satisfaction decisions." *Journal of Marketing Research*, 17(4), 460-469.
- 76.Renninger, K. A., & Hidi, S. (2019). *The Power of Interest for Motivation and Engagement*. New York: Routledge.
- 77.Stephen J. Virgilio (1997), *Fitness Education for Children- A team approach* Publisher Human Kinetics, in New York.
- 78.Subramaniam, P.R., & Silverman, S. (2007), *Middle school students' attitude toward physical education*, Teaching and Teacher Education, 23: 602-1134.

79. William D. McArdle, Frank I. Katch, Victor L. Katch (2010), *Exercise physiology: nutrition, energy, and human performance*, Lippincott Williams & Wilkins.
80. Weiss, M. R., & Smith, A. L. (2002). *Moral Development in Sport and Physical Activity: Theory, Research, and Intervention*, *Journal of Teaching in Physical Education*
81. Zeithaml, V. A., Parasuraman, A., & Berry, L. L. (2020). *Delivering Quality Service: Balancing Customer Perceptions and Expectations*. New York: Free Press.

INTERNET

82. Phạm Quang Thuận (2019), Rèn luyện thể chất - Môn học không thể thiếu trong trường học, Báo sức khỏe và đời sống, Truy cập ngày 1 tháng 8 năm 2023, <https://suckhoedoisong.vn/ren-luyen-the-chat-mon-hoc-khong-the-thieu-trong-truong-hoc-169164038.htm>
83. <https://baomoi.com/mon-giao-duc-the-chat-trong-chuong-trinh-gdpt-moi/c/29882062.epi>
84. <https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/Tính-tích-cực-nhận-thức-của-người-học>.
85. Bộ Công an (2023), *Báo cáo tổng kết công tác Giáo dục thể chất năm học 2022–2023*, Hà Nội.
86. Đặng Hoàng Minh (2018), *Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi thanh niên và vận dụng trong giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CSND II CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA CS CƠ ĐỘNG, ĐẶC NHIỆM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

V/v Xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC

Nhằm đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, chúng tôi tiến hành khảo sát các thông tin để xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất cho học viên tại trường. Để có những thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu, Ông (bà) vui lòng trả lời những thông tin theo mẫu dưới đây. Những thông tin thu được từ Ông (bà) là những dữ liệu quan trọng góp phần cho thành công của nghiên cứu này!

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên:.....
2. Đơn vị công tác:.....
3. Chức vụ hiện tại:.....
4. Thâm niên công tác:.....
5. Trình độ chuyên môn:.....

PHẦN 2: NỘI DUNG CUNG CẤP THÔNG TIN

Ông (Bà) hãy liệt kê các tiêu chí được sử dụng đánh giá thực trạng công tác GDTC tại trường học bằng cách điền vào chỗ trống theo mẫu dưới đây. Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên-Từ tiêu chí rất cần thiết đến tiêu chí có thể sử dụng)

Tiêu chí 1:

Tiêu chí 2:

Tiêu chí 3:

Tiêu chí 4:

Tiêu chí 5:

Tiêu chí 6:

Tiêu chí 7:

Tiêu chí 8:

Tiêu chí 9:

Tiêu chí 10:

Tiêu chí 11:

Tiêu chí 12:

PHẦN 3: KIẾN NGHỊ KHÁC

Người phỏng vấn

Người được phỏng vấn

PHỤ LỤC 2

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CSND II CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA CS CƠ ĐỘNG, ĐẶC NHIỆM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU KHẢO SÁT

*V/v Xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất
của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II*

Nhằm đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, chúng tôi tiến hành khảo sát các thông tin để xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất cho học viên tại trường. Để có những thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu, Ông (bà) vui lòng trả lời những thông tin theo mẫu dưới đây. Những thông tin thu được từ Ông (bà) là những dữ liệu quan trọng góp phần cho thành công của nghiên cứu này!

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên:.....
2. Đơn vị công tác:.....
3. Chức vụ hiện tại:.....
4. Thâm niên công tác:.....
5. Trình độ chuyên môn:.....

PHẦN 2: NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

Ông (Bà) hãy đưa ra các đánh giá của mình về các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC cho sinh viên tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II bằng cách trả lời các câu hỏi theo bảng dưới đây.

Mỗi câu có 5 mức lựa chọn (1: Hoàn toàn không đồng ý, 2: Không đồng ý, 3: Bình thường, 4: Đồng ý, 5: Hoàn toàn đồng ý), Ông (bà) vui lòng trả lời bằng cách tô đậm vào dấu (X) vào các ô thích hợp từ 1 đến 5 dưới đây.

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	LỰA CHỌN				
		1	2	3	4	5
1	Chương trình GDTC	O	O	O	O	O
2	Đội ngũ GV tham gia giảng dạy GDTC	O	O	O	O	O
3	Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động GDTC	O	O	O	O	O
4	Kinh phí hoạt động GDTC, TDTT ngoại khóa	O	O	O	O	O
5	Nội dung giảng dạy TDTT ngoại khóa	O	O	O	O	O
6	Hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa	O	O	O	O	O
7	Nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của học viên	O	O	O	O	O
8	Sự hứng thú tập luyện TDTT ngoại khóa	O	O	O	O	O
9	Sự hài lòng của học viên về chương trình TDTT ngoại khóa	O	O	O	O	O
10	Các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDTT ngoại khóa của học viên.					

PHẦN 3: KIẾN NGHỊ KHÁC

Người phỏng vấn

Người được phỏng vấn

PHỤ LỤC 3

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CSND II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA CS CƠ ĐỘNG, ĐẶC NHIỆM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU PHÒNG VẤN

Thực trạng hoạt động TDDT ngoại khóa

(Dành cho giảng viên, cán bộ quản lý)

Để phân tích thực trạng hoạt động TDDT ngoại khóa của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II, chúng tôi thiết kế phiếu phỏng vấn này để xin ý kiến của quý vị. Kính mong quý giảng viên, cán bộ quản lý hợp tác và tạo điều kiện giúp đỡ!

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ tận tình của quý vị!

PHẦN 1: NỘI DUNG CHÍNH

Câu 1: Xin quý Thầy/Cô cho biết kinh phí dành cho hoạt động TDDT ngoại khóa của của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

Đáp ứng hoàn toàn ☐

Đáp ứng một phần ☐

Không đáp ứng ☐

Câu 2: Xin quý Thầy/ Cô cho biết Nội dung chương trình TDDT ngoại khóa ở Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II có đáp ứng yêu cầu của Nhà trường không?

Đáp ứng yêu cầu của Nhà trường ☐

Đáp ứng từng phần yêu cầu ☐

Chưa đáp ứng ☐

Câu 3: Xin quý Thầy/Cô cho biết Nội dung giảng dạy TDDT ngoại khóa hiện nay có đảm bảo và phù hợp với sự phát triển lực của học viên của Trường không?

Hoàn toàn đảm bảo và phù hợp ☐

Đảm bảo và phù hợp ☐

Bình thường ☐

Không phù hợp ☐

Hoàn toàn không đảm bảo và phù hợp ☐

Ý kiến khác:

Câu 4: Theo quý Thầy/Cô nên sử dụng môn TDTT ngoại khóa nào phù hợp với điều kiện của nhà trường?

TT	Môn thể thao	Phù hợp	Không phù hợp
1	Bóng đá	☐	☐
2	Bóng chuyền	☐	☐
3	Cầu lông	☐	☐
4	Bơi lội	☐	☐
5	Taekwondo	☐	☐
6	Bóng rổ	☐	☐
7	Đá cầu	☐	☐
8	Quần vợt	☐	☐
9	Điền kinh	☐	☐
10	Các môn khác:		

Câu 5: Xin quý Thầy/Cô cho biết công tác hướng dẫn học viên tập luyện TDTT ngoại khóa của giảng viên GDTC như thế nào?

Thường xuyên ☐

Bình thường ☐

Chưa thường xuyên ☐

PHẦN 2: PHẦN BỔ SUNG

Trân trọng cảm ơn Quý Giảng viên, cán bộ quản lý!

Người phỏng vấn

Người được phỏng vấn

PHỤ LỤC 4

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CSND II CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA CS CƠ ĐỘNG, ĐẶC NHIỆM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN

Thực trạng hoạt động TDDT ngoại khóa

(Dành cho học viên)

Với mong muốn nghiên cứu cải thiện chất lượng hoạt động TDDT ngoại khóa cho học viên, chúng tôi tiến hành khảo sát đánh giá về công tác TDDT ngoại khóa của học viên trong nhà trường. Để có những thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu, Anh (Chị) vui lòng trả lời những thông tin theo mẫu dưới đây. Những thông tin thu được từ Anh (Chị) là những dữ liệu quan trọng góp phần cho thành công của nghiên cứu này!

PHẦN 1: NỘI DUNG PHỎNG VẤN

Câu 1: Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động TDDT ngoại khóa của bạn như thế nào? (Có thể chọn nhiều lựa chọn)

TT	Nội dung	Lựa chọn	
		Đúng	Không đúng
1	Thiếu thời gian tập luyện		
2	Thiếu sân bãi tập luyện		
3	Kinh phí tập luyện		
4	Dụng cụ tập luyện		
5	Thiếu người hướng dẫn tập luyện		
6	Thiếu quyết tâm tập luyện		
7	Thiếu kế hoạch tập luyện		
8	Các yếu tố khác:		

Câu 2: Các hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa mà bạn tham gia tập luyện. (Có thể chọn nhiều lựa chọn)

TT	Hình thức	Mức độ	Lựa chọn
1	TD buổi sáng	Thường xuyên	☐
		Thất thường	☐
		Không bao giờ	☐
2	TD giữa giờ	Thường xuyên	☐
		Thất thường	☐
		Không bao giờ	☐
3	Đội tuyển	Thường xuyên	☐
		Thất thường	☐
		Không bao giờ	☐
4	Nhóm, tổ	Thường xuyên	☐
		Thất thường	☐
		Không bao giờ	☐
5	Câu lạc bộ	Thường xuyên	☐
		Thất thường	☐
		Không bao giờ	☐
6	Tự tập	Thường xuyên	☐
		Thất thường	☐
		Không bao giờ	☐
7	Tổ chức tập luyện	Không có GV hướng dẫn	☐
		Có GV hướng dẫn	☐
		Kết hợp	☐

Câu 3: Tình hình tập luyện TDTT ngoại khóa của bạn ở Trường như thế nào? (Có thể chọn nhiều lựa chọn)

TT	Nội dung	Mức độ trả lời	Lựa chọn
1	Thời gian học văn hóa TB/ngày	4h	☐
		6h	☐
		8h	☐
		10h	☐
2	Chuyên cần tập luyện	Rất thường xuyên	☐
		Thường xuyên	☐
		Thỉnh thoảng	☐
		Không bao giờ	☐
3	Thời lượng tập luyện/ ngày	<60 phút	☐
		<90 phút	☐
		<120 phút	☐
		> 120 phút	☐
4	Số buổi tập/ tuần	1 buổi/tuần	☐
		2 buổi/tuần	☐
		3 buổi/tuần	☐
		>3 buổi/tuần	☐
5	Thời điểm tập luyện	Sáng	☐
		Chiều	☐
		Chiều tối	☐
6	Địa điểm tập luyện	Sân trường	☐
		Sân KTX	☐
		Các nơi khác	☐

Câu 4: Sự hứng thú tập luyện TDTT ngoại khóa như thế nào?

- Rất hứng thú ☐
- Hứng thú ☐
- Bình thường ☐
- Không hứng thú ☐
- Rất không hứng thú ☐

Câu 5: Bạn có nhu cầu tập luyện các môn TDTT ngoại khóa nào? (Có thể chọn nhiều môn)

Mã hóa	Môn thể thao	Mức đo	
		Có nhu cầu	Không có
1	Bóng đá	☐	☐
2	Bóng chuyền	☐	☐
3	Cầu lông	☐	☐
4	Bơi lội	☐	☐
5	Taekwondo	☐	☐
6	Bóng rổ	☐	☐
7	Đá cầu	☐	☐
8	Quần vợt	☐	☐
9	Điền kinh	☐	☐
10	Các môn thể thao khác:		

Câu 6: Bạn có hài lòng về chương trình TDTT ngoại khóa mà bạn đang hoặc đã học như thế nào?

- Rất hài lòng☐
- Hài lòng☐
- Bình thường☐
- Không hài lòng☐
- Rất không hài lòng☐

PHẦN 2: PHẦN BỔ SUNG

PHẦN 3: THÔNG TIN CÁ NHÂN

- 1. Họ và tên:.....
- 2. Chuyên ngành:.....

Tp.HCM, ngày tháng năm 20

Người phỏng vấn

Người được phỏng vấn

PHỤ LỤC 5

DÀN BÀI THẢO LUẬN NHÓM ĐÁNH GIÁ CÁC NHÂN TỐ

Xin chào Quý Anh/Chị!

Nhằm khảo sát đánh giá tính tích cực của học viên khi tham gia rèn luyện thân thể tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II. Tác giả đã tiến hành nghiên cứu này, rất mong Anh/Chị phối hợp trả lời một số thông tin. Các thông tin của Anh/Chị chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu học thuật và không dùng vào mục đích nào khác.

Xin Anh/Chị lưu ý rằng không có quan điểm nào là đúng hay sai, tất cả những gì Quý Anh/Chị cung cấp đều rất có ích cho việc nghiên cứu của chúng tôi.

3. Họ và tên:.....

4. Chuyên ngành:.....

5. Anh/chị đang là học viên năm:.....

4. Quý Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến của mình về các nhân tố chính đánh giá tính tích cực của học viên khi tham gia rèn luyện thân thể tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

(Xin vui lòng đánh dấu X vào mục “đồng ý” hoặc “không đồng ý”, hoặc có thể điền thêm các nhân tố khác trong cột “các nhân tố khác”)

STT	Nhân tố	Đồng ý	Không đồng ý	Các nhân tố khác
1	Biểu hiện xúc cảm			
2	Biểu hiện chú ý			
3	Biểu hiện nỗ lực ý chí			
4	Biểu hiện hành vi			
5	Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội			
6	Khả năng phục vụ			

Xin chân thành cảm ơn Quý Anh/Chị !

PHỤ LỤC 6

DÀN BÀI THẢO LUẬN NHÓM TÌM RA CÁC BIẾN QUAN SÁT

Xin chào Quý Anh/Chị!

Nhằm khảo sát đánh giá tính tích cực của học viên khi tham gia rèn luyện thân thể tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II. Tác giả đã tiến hành nghiên cứu này, rất mong Anh/Chị phối hợp trả lời một số thông tin. Các thông tin của Anh/Chị chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu học thuật và không dùng vào mục đích nào khác.

Xin Anh/Chị lưu ý rằng không có quan điểm nào là đúng hay sai, tất cả những gì Quý Anh/Chị cung cấp đều rất có ích cho việc nghiên cứu của chúng tôi.

- 1. Họ và tên:.....
- 2. Chuyên ngành:.....
- 3. Anh/chị đang là SV năm:.....

4. Quý Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến của mình về các biến quan sát đánh giá tính tích cực của học viên khi tham gia rèn luyện thân thể tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

(Xin vui lòng đánh dấu X vào mục “đồng ý” hoặc “không đồng ý”, hoặc có thể điền thêm các biến quan sát khác trong cột “ý kiến thêm”)

Các nhân tố	TT	Nội dung	Ý kiến đánh giá		
			Đồng ý	Không đồng ý	Giải thích ngắn gọn lý do “không đồng ý”
Biểu hiện xúc cảm	1	Tôi yêu thích việc tham gia rèn luyện thân thể			
	2	Việc tham gia rèn luyện thân thể là cần thiết			

	3	Bản thân tôi luôn nhận thấy vai trò tác dụng và ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thân thể			
	4	Tôi cảm thấy hứng thú khi tham gia rèn luyện thân thể			
	5	Tôi luôn ý thức tự tham gia rèn luyện thân thể			
	6	Phương pháp tổ chức rèn luyện thân thể của giảng viên là phù hợp, hấp dẫn			
	7	Nội dung tổ chức rèn luyện thân thể là phù hợp			
	8	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ để tổ chức rèn luyện thân thể đảm bảo, đầy đủ và phù hợp			
Biểu hiện chú ý	1	Tôi luôn tích cực, chú ý lắng nghe giảng viên hướng dẫn trong giờ rèn luyện thân thể.			
	2	Tôi luôn chú ý quan sát động tác thị phạm, hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và của các bạn thực hành trên lớp.			
	3	Tôi luôn hăng hái tham gia các hoạt động học tập rèn luyện thân thể (phát biểu ý kiến, ghi chép, tham gia trò chơi tập thể,...)			
	4	Tôi luôn tập trung khi tham gia rèn luyện thân thể.			
Biểu hiện nỗ lực ý chí	1	Tôi luôn cố gắng hoàn thành bài tập giảng viên giao ở trên lớp			
	2	Tôi luôn quyết tâm vượt qua các khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ được giao			
	3	Tôi luôn tự giác, chủ động rèn luyện thêm ngoài giờ			
Biểu hiện	1	Tôi tham gia đầy đủ các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường			

hành vi	2	Tôi luôn đến đúng giờ để tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường			
	3	Tôi thường sốt sắng, hào hứng khi được giao nhiệm vụ trong các giờ học GDTC chính khóa và các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường			
	4	Tôi thường trao đổi với giảng viên về các nội dung tập luyện mà tôi chưa hiểu rõ.			
	5	Tôi thường theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến các hoạt động rèn luyện thân thể.			
	6	Tôi thường xuyên tham gia các hoạt động TDTT ngoại khóa sau các giờ học GDTC chính khóa.			
Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội	1	Tôi luôn ghi nhớ và thực hiện lại tốt các động tác, bài tập vận động khi tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể			
	2	Tôi có thể vận dụng linh hoạt những kiến thức, kỹ năng vận động đã có vào các bài tập, nội dung học mới.			
	3	Tôi đã nâng cao các kỹ năng vận động cơ bản, kỹ năng thực hiện các động tác, bài tập khi tham gia rèn luyện thân thể			
Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của	1	Tôi sẽ tiếp tục tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường			
	2	Quyết định tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường là quyết định đúng đắn của tôi			
	3	Các hoạt động thể chất giúp tôi nâng cao tính tích cực khi học tập.			
	4	Tôi tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường			

học viên					
-------------	--	--	--	--	--

❖ Ý kiến đóng góp khác:.....
.....
.....
.....

Xin chân thành cảm ơn Quý Anh/Chị!

PHỤ LỤC 7

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CSND II CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA CS CƠ ĐỘNG, ĐẶC NHIỆM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU KHẢO SÁT

Xin chào Quý Thầy/Cô!

Nhằm khảo sát đánh giá thang đo đo lường tính tích cực của học viên khi tham gia rèn luyện thân thể. Tác giả đã tiến hành nghiên cứu này, rất mong Anh/ Chị phối hợp trả lời một số thông tin. Các thông tin của Anh/ Chị chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu học thuật và không dùng vào mục đích nào khác.

Rất mong Quý Thầy/Cô dành chút thời gian quý báu của mình để trả lời giúp chúng tôi một số câu hỏi dưới đây.

Các nhân tố	TT	Nội dung	Ý kiến đánh giá		Ghi chú
			Đồng ý	Hiệu chỉnh	
Biểu hiện xúc cảm	1	Tôi yêu thích việc tham gia rèn luyện thân thể			
	2	Việc tham gia rèn luyện thân thể là cần thiết			
	3	Bản thân tôi luôn nhận thấy vai trò tác dụng và ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thân thể			
	4	Tôi cảm thấy hứng thú khi tham gia rèn luyện thân thể			
	5	Tôi luôn ý thức tự tham gia rèn luyện thân thể			
	6	Phương pháp tổ chức rèn luyện thân thể của giảng viên là phù hợp, hấp dẫn			
	7	Nội dung tổ chức rèn luyện thân thể là phù hợp			

	8	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ để tổ chức rèn luyện thân thể đảm bảo, đầy đủ và phù hợp			
Biểu hiện chú ý	1	Tôi luôn tích cực, chú ý lắng nghe giảng viên hướng dẫn trong giờ rèn luyện thân thể.			
	2	Tôi luôn chú ý quan sát động tác thi phạm, hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và của các bạn thực hành trên lớp.			
	3	Tôi luôn hăng hái tham gia các hoạt động học tập rèn luyện thân thể (phát biểu ý kiến, ghi chép, tham gia trò chơi tập thể,...)			
	4	Tôi luôn tập trung khi tham gia rèn luyện thân thể.			
Biểu hiện nỗ lực ý chí	1	Tôi luôn cố gắng hoàn thành bài tập giảng viên giao ở trên lớp			
	2	Tôi luôn quyết tâm vượt qua các khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ được giao			
	3	Tôi luôn tự giác, chủ động rèn luyện thêm ngoài giờ			
Biểu hiện hành vi	1	Tôi tham gia đầy đủ các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường			
	2	Tôi luôn đến đúng giờ để tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường			
	3	Tôi thường sốt sắng, hào hứng khi được giao nhiệm vụ trong các giờ học GDTC chính khóa và các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường			
	4	Tôi thường trao đổi với giảng viên về các nội dung tập luyện mà tôi			

		chưa hiểu rõ.			
	5	Tôi thường theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến các hoạt động rèn luyện thân thể.			
	6	Tôi thường xuyên tham gia các hoạt động TDTT ngoại khóa sau các giờ học GDTC chính khóa.			
Biểu hiện ở kết quả lĩnh hội	1	Tôi luôn ghi nhớ và thực hiện lại tốt các động tác, bài tập vận động khi tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể			
	2	Tôi có thể vận dụng linh hoạt những kiến thức, kỹ năng vận động đã có vào các bài tập, nội dung học mới.			
	3	Tôi đã nâng cao các kỹ năng vận động cơ bản, kỹ năng thực hiện các động tác, bài tập khi tham gia rèn luyện thân thể			
Tính tích cực tham gia rèn luyện thân thể của học viên	1	Tôi sẽ tiếp tục tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường			
	2	Quyết định tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường là quyết định đúng đắn của tôi			
	3	Các hoạt động thể chất giúp tôi nâng cao tính tích cực khi học tập.			
	4	Tôi tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường			

❖ Ý kiến đóng góp khác:.....

.....

.....

.....

❖ Thông tin cá nhân

- Họ và tên:.....
- Đơn vị công tác:.....
- Thâm niên giảng dạy:.....
- Học hàm, học vị:.....

Xin chân thành cảm ơn Quý Thầy/Cô!

PHỤ LỤC 8

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CSND II CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA CS CƠ ĐỘNG, ĐẶC NHIỆM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho học viên)

Nhằm đánh giá tính tích cực của học viên khi tham gia rèn luyện thân thể tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II. Tác giả đã tiến hành nghiên cứu này, rất mong Anh/ Chị phối hợp trả lời một số thông tin. Các thông tin của Anh/ Chị chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu học thuật và không dùng vào mục đích nào khác.

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Giới tính:

☐ Nam

☐ Nữ

2. Anh/Chị là học viên năm mấy?

☐ Năm 1

☐ Năm 2

☐ Năm 3

☐ Năm 4

3. Anh/chị đang học lớp:.....

4. Kết quả học tập của Anh/chị trong thời gian học tập?

☐ Xuất sắc

☐ Giỏi

☐ Khá

☐ Trung bình khá

☐ Trung bình

☐ Yếu, kém

II. ĐÁNH GIÁ TÍNH TÍCH CỰC KHI THAM GIA RÈN LUYỆN THÂN THỂ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN II

Anh/ Chị vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu vào các mức độ tương ứng với sự lựa chọn của Anh/Chị. Chúng tôi cam kết các ý kiến của các Bạn chỉ công bố trong kết quả tổng hợp, tuyệt đối không công bố danh tính cá nhân. Các mức độ trả lời câu hỏi

1. Hoàn toàn không đồng ý
2. Không đồng ý
3. Bình thường
4. Đồng ý
5. Hoàn toàn đồng ý

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		5	4	3	2	1
1	Tôi yêu thích việc tham gia rèn luyện thân thể					
2	Việc tham gia rèn luyện thân thể là cần thiết					
3	Tôi nhận thấy vai trò ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thân thể					
4	Tôi cảm thấy hứng thú khi tham gia rèn luyện thân thể					
5	Tôi luôn ý thức tự tham gia rèn luyện thân thể					
6	Phương pháp tổ chức rèn luyện thân thể của giảng viên là phù hợp, hấp dẫn					
7	Nội dung tổ chức rèn luyện thân thể là phù hợp					
8	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ để tổ chức rèn luyện thân thể đảm bảo, đầy đủ và phù hợp					
9	Tôi luôn tích cực, chú ý lắng nghe giảng viên hướng dẫn trong giờ rèn luyện thân thể.					
10	Tôi luôn chú ý quan sát động tác thị phạm, hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và của các bạn khi tham gia rèn luyện thân thể					

11	Tôi luôn hăng hái tham gia các hoạt động học tập rèn luyện thân thể (phát biểu ý kiến, ghi chép, tham gia trò chơi tập thể,...)					
12	Tôi luôn tập trung khi tham gia rèn luyện thân thể.					
13	Tôi luôn cố gắng hoàn thành bài tập giảng viên giao ở trên lớp					
14	Tôi luôn quyết tâm vượt qua các khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ được giao					
15	Tôi luôn tự giác, chủ động rèn luyện thêm ngoài giờ					
16	Tôi tham gia đầy đủ các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường					
17	Tôi luôn đến đúng giờ để tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường					
18	Tôi thường hào hứng khi được giao nhiệm vụ trong các giờ học GDTC chính khóa và các hoạt động rèn luyện thân thể được tổ chức tại Trường					
19	Tôi thường trao đổi với giảng viên về các nội dung tập luyện mà tôi chưa hiểu rõ.					
20	Tôi thường theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến các hoạt động rèn luyện thân thể.					
21	Tôi thường xuyên tham gia các hoạt động TDTT ngoại khóa sau các giờ học GDTC chính khóa.					
22	Tôi luôn ghi nhớ và thực hiện lại tốt các động tác, bài tập vận động khi tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể					
23	Tôi có thể vận dụng linh hoạt những kiến thức, kỹ năng vận động đã có vào các bài tập, nội dung học mới.					
24	Tôi đã nâng cao các kỹ năng vận động cơ bản, kỹ năng thực hiện các động tác, bài tập khi tham gia rèn luyện thân thể					
25	Tôi sẽ tiếp tục tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường					

26	Quyết định tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường là quyết định đúng đắn của tôi					
27	Các hoạt động thể chất giúp tôi nâng cao tính tích cực khi học tập.					
28	Tôi tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất tại trường					

Trân trọng cảm ơn các Anh/ Chị!

PHỤ LỤC 9

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CSND II CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA CS CƠ ĐỘNG, ĐẶC NHIỆM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

Các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên

Với mong muốn nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II tốt hơn trong tương lai, nghiên cứu này được thực hiện. Để có những thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu, Ông (Bà) vui lòng trả lời những thông tin theo mẫu dưới đây. Những thông tin thu được từ Ông (Bà) là những dữ liệu quan trọng góp phần cho thành công của nghiên cứu này.

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- 1. Họ và tên:.....
- 2. Đơn vị công tác:.....
- 3. Chức vụ hiện tại:.....
- 4. Thâm niên công tác:.....
- 5. Trình độ chuyên môn:.....

PHẦN 2: NỘI DUNG CUNG CẤP THÔNG TIN

Ông (Bà) hãy liệt kê các giải pháp được sử dụng để nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên bằng cách điền vào chỗ trống theo mẫu dưới đây.

Giải pháp 1:

.....

.....

Giải pháp 2:

.....

.....

Giải pháp 3:

.....

.....

Giải pháp 4:

.....

.....

Tiêu chí 5:

.....

.....

Giải pháp 6:

.....

.....

Giải pháp 7:

Giải pháp 8:

Giải pháp 9:

Giải pháp 10:

PHẦN 3: KIẾN NGHỊ KHÁC

Người phỏng vấn

Người được phỏng vấn

PHỤ LỤC 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CSND II CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA CS CƠ ĐỘNG, ĐẶC NHIỆM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU KHẢO SÁT

KIỂM NGHIỆM ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC GIẢI PHÁP

Với mong muốn nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II tốt hơn trong tương lai, nghiên cứu này được thực hiện. Để có những thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu, Ông (Bà) vui lòng trả lời những thông tin theo mẫu dưới đây. Những thông tin thu được từ Ông (Bà) là những dữ liệu quan trọng góp phần cho thành công của nghiên cứu này.

Xin chân thành cảm ơn!

I. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC THAM GIA RÈN LUYỆN THỂ CHẤT CHO HỌC VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN II

Ông (Bà) vui lòng đánh dấu (X) vào sự lựa chọn của mình theo mức độ cần thiết của các giải pháp được trình bày trong bảng sau:

[1]: Rất không cần thiết

[2]: Không cần thiết

[3]: Bình thường

[4]: Cần thiết

[5]: Rất cần thiết

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	LỰA CHỌN				
		1	2	3	4	5
1	Thường xuyên tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và lợi ích của việc tham gia rèn luyện thể chất cho học viên	☐	☐	☐	☐	☐
2	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện	☐	☐	☐	☐	☐

	đáp ứng nhu cầu tham gia rèn luyện chất của học viên					
3	Phát triển đội ngũ cộng tác viên, hướng dẫn viên phục vụ cho công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường	O	O	O	O	O
4	Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất phù hợp với nhu cầu của học viên và các điều kiện thực tế trong nhà trường	O	O	O	O	O
5	Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên tham gia công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường.	O	O	O	O	O
6	Tăng cường, thu hút sự quan tâm của nhà trường, khoa, các phòng ban chức năng khác cho công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường..	O	O	O	O	O
7	Huy động, kêu gọi sự ủng hộ, đóng góp kinh phí từ phụ huynh và các tổ chức xã hội cho công tác rèn luyện thể chất trong nhà trường	O	O	O	O	O
8	Tăng cường công tác kiểm tra và đánh giá các hoạt động rèn luyện thể chất trong Nhà trường	O	O	O	O	O
9	Thường xuyên tạo điều kiện tham gia, có chế độ ưu tiên, khen thưởng xứng đáng cho học viên tích cực tham gia rèn luyện thể chất trong nhà trường	O	O	O	O	O

❖ **Những ý kiến đóng góp, bổ sung:**

Nhận xét về các giải pháp được khảo sát:.....

.....

.....

Các giải pháp cần bổ sung:.....

.....

.....

.....

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- 1. Họ và tên:.....
- 2. Đơn vị công tác:.....
- 3. Chức vụ hiện tại:.....
- 4. Thâm niên công tác:.....
- 5. Trình độ chuyên môn:.....

Người phỏng vấn

Người được phỏng vấn

PHỤ LỤC 11

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CSND II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA CS CƠ ĐỘNG, ĐẶC NHIỆM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU KHẢO SÁT KIỂM NGHIỆM

MỨC ĐỘ CẦN THIẾT, MỨC ĐỘ KHẢ THI CỦA CÁC GIẢI PHÁP

Với mong muốn nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II tốt hơn trong tương lai, nghiên cứu này được thực hiện. Để có những thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu, Ông (Bà) vui lòng trả lời những thông tin theo mẫu dưới đây. Những thông tin thu được từ Ông (Bà) là những dữ liệu quan trọng góp phần cho thành công của nghiên cứu này.

Xin chân thành cảm ơn!

I. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC THAM GIA RÈN LUYỆN THỂ CHẤT CHO HỌC VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN II

Ông (Bà) vui lòng đánh dấu (X) vào sự lựa chọn của mình theo mức độ cần thiết, khả thi của các giải pháp được trình bày trong bảng sau:

[1]: Rất không cần thiết

[1]: Rất không khả thi

[2]: Không cần thiết

[2]: Không khả thi

[3]: Bình thường

[3]: Bình thường

[4]: Khá cần thiết

[4]: Khả thi

[5]: Rất cần thiết

[5]:Rất khả thi

TT	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ					NỘI DUNG	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
	Rất Cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Không cần thiết	Rất không cần thiết		Rất khả thi	Khả thi	Bình thường	Không khả thi	Rất không khả thi
1						Thường xuyên tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và lợi ích của việc tham gia rèn luyện thể chất cho học viên					
2						Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện đáp ứng nhu cầu tham gia rèn luyện chất của học viên					
3						Phát triển đội ngũ cộng tác viên, hướng dẫn viên phục vụ cho công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường					
4						Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất phù hợp với nhu cầu của học viên và các điều kiện thực tế trong nhà trường					
5						Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên tham gia công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường.					

❖ **Những ý kiến đóng góp, bổ sung:**

Nhận xét về các giải pháp được khảo sát:.....

.....
.....

Các giải pháp cần bổ sung:.....

.....
.....
.....

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên:.....

2. Đơn vị công tác:.....

3. Chức vụ hiện tại:.....

4. Thâm niên công tác:.....

5. Trình độ chuyên môn:.....

Người phỏng vấn

Người được phỏng vấn

PHỤ LỤC 12

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CSND II CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA CS CƠ ĐỘNG, ĐẶC NHIỆM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU KHẢO SÁT

XÁC ĐỊNH NỘI DUNG CỦA CÁC GIẢI PHÁP

Nhằm xác định từng nội dung của các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên, nghiên cứu này được thực hiện. Để có những thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu, Ông (Bà) vui lòng trả lời những thông tin theo mẫu dưới đây. Những thông tin thu được từ Ông (Bà) là những dữ liệu quan trọng góp phần cho thành công của nghiên cứu này.

Xin chân thành cảm ơn!

I. NỘI DUNG PHỎNG VẤN

Ông (Bà) vui lòng đánh dấu (X) vào sự lựa chọn của mình theo mức độ cần thiết của các giải pháp được trình bày trong bảng sau:

[1]: Rất không cần thiết

[2]: Không cần thiết

[3]: Bình thường

[4]: Cần thiết

[5]: Rất cần thiết

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	LỰA CHỌN				
		1	2	3	4	5
1	Giải pháp 1: Thường xuyên tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và lợi ích của việc tham gia rèn luyện thể chất cho học viên.					
1.1	Tô chức tuyên truyền, giáo dục thường xuyên cho học viên về vai trò, ý nghĩa của việc tham gia rèn luyện thể chất đối với vấn đề giữ gìn và nâng cao sức khỏe, thể chất cho bản thân	O	O	O	O	O
1.2	Hướng dẫn cho học viên các kiến thức cơ bản liên quan đến việc rèn luyện thể chất: tác dụng của các hoạt động	O	O	O	O	O

	rèn luyện thể chất, nguyên tắc và phương pháp tập luyện, công tác vệ sinh trong tập luyện,...					
2	Giải pháp 2: Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi tập luyện đáp ứng nhu cầu tham gia rèn luyện chất của học viên.					
2.1	Tận dụng tối đa trong điều kiện cho phép cho học viên mượn sân bãi, dụng cụ để tập luyện vào thời gian thư rỗi.	O	O	O	O	O
2.2	Thường xuyên kiểm kê, rà soát định kỳ bộ cơ sở vật chất hiện có, trên cơ sở đó, đề xuất cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất: sân bãi, nhà tập, dụng cụ tập luyện...	O	O	O	O	O
2.3	Đề xuất biện pháp khai thác tối đa điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ công tác giảng dạy, rèn luyện thể chất của học viên trong giờ chính khóa và ngoại khóa.	O	O	O	O	O
3	Giải pháp 3: Phát triển đội ngũ công tác viên, hướng dẫn viên phục vụ cho công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường					
3.1	Đảm bảo về số lượng công tác viên, hướng dẫn viên hỗ trợ cho hoạt động rèn luyện thể chất tại các CLB cũng như các môn TDTT đang được học viên tập luyện.	O	O	O	O	O
3.2	Vận động cán bộ, GV và một số đồng nghiệp chuyên ngành TDTT cùng tham gia tổ chức. Ngoài ra có những hình thức bồi dưỡng, tuyên truyền về vai trò, nội dung các kỹ năng nhằm nâng cao nhận thức, phẩm chất đạo đức và tác phong cho công tác viên, hướng dẫn viên.					
4	Giải pháp 4: Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất phù hợp với nhu cầu của học viên và các điều kiện thực tế trong nhà trường					
4.1	Xây dựng kế hoạch thành lập và cách thức hoạt động của các câu lạc bộ TDTT ngoại khóa trong nhà trường trình Ban giám hiệu phê duyệt.					
4.2	Thường xuyên tổ chức các giải đấu trong các khoa, giữa các khoa trong trường, thi đấu giao lưu chào mừng các ngày lễ lớn trong năm như 26/3, 27/3, 19/8, 20/7, 20/11, 19/1,...					
4.3	Xây dựng kế hoạch tập luyện các môn thể thao, thống nhất việc thực hiện kế hoạch ngoại khóa trong đội ngũ					

	cộng tác viên tham gia tổ chức, hướng dẫn học viên tập luyện các môn thể thao theo nhu cầu của học viên và điều kiện thực tế của nhà trường.					
4.4	Hình thức tổ chức tập luyện theo hình thức CLB, nhóm, lớp, đội tuyển trường,...					
4.5	Xây dựng kế hoạch và lịch tập các môn TDTT ngoại khóa định kỳ trong từng học kỳ của năm học. Thống nhất việc thực hiện kế hoạch ngoại khóa trong đội ngũ cộng tác viên tham gia tổ chức, hướng dẫn học viên tập luyện.					
4.6	Địa điểm tổ chức tập luyện các môn TDTT ngoại khóa cho học viên: Tùy vào điều kiện và đặc thù của từng môn TDTT ngoại khóa có thể kết hợp linh hoạt giữa điều kiện sân bãi hiện có trong trường (sân trường, KTX) và các cơ sở liên kết ngoài trường (các cơ sở thuê, Trung tâm TDTT, CLB TDTT...)					
4.7	Nguồn kinh phí hoạt động từ vốn đầu tư hàng năm của nhà trường. Bên cạnh đó có thể huy động thêm từ các nhà tài trợ qua các hoạt động thi đấu giải.					
4.8	Thời gian tổ chức: Số buổi tập luyện: từ 2 - 3 buổi/tuần. Thời điểm tập luyện: Bất kể thời gian nào trong ngày tùy theo điều kiện của học viên (cả ngày sáng, chiều và tối) nhưng chủ yếu là buổi chiều và buổi tối. Thời lượng mỗi buổi tập: 60 - 90 phút.					
5	Giải pháp 5: Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên tham gia công tác rèn luyện thể chất cho học viên trong nhà trường					
5.1	Bồi dưỡng kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật thi đấu, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài một số môn TDTT cho GV; cử CB, GV tham gia các đợt tập huấn chuyên môn của ngành trên phạm vi toàn quốc; động viên CB, GV đi học tập nâng cao trình độ.					

❖ **Những ý kiến đóng góp, bổ sung:**

Nhận xét về các nội dung được khảo sát:.....

.....
.....
..

Các nội dung cần bổ sung:.....

.....
.....
.....
.....

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên:.....

2. Đơn vị công tác:.....

3. Chức vụ hiện tại:.....

4. Thâm niên công tác:.....

5. Trình độ chuyên môn:.....

Người phỏng vấn

Người được phỏng vấn

BỘ CÔNG AN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN II Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Kính gửi: Trường Đại học Thể dục Thể Thao Thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình nghiên cứu và thu thập dữ liệu về thể lực và các tiêu chí đo lường khác tại Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II đã hoàn thành. Ban Giám hiệu Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II xác nhận các kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh là đúng sự thật.

Đề nghị Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh tạo điều kiện và giúp đỡ cho nghiên cứu sinh Nguyễn Thanh Dũng hoàn thành nhiệm vụ học tập và nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn!

TP.HCM, ngày tháng năm 2024

PHỤ LỤC 14**DANH SÁCH THAM GIA KHẢO SÁT****1. Danh sách tham gia khảo sát xác định tiêu chí đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất**

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Hoàng Thanh Nam	K14	
2	Bùi Lưu Hoàng	K14	
3	Lê Văn An	K14	
4	Vũ Hoa Đoàn	K14	
5	Nguyễn Đức Lĩnh	K14	
6	Đặng Gia Đàm	K14	
7	Hoàng Thị Loan	P3	
8	Nguyễn thị Lan Hương	P3	
9	Tạ Văn Tùng	P3	
10	Lê Văn Cả	P1	

2. Danh sách tham gia khảo sát kiểm nghiệm độ tin cậy tiêu chí đánh giá công tác GDTC

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Dân	K14	
2	Nguyễn Hồng Diệp	K14	
3	Trần Huỳnh Anh Thư	K14	
4	Hoàng Văn Tùng	K14	
5	Hoàng Văn Oánh	K14	
6	Nguyễn T. Huyền Trang	K14	
7	Đoàn Thị Hiền	K14	
8	Lê Rích Tô	K14	
9	Phạm Như Cương	K14	
10	Trần Công Toàn	K14	
11	Trần Xuân Nhuận	K10	
12	Trần Xuân Nghĩa	K10	
13	Đỗ Tiến Dũng	K10	
14	Nguyễn Trung Phong	K10	

15	Mạnh Kỳ Thắm	K10	
16	Nguyễn Thị Xuân Hương	K10	
17	Nguyễn Văn Thịnh	K10	
18	Nguyễn cảnh Dương	P2	
19	Trần Thị Giang Bình	P2	
20	Trương Việt Hoàng	K14	

3. Danh sách tham gia khảo sát đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Hoàn	K14	
2	Lưu Văn Phú	K14	
3	Trần Đình Hùng	K14	
4	Đặng Gia Đàm	K14	
5	Trương Xuân Thông	K14	
6	Hồ Ngọc Anh	K14	
7	Lê Anh Tám	K14	
8	Nguyễn Đức Hạnh	K14	
9	Nguyễn Thanh Phương	K14	
10	Hoàng Thanh Nam	K14	
11	Bùi Lưu Hoàng	K14	
12	Trần Văn An	K14	
13	Nguyễn Mạnh Hải	K14	
14	Lê Văn An	K14	
15	Lê Hải Âu	K14	
16	Lê Đức Thành	K14	
17	Vũ Hoa Đoàn	K14	
18	Nguyễn Đức Lĩnh	K14	
19	Đặng Ích Thìn	K14	
20	Huỳnh Ngọc Tấn	K14	
21	Nguyễn Minh Hiếu	K14	
22	Nguyễn Văn Nghĩa	K14	
23	Nguyễn Hồng Điệp	K14	

24	Trần Huỳnh Anh Thư	K14	
25	Hoàng Văn Tùng	K14	
26	Hoàng Văn Oánh	K14	
27	Lê Rích Tô	K14	
28	Nguyễn T. Huyền Trang	K14	
29	Đoàn Thị Hiền	K14	
30	Phạm Như Cương	K14	
31	Trần Công Toàn	K14	
32	Đỗ Tiến Dũng	K10	
33	Mạnh Kỳ Thắm	K10	
34	Nguyễn Thị Xuân Hương	K10	
35	Nguyễn Văn Thịnh	K10	
36	Nguyễn cảnh Dương	P1	
37	Trần Thị Giang Bình	P1	
38	Trương Việt Hoàng	K14	
39	Trần Xuân Nhuận	K10	
40	Trần Xuân Nghĩa	K10	

4. Danh sách học viên tham gia khảo sát xác định tiêu chí định tính đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh Cường	K03S	
2	Lê Thành Đạt	K03S	
3	Nguyễn Văn Hải	K03S	
4	Lê Phát Huy	K03S	
5	Nguyễn Quốc Huy	K03S	
6	Trịnh Quốc Huy	K03S	
7	Lê Hoàn Hữu	K03S	
8	Nguyễn Hoàng Khải	K03S	
9	Bùi Duy Khánh	K03S	
10	Trần Văn Khoa	K03S	

5. Danh sách cán bộ quản lý, GV đánh giá các nội dung thang đo đánh giá tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Lê Rích Tô	K14	
2	Nguyễn T. Huyền Trang	K14	
3	Đoàn Thị Hiền	K14	
4	Phạm Như Cương	K14	
5	Trần Công Toàn	K14	
6	Đỗ Tiến Dũng	K10	
7	Mạnh Kỳ Thắm	K10	
8	Nguyễn Thị Xuân Hương	K10	
9	Nguyễn Văn Thịnh	K10	
10	Nguyễn Cảnh Dương	P1	

6. Danh sách cán bộ quản lý, GV tham gia khảo sát thu thập thông tin xác định các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Hoàn	K14	
2	Lưu Văn Phú	K14	
3	Trương Xuân Thông	K14	
4	Hồ Ngọc Anh	K14	
5	Nguyễn Thanh Phương	K14	
6	Nguyễn Đức Hạnh	K14	
7	Lê Anh Tám	K14	
8	Lê Văn An	K14	
9	Đặng Ích Thìn	K14	
10	Lê Đức Thành	K14	

7. Danh sách tham gia khảo sát kiểm nghiệm độ tin cậy, xác định các nội dung của các giải pháp nâng cao tính tích cực tham gia rèn luyện thể chất của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh Hải	K03S	
2	Lê Thành Tuấn	K03S	
3	Đoàn Tùng Lâm	K03S	
4	Trần Xuân Lâm	K03S	
5	Lê Nhựt Linh	K03S	
6	Nguyễn Khánh Linh	K03S	
7	Trần Hoài Linh	K03S	
8	Phan Hoàng Long	K03S	
9	Phùng Nguyên Mạnh	K03S	
10	Trần Đức Mạnh	K03S	
11	Nguyễn Thanh Năm	K03S	
12	Nguyễn Thành Ninh	K03S	
13	Lê Công An Nguyên	K03S	
14	Hoàng Trần Trọng Nhân	K03S	
15	Nay Phai	K03S	
16	Danh Si Phay	K03S	
17	Ngô Minh Phương	K03S	
18	Nguyễn Văn Phương	K03S	
19	Nguyễn Văn Quyền	K03S	
20	Phan Văn Sơn	K30S	
21	Hồ Quang Tâm	K30S	
22	Huỳnh Văn Tú	K30S	
23	Lê Tuấn Thanh	K30S	
24	Nguyễn Văn Thảo	K30S	
25	Nguyễn Tất Thắng	K30S	
26	Lê Phát Hải	K30S	
27	Nguyễn Văn Hải	K30S	
28	Trịnh Quốc Huy	K30S	

29	Lê Hoàn Hữu	K30S	
30	Nguyễn Hoàng Khải	K30S	
31	Bùi Duy Khánh	K30S	
32	Trần Văn Khoa	K30S	
33	Huỳnh Văn Tú	K03S	
34	Lê Tuấn Thanh	K03S	
35	Trần Châu Thảo	K03S	
36	Nguyễn Đình Thắng	K03S	
37	Ngô Bảo Thi	K03S	
38	Trần Đình Thiện	K03S	
39	Bùi Đoàn Thái Thịnh	K03S	
40	Lê Thế Trung	K03S	

**CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO CẤP KHOA
GIẢI PHÁP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN VÀ KỸ NĂNG GIẢNG
DẠY CHO GIÁNG VIÊN GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

1. Mục tiêu

Hội thảo nhằm đánh giá thực trạng công tác giảng dạy giáo dục thể chất tại trường, xác định những mặt tích cực và hạn chế trong chương trình đào tạo hiện tại. Đồng thời, hội thảo tạo diễn đàn trao đổi kinh nghiệm giữa giảng viên và chuyên gia nhằm tìm ra các giải pháp tối ưu nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp huấn luyện và cải thiện điều kiện học tập của học viên. Hội thảo cũng góp phần xây dựng kế hoạch đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho giảng viên nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo trong bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung

Hội thảo tập trung vào việc đánh giá thực trạng công tác giảng dạy Giáo dục thể chất tại trường, nhằm xác định những khó khăn, hạn chế còn tồn tại trong chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, hội thảo cũng hướng đến việc đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy, đổi mới phương pháp tiếp cận giúp nâng cao chất lượng đào tạo GDTC. Ngoài ra, các giảng viên và chuyên gia sẽ có cơ hội trao đổi kinh nghiệm thực tế về những phương pháp giảng dạy hiện đại, đồng thời kiến nghị các biện pháp phát triển cơ sở vật chất nhằm hỗ trợ tối ưu cho công tác giảng dạy GDTC tại trường.

3. Thời gian, địa điểm

- 3.1. Thời gian: Ngày 10 tháng 10 năm 2023
- 3.2. Địa điểm: Phòng giao ban T10
- 3.3. Đơn vị tổ chức: Khoa CS cơ động, đặc nhiệm

4. Đối tượng tham dự

- Giảng viên Khoa, các chuyên gia về giáo dục thể chất, đại diện Ban giám hiệu, Phòng Đào tạo, Phòng Chính trị cùng các cán bộ phụ trách công tác rèn luyện thể chất tại các đơn vị đào tạo, các học viên quan tâm đến công tác giảng dạy và huấn luyện thể chất tại Trường.

5. Chương trình chi tiết

13:00 – 13:15 | Đón tiếp giảng viên & Khai mạc

- Ổn định tổ chức, giới thiệu nội dung hội thảo.
- Phát biểu khai mạc của **Trưởng Khoa CS cơ động**, đặc nhiệm

13:15 – 13:45 | Báo cáo chuyên đề

- **Chuyên đề 1:** *Thực trạng công tác giảng dạy GDTC và những vấn đề đặt ra.*
- **Chuyên đề 2:** *Những giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy GDTC trong giai đoạn hiện nay.*

13:45 – 14:30 | Thảo luận & Trao đổi kinh nghiệm

- Đánh giá những thách thức trong giảng dạy GDTC tại trường.
- Thảo luận về những đổi mới trong phương pháp giảng dạy.
- Đề xuất kế hoạch nâng cao chất lượng giảng dạy GDTC.

14:30 – 14:45 | Tổng kết & Bế mạc hội thảo

- Tổng hợp các ý kiến đóng góp của giảng viên.
- Đề xuất kế hoạch triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC.
- Phát biểu bế mạc hội thảo.

TP.HCM, Ngày 10 tháng 10 năm 2023
TM. BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

Trung tá Trần Xuân Nghĩa

CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO

GIẢI PHÁP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN VÀ KỸ NĂNG GIẢNG DẠY CHO GIÁNG VIÊN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1. Mục tiêu

Hội thảo nhằm tạo cơ hội để giảng viên trao đổi kinh nghiệm thực tế trong công tác giảng dạy GDTC, qua đó nhận diện những khó khăn, thách thức và đề xuất các giải pháp hiệu quả. Đồng thời, hội thảo hướng đến việc cập nhật các phương pháp giảng dạy hiện đại, giúp giảng viên áp dụng linh hoạt và phù hợp với đặc thù đào tạo của nhà trường. Bên cạnh đó, hội thảo cũng là dịp để tăng cường sự phối hợp, hợp tác giữa các giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo thể chất và tạo nền tảng vững chắc cho việc phát triển chương trình giảng dạy. Một mục tiêu quan trọng khác là xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn bài bản, đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực giảng dạy và phù hợp với điều kiện thực tế tại nhà trường.

2. Nội dung

- Đánh giá thực trạng công tác giảng dạy GDTC tại nhà trường.
- Giải pháp nâng cao trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy.
- Chia sẻ kinh nghiệm từ giảng viên có chuyên môn cao.
- Đề xuất kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho giảng viên GDTC.

3. Thời gian, địa điểm

3.1. Thời gian: Ngày 12 tháng 11 năm 2023

3.2. Địa điểm: Phòng giao ban T10

3.3. Đơn vị tổ chức: Khoa CS cơ động, đặc nhiệm

4. Đối tượng tham dự

- Giảng viên Khoa, các chuyên gia về giáo dục thể chất, đại diện Ban giám hiệu, Phòng Đào tạo, Phòng Chính trị cùng các cán bộ phụ trách công tác rèn luyện

thể chất tại các đơn vị đào tạo, các học viên quan tâm đến công tác giảng dạy và huấn luyện thể chất tại Trường.

5. Chương trình chi tiết

08:00 – 08:15 | Đón tiếp giảng viên & Khai mạc

- Ổn định tổ chức, giới thiệu nội dung hội thảo.
Phát biểu khai mạc của lãnh đạo Khoa CS cơ động, đặc nhiệm

08:15 – 08:45 | Báo cáo chuyên đề

- **Chuyên đề 1:** *Thực trạng và khó khăn trong giảng dạy GDTC tại nhà trường.*
- **Chuyên đề 2:** *Giải pháp nâng cao kỹ năng giảng dạy và huấn luyện GDTC.*

08:45 – 09:30 | Thảo luận & Trao đổi kinh nghiệm

- Chia sẻ về **các phương pháp giảng dạy mới** phù hợp với đặc thù học viên.
- Thảo luận về **khó khăn thực tế và giải pháp khắc phục.**
- Đề xuất **các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao chuyên môn.**

09:30 – 09:45 | Tổng kết & Bế mạc hội thảo

- Ghi nhận ý kiến đóng góp từ giảng viên.
- Đề xuất kế hoạch triển khai các giải pháp nâng cao chuyên môn.
- Phát biểu bế mạc hội thảo.

TP.HCM, Ngày 12 tháng 11 năm 2023
TM. BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

Trung tá Trần Xuân Nghĩa

CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO CẤP KHOA
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRONG
ĐÀO TẠO HỌC VIÊN CAND

1. Mục tiêu

Hội thảo nhằm đánh giá toàn diện thực trạng công tác giảng dạy giáo dục thể chất (GDTC) trong nhà trường, đồng thời nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu rèn luyện thể lực của học viên trong môi trường công an nhân dân. Hội thảo cũng là diễn đàn trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, phương pháp huấn luyện, từ đó đề xuất các cải tiến về chương trình đào tạo, cơ sở vật chất và phát triển chuyên môn giảng viên nhằm tối ưu hóa công tác GDTC trong hệ thống giáo dục đào tạo CAND.

2. Nội dung

Hội thảo tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá thực trạng công tác giảng dạy GDTC tại trường trong thời gian qua.
- Phân tích những thách thức, khó khăn trong việc giảng dạy GDTC, bao gồm cả điều kiện cơ sở vật chất, nội dung chương trình và động lực của học viên.
- Đề xuất các giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy GDTC, phù hợp với xu hướng giáo dục thể chất hiện đại.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ trong giảng dạy GDTC, cải tiến phương pháp đánh giá năng lực thể chất của học viên.
- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn và năng lực sư phạm cho giảng viên GDTC.

3. Thời gian, địa điểm

3.1. Thời gian: Ngày 01 tháng 12 năm 2023

3.2. Địa điểm: Phòng giao ban T10

3.3. Đơn vị tổ chức: Khoa CS cơ động, đặc nhiệm

4. Đối tượng tham dự

Hội thảo có sự tham gia của lãnh đạo Khoa CS cơ động, đặc nhiệm; giảng viên bộ môn GDTC; các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục thể chất; đại diện Ban giám hiệu, Phòng Đào tạo, Phòng Chính trị, cùng cán bộ phụ trách công tác huấn luyện thể chất. Hội thảo cũng mở rộng cho các học viên quan tâm đến công tác giảng dạy và phát triển thể chất trong môi trường đào tạo CAND.

5. Chương trình chi tiết

Buổi sáng:

08:00 – 08:15 | Đón tiếp đại biểu & Khai mạc

- Ổn định tổ chức, giới thiệu nội dung hội thảo.
- Phát biểu khai mạc của **Lãnh đạo Khoa CS cơ động, đặc nhiệm**.

08:15 – 09:00 | Báo cáo chuyên đề 1

- **Chủ đề:** *Thực trạng công tác giảng dạy GDTC tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II – Những vấn đề đặt ra.*

09:00 – 09:45 | Báo cáo chuyên đề 2

- **Chủ đề:** *Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy GDTC – Xu hướng và triển vọng.*

09:45 – 10:00 | Giải lao

10:00 – 11:30 | Chuyên đề trọng tâm: Tính tích cực trong rèn luyện thể chất của học viên

- Phân tích thực trạng tính tích cực rèn luyện thể chất của học viên tại trường.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tích cực trong tập luyện thể chất.
- Giải pháp nâng cao động lực và duy trì thói quen rèn luyện của học viên.
- Trao đổi kinh nghiệm giữa giảng viên và chuyên gia.

11:30 – 13:30 | Nghỉ trưa

Buổi chiều:

13:30 – 14:15 | Thảo luận & Đề xuất giải pháp

- Đánh giá những thách thức trong giảng dạy GDTC tại trường.
- Trao đổi về đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ vào giảng dạy GDTC.
- Đề xuất kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo GDTC.

14:15 – 15:00 | Tổng kết – Bế mạc hội thảo

- Ghi nhận các ý kiến đóng góp từ đại biểu.
- Đề xuất kế hoạch triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC.

- Phát biểu bế mạc hội thảo.

TP.HCM, Ngày 01 tháng 12 năm 2023
TM. BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

Trung tá Trần Xuân Nghĩa